KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG PHÁP KINH

Bản cập nhật tháng 6/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

DẪN NHẬP

Khổng Tước Minh Vương tên Phạn là **Mahā-mayūra-vidya-rājñī** (Đại Khổng Tước Minh Phi) dịch âm là Ma Ha Ma Du Lợi Du La Diêm. Lại có tên gọi là **Kim Diệu Khổng Tước Minh Vương** (Suvarṇābhāsasya mayūra-vidya-rājñaḥ), **Khổng Tước Vương** (Mayūra-rāja), **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** (Buddha-māta-mahā-mayūra-vidya-rāja), **Phật Mẫu Đại Kim Diệu Khổng Tước Minh Vương** (Buddha-māta-mahā-suvarṇābhāsasya mayūra-vidya-rāja), **Khổng Tước Minh Vương Bồ Tát** (Mayūra-vidya-rāja-bodhisatva), **Phật Mẫu Đại Kim Cương Diệu Khổng Tước Minh Vương**…



Tại Ấn Độ, tín ngưỡng **Khổng Tước Minh Vương** được phát sinh từ truyện tích do Đức Phật kể lại tiền thân của mình từng là **con chim công lông màu vàng kim** (Suvarṇābhāsasya mayūra: Kim Diệu Khổng Tước), hàng ngày vào hai buổi sáng sớm và chiều tối, nhìn về phía mặt trời tụng bài Chú cầu xin được bảo hộ bình an, tránh được mọi cạm bẫy của thợ săn.

_ Hệ Phật Giáo Nam Truyền ghi nhận pháp tu của chim công qua bài **Hộ Chú Khổng Tước** nhằm giúp cho người tu hành tránh được những hiểm họa và cạm bẫy, còn nếu bị rơi vào cạm bẫy thì sẽ được an lành.

HỘ CHÚ KHỔNG TƯỚC

Bản tiếng Pali-Anh: Moraparitta, Paritta Chanting, Wat Bukit Perak.
Việt dịch: Tống Phước Khải

Udetayañcakkhumā ekarājā
Harissavaṇṇo paṭhavippabhāso
Taṃ taṃ namassāmi harissavaṇṇaṃ paṭhavippabhāsaṃ
Tayajja guttā viharemu divasaṃ
Ye Brāhmaṇā vedagu sabbadhamme
Te me namo te ca maṃ pālayantu
Namatthu Buddhānaṃ, nammtthu Bodhiyā
Namo Vimuttānaṃ namo Vimuttiyā.
Imaṃ so parittaṃ katvā moro carati esanā.
Apetayañcakkhumā ekarājā
Harissavaṇṇo paṭhavippabhāso
Taṃ taṃ namassāmi harissavaṇṇaṃ paṭhavippabhāsaṃ
Tayajja guttā viharemu divasaṃ
Ye Brāhmaṇā vedagu sabbadhamme
Te me namo te ca maṃ pālayantu
Namatthu Buddhānaṃ, nammtthu Bodhiyā
Namo Vimuttānaṃ namo Vimuttiyā.
Imaṃ so parittaṃ katvā moro vāsamakappayīti.

NGHĨA BÀI CHÚ

Kìa Ngài vừa mới mọc, vị vua mắt chói chang. Chiếu ánh sáng rực rỡ, trên toàn cõi thế gian. Xin Ngài hãy bảo hộ, trọn ngày luôn bình an. Nay tôi xin đảnh lễ, chư vị Bà La Môn, thành tựu sự Tự Tại, do liễu tri mọi Pháp, hãy bảo hộ cho tôi. Xin đảnh lễ Chư Phật, đảnh lễ hạnh Bồ Đề. Đảnh lễ bậc Giải Thoát, đảnh lễ sự Giải Thoát.

Sau khi thực hiện việc bảo hộ xong, chim công bay đi tìm mồi.

Kìa Ngài đang lặn xuống, vị vua mắt chói chang. Chiếu ánh sáng rực rỡ, trên toàn cõi thế gian. Xin Ngài hãy bảo hộ, trọn đêm luôn bình an. Nay tôi xin đảnh lễ, chư vị Bà La Môn, thành tựu sự Tự Tại, do liễu tri mọi Pháp, hãy bảo hộ cho tôi. Xin đảnh lễ Chư Phật, đảnh lễ hạnh Bồ Đề. Đảnh lễ bậc Giải Thoát, đảnh lễ sự Giải Thoát.

Sau khi thực hiện việc bảo hộ xong, chim công nghỉ ngủ yên lành tại nơi trú ngụ.

GHI CHÚ:

BÀI HỘ CHÚ NÀY ĐƯỢC ĐỨC PHẬT THÍCH CA THUYẾT GIẢNG KHI CÓ MỘT VỊ TỲ KHEO TRONG TĂNG ĐOÀN BỊ QUYẾN RŨ BỞI NỮ SẮC.

ĐỨC PHẬT KỂ LẠI TIỀN KIẾP CỦA MÌNH TỪNG LÀ CHIM CÔNG VÀNG SỐNG TRÊN ĐỈNH NÚI. MỖI SÁNG TRƯỚC KHI ĐI TÌM MỒI, CHIM CÔNG ĐẬU TRÊN ĐỈNH NÚI NHÌN VỀ PHÍA MẶT TRỜI VÀ TỤNG BÀI CHÚ. BUỔI CHIỀU VỀ, TRƯỚC KHI VÀO TỔ, CHIM CÔNG LẠI ĐẬU TRÊN ĐỈNH NÚI NHÌN VỀ PHÍA MẶT TRỜI VÀ TỤNG BÀI CHÚ. ĐÃ CÓ NHIỀU THỢ SĂN ĐẶT BẪY BẮT CHIM CÔNG, NHƯNG DO OAI LỰC CỦA BÀI CHÚ CHIM CÔNG KHÔNG THỂ RƠI VÀO BẪY. MÃI VỀ SAU, HÔM NỌ VÀO SÁNG SỚM, CHƯA KỊP TRÌ CHÚ THÌ CÔNG VÀNG ĐÃ BỊ MỘT CÔNG MÁI - DO MỘT THỢ SĂN SẮP ĐẶT - QUYẾN RŨ VÀ BỊ RƠI VÀO BẪY. THỢ SĂN MANG

CHIM CÔNG VỀ CHO VUA. CHIM CÔNG ĐÃ KỂ CHO VỊ VUA NÀY NGHE TIỀN KIẾP CỦA MÌNH CŨNG TỪNG LÀ MỘT VỊ VUA. ĐỂ XÁC THỰC LỜI NÓI, CHIM CÔNG BẢO RẰNG BÊN DƯỚI HỒ NƯỚC CỦA HOÀNG CUNG TRƯỚC CÓ CHÔN MỘT CỖ XE VÀ BẢO VUA ĐÀO LÊN SẼ RÕ. MỌI VIỆC SAU ĐÓ ĐÚNG NHƯ LỜI CHIM CÔNG NÓI VÀ VUA ĐÃ THẢ CHIM CÔNG TRỞ VỀ NÚI.

THEO TRUYỀN THỐNG PHẬT GIÁO THERAVADA, SÁNG SỚM KHI MẶT TRỜI MỌC THÌ TRÌ TỤNG PHẦN ĐẦU CỦA BÀI CHÚ, BUỔI CHIỀU KHI MẶT TRỜI LẶN THÌ TRÌ TỤNG PHẦN SAU. CÔNG NĂNG CỦA BÀI CHÚ ĐƯỢC TIN RẰNG SẼ GIÚP TRÁNH ĐƯỢC NHỮNG HIỂM HỌA VÀ CẠM BẪY, CÒN NẾU BỊ RƠI VÀO CẠM BẪY THÌ SẼ ĐƯỢC GIẢI THOÁT AN TOÀN.

_Đến thế kỷ thứ IV thì bộ Kinh **Đại Khổng Tước Minh Vương** được hình thành, thuật lại câu chuyện Tôn Giả **A Nan Đà** (Ānanda) thấy vị Tỳ Kheo **Toa Để** (Svati) bị rắn cắn vào ngón chân sắp chết nên cầu xin Đức Phật cứu độ. Đức Phật liền chỉ dạy Tôn Giả A Nan Đà thọ trì **Phật Mẫu Minh Vương Đại Đà La Ni** sẽ cứu được Tỳ Kheo Svati. Lại hay trừ khử Quỷ My, sự độc hại, bệnh ác…để bảo hộ cho thọ mệnh được lâu dài.

Phần sau, ghi nhận tiền thân của Đức Phật **Thích Ca** là con chim công lông màu vàng kim (Kim Diệu Khổng Tước) do nhớ tụng **Khổng Tước Minh Vương Chú** mà được thoát khỏi ách nạn.

Ngoài ra Kinh này còn nói tên gọi của chư Phật quá khứ, các vị **Long Vương** (Nāga-rāja), **Dược Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa), **Tỳ Xá Già** (Piśāca), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Tinh Tú** (Nakṣatra), **Đại Tiên** (Mahā-ṛṣī), **Thần sông** (Nadī-rājñī), **Thần núi** (Parvata-rāja), **Đại Độc Dược**…nhờ tụng **Đà La Ni** (Dhāraṇī) này mà xa lìa được tất cả sự sợ hãi và được Phước Đức.

Từ Bộ Kinh **Mật Giáo nguyên thủy** này mà tín ngưỡng **Khổng Tước Minh Vương** được truyền bá rất sớm đến các nước ở phương Đông và được xem là phương tiện cứu độ, giải trừ tất cả tai ách khổ nạn, đem lại sự an vui cho tất cả chúng sinh.

_Dựa vào tiền thân của Đức Phật trong đời quá khứ từng là con chim công tu hành Bồ Tát Hạnh nên **Khổng Tước Minh Vương** được xem là **Thọ Dụng Thân** (Saṃbhoga-kāya) hoặc là **Đẳng Lưu Thân** (Niṣyanda-kāya: Thân Phật biến hóa hiện ra hình đồng loại với chúng sinh trong 9 cõi: **Địa Ngục** (Nākara), **Quỷ đói** (Preta), **súc sinh** (Tiryañc, hay Paśu), **A Tu La** (Asura), **người** (Manuṣa), **Trời** (Deva), **Thanh Văn** (Śrāvaka), **Duyên Giác** (Pratyake-buddha), **Bồ Tát** (Bodhisatva) của Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi)

_Theo sự tương truyền của Mật Giáo thì **Khổng Tước Minh Vương** là **Đẳng Lưu Thân** của Đức Phật **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) biểu thị cho Bản Thệ **Từ Bi Nhiếp Thủ** và Đức **Giáng Phục**

_**Bạch Bảo Khẩu Sao** ghi rằng: Chim công (khổng tước) vì nuôi thân nên ăn tất cả loài trùng độc. Khổng Tước Minh Vương giống như Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha: Vô Lượng Quang) hay tiêu diệt ba Độc **tham sân si** của tất cả chúng sinh làm điều ác. Vì thọ mệnh của Tự Tính thanh tịnh cho nên dùng chim công làm tòa ngồi.

Lại nói chim công này ăn nuốt tất cả trùng độc để nuôi mạng sống, tức trượng trưng cho Minh Vương chặt đứt tất cả phiền não ác độc, sống lâu chẳng bị hoại thọ

mệnh. Còn đuôi công lại hay phủi trừ vô lượng tai ách, tăng Phước, đạt được các điều tốt lành.

.) Kinh **A Di Đà** ghi nhận trong Thế Giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī) có vô số các loài chim do Đức Phật A Di Đà biến hóa ra để nói Pháp độ sinh, trong đó có chim công (khổng tước)…

Do vậy Mật Giáo cho rằng **Khổng Tước Minh Vương** là **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha: Vô Lượng Quang) biểu thị cho Công Năng và Đức Lực chuyển hóa hết thảy nghiệp ác, thành tựu tất cả Công Đức. Còn **tòa khổng tước** thì biểu thị cho ý nghĩa **chuyển bánh xe Đại Pháp**

_Truyền thuyết được lưu truyền trong dân gian Trung Quốc ghi nhận rằng:

.) Vào thuở khai Thiên lập Địa, Khổng Tước Minh Vương vốn là con chim công ngày đêm chuyên cần tu luyện, trải qua mấy ngàn năm thành tựu phép **Ngũ Sắc Thần Quang**. Sau đó được Bồ Tát **Chuẩn Đề** (Cuṇdhe) hóa độ. Để báo đáp công ơn này, con chim công phát nguyện theo Bồ Tát Chuẩn Đề tu hành và làm tòa cho Ngài ngồi.

.) Khi Đức Phật Thích Ca đắc Đạo thì Ngài bị con chim công nuốt vào trong bụng nên Ngài đã xẻ lưng chim công đi ra và ngồi trên ấy. Do từ bụng chim công đi ra nên con chim công được xem như là bà mẹ của Ngài. Từ đấy con chim công có tên gọi là **Phật Mẫu Đại Minh Vương Bồ Tát**

_Trong Pháp tu của Mật Giáo, dùng **Khổng Tước Minh Vương** làm Bản Tôn để tu thì xưng là **Khổng Tước Minh Vương Kinh Pháp**, lại xưng là **Khổng Tước Kinh Pháp** …là một trong bốn Đại Pháp của Mật Giáo.

Pháp Môn của Khổng Tước Minh Vương đối với việc lợi ích Thế Gian như: Hộ Quốc (bảo vệ đất nước), Tức Tai (dứt trừ tai nạn), cầu mưa, ngưng mưa, trừ bệnh, sống lâu, sinh sản an ổn…đều có hiệu nghiệm. Đương nhiên việc trọng yếu vẫn là dùng Tôn này làm nơi nương tựa để tu Pháp **Xuất Thế Gian** (Lokottara). Khử trừ các loại phiền não độc hại của nhóm **tham, sân, si, mạn, nghi** trong Tâm của chúng ta, khiến chúng ta hay viên mãn Bồ Đề của Trí Tuệ, mau chóng thành Phật Quả.

Hiện nay trong tập 19 (tức Mật Tạng Bộ 2) của bộ **Đại Chính Nguyên Bản Đại Tạng Kinh** có lưu trữ 7 bộ Kinh **Khổng Tước Minh Vương** là:

1_ Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Kinh, 3 quyển (No.982) do Ngài **bất Không** dịch

2_ Phật Thuyết Đại Khổng Tước Minh Vương Họa Tượng Đàn Tràng Nghi Quỹ, 1 quyển (No.983) do Ngài **bất Không** dịch

3_ Khổng Tước Vương Chú Kinh, 2 quyển (No.984) do Ngài **Tăng Già Bà La** dịch

4_ Phật Thuyết Đại Khổng Tước Chú Vương Kinh, 3 quyển (No.985) do Ngài **Nghĩa Tịnh** dịch

5_ Đại Kim Sắc Khổng Tước Vương Chú Kinh, 1 quyển (No.986) mất tên người dịch

6_Phật Thuyết Đại Kim Sắc Khổng Tước Vương Chú Kinh, 1 quyển (No.987) mất tên người dịch

7_ Khổng Tước Vương Chú Kinh, 1 quyển (No.988) do Ngài **Cưu Ma La Thập** dịch

Nay với ước nguyện phát triển Phật Giáo Việt Nam, Thầy **Thích Quảng Trí** đã phiên dịch một số Kinh Bản và khuyến khích tôi sưu tập thêm các tài liệu có liên quan

đến Pháp tu **Khổng Tước Minh Vương** nhằm giúp ích được phần nào cho người nghiên cứu Phật Pháp.

Điều không thể tránh khỏi là bản ghi chép này vẫn còn nhiều sự thiếu sót. Ngưỡng mong chư vị Cao Tăng Đại Đức, các Bậc Long Tượng của Mật Giáo hãy rũ lòng Từ Bi giúp cho bản ghi chép này được hoàn hảo hơn.

Hết thảy Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin hồi hướng đến Hương Linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**), Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin chân thành hồi hướng mọi Công Đức có được đến các Thầy **Thích Quảng Trí, Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi và thúc đẩy con tìm học Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cám ơn nhóm Phật Tử của **Đạo Tràng Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch Kinh Điển.

Tôi xin cảm tạ em Mật Trí (**Tống Phước Khải**) đã hỗ trợ phần tài liệu về Khổng Tước Minh Vương và các con tôi đã nhiệt tình giúp đỡ cho tôi hoàn thành tập ghi chép này

Tôi cũng xin cám ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã và luôn cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để hỗ trợ cho tôi an tâm tìm hiểu Giáo Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Nguyện xin Tam Bảo và các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực giúp cho các bậc ân nhân của con với tất cả chúng hữu tình mau chóng tránh được mọi lỗi lầm, thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát.

Mùa Đông năm Nhâm Thìn (2012)
HUYỀN THANH (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

HÌNH TƯỢNG CỦA KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG

_ **Phật Thuyết Đại Khổng Tước Minh Vương Họa Tượng Đàn Tràng Nghi Quỹ** ghi nhận là: "Trong Nội Viện, ở chính giữa vẽ hoa sen tám cánh, ở trên đài hoa vẽ **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Bồ Tát**, đầu hướng về phương Đông, màu trắng, mặc áo lụa trắng mỏng, đầu mội mão; đeo chuỗi Anh Lạc, khoen tai, cánh tay đeo vòng xuyến, các thứ trang nghiêm, cỡi trên **Khổng Tước Vương** (Mayura-rāja)Vua chim công) màu vàng ròng, ngồi Kiết Già trên hoa sen trắng, hoặc trên hoa sen xanh, tướng Từ Bi có bốn cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm hoa sen nở, tay thứ hai cầm Câu Duyên Quả (quả ấy có dạng như Thủy Cô). Bên trái: tay thứ nhất cầm Cát Tường Quả (như hình Đào Lý), tay thứ hai cầm năm hay ba cái lông đuôi chim công"



Trong bốn loại vật cầm giữ thì **hoa sen** đại biểu cho **Kính Ái**, **Câu Duyên Quả** đại biểu cho **Điều Phục**, **Quả Cát Tường** đại biểu cho **Tăng Ích**, **lông đuôi chim công** biểu thị cho **Tức Tai**, **tòa hoa sen trắng** đại biểu cho **Nhiếp Thủ Bản Thệ của Từ Bi**, **tòa hoa sen xanh** đại biểu cho ý nghĩa của sự **Giáng Phục**

Lông đuôi chim công còn tượng trưng cho sự cát tường, thanh tịnh và vĩnh cửu. Nếu ba chiếc lông tụm lại thành một nhóm thì tượng trưng cho sự tịnh hóa ba độc **tham, sân, si**. Nếu năm chiếc lông tụm lại thành một nhóm thì tượng trưng cho sự chuyển hóa năm độc **tham, sân, si, mạn, nghi** thành năm Trí Tuệ của Phật

_Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La ghi nhận hình tượng của Khổng Tước Minh Vương trong **Tô Tất Địa Viện** là:

Thân hiện bày màu thịt, có hai cánh tay, tay phải cầm lông đuôi chim công, tay trái cầm hoa sen, ngồi trên hoa sen đỏ



Trong hai loại vật cầm giữ thì **lông đuôi chim công** tượng trưng cho **Định siêu việt**, còn **hoa sen** tượng trưng cho **Trí Tuệ thanh tịnh**

Mật Hiệu là: **Phật Mẫu Kim Cương** (Buddha-māta-vajra), hoặc **Hộ Thế Kim Cương** (Lokapāla-vajra)

_**Đại Khổng Tước Vương Thiên Bí Yếu Pháp** ghi rằng: "Nếu lại có chúng sinh nguyện không có bệnh thì vẽ một tượng (Khổng Tước Minh Vương) tay phải cầm năm cọng lông đuôi chim công, tay trái để ngang trái tim cầm bánh xe vàng (Suvarṇa-cakra:Kim Luân), thân màu trắng, trụ tướng Từ Bi, ngồi trên con chim công.

Nếu có chúng sinh trì niệm tượng này thì hay trừ trăm bệnh vạn não, sống lâu, nhìn thấy trăm mùa Thu, được lợi ích lớn, thân tâm an vui.

_**Đàn Tràng Họa Tượng Pháp Thức** (bản của Ngài **Nghĩa Tịnh**) ghi là: "Bên trái tượng Phật, vẽ **Ma Ha Du Lợi Thiên Thần** màu trắng đỏ, mặc quần màu trắng, áo choàng vai, sợi dây trắng quấn quanh bắp tay. Thân có bốn cánh tay, các vật trang nghiêm đều dùng vàng mà làm, đứng ở trên hoa sen hoặc đứng ở trên tòa vàng. Bên phải: một tay cầm **Dữu Tử** (quả nho), một tay cầm hoa sen. Bên trái: một tay cầm quả Cát Tường (lớn như Cô Lâu màu đỏ vàng, phương này không có), một tay cầm ba cọng lông đuôi chim công".

_**Đại Khổng Tước Vương Thiên Bí Yếu Pháp** (bản của Ngài **Bất Không**) ghi rằng: "Vẽ **Đại Khổng Tước Thiên** có một búi tóc trên đầu, trụ tướng Đồng Tử. Bên phải: tay thứ nhất cầm lông đuôi chim công, tay thứ hai cầm quả Cát Tường. Bên trái:

tay thứ nhất cầm bánh xe vàng, tay thứ hai cầm đầu ngựa báu. Thân màu xanh, ngồi trên Khổng Tước Vương màu xanh, an trụ núi báu.

_ Theo Tạng truyền thì hình tượng **Khổng Tước Minh Vương** có ba mặt, tám cánh tay, ngồi trên tòa hoa sen



藏密三面六臂－孔雀明王

CHỮ CHỦNG TỬ, THỦ ẤN, CHÂN NGÔN CỦA KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG

_ Chữ Chủng Tử là: VAṂ (𑖪𑖽), hoặc MA (𑖦), hoặc YU (𑖧𑖲)

Bạch Bảo Khẩu Sao ghi nhận: chữ Chủng Tử VAṂ (𑖪𑖽) là **Thủy Đại**, chúng hữu tình dùng nước để làm tươi nhuận Tính Mệnh. Tính của nước hay làm cho các chỗ khô cạn sinh trưởng, nước như vậy hay cầm giữ vật. Nay Khổng Tước Minh Vương làm lợi ích cho chúng sinh ví như nước đó cầm giữ vạn vật cho nên dùng **Thủy Đại** làm chữ Chủng Tử.



.) Chữ chủng tử MA (𑖦) nghĩa là Ngô Ngã, nhập vào chẳng thể được, là nghĩa Tức Tai

.) Chữ chủng tử YU (𑖧𑖲) là mỗi một dấu vết trên Thể của Pháp Giới **sáu Đại**, các Pháp trợ nhau bước vào gia trì thành tựu các Pháp

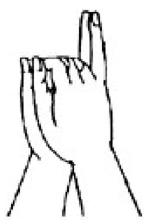
_Tam Muội Gia Hình là: Lông đuôi chim công



Lông đuôi chim công tượng trưng cho **Định siêu việt**, hoặc tượng trưng cho sự cát tường, thanh tịnh và vĩnh cửu.

_ Khổng Tước Minh Vương Ấn:

Hai tay tác Nội Phộc, dựng thẳng hai ngón cái, hai ngón út cùng trụ nhau



Chân Ngôn là:

Oṃ_ Mayūra krānte svāhā

(Oṃ: Quy mệnh kính lễ

Mayūra: Khổng Tước

Krānte: bước đi, bước vào

Svāhā: thành tựu cát tường)



.) Khi gia trì thì kết Ấn trên, trì Chân Ngôn này là:

Oṃ_ Mayūra krānte bhrūṃ svāhā

_ Năm loại Ấn tương ứng:

1) **Tức Tai Ấn**: Ngoại Phộc, hợp dựng hai ngón cái, hai ngón út thành **Tổng Ấn** (Ấn này là khuôn mẫu) rồi lay động.

Chân ngôn là:

Oṃ_ Mayūra krānte bhrūṃ śāntika svāhā

2) **Tăng Ích Ấn**: Dựa theo Ấn lúc trước, chẳng lay động.

Chân Ngôn là:

Oṃ_ Mayūra krānte bhrūṃ puṣṭika svāhā

3) **Kính Ái Ấn**: Dựa theo Ấn trước, đưa hai ngón giữa vào lòng bàn tay, hợp mặt ngón như hình mũi tên là nghĩa Kính Ái

Chân Ngôn là:

Oṃ_ Mayūra krānte bhrūṃ vaśikaraṇa svāhā

4) **Giáng Phục Ấn**: Dựa theo Ấn trước, hai ngón út giao nhau làm bánh xe.

Chân Ngôn là:

Oṃ_ Mayūra krānte bhrūṃ abhicāruka svāhā

5) **Câu Triệu Ấn**: 6 ngón tay trong Ấn trước, triệu mời.

Chân Ngôn là:

Oṃ_ Mayūra krānte bhrūṃ ākarṣāya svāhā

_Riêng về **Minh Chú** của Đại Khổng Tước (Mahā-mayūra-vidya) thì có nhiều phiên bản khác nhau như sau:

1) Bản của Ngài **Bất Không**:

Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namo saṃghāya
Namo suvarṇābhāsasya mayūra-rājñaḥ
Namo mahā-mayūrye vidya-rājña

Tadyathā: Siddhe susiddhe, mocani, mokṣaṇi, mukte, vimukte, amale, vimale, nirmale, maṃgale, hiraṇya-garbhe, ratna-garbhe, bhadre, subhadre, samanta-bhadre, sarvārtha-sādhani, paramārtha-sādhani, sārvārtha pravādhani, sarva maṃgala-sādhani, manasi, manasi, mahā-manasi, adbhute, atyadbhute, acyute, ajare, vijare, vimale, amṛte, amare, amaraṇi, brahme, brahma-svare, pūrṇe, pūrṇa manorathe, mṛta saṃjīvani, śrībhadre candre, candra-prabhe, sūrye, sūryakānte, vītabhaye, suvarṇi, brahmaghoṣe, brahmajuṣṭai, sarva-tra, apratihate, svāhā

2) Bản của Ngài **Tăng Già Ba La**:

Siddhe, susiddhe, mocani, mokṣani, mukte, vimukte, amale, vimale, nirmale, maṃgale, hiraṇya-garbhe, ratna-garbhe, mayūri-bhadre, subhadre, samanta-bhadre, śrī-bhadre, sarvārtha sādhani, paramārtha sādhani, sarvānartha praśamani, sarva maṅgala sādhani, manase mānase, mahā-mānase, acyute, adbhute, atyadbhute, mukte, mocani mokṣaṇi, araje viraje, amṛte amare amaraṇi, brahme brahmasvare pūrṇe pūrṇa-manorathe, mṛta saṃjīvani śrī-

bhadre, candre, candra-prabhe, sūrye sūryakānte vītabhayesu, varṇe suvarṇa-prabhe, brahmaghoṣe, brahma-juṣṭe, sarvatra, pratihate rakṣa rakṣa māṃ svāhā

3) Bản của Ngài **Nghĩa Tịnh**:

Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namo saṃghāya
Namo suvarṇābhāsasya mayūra-rājñaḥ
Namo mahā-mayūrye vidya-rājña

Tadyathā: Siddhe susiddhe, mocani, mokṣaṇi, mukte, vimukte, amale, vimale, nirmale, bhadre, maṃgale, hiraṇya-garbhe, ratna-garbhe, bhadre, subhadre, samanta-bhadre, sarvārtha-sādhani, paramārtha-sādhani, sarvānartha-sādhani, sarva maṃgala-sādhani, mānasi, mānasi, mahā-mānasi, adbhute, atyadbhute, acyute, ajare, vijare, vimale, amṛte, amaraṇi, brahme, brahma-svare, pūrṇe, pūrṇa manorathe, amṛta saṃjīvani, śrībhadre candre, candra-prabhe, sūrye, sūryakānte, vītabhaye, suvarṇi, brahmaghoṣe, brahmajuṣṭai, sarva-tra, apratihate, svāhā

4) Phiên bản 1:

Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namaḥ saṃghāya

Tadyathā: amale vimale nirmale maṃgale hiraṇye hiraṇyagarbhe bhadre subhadre samantabhadre śrībhadre sarvārthasādhani paramārthasādhani sarvānarthapraśamani sarvamaṅgalasādhani manase mānase mahāmānase acyute adbhute atyadbhute mukte mocani mokṣaṇi araje viraje amṛte amare amaraṇi brahme brahmasvare pūrṇe pūrṇamanorathe mukte jīvati *rakṣa svātiṃ* sarvopadravabhayarogebhyaḥ svāhā

5) Phiên bản 2:

[Namo buddhāya Namo dharmāya Namaḥ saṃghāya]

Tadyathā: amale vimale nirmale maṅgalye hiraṇye hiraṇyagarbhe bhadre subhadre samantabhadre śrībhadre sarvārthasādhani paramārthasādhani sarvānarthapraśamani sarvamaṅgalyasādhani manasi mānasi mahāmānasi acyute adbhute atyadbhute mukte mocani mokṣaṇi araje viraje amare amṛte amaraṇi brahme brahmasvare pūrṇe pūrṇamanorathe vimukte jīvati *rakṣa māṃ* sarvopadravebhyaḥ svāhā

Điều đáng chú ý là bài **Thích Ca Mâu Ni Phật Tồi Tà Hiển Chính Chân Ngôn** được ghi nhận trong Phẩm **Kiều Trần Như** của Kinh **Đại Bát Niết Bàn** có thể là một lược bản của **Đại Khổng Tước Minh Chú**

1_ Bản của nhóm Đại Sa Môn **Tuệ Nghiêm**:

"A ma lệ, tỳ ma lệ, niết ma lệ, măng già lệ, hề ma la nhã kiệt tỳ, tam mạn na bạt đề, ta bà tha sa đàn ni, bà la ma tha sa đàn ni, ma na tư, a chuyết đề, tỳ la kì, am la lại đê, bà lam di, bà lam ma sa lệ, phú nê, phú na, ma nô lại đề"

Amale vimale nirmale maṃgale hiraṇya-garbhe samanta-bhadre sarvārtha-sādhani paramārtha-sādhani mānase acyute viraje amṛte brahme brahmasvare pūrṇe pūrṇa manorathe

2_ Bản của Ngài **Đàm Vô Sấm**:

"A ma lệ, tỳ ma lệ, niết ma lệ, mông già lệ, hề ma la nhã kiệt bệ, tam mạn na bạt đề lệ, ta bà la đà sa đàn ni, bà la ma tha sa đàn ni, ma na tư, a chuyết đề, tỳ la kì, am la lại đàn, bà táp ma tá lệ, phú la nê, phú la na, ma nô lại đề"

Amale vimale nirmale maṃgale hiraṇya-garbhe samanta-bhadre sarvārtha-sādhani paramārtha-sādhani mānase acyute viraje amṛte brahmasvare pūrṇe pūrṇa manorathe

KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG MAN ĐA LA

Dựa theo Kinh **Đại Khổng Tước Minh Vương Họa Tượng Đàn Tràng Nghi Quỹ** do Ngài **Bất Không** dịch, **Khổng Tước Minh Vương Man Đa La** được trình bày thành ba lớp tức ba Viện như sau:

"_ Trong Nội Viện, ở chính giữa vẽ hoa sen tám cánh, ở trên đài hoa vẽ **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Bồ Tát**, đầu hướng về phương Đông, màu trắng, mặc áo lụa trắng mỏng, đầu đội mão; Anh Lạc, khoen tai, cánh tay đeo vòng xuyến, các thứ trang nghiêm, cỡi trên **Khổng Tước Vương** (con công) màu vàng ròng, ngồi Kiết Già trên hoa sen trắng, hoặc trên hoa sen xanh, tướng Từ Bi có bốn cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm hoa sen nở, tay thứ hai cầm Câu Duyên Quả (Quả ấy có dạng tương tự Thủy Cô). Bên trái: tay thứ nhất cầm Cát Tường Quả (như hình Đào Lý), tay thứ hai cầm năm, ba cái lông đuôi chim công.

Từ bên phải Phật Mẫu xoay vòng theo bên phải, trên các cánh sen vẽ bảy Đức Phật Thế Tôn từ **Vi Bát Thi Như Lai** (Vipaśyin-Tathāgata) đến **Thích Ca** (Śākya-muṇi) với nhóm của **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya) đều hướng đầu ra ngoài và ngồi trụ trong Định Tướng

Trên cánh hoa thứ tám ở góc Đông Bắc vẽ Từ Thị Bồ Tát, tay trái cầm bình Quân Trì, tay phải giương lòng bàn tay hướng ra ngoài làm thế Thí Vô Úy.

Lại ở bên ngoài cánh hoa sen, bốn phương của Nội Viện vẽ bốn vị Bích Chi Phật đều làm hình Phật, đỉnh đầu có nhục kế cũng trụ Định Tướng.

Lại ở bốn góc vẽ bốn vị Đại Thanh Văn từ góc Đông Bắc vẽ **A Nan Đà** (Ānanda), tiếp góc Đông Nam vẽ **La Hầu La** (Rāhula), tiếp góc Tây Nam vẽ **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), tiếp góc Tây Bắc vẽ **Đại Mục Kiền Liên** (Mahā-Maudgalyāyana) đều mặc mặc áo cà sa Kiền Đà hở cánh tay phải. Đây đều là Trung Viện.

_Tiếp, Viện thứ hai vẽ Thiên Vương của tám phương với các quyến thuộc.

Phương Đông vẽ **Đế Thích Thiên Vương** (Indra) cầm chày Kim Cang cùng với các Thiên Chúng vây quanh.

Tiếp phương Đông Nam vẽ **Hỏa Thiên** (Agni) tay trái cầm bình Quân trì, tay phải Thí Vô Úy cùng với Ngũ Thông Khổ Hạnh Tiên Chúng vây quanh

Tiếp phương Nam vẽ **Diêm Ma Thiên Vương** (Yama) cầm cây phương Diêm Ma cùng với Diêm Ma Quỷ Giới Chúng vây quanh

Tiếp phương Tây Nam vẽ **La Sát Vương** (Rākṣasa-rāja) cầm cây đao cùng với các La Sát Chúng vây quanh

Tiếp phương Tây vẽ **Thủy Thiên** (Varuṇa) cầm sợi dây cùng với các chúng Rồng vây quanh

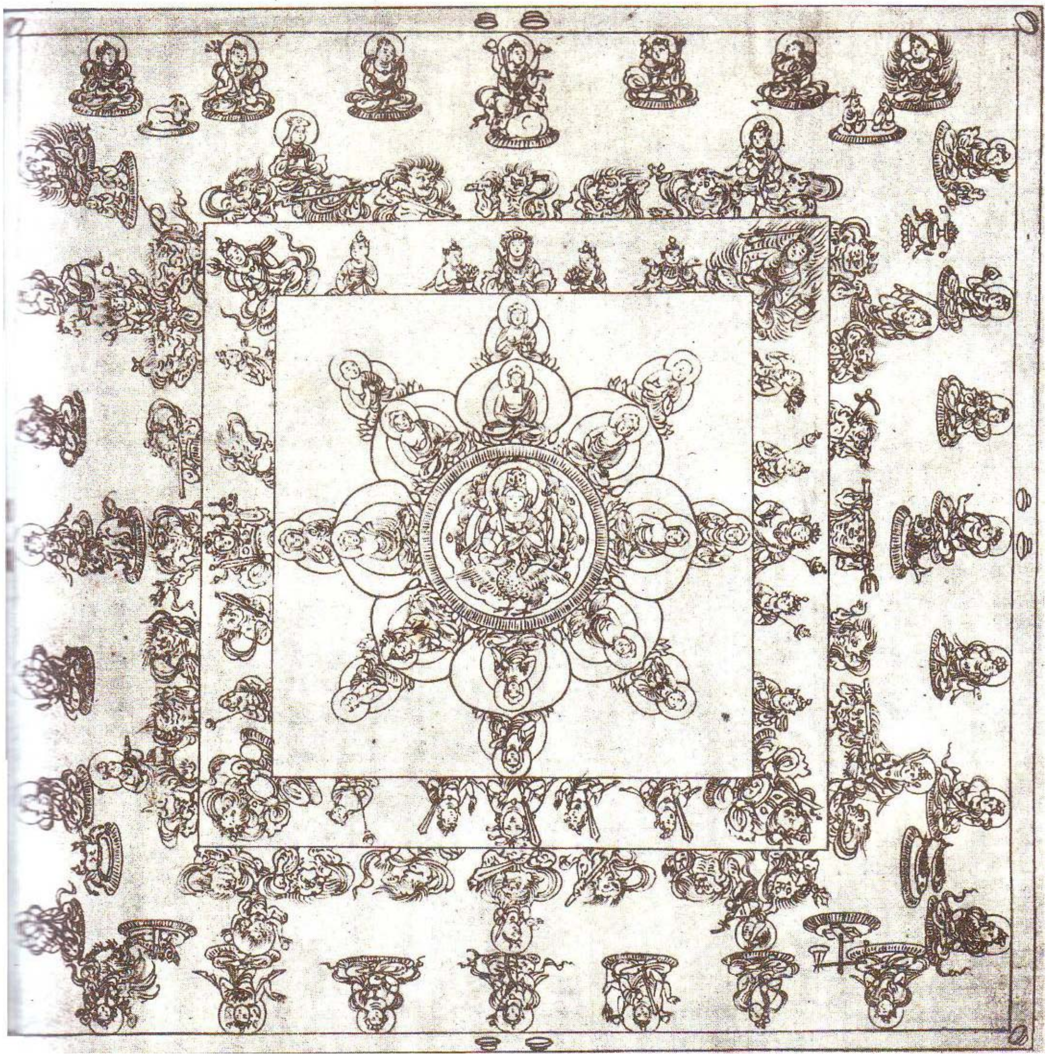
Tiếp phương Tây Bắc vẽ **Phong Thiên Vương** (Vāyu) cầm tràng phan cùng với các Trì Minh Tiên Chúng vây quanh

Tiếp phương Bắc vẽ **Đa Văn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa) cầm cây bổng báu cùng với các Dược Xoa Chúng vây quanh.

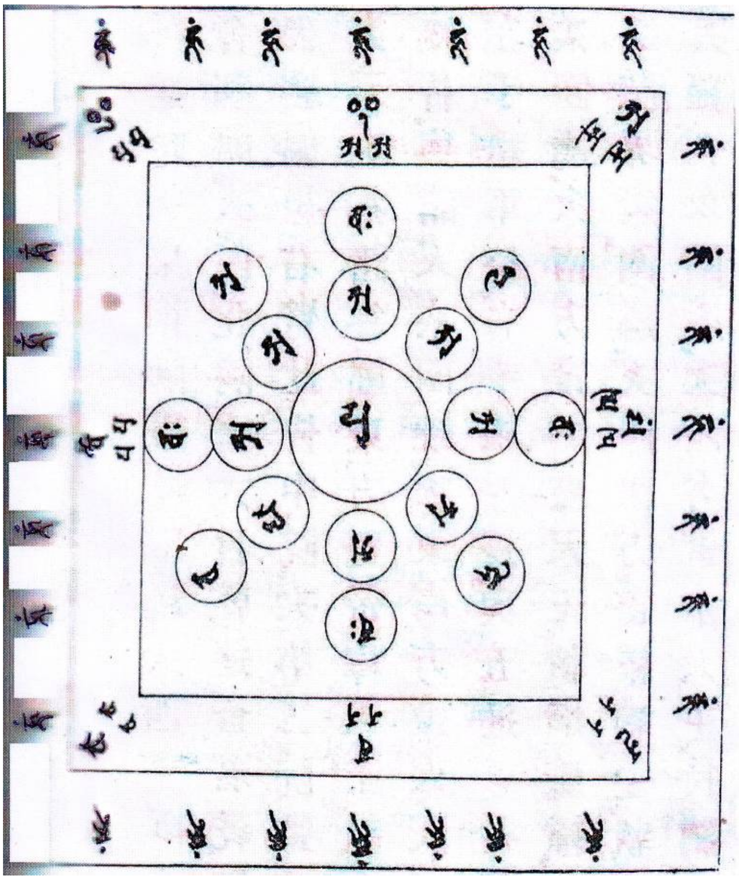
Tiếp phương Đông Bắc vẽ **Y Xá Na Thiên** (Īśana) cầm tam kích xoa cùng với các Bộ Đa Quỷ Chúng vây quanh.

Đây đều là Viện thứ hai

_Tiếp Viện thứ ba, từ góc Đông Bắc, xoay vòng theo bên phải vẽ 28 vị Đại Dược Xoa Tướng đều cùng với các Quỷ Thần Chúng vây quanh và vẽ Tú Diệu, 12 Cung Thần"



KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG PHÁP ĐÀN



_Lớp thứ nhất (Nội Viện):

.)**Trung Đài Bát Diệp:**

Đài hoa chính giữa là Khổng Tước Minh Vương, biểu thị bằng chữ YU (𑖧𑖲)

7 cánh hoa từ phương Bắc (bên Phải Khổng Tức Minh Vương) xoay vòng theo bên phải là 7 Đức Phật từ Tỳ Bà Thi Phật đến Thích Ca Mâu Ni Phật, đều biểu thị bằng chữ A (𑖀), riêng Ca Diếp Phật được biểu thị bằng chữ YĀ (𑖧𑖯)

Cánh hoa thứ tám ở góc Đông Bắc là Từ Thị Bồ Tát, biểu thị bằng chữ A (𑖀)

.) 4 phương bên ngoài Trung Đài Bát Diệp là 4 vị Bích Chi Phật, biểu thị bằng chữ VAḤ (𑖪𑖾)

.) Góc Đông Bắc là A Nan Đà, biểu thị bằng chữ A (𑖀)

.) Góc Đông Nam là La Hầu La, biểu thị bằng chữ LA (𑖩)

.) Góc Tây Nam là Xá Lợi Phất, biểu thị bằng chữ HE (𑖮𑖸)

.) Góc Tây Bắc là Đại Mục Kiền Liên, biểu thị bằng chữ VA (𑖪)

_Lớp thứ hai (Viện thứ hai):

Phương Đông là Đế Thích Thiên Vương, biểu thị bằng chữ Ī (𑖄), quyến thuộc là hai chữ A (𑖀)

Phương Đông Nam là Hỏa Thiên, biểu thị bằng chữ A (𑖀), quyến thuộc là hai chữ SI (𑖭𑖰)

Phương Nam là Diêm Ma Thiên Vương, biểu thị bằng chữ YAṂ (𑖧𑖽), quyến thuộc là hai chữ PI (𑖢𑖰)

Phương Tây Nam là La Sát Vương, biểu thị bằng chữ NṚ (𑖡𑖴), quyến thuộc là hai chữ NA (𑖡)

Phương Tây là Thủy Thiên, biểu thị bằng chữ VA (𑖪), quyến thuộc là hai chữ NA (𑖡)

Phương Tây Bắc là Phong Thiên, biểu thị bằng chữ VĀ (𑖪𑖯), quyến thuộc là hai chữ VĀ (𑖪𑖯)

Phương Bắc là Đa Văn Thiên Vương, biểu thị bằng chữ VAI (𑖪𑖹), quyến thuộc là hai chữ YA (𑖧)

Phương Đông Bắc là Y Xá Thiên, biểu thị bằng chữ I (𑖂), quyến thuộc là hai chữ YU (𑖧𑖲)

_Lớp thứ ba (viện thứ ba)
Bốn phương, mỗi phương có 7 vị Tinh Tú, đều biểu thị bằng chữ HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)



孔雀經 - 曼荼羅（日本．大阪 - 松尾寺）

_Kết Giới:
Hai tay Nội Phộc, dựng hai ngón giữa như cây kim
Oṃ_ huru huru caṇḍari mataṅgi svāhā

_Tán:
Namostu buddhāya (lễ Phật)
Namostu buddhāye (Lễ Lý **Bản Giác Bồ Đề** mà Đức Phật đã chứng)

Namostu muktāya (Lễ tu được quả Niết Bàn)
Namostu muktāye (Lễ Lý Bản Lai Thanh Tịnh Niết Bàn)
Namostu śāntāya (Lễ Bồ Tát mười Địa của tùy phần giải thoát. Là người chẳng nói địa vị của mình, Người Giải Thoát Đạo Quả)
Namostu śāntāye (Lễ Bồ Tát chưa chứng Địa vị Tam Hiền Giải Thoát. Người ở Địa vị này tuy tu Tịnh Hạnh, chưa có chứng địa vị của Tịnh Pháp)
Namo vimuktāya (Lễ Đại Khổng Tước Minh Vương này)
Namo vimuktāye (Lễ Pháp Chân Ngôn bí mật của Đại Thừa mà Khổng Tước Minh Vương đã nói)

_Lễ Phật:
37 Tôn như thường
Nam mô **Thánh Khổng Tước Minh Vương** (3 lần)
Nam mô Tỳ Bà Thi Phật
Nam mô Thi Khí Phật
Nam mô Tỳ Xá Phù Phật
Nam mô Câu Lưu Tôn Phật
Nam mô Câu Na Hàm Mâu Ni Phật
Nam mô Ca Diếp Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Đương Lai Hạ Sinh Di Lặc Tôn Phật
Nam mô **Ba la đề khế**
Nam mô A Nan Đà
Nam mô La Hầu La
Nam mô Xá Lợi Phất
Nam mô Đại Mục Kiền Liên
Nam mô Tu Bồ Đề (tùy việc thì có câu này. Khi cầu mưa thì thêm vào)

_Bộ Mẫu gia trì (Phật Nhãn)

_Bản Tôn gia trì
Oṃ_ mayūra krānte svāhā
Oṃ _ mayūra krānte bhrūṃ svāhā

_ Nhập Ngã Ngã nhập:
Kết Định Ấn quán: trên trái tim của Ta có chữ A (𑖀), thành vành trăng, trên vành trăng có chữ Hrīḥ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾) biến thành hoa sen, trên hoa có chữ Vaṃ (𑖪𑖽) biến thành đuôi chim công, đuôi chim công liền biến thành Khổng Tước Minh Vương, tướng tốt viên mãn, vô lượng quyến thuộc đều trụ, cùng đối mặt với Ta, Bản Tôn nhập vào thân ta gia trì ta, ta nhập vào thân Bản Tôn, quy y Bản Tôn, Bản Tôn và Ta bình đẳng không có hai, là nghĩa biểu thị cho Bản Tích, có Quán của gia trì Quy Y

_Phát Nguyện:
Chí Tâm phát Nguyện
Nguyện xin **Đại Nhật**
Bản Tôn Giới Hội
Đại Khổng Tước Minh Vương
Bảy Phật, **Từ Thị**

Chư Phật, Bồ Tát
Nhóm **A Nan Đà**
Các chúng Hiền Thánh
Giới Hội hai Bộ
Chư Tôn, chúng Thánh
Ngoại Kim Cương Bộ
Kim Cương Thiên Vương
Mỗi đều hoàn niệm
Bản Thệ **Từ Bi**
Đều đến tập Hội
Gia trì hộ niệm
Hộ trì Thánh Vương
Trợ giúp cho con
_Người ác, oan gia
Niệm oán, ganh ghét
Yểm My̧, Chú Trớ
Tâm ác tiêu diệt
_Ác Linh, Tà khí
Oán địch ba đời
Chấp dính Tâm giận
Ma ác, **gây Chướng** (Vinayāka:Tỳ Na Dạ Ca)
Thảy đều tồi diệt
Thảy đều tiêu tan
_Trời lay, đất động
Mộng ác, quái dị
Dấu hiệu việc ác
Đột nhiên tiêu diệt
_Năm, tháng, ngày, giờ
Lý vận, ách hại
Chết không đúng thời
Nạn lạ đáng sợ
Cho đến tất cả
Việc ác chẳng lành
Mau lìa, giải thoát
Bỏ đi phương khác
_Bản Tôn Giới Hội
Thù thắng linh nghiệm
Chân Ngôn, Pháp Lạc
Gia trì huân tu
Xông vào thân con
Thân con an ổn
Tăng trưởng tuổi thọ
Thường nhận khoái lạc
Vô biên Ước Nguyện
Quyết định thành tựu
Quyết định viên mãn

_Tán:
Namostu buddhāya
Namostu buddhāye
Namostu muktāya
Namostu muktāye
Namostu śāntāya
Namostu śāntāye
Namo vimuktāya
Namo vimuktāye
_ Các bậc có Tịnh Hạnh
Hay trừ các nghiệp ác
Kính lễ nhóm như vậy
Thường vệ hộ cho con.
_ Nếu gặp việc đáng sợ
Tất cả thời não loạn
Cùng với thời tai hại
Nhóm bệnh tật, biến quái
Với bị trúng chất độc
Thời chẳng có lợi ích
Giúp con với quyến thuộc
Không bệnh, sống trăm năm



KINH
PHẬT MẪU ĐẠI KIM DIỆU KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG

_ BÀI TỰA_

Kinh **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** là lời nói thiêng (linh ngôn) của Đại Tiên **Mâu Ni** (Muṇi), Môn thiết yếu Từ Bi cứu độ của **Tổng Trì Chân Cú**, kết buộc với Tông huyền diệu (huyền tông) của **Tất Địa** (Siddhi), chặn đứng sóng gió nơi biển khổ. Chúng **Thần** (Devatā) của 28 Bộ đồng thề nguyện hộ giữ Kinh này. Cấm Quân của La Sát ăn nuốt chất độc, phát **Tâm Từ** (Maitra-citta) mà bảo vệ. Số Đại Tướng Dược Xoa nhiều đến hàng trăm triệu, lay động đá, nâng núi…do **Tán Chi** (Saṃjñeya) dẫn đầu, cầm hương hoa, ở **Xá Vệ** (Śrāvastya) khởi niệm trong sạch nơi rừng **Kỳ** (Jeṭavaṇe) lễ **Mâu Ni** (Muṇi) của **Minh Hạnh** (Vidya-caryā)**,** vui vẻ với Pháp sâu xa đã đàm luận, ưa thích ăn **Thiền Duyệt**, mong cầu **Cam Lộ** (Amṛta) tẩy rửa Tâm.

Đức Phật thương xót đời tương lai, mượn **Toa Để** (Svati: Tỳ Kheo Svati) để diễn dạy, tự trình bày **Nhân Địa.** Vì **vua loài chim** (điểu vương) kia bị vướng lưới võng khiến tính mệnh như hạt sương treo, đột nhiên nhớ đến bậc Thánh xưa kia là **Vô Thượng Giác Hoàng** diễn **Đà La Ni** (Dhāraṇī) hay vượt qua mọi nỗi khổ, phát ra tiếng ứng niệm thì sự cột trói liền tiêu tan, ưa thích trời xanh, an lành bay lượn tự tại, đến khi thành Phật.

Thưa hỏi đấng **Năng Nhân** (Śākya) kia, trong rừng **Thệ Đa** (Jeṭavaṇe) thuật lại **Mật Giáo** này. Than ôi đời mạt, các loài Hàm Linh lúc nhúc… cách xa bậc Thánh, sinh vào kỳ cuối của thời **Tượng Pháp**, phần lớn gặp nhiều tai nạn, loại Ma khác lạ sinh ra khiến người tu hành bị **Hoặc Tình** làm cho mê mờ. Người tại gia bị **chúng Tà** gây tai vạ, cúng tế dâng thịt cho yêu quái, thường hiện điềm tốt xấu. Nếu chẳng phải là Kinh này thời dùng Uy Thế nào chế phục được! Thế nên Đa Văn **Khánh Hỷ** (Ānanda) gần gũi vâng theo Thánh Ngôn, kết tập **Bối Đa** (Pattra:lá cây Đa La, mượn chỉ Kinh Phật) truyền khắp **Sa Giới** (các cõi nhiều như cát sông Hằng). Nhưng ở **Chi Na** (Trung Quốc) này số phiên dịch sớm, tuy dân gặp nạn vẫn chưa tuyên bày khắp!...

Nay vì Duyên đến, tuy văn từ của người dịch còn mộc mạc thô thiển, lại thiếu lời màu nhiệm phương tiện của người **Nhuận Văn** (chỉnh sửa văn tự), dầu chẳng sai trái với **Thánh Chỉ** (ý chỉ của bậc Thánh) nhưng vẫn mong người đọc để mắt xem xét cho.

Nay người đã dịch tức Tam Tạng Quốc Sư Hòa Thượng **Bất Không** (Amogha-vajra) của nước Trung Thiên Trúc, hiểu rõ ngôn ngữ Phạn Hán, nghiên cứu sự dạy bảo của năm khu vực tại Ấn Độ (ngũ thiên), đi đến nước này (Trung Quốc) nhận Sắc Lệnh ở cung Đại Minh mới dịch Kinh này, khắc thành ba quyển. Tựa đề ghi rằng: **Phật Mẫu Đại Kim Diệu Khổng Tước Minh Vương Kinh**, không có gì chẳng mở rộng mặt trời của Phật, chiếu sáng nơi mờ tối, giải thích kỹ càng sự chân thật bí mật, lưu truyền khắp nơi đồng được lợi ích. Linh Phù đã hiển thì vạn chướng tự đi, thuốc Pháp ban bố khắp thì tai vạ của Nghiệp đều được diệt hẳn.

Nguyện cho đèn Pháp này thường chiếu sáng, khắp Pháp Giới đều thanh bình an ninh, bậc Thánh sống lâu ngàn năm, giữ gìn cành vàng luôn xum xuê tươi tốt, Trời Rồng răn bảo giúp đỡ, **Pháp Hóa** luôn tuyên bày, **Phật Sắc** tuôn chảy sáng tỏ, muôn kiếp chẳng hư hoại.

[Kinh này cần biết **Đại Lệ** (luật lệ thông dụng) như là bên cạnh Thể chữ tầm thường có gia thêm bộ **Khẩu** (口) tức nên búng đường lưỡi, chỉ vì phương này không có **Chữ** cho nên phải mượn lấy **Âm** vậy, chữ còn lại dựa theo đây có thể y theo Chữ mà nói thẳng ra, chẳng được khinh mạn có **thế của tiếng** đến khiến **Âm gốc** tức liền trái ngược với vận của chữ Phạn. Lại khi đọc tụng, **Tiếng** hợp dài ngắn, **Chữ** có nặng nhẹ, xem xét **bốn âm tiếng** mà đọc, cuối cùng cần có Thầy trao truyền mới có thể chính xác được.Lại cần biết thô sơ nghĩa của **Chữ** thì mới có thể tùy theo **Tình**.

Nếu đến chỗ của Ta (họ tên là….) đều nên trình bày đầy đủ việc đã mong cầu. Có điều Kinh này có Thần Lực lớn, người cầu đều hiệu nghiệm.

Đất của **Ngũ Thiên** (năm khu vực ở Ấn Độ), mười **Châu** ở Nam Hải với hơn 20 nước thuộc nhóm **Thổ Hóa La** ở phương Bắc…không luận **Đạo, Tục** (Xuất Gia và Tại Gia), Tiểu Thừa hoặc Đại Thừa…đều cùng nhau tuân kính, đọc tụng, cầu thỉnh mong được Phước Lợi, báo ứng chẳng sai.

Chỉ vì Kinh xưa, dịch văn có thiếu sót nên khiến cho **Thần Châu** chẳng lưu bày nhiều. Tuy gặp tai nạn nhưng người đọc tụng vẫn còn thưa thớt. Cho nên ngày nay gom tìm bản Phạn của các Bộ, nghiên cứu ngọn nguồn, xem xét rõ ràng, dịch thành ba Quyển kèm với quy thức **vẽ tượng, Đàn Trường**…lợi ích vô biên, mong truyền cho đời vậy]

Đọc tụng Kinh **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương**
_ Pháp **Khải Thỉnh** trước tiên_

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thuỵ là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Nam mô mẫu đà dã
Nam mô đạt ma dã
Nam mô tăng già dã
Nam mô bảy đức Phật Chính Biến Tri
Nam mô tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát của hàng **Từ Thị Bồ Tát**
Nam mô Độc Giác, Thanh Văn, bốn Hướng, bốn Quả
Con đều kính lễ Thánh Chúng của nhóm như vậy

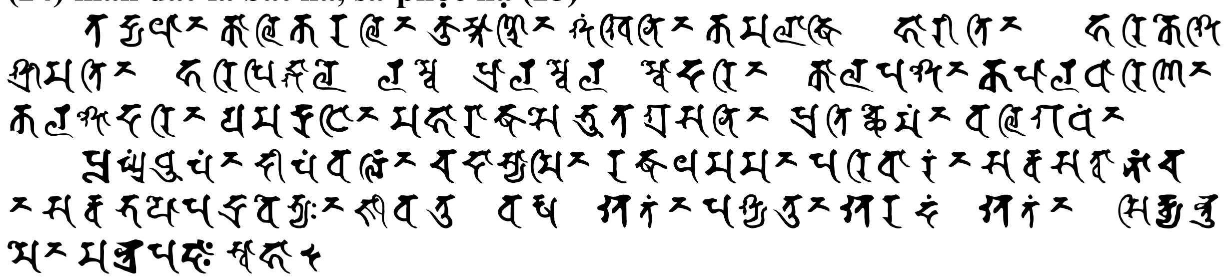
Nay con đọc tụng Kinh **Ma Ha Ma Du Lợi Phật Mẫu Minh Vương**, xin cho mọi sự mong cầu thỉnh nguyện của con đều được như ý

Hết thảy tất cả chư Thiên, Linh Kỳ hoặc ở trên mặt đất, hoặc ở nơi hư không, hoặc trụ trong nước. Các loài Quỷ Thần khác như là: chư **Thiên** (Deva), **Rồng** (Nāga), **A Tu La** (Asura), **Ma Lỗ Đa** (Maruta), **Nghiệt Lỗ Noa** (Garuḍa), **Càn Đạt Phộc** (Gandharva), Khẩn Na La (Kiṃnara), **Ma Hộ La Nga** (Mahoraga), **Dược Xoa** (Yakṣa), **La Sát Sa** (Rākṣasa), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Tỳ Xá Già** (Piśāca), **Củ Bạn Noa** (Kuṃbhaṇḍa), **Bộ Đa** (Bhuta), **Bố Đan Na** (Putana), **Yết Tra Bố Đan Na** (Kaṭaputana), **Tắc Càn Na** (Skanda), **Ốt Ma Na** (Unmāda), **Xa Gia** (Cchāya), **A Bát Sa Ma La** (Apasmāra), **Ổ Sa Đát La Ca** (Ostakara)… với hết thảy tất cả Quỷ Thần khác và các hàng Cổ Mỵ, **Người** (Manuṣya), **Phi Nhân** (Amanuṣya), các ác độc hại, tất cả không lành (bất tường), tất cả bệnh ác, tất cả Quỷ Thần, tất cả Yếm đối…rình tìm cắt đứt mạng của kẻ khác, khởi Tâm độc hại, làm các điều không nhiêu ích…đều đến

nghe con đọc tụng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Kinh** trừ bỏ bạo ác, đều khởi tâm Từ. Đối với Phật Pháp Tăng sanh niềm tin trong sạch.

Nay con bày hương hoa, thức ăn uống. Nguyện xin vui vẻ đều nghe con nói:

"Đát nễ-dã tha (1) ca lý ca la lý (2) củ bán nị (3) hướng khí ninh (4) ca ma la khất-sử hạ lý để (5) hạ lý kế thất-lý ma để (6) hạ lý băng tỳ nga lê, lãm mê (7) bát-la lãm mê (8) ca la bá thế (9) ca la thú na lý (10) diễm ma nộ để (11) ma hạ la khất-sái tỷ (12) bộ đa nghiệt-la tát ninh (13) bát-la để thế hàm (13) bổ sáp-phún độ phún (15) hiến đạm mạt lân (16) tả na tả nhĩ (17) la khất-sái tha, ma ma (xưng tên….) (18) táp bả lý phộc lãm (19) tát phộc bà dụ bát nại-la phệ tỳ-dược (20) nhĩ phộc đổ miệt-sa sái xả đam (21) bát thiết đô (22) xả ra nam xả đan (23) tất điền đổ (24) mãn đát-la bát na, sa-phộc hạ (25)"



Tadyathā: Kāli karali, kumbhaṇḍi, śaṃkhini, kamalākṣi, hārīti, hari-keśi, śrì-mati hari-piṅgale, lambe, prālambe, lambodari, kāla-pāśe, kapāla, dhāriṇi, kalaśodari, yamaduṭi, mahā-rākṣase, bhūta-grasani, praticchemaṃ vali gandhaṃ puṣpaṃ dhūpaṃ dìpaṃ valiṃ cadāsyāmi rakṣatha mama (…..) parivāraṃ sarva-satvānāṃca sarva bhaya-upadravebhyaḥ jìvatu varṣa śataṃ paśyatu śaradaṃ śataṃ siddhyantu me mantra-padāḥ svāhā

Tất cả Thiên Thần của các nhóm như vậy đều đến tập hội, nhận lấy hương hoa, thức ăn uống này, vui phát Tâm lành ủng hộ cho con (họ tên…) cùng các quyến thuộc. Hết thảy ách nạn, tất cả lo buồn, tất cả bệnh tật, tất cả đói khát, ngục tù, cột trói, các nơi sợ hãi… thảy đều giải thoát, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm mùa Thu, thành tựu Minh Lực, đầy đủ mọi điều cầu nguyện.

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG
QUYỂN THƯỢNG

Như vậy tôi nghe: Một thời Đức **Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ: Thế Tôn) ngự vườn **Cấp Cô Độc** (Anāthapiṇḍadasyārāma) trong rừng **Thệ Đa** (Jeṭavaṇa) tại thành **Thất La Phiệt** (Śrāvastya).

Thời có một vị **Bật Sô** (Bhikṣu) tên là **Toa Để** (Svati) xuất gia chưa lâu, mới thọ nhận ở gần khu vườn, học Giáo **Tỳ Nại Gia** (Vinaya:Giới Luật) vì **Chúng** (Saṃgha) phá cây làm chỗ tắm gội. Có con rắn đen lớn từ lỗ hổng của cây khô bò ra, cắn vào ngón chân cái bên phải của vị Bật Sô ấy, khí độc lan khắp thân, choáng váng té xuống đất, miệng xùi nước bọt, hai mắt trợn ngược.

Bấy giờ Cụ Thọ **A Nan Đà** (Ānanda) thấy vị Bật Sô ấy bị trúng độc chịu nhiều đau khổ, liền mau chóng đi đến chỗ của Đức Phật, lễ hai bàn chân của Đức Phật xong, rồi bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Bật Sô **Toa Để** bị trúng độc chịu nhiều khổ não…đầy đủ như bên trên nói. Hỡi Đức Như Lai Đại Bi! Làm thế nào để cứu giúp được?"

Nói lời đấy xong. Khi ấy Đức Phật bảo A Nan: "Ta có **Ma Da Ma Du Lợi Phật Mẫu Minh Vương Đại Đà La Ni** có Uy Lực lớn, hay diệt tất cả tai não đáng sợ của các chất độc. Ông đem **Phật Mẫu Minh Vương Đà La Ni** này của Ta, vì Bật Sô **Toa**

Để mà làm cứu hộ. Vì kết **Địa Giới**, kết **Phương Ngung Giới** khiến cho được an ổn, hết thảy khổ não đều được tiêu trừ.

Nhóm ấy hoặc bị Trời Rồng nắm giữ, A Tu La nắm giữ, Ma Lỗ Đa nắm giữ, Nghiệt Lỗ Noa nắm giữ, Ngạn Đạt Phộc nắm giữ, Khẩn Na La nắm giữ, Ma Hộ La Nga nắm giữ, Dược Xoa nắm giữ, La Sát Sa nắm giữ, Tất Lệ Đa nắm giữ, Tỳ Xá Già mê hoặc, Bộ Đa mê hoặc, Củ Bạn Noa mê hoặc, Bố Đan Na mê hoặc, Yết Tra Bố Đan Na mê hoặc, Tắc Kiến Na mê hoặc, Ốt Ma Na mê hoặc, Xa Gia mê hoặc, A Bát Sa Ma La mê hoặc, Ổ Sa Đá La Ca mê hoặc…Khi bị nhóm như vậy nắm giữ, làm cho mê hoặc thời **Phật Mẫu Minh Vương** đều hay che chở giúp đỡ khiến cho không có lo sợ, sống lâu trăm tuổi.

Hoặc bị người khác yểm đảo, Chú Thuật, Cổ Mị, loại Pháp ác…Ấy là: **Cật Lý Để Ca** (Kṛtyā), **Yết Ma Noa** (Karmaṇa), **Ca Cụ La Na** (Kakhordda), **Chỉ La Noa** (Kiraṇa), **Phệ Đá Noa** (Vetāḍa, hay Vetāla), **Chất Giả** (Cicca), uống máu tủy kẻ khác, biến hóa người sai khiến, kêu gọi Quỷ Thần…Hoặc làm các nghiệp ác: ăn ác, nôn mửa ác, ảnh ác, nhìn ngó ác, nhảy đạp ác, đột nhiên ác. Hoặc làm Thư Yếm, hoặc mạo phạm trái nghịch ác (ác mạo nghịch)…Làm việc ác như vậy muốn gây não loạn. **Phật Mẫu Minh Vương** này ủng hộ người ấy kèm các Quyến Thuộc, các ác như vậy chẳng thể gây hại.

_ Lại nữa bị bệnh sốt rét: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến nửa tháng, một tháng, hoặc lại nhiều ngày liên tiếp, hoặc lại phút chốc…. phát bệnh một lần. Tất cả bệnh sốt rét, 404 loại bệnh, hoặc bệnh thường nóng sốt, bệnh **Thiên Tà**, bệnh bứu cổ, Quỷ Thần, nóng sốt, trúng gió, vàng da, **đàm ẩm** (Trong thân thể, nước dịch quá lượng chẳng thâu hóa được, ngưng chảy hoặc chảy rỉ ra ở một bộ phận nào đó gây thành bệnh). Hoặc ba **tập bệnh**, ăn uống chẳng tiêu, đau buốt đầu, đau buốt nửa đầu, đau mắt, đau tai, đau mũi, đau môi, đau miệng, đau gò má, đau răng nanh, đau buốt răng, đau lưỡi với đau cổ họng, đau ngực, đau hông sường, đau lưng, đau tim, đau dạ dày, đau eo lưng, đau bụng, đau bắp đùi, đau đầu gối, hoặc đau tứ chi, đau nơi ẩn kín, đau buốt khắp thân….Tai vạ như vậy thảy đều trừ diệt.

Nguyện xin hộ giúp cho con kèm các quyến thuộc. Con kết **Địa Giới**, kết **Phương Ngung Giới**, đọc tụng Kinh này đều khiến cho an ổn.

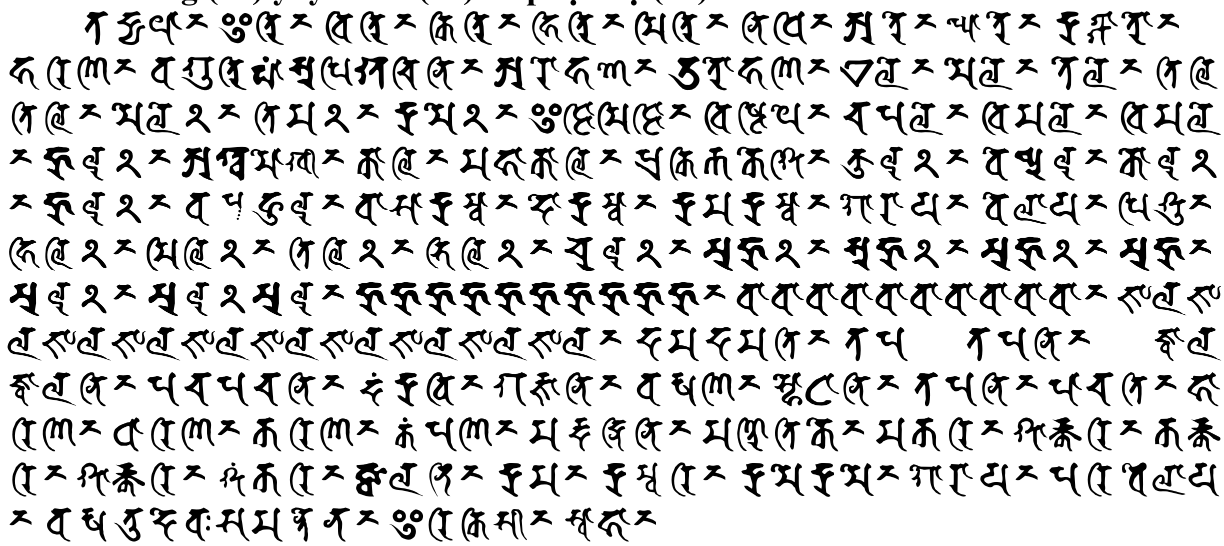
_ Liền nói **Già Tha** (Gāthā: Kệ Tụng) là:

“Khiến con, đêm an ổn
Ban ngày cũng an lành
Ở trong tất cả Thời
Chư Phật thường hộ niệm”

Liền nói Đà La Ni là:

“Đát nễ-dã tha (1) y nị (2) vĩ nị (3) chỉ nị (4) hứ nị (5) nhĩ nị (6) ninh nị (7) át nãi (8) già nãi (9) nỗ nga nãi (10) hạ lý nê (11) phộc ngu nị (12) bàng tô bỉ xá chỉ ninh (13) a lô hạ nê (14) ô lô hạ nê (15) ê lệ (16) mê lệ (17) đế lệ (18) để lý, để lý (19) mê lệ, mê lệ (20) để mê, để mê (21) nỗ mê, nỗ mê (22) y trí, nhĩ trí (23) vĩ sắt-trá thê (24) tả bả lệ (25) vĩ ma lệ (26) vĩ ma lệ (27) hộ lỗ, hộ lỗ (28) a thấp-phộc mục khí (29) ca lý (30) ma hạ ca lý (31) bát-la chỉ la-noa kế thí (32) củ lỗ, củ lỗ (33) phộc cụ lỗ (34) cú lỗ, cú lỗ (35) hộ lỗ, hộ lỗ (36) phộc phổ lỗ (37) độ sa nỗ (tỳ) **phộc (38) nộ nỗ** (tỳ) **phộc (39) nộ ma nỗ phộc (40) ngộ la dạ (41) bạt la dạ (42) bỉ du, bỉ du (43) hứ lý, hứ lý (44) nhĩ lý, nhĩ lý (45) để lý, để lý (46) tỳ lý, tỳ lý (47) tổ lỗ, tổ lỗ (48) mẫu hộ, mẫu hộ, mẫu hộ, mẫu hộ (49) mẫu hộ, mẫu hộ (50) mẫu lỗ, mẫu lỗ (51) mẫu lỗ, mẫu lỗ, mẫu lỗ (52) hộ hộ hộ hộ hộ hộ hộ hộ hộ hộ (53) phộc phộc phộc phộc phộc phộc phộc phộc phộc phộc (54) la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ (55) na ma, na ma ninh (56) đáp bả,**

đáp bả ninh (57) nhập-phộc la, nhập-phộc la ninh (58) bát tả, bát tả ninh (59) lãn nỗ (60) bách nhạ ninh (61) miệt la-sái nê (62) táp-phổ tra ninh (63) đá bả ninh (64) bá tả ninh (65) hạ lý nê (66) đà lý nê, ca lý nê (67) kiếm bả ninh (68) mạt na ninh (69) mạn nị để kế (70) ma ca lý (71) thiết ca lý (72) yết ca lý (73) thước ca lý (74) hướng ca lý (75) nhập-phộc la ninh (76) nỗ ma (77) nỗ (tỳ) **phộc lý (78) nỗ minh, nỗ minh (79) ngộ la dã (80) bát lý phệ la dã (81) miệt la-sái đổ nỉ phộc tam mãn đế nẵng (82) y lý chỉ tỉ (83) sa-phộc hạ (84)"**



Tadyathā: Iḍi, viḍi, kiḍi, hiḍi, miḍi, nidhi, aḍe, ghoḍe, duggāḍo, hariṇi, va guḍi pāṃsupiśacini, arohaṇe, uḍohaṇi, ele, mele, tele, tili tili, mele mele, tima tima, dume dume, iṭṭi miṭṭi, viṣṭithe, capale, vimale, vimale, hulu hulu, aśva mokhī, kāli mahā-kāli, prakīrṇakeśi, kulu kulu, veghulu, kolu kolu, hulu hulu, vapphulu, vāsādumbā, dodumbā dumadumbā gorāya, velāya, piśu piśu, hili hili, mili mili, tili tili, bhili bhili, culu culu, muhu muhu muhu muhu muhu, mulu mulu mulu mulu mulu, hu hu hu hu hu hu hu hu hu hu, vā vā vā vā vā vā vā vā vā vā, jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla, dama damati, tapa tapani, jvala jvalani, paca pacani, duṃdubi, garjani, varṣaṇi, sphoṭani, tapani, pācati, hāriṇi dhāriṇi, kariṇi, kaṃpaṇi, marddani, maṇḍitike, makari, śārkkari, karkkari, śārkkari, śaṃkari, jvalani, duma, dumbari, dume dume, gorāya, parivelāya, varṣatu devaḥ samantena, irikisī, svāhā

(Nếu người đọc tụng khi đến nơi này thời tùy theo điều đã nguyện cầu, đều nên xưng nói việc ấy. Nếu lúc **đại hạn** (nắng mãi không có mưa) thời nói rằng: "***Nguyện xin* Trời *tuôn mưa***". Nếu lúc ngập úng thời ***nguyện xin Trời ngưng mưa.*** Nếu có binh đao giặc cướp, bệnh dịch lưu hành, đói khát, thời ác với các ách nạn thời tùy theo việc mà tỏ bày, một lòng cầu thỉnh, ắt không có gì chẳng tùy theo Ý)

_ Này A Nan Đà! Có tên gọi của các vị Long Vương, nên khởi **Tâm Từ** (Maitra-citta), xưng niệm tên các vị ấy, nhiếp trừ các chất độc. Ấy là:

Vua Rồng **Trì Quốc** (Dhṛtarāṣṭra) Ta ***Từ niệm*** (Quan tâm yêu thương giúp đỡ)

Ái La Phộc Noa (Airavaṇa) thường khởi **Từ** (Maitra:Yêu thương giúp đỡ)

Vĩ Lô Bác Xoa (Virūpakṣa) cũng khởi **Từ**

Hắc Kiêu Đáp Ma (Kṛṣṇa-gautamaka)Ta ***Từ niệm***

Vua Rồng **Ma Nê** (Maṇi) Ta ***Từ Mẫn*** (Lo lắng yêu thương giúp đỡ)

Rồng **Bà Tô Chỉ** (Vasuki) thường khởi **Từ**

Vua Rồng **Trượng Túc** (Daṇḍa-pāda) cũng khởi **Từ**

Vua Rồng **Mãn Hiền** (Pūrṇa-bhadra)Ta ***Từ niệm***

Vô Nhiệt Não Trì (Anavatapta), **Phộc Lỗ Noa** (Varuṇa)
Mạn Na Lạc Ca (Manjuruka), **Đức Xoa Ca** (Takṣa)
Rồng **Nan Đà** (Nanda), **Ổ Ba Nan Đà** (Upananda)
Ta hưng ý **Từ** đến Rồng ấy
Vua Rồng **Vô Biên** (Ananta) Ta ***Từ niệm***
Phộc Tô Mục Khư (Vāsu-mukha) cũng khởi **Từ**
Rồng **Vô Năng Thắng** (Aparājita) thường khởi **Từ**
Vua Rồng **Tập Phộc** (Chitvāsta)Ta ***Từ niệm***
Đại Ma Na Tư (Mahā-manasvī) Ta ***Từ niệm***
Tiểu Ma Na Tư (Upa-manasvī) cũng khởi **Từ**
A Bát La La (Apalāla) **Ca Lạc Ca** (Kālaka)
Hữu Tài (Bhogava), **Sa Di** (Śravaṇeraka) nhóm **Long Vương** (Nāga-rāja)
Nại Địa Mục Khư (Dadhi-mukha) với **Ma Nê** (Maṇi)
Rồng **Bạch Liên Hoa** (Puṇḍarīka) với **Phương Chủ** (Diśaṃ-pati)
Yết Cú Tra Ca (Karkkoṭaka) với **Lễ Túc** (Śaṃkha-pāla)
Nhóm **Mao Thảm** (Kambala), **Mã Thắng** (Aśvatara) đều **Từ**
Sa Kê Đắc Ca (Śāketaka), **Cung Tỳ La** (Kumbīra)
Châm Mao (Suciroma), **Ức Hành** (Uraga) nhóm Long Vương
Rồng **Lý Sử Ca** (Ṛṣika)Ta ***Từ niệm***
Mãn Nhĩ (Pūrṇa-karṇa), **Xa Diện** (Śakaṭa-mukha) cũng khởi **Từ**
Rồng **Cú Lạc Ca** (Kolaka)Ta ***Từ niệm***
Bà Thư Bổ Đa (Vatsīputra), **Tô Nan Đà** (Sunanda)
Đại Long Vương **Ái La Bát Đa** (Erapatra)
Lạm Mẫu Lạc Ca (Lamburuka) Ta ***Từ Mẫn***
Vua Rồng **Phi Nhân** (Amanuṣa) Ta ***Từ Niệm***
Vua Rồng **Thượng Nhân** (Uttara-manuṣa) lại cũng thế
Rồng **Miệt Bách La** (Mṛgila) thường khởi **Từ**
Mẫu Tí Lân Na (Mucilinda) Ta ***Từ Niệm***
_ Hoặc có Long Vương đi trên đất
Hoặc có Long Vương ngụ trên không
Hoặc luôn nương dựa núi **Diệu Cao** (Sumeru: Núi Tu Di)
Hoặc ngay trong nước, làm **Y Chỉ** (nơi nương nhờ)
Long Vương một đầu, Ta **Từ Niệm**
Cùng với hai đầu, lại cũng thế
Như vậy cho đến có nhiều đầu
Nhóm Long Vương này, Ta **Từ Niệm**
_ Hoặc loại Long Vương không chân
Long Vương hai chân với bốn chân
Hoặc lại các Long Vương nhiều chân
Đều khởi Tâm Từ cùng hộ niệm
_ Nhóm Long Vương này đủ Uy Đức
Sắc đẹp, sức mạnh có danh tiếng
Khi **Trời** (Deva) chiến đấu với **Tu La** (Asura)
Có Đại Thần Thông đều dũng mãnh
Đừng khiến **không chân** (vô túc) khinh khi Ta
Hai chân, bốn chân…đừng xâm hại
Cùng với các Long Vương nhiều chân
Thường đối thân Ta, không **não xúc** (tiếp chạm gây phiền não)

_ Các **Rồng** (Nāga) với **Thần** (Devatā), Ta **Từ Niệm**
Hoặc ngay trên đất, hoặc trên Không
Thường khiến tất cả các chúng sinh
Đều khởi Tâm Từ cùng hộ niệm
Thường thấy tất cả điềm tốt lành
Đừng nhìn việc tội ác ngược Tình
_ Ta thường phát niệm Đại Từ Bi
Khiến **họ** (các vị Rồng) diệt trừ các ác độc
Nhiêu ích nhiếp thọ, lìa tai ách
Tùy tại **Thời Phương** thường ủng hộ

"Nẵng mô tốt-đổ một đà dã. Nẵng mô tốt-đổ mạo đà duệ. Nẵng mô tốt-đổ mục cật-đa dã. Nẵng mô tốt-đổ mục cật-đa duệ. Nẵng mô tốt-đổ phiến đa dã. Nẵng mô tốt-đổ phiến đa duệ. Nẵng mô vĩ mục cật-đá dã. Nẵng mô vĩ mục cật-đá duệ"



Namostu buddhāya
Namostu buddhāye
Namostu muktāya
Namostu muktāye
Namostu śāntāya
Namostu śāntāye
Namo vimuktāya
Namo vimuktāye
_ Các bậc có Tịnh Hạnh
Hay trừ các nghiệp ác
Kính lễ nhóm như vậy
Thường vệ hộ cho con.
_ Nếu gặp việc đáng sợ
Tất cả thời não loạn
Cùng với thời tai hại
Nhóm bệnh tật, biến quái
Với bị trúng chất độc
Thời chẳng có lợi ích
Giúp con với quyến thuộc
Không bệnh, sống trăm năm

_ Đức Phật bảo A Nan Đà: "Thời xưa kia, ở mặt nam của núi Tuyết có **Kim Diệu Khổng Tước Vương** trụ ở chỗ ấy. Mỗi buổi sáng sớm thường đọc tụng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** thời cả ngày đều an ổn. Khi chiều tối, đọc tụng thời cả đêm đều an ổn.

Liền nói Đà La Ni là:

"Nẵng mô một đà dã (1) nẵng mô đạt ma dã (2) nẵng mô tăng già dã (3) đát nễ-dã tha (4) hộ hộ hộ hộ hộ (5) nẵng nga lệ lệ (6) nỗ ma lệ lệ (7) hộ dã, hộ dã (8) vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã (9) độ tô, độ tô (10) ngu lỗ, ngu lỗ (11) ê la, mê la (12) để lý, mê la (13) y lý, mật đát-lại (14) để lý, mật đát-lại (15) y lý, để lý, mật đát-lại (16) nỗ mê (17) tô nỗ mê (18) đố tô đế (19) ngộ la phệ la (20) tả bả la (21) vĩ ma la (22) y trí lý (23) tỳ trí lý (24) lý trí lý (25) vĩ trí lý (26) nẵng mô tốt-đổ một đà nam (27)

tức lý, chỉ tỉ (28) ngộ nỗ hứ ca (29) nẵng mô la-hạt đam (30) hộ la na la (31) phộc la-sái đổ nỉ phộc (32) tam mãn đế nẵng (33) nại xả tô nễ xá tô (34) nẵng mô mẫu đà nam (35) sa-phộc hạ (36)"

Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namo saṃghāya
Tadyathā: Hu hu hu hu hu, nāga lele, dumba lele, huya huya, vijaya vijaya, dhusu dhusu, guru guru, elā melā, tiri melā, ili mitle, tila mitle, ili tili mitle, dumbe, sudumbe, tesute, golā velā, capalā, vimalā, iṭṭiri, bhiṭṭiri, riṭṭiri, viṭṭiri_ Namostu buddhānāṃ, cilikisi, godohika, namorhataṃ, holadala, varṣatu devā, samatena, daśasudiśāsu_ Namo buddhānāṃ svāhā

_ Này A Nan Đà! **Kim Diệu Khổng Tước Vương** (Suvarṇāvabhāsa-mayūra-rāja) ấy bất chợt một lúc quên tụng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** này, bèn đem Chúng, phần lớn là Khổng Tước Cung Nữ…từ khu rừng này đến khu rừng kia, từ ngọn núi này đến ngọn núi nọ, rồi vì vui chơi tham dục yêu dính nên phóng dật hôn mê đi vào trong hang núi. Kẻ thợ săn oan gia rình tìm dịp thuận tiện liền dùng dây bắt chim cột trói. Khi Khổng Tước Vương bị cột trói thời nhớ đến **Bản Chính Niệm** liền tụng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** như lúc trước thì ở chỗ bị cột trói được tự nhiên giải thoát, quyến thuộc an ổn, đi về chỗ cư trú của mình.

Lại nói **Minh Vương Đà La Ni** này là:

"Nẵng mô mẫu đà dã (1) nẵng mô đạt ma dã (2) nẵng mô tăng già dã (3) nẵng mô tô vạt la-noa (4) phược bà tát tả (5) ma dữu la, la chỉ-nương (6) nẵng mô ma hạ ma dữu lý-duệ (7) vĩ nễ-dã, la chỉ-nhạ (8) đát nễ-dã tha (9) tất đệ (10) tô tất đệ (11) mô tả ninh (12) mô sát nê (13) mục cật-đế (14) vĩ mục cật-đế (15) a ma lê (16) vĩ ma niêm (17) ninh ma lê (18) măng nga lê (19) hứ lại nương nghiệt bệ (20) la đát-nẵng nghiệt bệ (21) bả nại lệ (22) tô bạt nại lệ (23) tam mãn đa bạt nại-lệ (24) tát phộc la-tha, sa đà ninh (25) bả la mạt tha, sa đà ninh (26) tát phộc la-tha bát-la phộc đà ninh (27) tát phộc măng nga la, sa đà ninh (28) ma nẵng tỉ (29) ma nẵng tỉ (30) ma hạ ma nẵng tỉ (31) hạt bộ đế (32) át át trất nạp-bộ đế (33) át tốt đế (34) a nhạ-lệ (35) vĩ nhạ lệ (36) vĩ ma lê (37) a mật-lý đế (38) a ma lê (39) a ma la nê (40) một-la hám-mê (41) một-la hám-ma sa phộc lệ (42) bố la ninh (43) bố la-noa ma nỗ la thế (44) mật-lý đa, tán nhạ phộc ninh (45) thất-lý bạt nại-lệ, chiến nại-lệ (46) chiến nại-la bát-la bệ (47) tố lý-duệ (48) tố lý-dã kiến đế (49) vị đa bà duệ (50) tô miệt ninh (51) một-la hám-ma cụ sái (52) một-la hám-ma nhũ sắt-tai (53) tát phộc đát-la (54) bát-la để hạ đế (55) sa-phộc hạ (56) na mạc tát phộc một đà nam (57) sa-phộc sa-để, ma ma, nẵng tát tả (58) táp bả lý phộc la khất-sản (59) khuất-vật vãn đổ (60) nhạ phộc đổ (61) miệt la-sái, thiết đan bát phiến đổ (62) thiết la nan, thiết đan (63) hộ tì (64) ngu tì, cụ tì, mẫu tì (65) sa-phộc hạ (66)"

[illegible]

[illegible]

Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namo saṃghāya
Namo suvarṇābhāsasya mayūra-rājñaḥ
Namo mahā-mayūrye vidya-rājña

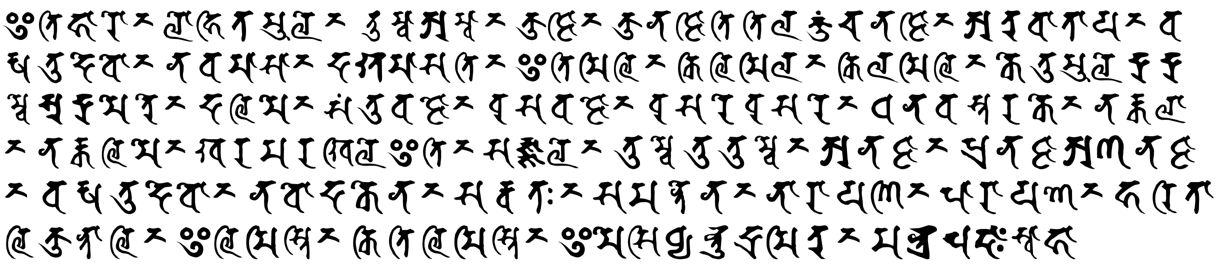
Tadyathā: Siddhe susiddhe, mocani, mokṣaṇi, mukte, vimukte, amale, vimale, nirmale, maṃgale, hiraṇya-garbhe, ratna-garbhe, bhadre, subhadre, samanta-bhadre, sarvārtha-sādhani, paramārtha-sādhani, sārvārtha pravādhani, sarva maṃgala-sādhani, manasi, manasi, mahā-manasi, adbhute, atyadbhute, acyute, ajare, vijare, vimale, amṛte, amare, amaraṇi, brahme, brahma-svare, pūrṇe, pūrṇa manorathe, mṛta saṃjīvani, śrībhadre candre, candra-prabhe, sūrye, sūryakānte, vītabhaye, suvarṇi, brahmaghoṣe, brahmajuṣṭai, sarva-tra, apratihate, svāhā

Namaḥ sarva buddhānāṃ, svāsti mama satvānāṃca, saparivārasya, rakṣāṃ kurvattu, jīva tu, varṣa śataṃ paśyantu, śaradāṃ śataṃ, huci, guci, ghuci, muci, svāhā.

_ Đức Phật bảo A Nan Đà: "Kim Diệu Khổng Tước Vương xưa kia, há là ai khác mà chính là thân Ta vậy. Nay Ta lại nói **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Tâm Đà La Ni** là:

"Đát nễ-dã tha (1) nhất để, mật để (2) để lý, mật để (3) để lý, nhĩ lý, mật để (4) để lê bỉ (5) nhĩ lý (6) nhĩ lý, để nhĩ (7) để lý, nhĩ lý (8) tô đốn phộc đốn phộc (9) tô phộc tả (10) tức lý, chỉ tỉ dã (11) tẫn na mê nị (12) nẵng mô một đà nam (13) tức yết tỉ bát-lan đa mộ lê (14) nhất để hạ lô (15) lộ hứ đa mộ lê (16) đảm phộc (17) ám phộc (18) câu trí (190 củ nẵng trí (20) để la quân tả nẵng trí (21) a noa phộc đa dã (22) miệt la-sái đổ nỉ vụ (23) nẵng phộc ma sa (24) na xả ma tế để (25) nhất để nhĩ lý (26) chỉ lý, nhĩ lý (27) kế la nhĩ lý (28) kế đổ mẫu lê (29) nỗ nỗ mê, tô nỗ mê nãi (30) na lý mê (31) tán đổ miệt tai (32) mẫu sa miệt tai (33) mẫu tát lệ, mẫu tát lệ (34) ê noa phộc tốt-đa la kế (35) nại ca la (36) nại ca lý mê (37) khư la ma la (38) xí lê nhất để (39) tát nhạ lê (40) đổ phệ (41) đổ đốn mê (42) át nẵng tai (43) bát-la nại tai (44) át noa nại tai (45) phộc la-sái đổ nỉ vụ, nẵng mô na kế nẵng (46) tán đát tai đố (47) tam mãn đế nẵng (48) nẵng la dã nê (49) bá la dã nê (50) hạ lý đa lý (51) quân đá lý (52) y lý, mật tốt-để (53) cát để lý mật tốt-để (54) y mê tất điền đổ (55) nại-la nhĩ noa (56) mạn đát-la lộ na, sa-phộc hạ (57)"

[illegible]



Tadyathā: Inti minti, vili miti, vili mila minti, tilepi, mili, mili timi, tili mili, sutusvā tumvā , suvaca, cilikisiya, bhinnameḍi, namo buddhānāṃ cihnāsi prānta mūle, iti hāro, lohita mūle, tumbā ambā, kuṭṭi, kunaṭṭi, tilakuṃ canaṭṭi, aḍavātāya, varṣatudevo, nava māsā, daśa-māsati, iti mili, kili mila, kila mili, ketu mūle dudumbe sudumeḍe, dalime, saṃtu vaṭṭe, vusa vaṭṭe, vusare vusare, dhanavastarake, narkalā, narkalime, khara mara khile iti, sarjjale, tumbe tutumbe, anaṭṭa, pranaṭṭa aṇanaṭṭa, varṣatudevo, navodakena, sarvataḥ, samantena, nārāyaṇi, pārāyaṇe, haritāli kuntāli, ili misti, kitili misti, ime sidhyantu dramiḍa, mantra-padāḥ svāhā

_ Này A Nan Đà! **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Tâm Đà La Ni** này, nếu lại có người muốn vào thôn xóm thì cần phải nhớ niệm, ở trong chỗ hoang vắng cũng nên nhớ niệm, ngay trong đường đi cũng thường nhớ niệm. Hoặc ngay trong chỗ chẳng phải là đường đi cũng nên nhớ niệm, Khi vào cung vua thời nhớ niệm, khi gặp giặc cướp thời nhớ niệm, khi đấu tranh thời nhớ niệm, khi bị nạn nước lửa thời nhớ niệm, khi gặp gỡ Oán Địch thời nhớ niệm, khi ở trong Đại Chúng thời nhớ niệm. Hoặc khi bị nhóm rắn, bọ cạp…cắn thời nhớ niệm. Khi bị trúng chất độc thời nhớ niệm với khi gặp các việc đáng sợ thời nhớ niệm. Khi bị bệnh trúng gió, vàng da, **đàm ẩm** (Trong thân thể, nước dịch quá lượng chẳng thâu hóa được, ngưng chảy hoặc chảy rỉ ra ở một bộ phận nào đó gây thành bệnh) thời nhớ niệm. Hoặc khi bị bệnh **Tam Tập** thời nhớ niệm. Hoặc 404 bệnh, khi mỗi một bệnh sinh thời nhớ niệm. Nếu khi khổ não đến thời nhớ niệm. Tại sao thế? Nếu lại có người đáng bị tội chết thì dùng đồ vật trừng phạt mà được thoát, tội đáng bị trừng phạt thì dùng cây gậy nhẹ đánh mà được thoát, tội đáng bị cây gậy nhẹ đánh thì bị trách mắng mà được thoát, tội đáng bị trách mắng thì chỉ bị đe dọa cho run sợ mà được thoát, tội đáng bị đe dọa cho run sợ thì tự nhiên giải thoát, tất cả sự lo ấu buồn bực thảy đều giải thoát.

_ Này A Nan Đà! **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** được tất cả Như Lai cùng chung tuyên nói, thường nên thọ trì, tự xưng tên của mình, thỉnh cầu gia hộ.

"Nguyện xin nhiếp thọ con (họ tên là…) trừ được các sự sợ hãi. Khi bị nạn khổ bởi dao, gậy, gông cùm thời nguyện đều giải thoát, thường gặp điều lợi ích, chẳng gặp tai họa nguy hiểm, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm mùa Thu"

_ A Nan Đà! Nếu có hàng **Người** (Manuṣa), **Trời** (Deva), **Ma** (Māra), **Phạm** (Brahma), **Sa Môn** (Śrāmaṇa), **Bà La Môn** (Brāhmaṇa)…đọc tụng, thọ trì **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** này, kết **Địa Giới** ấy kết **Phương Ngung Giới** thỉnh cầu gia hộ, một lòng thọ trì. Ta chẳng thấy có Trời, Rồng, Quỷ, Thần nào có thể gây não hại được. Ấy là: Trời, vợ của Trời, con trai của Trời, con gái của Trời với cha mẹ của Trời và các bạn bè, quyến thuộc…Loại của nhóm như vậy không có thể gây hại.

Hoặc **Rồng** (Nāga), vợ của Rồng, con trai của Rồng, con gái của Rồng với cha mẹ của Rồng và các bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **A Tô La** (Asura), vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Ma Lỗ Đa** (Muruta) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Nghiệt Lỗ Noa** (Garuḍa) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Ngạn Đạt Phộc** (Gandharva) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Khẩn Na La** (Kimṇara) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Ma Hộ La Nga** (Mahoraga) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Dược Xoa** (Yakṣa) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **La Sát Sa** (Rākṣasa) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Tất Lệ Đa** (Preta) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Tỳ Xá Già** (Piśāca) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Bộ Đa** (Bhūta) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Củ Bạn Noa** (Kuṃbhaṇḍa) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Bố Đan Na** (Pūtana) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Yết Tra Bố Đan Na** (Kaṭapūtana) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Tắc Kiến Na** (Skanda) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Ốt Ma Na** (Unmāda) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Xa Gia** (Cchāya) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **A Bát Sa Ma La** (Apasmāra) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Ổ Sa Đá La Ca** (Ostakara) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hàng Trời, Rồng, Dược Xoa với các Quỷ Thần, hết thảy thân quyến, bạn bè, quyến thuộc nhóm như vậy, phát khởi Tâm ác rình rập con người, tìm dịp thuận tiện gây các chướng nạn. Nhóm Trời, Rồng, Quỷ Thần này tuy khởi Tâm ác nhưng chẳng thể gây não loạn cho người trì Kinh này. Tại sao thế? Do thường thọ trì **Phật Mẫu Minh Vương Đà La Ni**. Nhóm Trời, Rồng, Quỷ Thần gây não hại này nếu quay về chỗ của mình (bản xứ) thì loài ấy chẳng cho vào sống chung

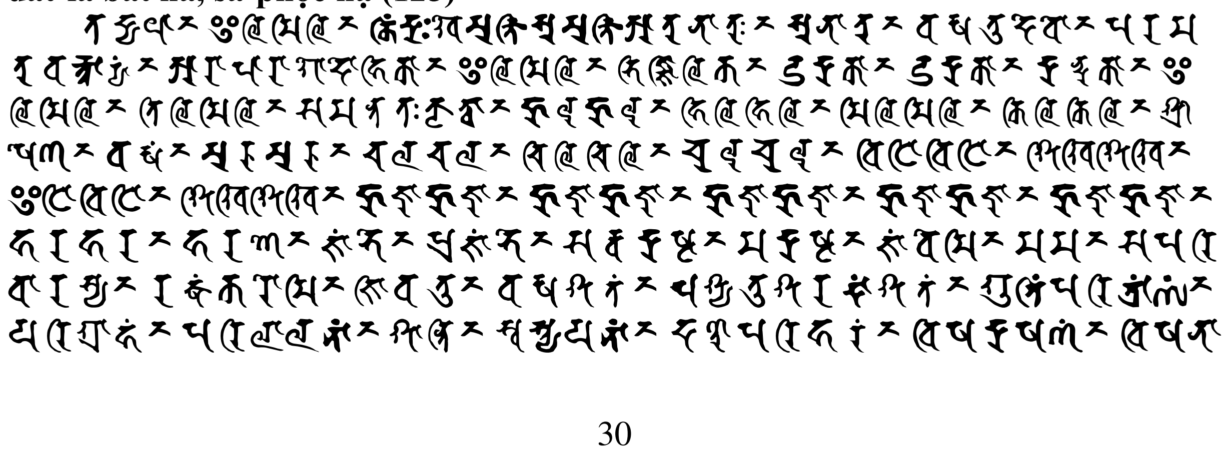
Nếu có loài làm trái ngược với **Phật Mẫu Minh Vương Chân Ngôn** này, vượt qua **Giới Pháp** thì cái đầu bị phá vỡ làm bảy phần giống như **ngọn cây Lan Hương** [Tiếng Phạn là **A Nhĩ Ca Mạn Chiết Lý** (Arjaka-mañjarī) là đầu ngọn cây **Lan**

Hương vậy. Xưa kia dịch là cành cây **A Lê** là sai lầm vậy. Phương Tây (Ấn Độ) không có cây **A Lê**]

_ Lại nữa A Nan Đà! Lại có **Minh Vương Đà La Ni**, ông nên thọ trì.

Liền nói **Minh** là:

"Đát nễ-dã tha (1) y lý, nhĩ lý (2) khẩn nậu khế mục cật-đế (3) tô mục cật-đế (4) a noa nẵng noa (5) tô nẵng noa (6) phộc la-sái đổ nỉ vũ (7) bả la ma noa miệt đá diệm (8) a la bá la (9) ngộ nộ hứ ca (10) y lý, nhĩ lý (11) bỉ nhĩ lý ca (12) ốt nỗ ca (13) ốt thấu nỗ ca (14) y lý, nhĩ lý (15) để lý, nhĩ lý (16) tam mãn đát đa cật-lật đát-phộc (17) hộ lỗ, hộ lỗ (18) hứ lý, hứ lý (19) nhĩ lý, nhĩ lý (20) chỉ lý, chỉ lý, thất-lý sái noa (21) một-lý sam (22) mẫu lỗ, mẫu lỗ (23) tả la, tả la (24) tức lý tức lý (25) tổ lỗ, tổ lỗ (26) vĩ trí, vĩ trí (27) thức khí, thức khí (28) nhất trí, vĩ trí (29) thức khí, thức khí (30) hộ tổ, hộ tổ (31) hộ tổ, hộ tổ (32) hộ tổ, hộ tổ (33) hộ tổ, hộ tổ (34) hộ tổ, hộ tổ (35) hạ la, hạ la (36) hạ la nê (37) tảm bệ (38) bát-la tảm bệ (39) tát phộc nột sắt-tra (40) ma nỗ sắt-cửu (41) tảm bệ nhĩ (42) ma ma (43) táp bả lý phộc la tả (44) la khất-sang, ca lỗ nhĩ (45) nhĩ phộc đổ (46) phộc la-sái thiết đan (47) bát xả đổ, thiết la nạm, thiết đan (48) ngu để-dựng, bả lý đát-la (49) nam bả lý ngật-la hám (50) bả lý bá la nam (51) phiến để-dựng (52) sa-phộc sa tha-dã dã nam (53) nan noa bả lý hạ lan (54) vĩ sái nỗ sái nam (55) vĩ sái nẵng xả nan (56) tỉ ma mạn đặng (57) đà la nê, mạn đãng tả, ca lỗ nhĩ (58) tức đát-lệ (59) tức đát-la ma lê (60) hạ lê (61) hạ la ma lê (62) pha lê (63) phả la ma lê (64) củ lỗ, củ lỗ (65) khư la phộc lỗ nê (66) vị lệ (67) ê duệ (68) a lỗ ma lỗ (69) diệt trừ tất cả chất độc (70) với loài khởi Tâm ác (71) chất độc của rễ, chất động của răng với răng nanh (72) các chất độc trong thức ăn uống (73) Nguyện dùng Uy Quang của Phật (74) diệt trừ sự khổ hại của chất độc (75) tố lỗ, tố lỗ kế (76) phộc la, phộc la kế (77) vạt la kế (78) vĩ lý, hứ lý (79) tất cả chất độc tiêu trừ (80) Nguyện đừng xâm hại nhau (81) bảy Đức Phật, các Thế Tôn (82) Chính Biến Tri Giác Giả (83) cùng với chúng Thanh Văn (84) uy quang diệt các chất độc (85) ê la, mê la (86) nhất lý, mê la (87) để lý, để lý, mê la (88) để hạ nỗ hạ (89) vĩ ma nỗ ma (90) ê tô, nỗ ma (91) tốn ma (92) đốn ma (93) tam ma đốn ma (94) a nãi nẵng nãi (95) củ la củ phộc nẵng nãi (96) phộc la-sái đổ nỉ phộc (97) y lý, chỉ tỉ (98) tam mạn đế nẵng (99) nẵng phộc ma sa (100) na sa ma sa (101) muội đát-lý mê (102) tát phộc tát đát-vi số (103) mẫu tát nãi (104) mẫu na lý nê (105) kế phộc trích kế (106) phộc tra ca mộ lệ (107) y để nhiếp phộc lệ (108) đổ mê, tỳ đổ mê (109) tất-lý dựng, ca lệ (110) a phộc tai (111) bả lý phộc tai na vũ na kế nẵng (112) phộc la-sái đổ nỉ vũ (113) nẵng mô sa nga phộc đố, ấn nại-la (114) ngộ bả tỉ ca dã (115) nhất trí tra dã (116) ngộ nộ hứ ca dã (117) bột-lăng nga lý ca dã (118) a lê đa lê (119) quân đa lê (120) a xả ninh (121) bá xả ninh (122) bá bả ninh củ lê (123) nẵng mô bà nga phộc đá nam (124) tất điền đổ, mãn đát-la bát na, sa-phộc hạ (125)"



Tadyathā: Ili mili, kiṃduḥkhe mukti sumukti āḍa nāḍaḥ, sunāḍa, varṣatu devo, paramaḍavarttāryāṃ, ārā pārāgodohikā, ili mili, bhijjilika, udukā, udukā, dundukā, ili mili, tili mili, samantataḥ kṛtvā, hulu hulu, hili hili, mili mili, kili kili, śrīṣeṇa varṣaṃ muru muru, cala cala, cili cili, culu culu, viṭi viṭi, śikhi śikhi, iṭi viṭi, śikhi śikhi, huju huju, huju huju, huju huju, huju huju, huju huju, hara hara, haraṇe, jaṃbhe, prajaṃbhe, sarva duṣṭha, maduṣṭha, jaṃbemi, mama, saparivārasya, rakṣaṃ karomi, jiva tu, varṣaśataṃ, paśyatu śaradāṃ śataṃ, gutiṃ paritrāṇāṃ, parigrāhaṃ, paripālanaṃ, śāntiṃ, svastyayanāṃ, daṇḍa-parihāraṃ, viṣa-duṣaṇaṃ, viṣa-nāśanāṃ, sīmā-bandhaṃ, dhāraṇī bandhaṃ ca karomi, citre, cittra-māle, hale hala māle, phale phala māle, kuru kuru, kharavaruṇe, vīre, eye, aru maru, diệt trừ tất cả chất độc với loài khởi Tâm ác, chất độc của rễ, chất động của răng với răng nanh, các chất độc trong thức ăn uống. Nguyện dùng Uy Quang của Phật diệt trừ sự khổ hại của chất độc. **suru suruke, vara varake, varakke, viri hiri** tất cả chất độc tiêu trừ, nguyện đừng xâm hại nhau. Bảy Đức Phật, các Thế Tôn Chính Biến Tri Giác Giả cùng với chúng Thanh Văn tỏa uy quang diệt các chất độc **elā melā, ili melā, tili tili melā, tihā duha, vimādhu mādu, esudumā, sukumbhā, tumbā, samatumbā, aḍe nāḍe, kulakuva naḍe, varṣatu devaḥ , ilakisi, samantena, navamāsā, Daśamāsā, maitrī me, sarva satveṣu, vusaḍe, vudāriṇi, kevaṭṭa kevaṭṭaka mūle, iti śavare, tumbe vitumbe , priyaṃ kare, āvaṭṭe, parivaṭṭe, navodakeṇa varṣatu devo.**

Namo bhagavato indra gopasikāya, iṭṭiṭṭaya, godohikāya, bhṛṃgārikāya, āle tale, kuntala, āśane, pāśane, pāpanikule

Namo bhagavatānāṃ, sidhyantu mantrapāda svāhā

_ Tỳ Bát Thi Như Lai (Vipaśyīn-tathāgata)
Ngồi dưới cây **Vô Ưu** (Aśoka)
_ Thi Khí Phật Thế Tôn (Śikhīn-buddha-lokanātha)
Nương nơi **Bôn Đà Lợi** (Puṇḍarī)
_ Tỳ Xá Phù Như Lai (Viśvabhū-tathāgata)
Trụ tại rừng **Sa La** (Śāla)
_ Câu Lưu Tôn Như Lai (Krakucchanda-tathāgata)
Dưới cây **Thi Lợi Sa** (Śirīṣa)
_ Đại Sư **Yết Nặc Ca** (Kanakamunïi)
Cây **Ô Đàm Bạt La** (Udumbara)
_ Thiện Thệ **Ca Diếp Ba** (Kāśyapa)
Dưới cây **Ni Câu Đà** (Nyagrodha)
_ Thích Ca Mâu Ni Phật (Śākyamunïi-buddha)
Dòng Thánh, **Kiều Đáp Ma** (Gautāma)

Ngồi ở **cây Bồ Đề** (Bodhi-vṛkṣa)
Chứng **Vô Thượng Chính Giác** (Anuttarā-samyaksaṃbuddha)
_ Các Thế Tôn nhóm đấy
Đều đủ Uy Đức lớn
Chư Thiên rộng cúng dường
Đều sinh Tâm tin kính
Tất cả các Quỷ Thần
Đều sinh niệm vui vẻ
Khiến con thường an ổn
Lìa hẳn ách suy kém

Bảy Đức Phật Thế Tôn đã nói **Minh** là:

“Đát nễ-dã tha (1) nhất lý, nhĩ lý (2) chỉ lý, vĩ lý (3) kế lý, phộc lý (4) ốt nỗ la (5) tô nỗ mô nỉ (6) mộ tát la (7) hộ hộ (8) ca la thệ (9) ca la nhạ mẫu lệ (10) nhất để xả phộc đá (11) củ đổ lý (12) nẵng la dã nê (13) bả xả ninh (14) bả xả, bả xả ninh (15) kiếp bỉ la phộc tốt-đổ (16) y lý phộc tất điền đổ (17) nại-la nhĩ noa (18) mãn đát-la bả na, sa-phộc hạ (19)”

Tadyathā: Ili mili, kili vili, keli vali, udrarā, sudumode busara, huhu, karañjje, karañjja mūle, itiśavatā, kutuli, nārāyaṇi, paśyani, paśya paśyani, kapila-vastu, irivā sidhyantu, drāmiḍā mantra-padā svāhā

_ Lại nữa A Nan Đà! Có tên gọi của **Đại Dược Xoa** (Mahā-yakṣa) là điều mà **Tác Ha Thế Giới Chủ Phạm Thiên Vương** (Sāhaṃpati), **Thiên Đế Thích** (Śakra-devānāṃ-indra), **bốn Đại Thiên Vương** (Catvāsraḥ mahā-rājikāḥ), 28 Đại Dược Xoa Tướng cùng nhau tuyên nói. Nếu có người thọ trì tên gọi của Đại Dược Xoa như vậy, giả sử có Quỷ Thần phát khởi Tâm ác muốn gây não loạn thì cái đầu bị phá vỡ thành bảy phần giống như đầu ngọn cây Lan Hương.

Liền nói tên gọi của Dược Xoa là:

“Đát nễ-dã tha (1) cát để mộ lệ, ê lỗ mộ lệ (2)tam mãn đa mộ lệ (3) a nãi nẵng nãi (4)củ tát nẵng nãi (5)y đế, nhĩ đế (6)bá lỗ, a lỗ noa cú (9)y lý chỉ tức lý (10)ngộ nộ hứ ca (11)ốt độn độ ma (12)tẫn na phệ noa (13)”

Tadyathā: Kīrtti mūle, eru mūle, samanta mūle, āḍenāḍe, kuśa naṭṭe, iṭṭe miṭṭe, paru, araḍakā, ilikisi cili, godohikā, uddundhumā, bhinnameḍa.

_ Nguyện **hai chân** (loài có 2 chân) cát tường
Bốn chân (loài có 4 chân) cũng cát tường
Đi trong đường, cát tường
Quay về cũng cát tường
_ Nguyện trong đêm, cát tường
Ban ngày cũng cát tường
Tất cả nơi cát tường
Đừng gặp các tội ác
_ Tất cả **Nhật** (Āditya: mặt trời) đều Thiện
Tất cả **Tú** (Nakṣatra: tinh tú) đều Hiền

Chư Phật đều Uy Đức

La Hán (Arhat) đều dứt **Lậu** (Asrāva:tuôn chảy thấm rỉ, một tên gọi khác của phiền não)

Do lời thành thật này

Nguyện con thường cát tường

Đức Phật bảo A Nan Đà: "Nếu khi đọc tụng Kinh Đại Minh Vương này thời nói lời như vầy: "**Đại Khổng Tước Minh Vương** là điều mà Đức Phật đã tuyên nói. Nguyện dùng Thần Lực thường ủng hộ con, nhiêu ích nhiếp thọ, làm chỗ Quy y, vắng lặng cát tường, không có các tai vạ. Dao, gậy, thuốc độc không thể xâm tổn. Nay con y theo Pháp, kết **Địa Giới** ấy, kết **Phương Ngung Giới** trừ các ưu não, sống lâu trăm tuổi, nguyện đi qua trăm mùa Thu"

_ Lại nữa A Nan Đà! Có Đại Dược Xoa Vương với các Dược Xoa Tướng trụ bên biển lớn, hoặc trụ tại núi **Diệu Cao** (Sumeru: núi Tu Di) với các núi khác, hoặc ở chốn hoang vắng. Hoặc trụ ở các con sông, dòng nước, đầm nước, ao hồ, rừng chứa xác chết, hố vũng, hang hốc, ngõ tắt trong làng, ngã tư đường, vườn, rừng, cây cối. …hoặc ở chỗ khác. Có Đại Dược Xoa trụ ở **A Noa Vãn Đa Đại Vương Đô Xứ**…Chúng của nhóm như vậy thành Nguyện, dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các Quyến Thuộc sống lâu trăm tuổi.

Liền nói Đà La Ni là:

"Đát nễ-dã tha (1) hạ lý, hạ lý nê (2) tá lý, tá lý ninh (3) đát-la bả nê (4) mô hạ ninh (5) sa-đảm bà ninh (6) tảm bà ninh (7) sa-phộc diễn bộc (8) sa-phộc hạ (9)"

[illegible]

Tadyathā: Hari, hāriṇi, cali cālini, trapāṇi, mohani, stambhani, jambhani, svāyaṃ bhrūḥ svāhā

_ Lại nữa A Nan Đà! Phương Đông có vị Đại Thiên Vương tên là **Trì Quốc** (Dhṛta-rāṣṭra) là chủ của hàng **Ngạn Đạt Phộc** (Gandharva), dùng vô lượng trăm ngàn Ngạn Đạt Phộc làm quyến thuộc thủ hộ phương Đông. Vị ấy có con cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tạp sứ, nhóm chúng như vậy. Vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** này ủng hộ cho con (Họ tên…) kèm với các Quyến Thuộc trừ được ưu não, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu.

Đà La Ni là:

"Đát nễ-dã tha (1) thô thô lỗ (2) thô thô lỗ (3) thô thô lỗ (4) thô thô lỗ (5) thô thô lỗ (6) thô lỗ, thô lỗ (7) thô lỗ mê, sa-phộc hạ (8)"

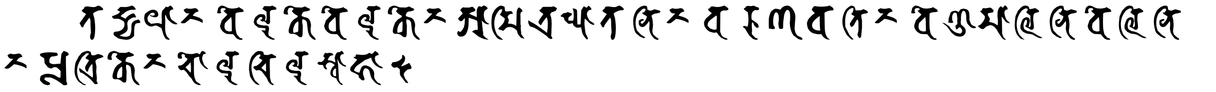
[illegible]

Tadyathā: Jhe jheru, jhe jheru, jhe jheru, jhe jheru, jhe jheru, jheru jheru, jheru bhre svāhā.

_ Lại nữa A Nan Đà! Phương Nam có vị Đại Thiên Vương tên là **Tăng Trưởng** (Virūḍhaka) là chủ của hàng **Củ Bạn Noa** (Kuṃbhaṇḍa), dùng vô lượng trăm ngàn Củ Bạn Noa làm quyến thuộc thủ hộ phương Nam. Vị ấy có con cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tạp sứ, nhóm chúng như vậy. Vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các Quyến Thuộc trừ được ưu não, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu.

Đà La Ni là:

“Đát nễ-dã tha (1) phệ lỗ kế, phệ lỗ kế (2) a mật đát-la gia đa ninh (3) phộc lỗ noa phộc để (4) phệ nỗ ma lý ninh (5) phệ lý ninh (6) bổ đát-lý kế (7) tổ tổ tức tổ (8) sa-phộc hạ (9)”

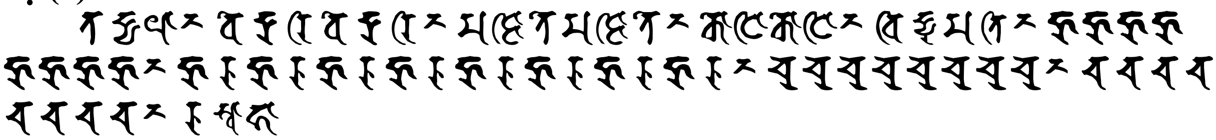


Tadyathā: Veluke veluke, āmitraghātani, varuṇavati, veṇumālini velini, putrike, colu cilu svāhā.

_ Lại nữa A Nan Đà! Phương Tây này có vị Đại Thiên Vương tên là **Quảng Mục** (Virūpākṣa) là chủ của hàng **Rồng lớn** (Mahā-nāga), dùng vô lượng trăm ngàn các vị Rồng làm quyến thuộc thủ hộ phương Tây. Vị ấy có con cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tạp sứ, nhóm chúng như vậy. Vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các Quyến Thuộc trừ được ưu não, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu.

Đà La Ni là:

“Đát nễ-dã tha (1) phệ nỗ lý, phệ nỗ lý (2) ma trí đế, ma trí đế (3) cú chi, cú chi (4) vĩ nễ-dữu ma để (5) hộ hộ hộ hộ hộ hộ hộ hộ (6) hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ (7) tổ tổ tổ tổ tổ tổ tổ tổ (8) tả tả tả tả tả tả tả tả, lô, sa-phộc hạ (9)”



Tadyathā: Veduri veduri, maṭṭite maṭṭite, koṭi koṭi, vidyu-mati, hu hu hu hu hu hu hu hu, huru huru huru huru huru huru huru huru, cu cu cu cu cu cu cu cu, ca ca ca ca ca ca ca ca, ru svāhā

_ Lại nữa A Nan Đà! Phương Bắc có vị Đại Thiên Vương tên là **Đa Văn** (Vaiśravaṇa) là chủ của hàng **Dạ Xoa** (Yakṣa), dùng vô lượng trăm ngàn các vị Dạ Xoa làm quyến thuộc thủ hộ phương Bắc. Vị ấy có con cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tạp sứ, nhóm chúng như vậy. Vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các Quyến Thuộc trừ được ưu não, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu.

Đà La Ni là:

“Đát nễ-dã tha (1) tố lý, tố lý (2) thí lý, thí lý (3) ma để hạ lý (4) hạ lý ma để (5) ca lý lý (6) hạ lý lý (7) bế lỗ, bế lỗ (8) băng nga lê (9) tổ lỗ, tổ lỗ (10) độn độ ma để (11) hạ đan vĩ sam (12) độn độ ma để, sa-phộc hạ (13)”



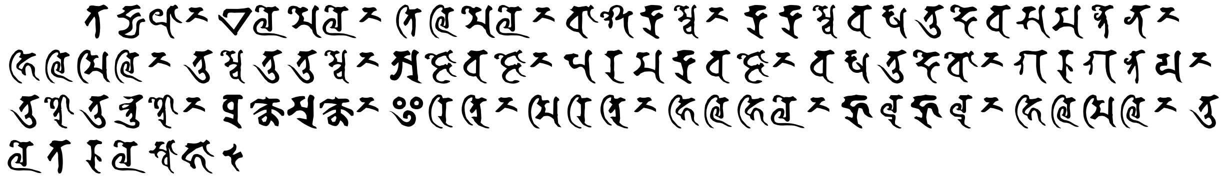
Tadyathā: Suri suri, śiri śiri, mati hari, hari mati, kariri, hariri, pelu pelu piṅgale, culu culu, dhundhu mati, hataṃ viṣaṃ, dhundhu mati svāhā.

Phương Đông tên **Trì Quốc** (Dhṛta-rāṣṭra), phương Nam hiệu **Tăng Trưởng** (Virūḍhaka), phương Tây tên **Quảng Mục** (Virūpākṣa), phương Bắc tên **Đa Văn** (Vaiśravaṇa). Bốn vị Đại Thiên Vương này hộ giúp cho đời có danh tiếng, bốn phương thường ủng hộ. Đại Quân đủ Uy Đức, Oán bên ngoài đều chịu hàng phục, quân địch khác chẳng thể xâm phạm, Thần Lực có ánh sáng, thường không có các sự sợ hãi. Khi hàng Trời cùng với A Tu La chiến đấu thời nhóm này cũng tương trợ khiến cho chư

Thiên chiến thắng, được an ổn. Đại Chúng của nhóm như vậy cũng dùng **Minh Vương** này hộ giúp cho con kèm với quyến thuộc không có bệnh tật, sống lâu trăm tuổi.

Đà La Ni là:

"Đát nễ-dã tha (1) ế lệ, mê lệ (2) để lý, mê lệ (3) phộc thế nỗ mê nỗ nỗ mê (4) (Nếu lúc cầu mưa thời xưng bốn câu này) **phộc la-sái đổ nỉ phộc, tam mãn đế nẵng (5)** [Nếu **Tức** Tai, khi cầu nguyện thời nên nói là: Con (họ tên…) kèm với các Quyến Thuộc cầu được mãn ước nguyện] **hứ lý, nhĩ lý (6) đốn phệ đổ đốn phệ (7) át tai phộc tai (8) lộ bả la ma nỗ phộc tai (9) phộc la-sái đổ nỉ vụ (10) nga lỗ ngạn đá dã (11) đốn nãi đổ đốn nãi (12) thốc kế mục kế (13) y lý nị (14) nhĩ lý nị (15) hứ lý, hứ lê (16) hộ lỗ, hộ lê (17) hứ lý, nhĩ lý (18) đổ lê, đa lỗ lý, sa-phộc hạ (19)"**



Tadyathā: Ele mele, tili mele, vāśe dumbe, dudumbe_ varṣatu deva samantena, hili mili, tumbe tutumbe, aṭṭe vaṭṭe, paramaduvaṭṭe, varṣatu devo , garugantaya, tuṇḍe tutuṇḍe, bukke mukke, iriḍi, miriḍi, hili hile, hulu hulu, hili mili, tule tarule svāhā.

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dược xoa
Đến lắng nghe Pháp, nên chí Tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng hành **Thế Tôn Giáo**

_ Hết thảy Hữu Tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Tâm **Từ**
Ngày đêm tự mình nương Pháp trụ

_ Nguyện các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí, lợi quần sinh
Hết thảy nghiệp tội đều tiêu trừ
Xa lìa mọi khổ, về Viên Tịch

_ Luôn dùng **hương Giới** xoa vóc sáng
Thường khoác **áo Định** để nghiêm thân
Hoa diệu Bồ Đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở, thường an vui.

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG
QUYỂN THƯỢNG (Hết)

Mật Tạng Bộ 2_ No.982 (Tr.422_ Tr.433)

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG
QUYỂN TRUNG

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thuỵ là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

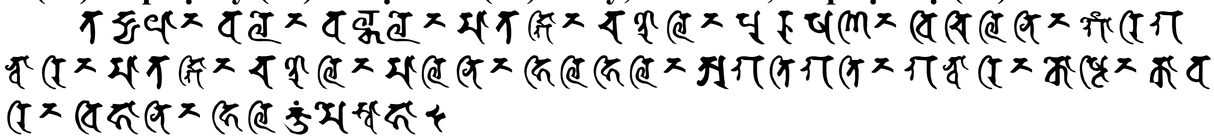
Đức Phật bảo A Nan Đà: "Ông nên xưng niệm danh tự của Đại Dược Xoa Vương với các Dược Xoa Đại Tướng. Ấy là:

_ Con trưởng **Củ Phệ La** (Kuvera, hay Kubera)
Tên là **San Thệ Gia** (Saṃjaya)
Thường sai khiến con người
Trụ nước **Nhĩ Si La** (Mithilā)
Dùng Uy Trời thành thật
Chúng đều theo xin Nguyện

Vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các Quyến Thuộc trừ được ưu não, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu.

Liền nói Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) phộc lê (2) phộc lặc-ca lê (3) ma đặng nghê (4) chiến noa lý (5) bổ lỗ sái nê (6) vĩ tức lý ninh (7) ngộ lý (8) ma đặng nghê (9) chiến noa lý (10) ma lý ninh (11) hứ lý, hứ lý (12) a nghiệt để, nghiệt để (13) ngạn đà lý (14) cú sắt-sỉ (15) ca phộc lý (16) vĩ hạ ninh (17) hứ lý, kiếm mê, sa-phộc hạ (18)"



Tadyathā: Vale, valkale, mātaṅgi, caṇḍali, puruṣaṇi, vicilini, gauri gandhāri, mātaṅgi, caṇḍali, mālini, hili hili, agati gati, gandhāri, koṣṭi kāvari, vihāni, hili kumme svāhā.

_ Thần **Yết Cú Thốn Na** (Krakucchanda)
Xứ **Ba Tra Lê Tử** (Pātari-putra)
_ A Bạt La Nhĩ Đa (Aparājita)
Trụ ấp **Tốt Thổ Nô** (Sphurā)
_ Đại Dược Hoa **Hiền Thiện** (Bhadrapura)
Trụ ở thành **Thế La** (Śola)
_ Đại Thần **Ma Na Ba** (Maṇāva)
Thường ngụ ở **bắc Giới** (Uttarā)
_ Đại Thánh **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi)
Cư trú thành **Vương Xá** (Rājagṛha)
Thường ở núi **Thứu Phong** (Gṛdhrakūṭa)
Dùng làm nơi nương dựa (y chỉ)
_ Đại Thần **Kim Sí Điểu** (Garuḍa)
Trụ núi **Tỳ Phú La** (Vipūla)

_ **Chất Đa La Cấp Đa** (Citra-gupta)
Trụ **Chất Để Mục Khê** (Citemukha)
_ Dược Xoa **Bạc Câu La** (Vakula)
Trụ ở thành **Vương Xá** (Rājagṛha)
Tùy tùng kèm quyến thuộc
Có sức Uy Thần lớn
_ Dược Xoa **Đại Tiểu Hắc** (Kālopakālakau)
Trụ thành **Kiếp Bỉ La** (Kapila)
Là **Thích Tộc Mâu Ni**
Nơi sinh của Đại Sư
_ Đại Dược Xoa **Ban Túc** (Kalmāṣapāda)
Trụ thành **Phệ La Gia** (Vairāyā)
_ Dược Xoa **Ma Ê Thủ** (Maheśvara)
Trụ nước **Chỉ La Đa** (Virāta)
_ **Vật Sa Ha Bát Để** (Bṛhaspati)
Trụ ở thành **Xá Vệ** (Śrāvastī)
_ Dược Xoa **Sa Lê La** (Sāgara)
Trụ xứ **Sa Kê Đa** (Sāketa)
_ Dược Xoa **Kim Cương Trượng** (Vajra-yudha)
Trụ nước **Tỳ Xá Ly** (Vaisālī)
_ **Ha Lý Băng Nghiệt La** (Haripiṅgala)
Trụ trong thành **Lực Sĩ** (Malla)
_ Dược Xoa Vương **Đại Hắc** (Mahā-kāla)
Nước **Bà La Noa Tư** (Bārānaṣī)
_ Dược Xoa tên **Thiện Hiện** (Sudarśaṇa)
Trụ ở thành **Chiêm Ba** (Campā)
_ Dược Xoa **Phệ Sử Nô** (Viṣṇu)
Trụ tại nước **Đọa La** (Dhvārakā)
_ Dược Xoa **Đà La Nê** (Dhāraṇī, ? Varuṇa)
Trụ ở nước **Hộ Môn** (Dhvārapāli)
_ Dược Xoa **Khả Úy Hình** (Vibhīgaṇa)
Trụ ở nước **Đồng Sắc** (Tāmraparṇṇī)
_ Dược Xoa **Mạt Đạt Na** (Marddana)
Trụ thành **Ô Lạc Ca** (Uragā)
_ Tướng **Ha Tra Bạc Câu** (Āṭavaka)
Trụ trong rừng hoang vắng
_ Dược Xoa **Kiếp Bỉ La** (Kapila)
Trụ ở thành **Đa Đạo** (Bahudhānyaka)
_ Đại Dược Xoa **Hộ Thế** (Vasutrāta)
Trụ nước **Ốt Thệ Ni** (Urjjayanī)
_ Thần **Vạt Tô Bộ Để** (?Vasubhuti)
Trụ **A La Vãn Để** (Aravanti)
_ Dược Xoa Thần **Thủy Thiên** (Bharuka)
Nước **Bà Lô Yết Thử** (Bharukaccha)
_ Đại Dược Xoa **Hoan Hỷ** (Nanda)
Trụ ở thành **Hoan Hỷ** (Nandapura)
_ Dược Xoa Thần **Trì Man** (Mālya-dhara)
Trụ tại nước **Thắng Thủy** (Agrodaka)

_ Dược Xoa **A Nan Đà** (Ānanda)
Nước **Mạt La Bát Tra** (Maraparvaṭa)
_ Dược Xoa **Bạch Nha Xỉ** (Śukra-daṃṣṭra)
Trụ ở thành **Thắng Diệu** (Suvāstu)
_ Dược Xoa **Kiên Cố Danh** (Dṛdha-nāma)
Trụ nước **Mạt Sa Để** (Manasvi)
_ Dược Xoa Vương **Đại Sơn** (Mahāgiri)
Trụ tại xứ **Sơn Thành** (Girinagara)
_ Dược Xoa **Bà Táp Bà** (Vāsava)
Cư trú **Phệ Nễ Thế** (Vaidiśa)
_ Dược Xoa **Yết Để Kê** (Kārttikaya)
Trụ nước **Lô Hứ Đa** (Rohitaka)
_ Dược Xoa **Đồng Tử** (Kumāra) này
Nổi tiếng ở Đại Thành
_ Đại Dược Xoa **Bách Tý** (Śatabāhu)
Trụ tại núi **Tần Đà**
_ Dược Xoa Thần **Quảng Xa** (Bṛhadratha)
Trụ nước **Yết Lăng Già** (Kaliṅga)
_ Dược Xoa **Năng Chinh Chiến** (Duryodhana)
Nước **Tốt Lộc Cận Na** (Śrughna)
_ Đại Dược Xoa **Hùng Mãnh** (Arjuna)
Trụ rừng **Át Tổ Na** (Arjunāvana)
_ Dược Xoa **Mạn Noa Ba** (Maṇḍapa)
Trụ nước **Mạt Đạt Na** (Marddana)
_ Dược Xoa Thần **Sơn Phong** (Girikuṭa)
Trụ ở **Ma Lạp Bà** (Mārava)
_ Dược Xoa **Lỗ Nại La** (Rudra, ?Bhadra)
Ẩn **Lô Hứ Đa Mã** (Rohitaka)
_ Dược Xoa **Nhất Thiết Thực** (Sarvabhadra)
Trụ ở **Xa Yết La** (Śālaka)
_ Thần **Ba Lợi Đắc Ca** (Pālitaka)
Trụ **Thiểu Trí Lạc Kê** (Sautīraka)
_ Thương Chủ (Sārthavāha), **Tài Tự Tại** (Dhaneśvara)
Trụ tại nước **Nan Thắng** (Ajitaṃjaya)
_ Phong Nha (Kūṭa-daṃṣṭra) với **Thế Hiền** (Vasubhadra)
Nước **Bạt Sa Để Gia** (Vasanti)
_ Dược Xoa Vương **Thi Bà** (Śiva)
Trụ thành **Thực Thi Bà** (Śivapura)
_ Dược Xoa **Tịch Tĩnh Hiền** (Śivabhadra)
Trụ tại nước **Khả Úy** (Bhīṣaṇa)
_ Dược Xoa **Nhân Đà La** (Indra)
Trụ nước **Nhân Đà La** (Indrapura)
_ Dược Xoa Chủ **Hoa Tràng** (Puṣpa-ketu)
Trụ ở thành **Tịch Tĩnh** (Silāpura)
_ Dược Xoa **Na Lỗ Ca** (Dāruka)
Trụ thành **Na Lỗ Ca** (Dārukapura)
_ Dược Xoa **Kiếp Bỉ La** (Kapila)
Thường trụ tại **Áp Thành** (Valla)

_ **Bảo Hiền** (Maṇibhadra) với **Mãn Hiền** (Pūrṇabhadra)
Trụ **Phạm Ma Phạt Để** (Brahmavatī)
_ Dược Xoa **Năng Tồi Tha** (Pramardana)
Trụ nước **Kiến Đà La** (Gandhāra)
_ Đại Dược Xoa **Năng Hoại** (Prabhañjana)
Trụ **Đắc Xoa Thi La** (Takṣa-śilā)
_ Dược Xoa Thần **Lư Bì** (Kharaposta)
Trụ ngay ở **Thổ Sơn** (Daśa-śaila)
_ Dược Xoa Chủ **Tam Mật** (Trigupta, ?Triguhya)
Bên sông **A Nỗ Ba** (Hanumātīra)
_ Dược Xoa **Phát Quang Minh** (Prabhrkara)
Trụ thành **Lô Lộc Ca** (Raurka)
_ Dược Xoa Thần **Hỷ Trường** (Nandivardana)
Trụ nước **Hứ Ngung Tồi**
_ Dược Xoa **Bà Dĩ Lô** (Vāpīla)
Trụ ở đất **Bà Dĩ** (Vāpibhūmi)
_ Dược Xoa **Ái Đấu Tranh** (Kalahapriya)
Trụ tại thành **Lạm Ba** (Lampāka)
_ Dược Xoa **Nghiệt Đạp Bà** (Gardabhaka)
Trụ thành **Mạt Độ La** (Mathurā)
_ Dược Xoa Vương **Bình Phúc** (Kalaśodara)
Trụ tại thành **Lăng Già** (Laṃka)
_ Dược Xoa **Nhật Quang Minh** (Sūrya-prabhā)
Trụ tại nước **Tô Na** (Sūna)
_ Dược Xoa **Ngột Đầu Sơn** (Girimuṇḍa)
Trụ nước **Kiêu Tát La** (Kośala)
_ Thần **Thắng** (Vijaya) với **Đại Thắng** (Vaijayanta)
Trụ tại nước **Bán Ni** (Paṇḍamāthura)
_ Đại Dược Xoa **Viên Mãn** (Pūrṇaka)
Trụ nước **Mạt La Gia** (Malaya)
_ Dược Xoa **Khẩn Na La** (Kinnara)
Trụ nước **Kế La Đa** (Kerala)
_ Dược Xoa Vương **Hộ Vân** (Meghapāli, ?Meghamāli)
Trụ tại nước **Bạn Noa** (Pauṇḍa)
_ Dược Xoa **Kiển Noa Ca** (Kaṇḍaka)
Trụ tại nước **An Lập** (Pratiṣṭhana)
_ Dược Xoa **Tăng Ca Ly** (Saṃkāri)
Trụ **Tất Đăng Bách Lý** (Pitaṅgari)
_ Dược Xoa Thần **Dẫn Lạc** (Sukhāvaha)
Trụ **Đát Lăng Bách Để** (Taraṅgavatī)
_ Dược Xoa **Tôn Đà La** (Sundara)
Trụ nước **Na Tư Kê** (Nāsikya)
_ Dược Xoa **A Tăng Già** (Asaṅga)
Trụ **Bà Lô Yết Xa** (Bharukacchaka)
_ Đại Dược Xoa **Nan Nễ** (Nandika)
Với **Tử Nan Nễ Ca** (Pitānandīvīra)
Hai Dược Xoa Vương này
Trụ **Yết Ha Tra Ca** (Karahātaka)

_ Đại Dược Xoa **Thùy Phúc** (Lambodara)
Trụ nước **Yết Lăng Già** (Kaliṅga)
_ Dược Xoa Vương **Đại Tý** (Mahābhuja)
Trị nước **Kiêu Tát La** (Kauśalī)
_ Thần **Sa Tất Để Ca** (Svastika)
Nước **Sa Để Yết Tra** (Svastikaṭaka)
_ Dược Xoa **Ba Lạc Già** (Pāraka)
Thường trụ ngay trong rừng
_ Đại Dược Xoa **Hiền Nhĩ** (Bhadra-karṇa)
Trụ nước **Đát Chi Kiên** (Taḍiskandha)
_ Dược Xoa Thần **Thắng Tài** (Dhanāpaha)
Trụ ở nước **Lục Mãn**
_ Đại Dược Xoa **Khí Lực** (Bala)
Trụ **Tỳ La Mạc Ca** (Vairāmaka)
_ Dược Xoa Thần **Hỷ Kiến** (Priya-darśana)
Trụ nước **A Bát Để** (Avatī, ?Avantī)
_ Dược Xoa **Thi Khiên Đà** (Śikhaṇḍī)
Trụ tại nước **Ngưu Tồi** (Gomardana)
_ Dược Xoa **Ái Hợp Chưởng** (Añjalipriya)
Trụ ở **Phệ Nễ Thế** (Vaidiśa)
_ **Bệ Sắt Trí Đắc Ca** (Veṣṭhitaka)
Trụ tại nước **Cái Hình** (Chatrākāla)
_ Dược Xoa **Điều Ma Kiệt** (Makarandaka)
Trụ tại nước **Tam Tằng** (Tripūri)
_ Dược Xoa Thần **Quảng Mục** (Viśālākṣa)
Trụ ở nước **Nhất Dịch** (Erakakṣa)
_ Dược Xoa **An Noa Bà** (Guḍaka)
Nước **Ưu Đàm Bạt La** (Udumbara)
_ Dược Xoa **Vô Công Dụng** (Anāgha)
Trụ nước **Kiêu Thiểm Di** (Kauśāmbi)
_ Thần **Vi Lô Giả Na** (Virocana)
Trụ thành **Tịch Tĩnh Ý** (Śāntivastī)
_ Thần **Gia La Để Ca** (Caritaka)
Trụ ở nước **Xà Cái** (Ahiccatra)
_ Dược Xoa **Xích Hoàng Sắc** (Lohita-kapila)
Trụ nước **Kiếm Tất Ly** (Kaṃpilī)
_ Dược Xoa **Bạc Câu La** (Vakkula)
Trụ **Ốt Thệ Ha Na** (Urjjihānā)
_ Dược Xoa **Bố Lạt Noa** (Pūrṇaka)
Trụ nước **Mạn Noa Bỉ** (Maṇḍavī)
_ Thần **Ninh Ca Mê Sa** (Naigameśa)
Trụ thành **Bán Già Ly** (Paṃcālī)
_ Đại Dược Xoa **Nan Tồi** (Prasabha)
Trụ nước **Nghiệt Độ Sa** (Gajasā)
_ Dược Xoa Thần **Kiên Giáp** (Dṛdha-dhanu)
Trụ tại nước **Thủy Thiên** (Varuṇā)
_ Thần **Bô Lan Thệ Dã** (Puñjaya)
Trụ ở nước **Đấu Chiến** (Yudha)

_ Dược Xoa **Đát Lạc Ca** (Taraka)
Với **Câu Đát Lạc Ca** (Kutaraka)
Hai Đại Dược Xoa Vương
Trụ tại **đất Câu Lô** (Kurukṣetra)
_ **Đại Ô Lô Khư La** (Maholūkhala)
Cùng với **Mê Khư La** (Mekhala)
Hai Dược Xoa Vương này
Uy Đức đủ tiếng tăm
Kèm với các quyến thuộc
Cũng trụ **đất Câu Lô** (Kurukṣetra)
_ Thần **Vi Đế Bá Để** (Vyatipāta)
Với **Dĩ Nghĩa Thành Tựu** (Siddhārtha)
Hai Dược Xoa Vương này
Trụ rừng **A Duệ Để** (Āyati)
_ Dược Xoa **Vãng Thành Tựu** (Siddhapātra)
Trụ **Tốt Lộc Cận Na** (Śrughna)
_ Dược Xoa **Tốt Thổ La** (Sthūla)
Trụ nước **Tốt Thổ La** (Sthūla)
_ **Hổ Lực Sư Tử Lực** (Siṃha-vyaghra-bala)
Và **Đại Sư Tử Lực** (Mahā-siṃha-bala)
Đại Tướng **Câu Chi Niên** (Koṭivarṣa)
Trụ trong **Tha Thắng Cung** (Parapurañjaya)
_ Dược Xoa Thần **Hoa Xỉ** (Puṣpa-danta)
Trụ tại thành **Chiêm Ba** (Caṃpā)
_ Dược Xoa **Ma Kiệt Đà** (Māgada)
Trụ tại xứ **Sơn Hành** (Giribhraja)
_ Dược Xoa **Bát Bạt Đa** (Parvata)
Trụ xứ **Cồ Du Già** (Goyoga)
_ Dược Xoa **Tô Sái Na** (Suṣana)
Trụ nước **Na Yết La** (Nāgara)
_ Đại Dược Xoa **Dũng Tý** (Vīra-bāhu)
Trụ ấp **Sa Kê Đa** (Sāketa)
_ Dược Xoa **Năng Dẫn Lạc** (Sukhāvaha)
Trụ tại **Ca Kiền Để** (Kākandī)
_ Dược Xoa **Vô Lao Quyện**
Trụ nước **Kiêu Thiểm Di** (Kauśāmbi)
_ Dược Xoa Thần **Hiền Thiện** (Bhadrika)
Trụ ở nước **Hiền Thiện** (Bhadrikā)
_ Dược Xoa **Bộ Đa Diện** (Bhūta-mukha)
Trụ **Ba Tra Ly Tử** (Pāṭaliputra)
_ Đại Dược Xoa **Vô Ưu** (Aśoka)
Trụ tại nước **Ca Già** (Kāṃli)
_ Thần **Yết Trưng Yết Tra** (Kaṭaṃkaṭa)
Trụ **Am Bà Sắt Xá** (Ambaṣṭha)
_ Dược Xoa **Thành Tựu Nghĩa** (Siddhārtha)
Trụ tại nước **Thiên Dịch** (Bharukaccha)
_ Dược Xoa **Mạn Na Ca** (Mandaka)
Trụ tại nước **Nan Thắng** (Ajitaṃjaya)

_ Dược Xoa Thần **Giải Phát** (Muñja-keśa)
Trụ ở nước **Thắng Thủy** (Agrodaka)
_ Dược Xoa Thần **Bảo Lâm** (Maṇi-kānana)
Trụ nước **Tiên Đà Bà** (Saindhava)
_ Dược Xoa **Thường Cẩn Hộ**
Trụ nước **Kiếp Tỳ La** (Kapilavastu)
_ **Yết Tra** (Kaṭa), **Vi Yết Tra** (Vikaṭa)
Nước **Ca Tỳ La Vệ** (Kapilavastu)
_ Dược Xoa Thần **Xan Lẫn** (Naikṛtika)
Trụ nước **Kiền Đà La** (Gāndhāra)
_ Dược Xoa Thần **Đọa La** (Dvāraka)
Trụ tại **Nị La Gia** (Nilaya)
_ Dược Xoa Thần **Xứ Trung** (Madhyema)
Hiền Thiện (Bhadreya) trụ **Danh Xưng** (Mahāyaśa)
_ Dược Xoa **Phệ Ly Lưu** (Vairaṭaka)
Trụ trong thành **Kiên Thật** (Sālapura)
_ Dược Xoa **Nhiễm Bạc Ca** (Jambhaka)
Trụ ở đất **Sa Thích** (Marubhūmi)
_ Đại Dược Xoa **Xá Đa** (Khyata)
Cùng với **Tỳ Yết Tra** (Vikaṭa)
Hai Dược Xoa Thần này
Trụ **Vật Na Trích Ca** (Vṛndakaṭa)
_ Thần **Tỳ Ma Ni Ca** (Vaimānika)
Trụ **Đề Bà Thiết Ma** (Devaśarma)
_ Dược Xoa **Mạn Đà La** (Mandara)
Trụ nước **Nại La Na** (Darada)
_ Dược Xoa Thần **Tác Quang** (Prabhaṃkara)
Nước **Yết Thấp Di La** (Kaṣmīra)
_ Dược Xoa **Chiêm Bác Ca** (Candaka)
Trụ tại thành **Yết Tra** (Jaṭāpūra)
_ Dược Xoa **Bán Chi Ca** (Pāñcika)
Nước **Yết Thấp Di La** (Kaṣmīra)
Đủ năm trăm người con
Có đại quân đại lực
Con trưởng tên **Kiên Mục** (Skandākṣa)
Trụ tại nước **Chi Na** (Cīna-bhūmi)
Các nhóm anh em khác
Trụ nước **Kiêu Thi Ca** (Kauśika)
_ Dược Xoa Thần **Nha Túc** (Daṃṣṭrāpāda)
Trụ nước **Yết Lăng Ca** (Kaliṅga)
_ Dược Xoa **Mạn Trà La** (Maṇḍala)
Trụ nước **Mạn Trà Dược** (Maṇḍalāsana)
_ Thần **Lăng Già Tự Tại** (Laṅkeśvara)
Trụ ở **Ca Tất Thí** (Kāpiśī)
_ Dược Xoa **Ma Lợi Chi** (Mārīcī)
Trụ **La Ma Cước Sái** (Rāmakākṣī)
_ Thần **Đạt Ma Ba La** (Dharmapāla)
Cư trú ở **Sơ Lặc** (Khāsa)

_ Dược Xoa Thần **Đại Kiên** (Mahābhuja)
Trụ nước **Bạc Khư La** (Vahlā)
_ Con vua **Tỳ Sa Môn** (Vaiśravaṇa)
Đủ mọi Đức uy nghiêm
Trụ tại **Đổ Hỏa La**
Có đại quân đại lực
Một câu chi Dược Xoa
Dùng để làm quyến thuộc
_ Dược Xoa **Sa Đa Sơn** (Sātāgiri)
Cùng với Thần **Tuyết Sơn** (Haimavata)
Hai Đại Dược Xoa này
Trụ bên sông **Tân Đô** (Sindhu-sāgara)
_ Dược Xoa **Chấp Tam Kích** (Triśulapāla)
Trụ tại Điện **Tam Tầng** (Tripura)
_ Đại Dược Xoa **Năng Tồi** (Pramardana)
Trụ nước **Yết Lăng Già** (Kaliṅga)
_ Bán Già La Hiến Noa (Pañcālagaṇḍa)
Trụ nước **Đạt Di Noa** (Dramida)
_ Dược Xoa **Tài Tự Tại** (Dhaneśvara)
Trụ tại nước **Sư Tử** (Siṃhala)
_ Dược Xoa **Anh Vũ Khẩu** (Sukāmukha)
Trụ ở xứ hoang vắng
_ Dược Xoa **Căng Yết Sa** (Kiṅkara)
Thường y trụ **Địa Hạ** (Pātala)
_ Dược Xoa **Hữu Quang Minh** (Prabhāsvara)
Trụ nước **Bạch Liên Hoa** (Puṇḍarīka)
_ Dược Xoa **Thiết Nhĩ La** (Śamila)
Trụ ở trong **Đại Thành** (Mahāpura)
_ Dược Xoa **Năng Phá Tha** (Prabhajana)
Trụ nước **Nại La Nê** (Darada)
_ Dược Xoa **Băng Nghiệt La** (Piṅgala)
Trụ nước **Am Mạt Ly** (Ambulima)
_ Dược Xoa **Mạt Mạt Noa** (Vaccaḍa)
Nước **Mạt Mạt Noa Tạng** (Vaccaḍādhāna)
_ Dược Xoa **Ma Đát Lý** (Mātali)
Trụ ở nước **Thí Dục** (Kāmada)
_ Dược Xoa Thần **Cực Giác** (Prabuddha)
Nước **Bố Để Phộc Tra** (Putrīvaṭa)
_ Na Tra Củ Vạt La (Nalakūvala)
Trụ ở **Ca Tất Thí** (Kamiśi)
_ Thần **Bát La Thiết La** (Pāraśara)
Trụ nước **Bát La Đa** (Pārata)
_ Dược Xoa **Thương Yết La** (Śaṃkara)
Trụ tại xứ **Thước Ca** (Śakasahāna)
_ Tỳ Ma Chất Đa La (Vimacitra)
Trụ thành **Mạc Lý Ca** (Vāhlīka)
_ Dược Xoa **Băng Yết La** (Piṅgala)
Trụ nước **Yết Đắc Ca** (Ketaka)

_ Dược Xoa Thần **Mãn Diện** (Pūrṇa-mukha)
Bôn Noa Vạt Đạt Na (Puṇḍavarddhana)
_ Dược Xoa **Yết La La** (Karāḍa)
Trụ tại nước **Ô Trường** (Uḍuyānaka)
_ Dược Xoa Thần **Úng Phúc** (Kumbhodana)
Trụ nước **Kiêu Tát La** (Kośala)
_ Đại Thần **Ma Kiệt Tràng** (Makara-dhvaja)
Trụ ở xứ **Sa Thích** (Maru)
_ **Chất Đát La Tế Na** (Citrasena)
Trụ nước **Bộc Ca Na** (Vokkāṇa)
_ Dược Xoa **La Phộc Noa** (Rāvaṇa)
Trụ nước **La Ma Đà** (Ramatha)
_ Dược Xoa **Xích Hoàng Sắc** (Piṅgala)
Trụ nước **La Thi Na** (Rāsīna)
_ Dược Xoa Thần **Lạc Kiến** (Priya-darśana)
Trụ nước **Bát Ni Gia** (Patnīya)
_ Dược Xoa **Kim Tỳ La** (Kumbhīra)
Trụ ở thành **Vương Xá** (Rājagṛha)
Thường ở **Tỳ Phú La** (Vipūla)
Có đại quân đại lực
Vạn câu chi Dược Xoa
Dùng để làm quyến thuộc
_ Dược Xoa **Cồ Ba La** (Gopāla)
Trụ tại nước **Xà Cái** (Ahicchatra)
_ Dược Xoa **Át Lạc Ca** (Alaka)
Trụ thành **Át Lạc Ca** (Alakāpura)
_ Dược Xoa Thần **Nan Đề** (Nandī)
Trụ tại nước **Nan Đề** (Nandi-nagara)
_ Đạt Thiên Thần **Mạt Lý** (Vali)
Trụ ngõ tắt trong làng
_ **Tỳ Sa Môn** (Vaiśravaṇa) cư trú
Ngôi báu dưới Đức Phật
Thành **Át Noa Vãn Đa** (Aḍakavatī)
Ức chúng Thần vây quanh
Nhóm Dược Xoa như vậy
Có đại quân đại lực
Giáng phục Oán Địch khác
Không ai có thể thắng
Tiếng vang khắp mười phương
Đầy đủ Uy Đức lớn
Trời với A Tu La
Chiến đấu thời giúp sức

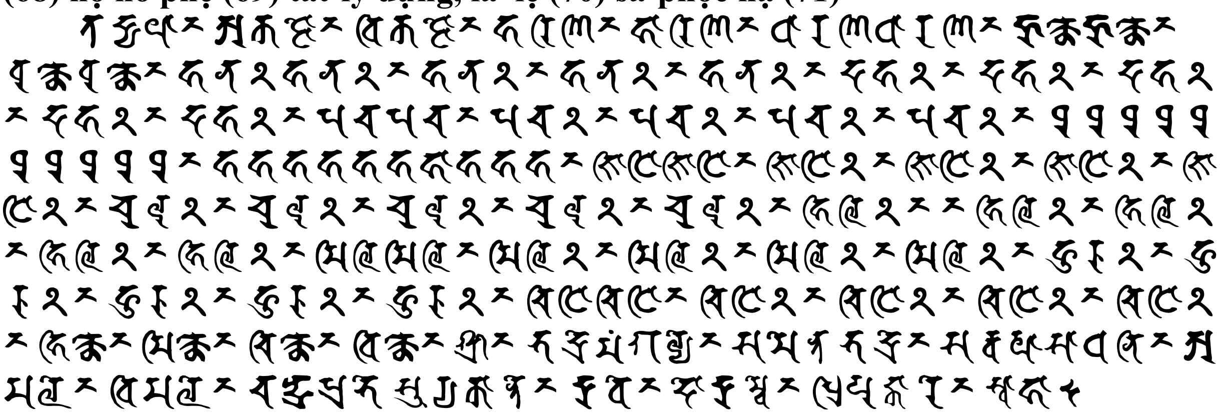
Chư Thần, Đại Dược Xoa Tướng thuộc nhóm Phước Đức này tràn khắp **Thiệm Bộ Châu** (Jambu-dvīpa) hộ trì Phật Pháp, đều khởi **Tâm Từ** (Maitra-citta). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này ủng hộ cho con (họ tên…) nhiếp thọ nhiêu ích khiến được an ổn, hết thảy ách nạn thảy đều tiêu trừ.

Hoặc bị đao gậy gây tổn thương, hoặc bị trúng chất độc. Hoặc bị vua chúa, giặc cướp, nước, lửa gây phiền não. Hoặc bị Trời, Rồng, Dược Xoa nắm giữ với các nhóm Quỷ cho đến **Tất-Lệ Sách Ca**, loài hành bệnh ác…thảy đều xa lìa khỏi con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc

Con kết **Địa Giới**, kết **Phương Ngung Giới**, đọc tụng Kinh này trừ các ưu não, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu.

Liền nói Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) a ca tai (2) vĩ ca tai (3) ha lý nê (4) hạ lý nê (5) đà la nê, đà la nê (6) hộ kế, hộ kế (7) mẫu kế, mẫu kế (8) Hết thảy bệnh khổ của con (họ tên…) hạ nẵng, hạ nẵng (9) hạ nẵng, hạ nẵng (10) hạ nẵng, hạ nẵng (11) hạ nẵng, hạ nẵng (12) hạ nẵng, hạ nẵng (13) Hết thảy sự sợ hãi của con (họ tên…) na hạ, na hạ (14) na hạ, na hạ (15) na hạ, na hạ (16) na hạ, na hạ (17) na hạ, na hạ (18) Hết thảy Oan Gia của con (họ tên…) bả tả, bả tả (19) bả tả, bả tả (20) bả tả, bả tả (21) bả tả, bả tả (22) bả tả, bả tả (23) Hết thảy việc chẳng nhiêu ích của con (họ tên…) độ độ, độ độ, độ độ, độ độ, độ độ (24) Hết thảy các lần con (họ tên…) gặp chất độc, hạ hạ hạ hạ hạ hạ hạ hạ hạ hạ (25) Hết thảy các lần người khác yếm đối con (họ tên…) nhĩ trí nhĩ trí (26) nhĩ trí nhĩ trí (27) nhĩ trí nhĩ trí (28) nhĩ trí nhĩ trí (29) nhĩ trí nhĩ trí (30) Hết thảy Nghiệp Tội của con (họ tên…) Nguyện đều tiêu diệt, tổ lỗ tổ lỗ (31) tổ lỗ tổ lỗ (32) tổ lỗ tổ lỗ (33) tổ lỗ tổ lỗ (34) tổ lỗ tổ lỗ (35) hứ lý hứ lý (36) hứ lý hứ lý (37) hứ lý hứ lý (38) hứ lý hứ lý (39) hứ lý hứ lý (40) nhĩ lý nhĩ lý (41) nhĩ lý nhĩ lý (42) nhĩ lý nhĩ lý (43) nhĩ lý nhĩ lý (44) nhĩ lý nhĩ lý (45) phổ lỗ phổ lỗ (46) phổ lỗ phổ lỗ (47) phổ lỗ phổ lỗ (48) phổ lỗ phổ lỗ (49) phổ lỗ phổ lỗ (50) tức trí tức trí (51) tức trí tức trí (52) tức trí tức trí (53) tức trí tức trí (54) tức trí tức trí (55) hứ kế (56) nhĩ kế (57) tức kế (58) vĩ kế (59) thất-lý (60) bả nại-lệ măng nghiệt lê (61) tam mãn đa, bả nại-lệ (62) tát phộc la-tha, sa đà ninh (63) a ma lệ (64) vĩ ma lệ (65) tán nại-la bát-la bệ (66) tố lý-dã kiến đế (67) nỗ phệ (68) nộ nỗ phệ (69) tất-lý dựng, la lệ (70) sa-phộc hạ (71)"



Tadyathā: Akaṭṭe, vikaṭṭe, hariṇi, hāriṇi, dhāraṇi dhāraṇi, hukke hukke, vukke vukke. Hết thảy bệnh khổ của con (họ tên…) **hana hana, hana hana, hana hana, hana hana, hana hana.** Hết thảy sự sợ hãi của con (họ tên…) **daha daha, daha daha, daha daha, daha daha, daha daha.** Hết thảy Oan Gia của con (họ tên…) **paca paca, paca paca, paca paca, paca paca, paca paca.** Hết thảy việc chẳng nhiêu ích của con (họ tên…) **dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu.** Hết thảy các lần con (họ tên…) gặp chất độc, **ha ha ha ha ha ha ha ha ha ha.** Hết thảy các lần người khác yếm đối con (họ tên…) **jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi.** Hết thảy Nghiệp Tội của con (họ tên…) Nguyện đều tiêu diệt, **culu culu, culu culu, culu culu, culu culu, culu culu. Hili hili, hili hili, hili hili, hili hili, hili hili. Mili mili, mili mili, mili mili, mili mili, mili mili. Phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru,**

phuru phuru. Ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi. Hikke, mikke, cikke, vikke, śrī, bhadre maṃgalye, samanta-bhadre, sarvarthā sādhani, amale, vimale, candra-prabhe, sūryakānte, duve, dodumbe, priyaṅkare, svāhā.

Nguyện xin chư Thần thường ủng hộ con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu"

_ Đức Phật bảo A Nan Đà: "Lại có Danh Hiệu của 28 vị Dược Xoa Đại Tướng, Ông nên xưng niệm. Nhóm Dược Xoa Đại Tướng này hay ở mười phương Thế Giới che giúp cho tất cả chúng sinh để trừ bỏ việc suy hoạn, ách nạn.

Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở phương Đông, ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở phương Đông, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Nễ Già** (Dīrgha), **Tô Nịnh Đát-La** (Sunetra), **Bố La Noa Ca** (Pūrṇaka), **Kiếp Bỉ La** (Kapila). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi (Nói việc đã mong cầu, đều dựa theo điều này)

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở phương Nam, ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở phương Nam, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Tăng Hạ** (Siṃha), **Ổ Ba Tăng Hạ** (Upasiṃha), **Hướng Xí La** (Śaṅkhara), **Nan Na** (Nanda, ?Candana). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi (Chỗ này nói việc đã mong cầu)

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở phương Tây, ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở phương Tây, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Hạ La** (Hari), **Hạ Lý Kế Thước** (Harikeśa), **Bát-La Bộc** (Prabhū), **Kiếp Bỉ La** (Kapila, ?Piṅgala). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi (nói việc đã mong cầu)

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở phương Bắc, ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở phương Bắc, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Đà La Noa** (Dharaṇa), **Đà La Nan Nỗ** (Dharananda), **Ốt Nễ-dữu Nghiệp Bá Lộ** (Udyogapāla), **Vĩ Sắt Nỗ** (Viṣṇu). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi (nói việc đã mong cầu)

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở **bốn phương bàng** (Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam), ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở bốn phương bàng, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Bán Chỉ Cước** (Pāñcika), **Bán Giả La Hiến Noa** (Pāñcālagaṇḍa), **Sa Đá Nghĩ Lý** (Sātāgiri), **Ngạn Ma Phộc Đa** (Haimavata). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi (nói việc đã mong cầu)

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng thường ở trên đất, ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở trên đất, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Bộ Mạc** (Bhūma), **Tô Bộ Mạc** (Subhūma), **Ca La** (Kāla), **Ổ Ba Ca La** (Upakāla). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi (nói việc đã mong cầu)

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng thường ở trên hư không, ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở trên hư không, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Tố Lý-dã** (Sūrya), **Tố Mô** (Soma), **A Nghĩ-Ninh** (Agni), **Phộc Dữu** (Vāyu). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi (nói việc đã mong cầu)

_ Lại nữa, A Nan Đà! Ông nên xưng niệm Danh Hiệu của anh em, quân tướng của **Đa Văn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa-devarāja). Nhóm này ủng hộ tất cả hữu tình để trừ tai họa, ách nạn, ưu khổ…du hành Thế Gian làm lợi ích lớn. Các vị ấy tên là:

1_ **Ấn Nại-La** (Indra)
2_ **Tố Ma** (Soma)
3_ **Phộc Lỗ Noa** (Varuṇa)
4_ **Bát-La Nhạ Bả Để** (Prajāpati)
5_ **Bà La Nạp Phộc Nhạ** (Bharadvāja)
6_ **Y Xá Na** (Iśaṇa)
7_ **Thất-Chiến Na Nặc** (Candana)
8_ **Ca Mạc** (Kāma)
9_ **Thất-Lệ Sắt-Xá** (Śreṣtha),
10_**Củ Ninh Kiến Xá** (Kunikaṇṭha)
11_ **Ninh Kiến Xá Ca** (Nikaṇṭhaka)
12_**Phộc Nị Ma Nê** (Vadirmmaṇi)
13_**Ma Nê Giả La** (Māṇicara)
14_**Bát La** (Bala)
15_**Bát-La Noa Na** (Praṇāda)
16_**Ổ Bả Bán Chỉ Khứ** (Upapañcaka)
17_**Sa Đá Nghĩ Lý** (Sātāgiri)
18_**Ngạn Ma Phộc Đa** (Haimavata)
19_**Bố La Noa** (Pūrṇa)
20_**Khư Nễ La** (Khadira)
21_**Cú Vĩ Nặc** (Kovida)
22_**Ngộ Bả La Dược Xoa** (Gopāla-yakṣa)
23_**A Tra Phộc Cú** (Āṭavaka)
24_**Nẵng La Lá Xà** (Nararāja)
25_**Nhĩ Nại Khất Sái** (Jinārgabha)
26_**Bán Gia La Hiến Noa** (Pāñcālagaṇḍa)
27_**Tô Mẫu Khế** (Sumukha)
28_**Nễ Già Dược Xoa** (Dīrgha-yakṣa)
29_**Tát Bả Lý Nhạ Nặc** (Saparijana)
30_**Tức Đát-La Tế Nẵng** (Citrasena)
31_**Thấp-Phộc** (Śiva)
32_**Ngạn Đạt Phộc** (Gandharva)
33_**Để-Lý Phả Lý** (Triphalī)
34_**Tát Đát-Lý Kiến Tra Ca** (Catrikaṇṭhaka)
35_**Nễ Già Thước Để** (Dīrgha-śakti)
36_**Thất-Tả Ma Đa Lý** (Mātali)

Nhóm Dược Xoa này là Đại Quân Chủ thống lĩnh chư Thần, có Uy Lực lớn, đều đầy đủ ánh sáng, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. **Pháp Huynh Đệ** của Đa Văn Thiên Vương đấy thường được Đa Văn Thiên Vương răn bảo (sắc): “Nhóm anh em Dược Xoa này! Nếu các Quỷ Thần xâm nhiễu người kia thời các ngươi hãy vì họ mà ủng hộ, đừng để cho não loạn, khiến được an vui”. Các Dược Xoa nghe xong, y theo lời dạy mà phụng hành.

Nhóm Dược Xoa Đại Tướng này cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này thủ hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Nếu khi có việc đấu tranh khổ não thời hiện ra trước mặt con. Nguyện xin Dược Xoa Đại Tướng thường vệ hộ con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, khiến lìa được sự lo âu khổ não.

Hoặc bị **Trời** (Deva) **Rồng** (Nāga) nắm giữ, **A Tô La** (Asura)nắm giữ, **Ma Lỗ Đa** (Maruta) nắm giữ, **Nga Lỗ Noa** (Garuḍa) nắm giữ, **Ngạn Đạt Phộc** (Gandharva) nắm giữ, **Khẩn Na La** (Kiṃnara) nắm giữ, **Ma Hộ La Nga** (Mahoraga) nắm giữ, **Dược Xoa** (Yakṣa) nắm giữ, **La Sát Sa** (Rākṣasa) nắm giữ, **Tất Lệ Đa** (Preta) mê hoặc, **Tỳ Xá Già** (Piśāca) mê hoặc, **Bộ Đa** (Bhuta) mê hoặc, **Củ Bạn Noa** (Kuṃbhaṇḍa) mê hoặc, **Bố Đan Na** (Putana) mê hoặc, **Yết Tra Bố Đan Na** (Kaṭaputana) mê hoặc, **Tắc Kiến Na** (Skanda) mê hoặc, **Ốt Ma Na** (Unmāda) mê hoặc, **Xa Gia** (Cchāya) mê hoặc, **A Bát Sa Ma La** (Apasmāra) mê hoặc, **Ổ Sa Đá La Ca** (Ostakara) mê hoặc, **Nặc Sát Đát La** (Nakṣatra) mê hoặc, **Lệ Bả** (Ripu) mê hoặc…Khi bị nhóm Quỷ Thần như vậy nắm giữ, làm cho mê hoặc…Nguyện xin **Phật Mẫu Minh Vương** đều ủng hộ con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc khiến lìa ưu não, sống lâu trăm tuổi.

Lại có các Quỷ: loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn dầu mỡ, loài ăn tủy, loài ăn sự sống, loài ăn sinh mệnh, loài ăn thức cúng tế, loài ăn hơi thở, loài ăn hương, loài ăn tóc, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn lúa mạ, loài ăn **thứ cúng tế trong lửa** (hỏa từ), loài ăn mủ, loài ăn thứ do đại tiện, loài ăn thứ do tiểu tiện, loài ăn nước mắt nước dãi, loài ăn nước bọt, loài ăn nước mũi, loài ăn thức ăn dư thừa, loài ăn thứ nôn mửa, loài ăn vật chẳng sạch, loài ăn nước chảy rỉ ra….Khi bị nhóm Quỷ Mỵ như vậy gây não loạn thời nguyện xin **Phật Mẫu Minh Vương** ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, khiến lìa ưu khổ, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu, thường được an vui.

Nếu lại có người làm các việc yểm đảo, Chú Thuật, Cổ Mị, làm các Pháp ác…Ấy là: **Cật Lý Để Ca** (Kṛtyā), **Yết Ma Noa** (Karmaṇa), **Ca Cụ La Na** (Kakhordda), **Chỉ La Noa** (Kiraṇa), **Phệ Đá Noa** (Vetaḍa, hay Vetala), **Hạ Phộc Na Đa**, **Đốt Độ Đá Đa,** uống máu tủy kẻ khác, biến hóa người sai khiến, kêu gọi Quỷ Thần làm các nghiệp ác: ăn ác, nôn mửa ác, ảnh ác, nhìn ngó ác. Hoặc làm việc Thư Yếm, hoặc nhảy đạp ác, đột nhiên ác. Hoặc mạo phạm trái nghịch ác (ác mạo nghịch)…Khi làm việc ác thời xin đều ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, khiến lìa lo âu khỗ não.

Lại có các sự sợ hãi: Vua chúa làm cho sợ hãi, giặc cướp làm cho sợ hãi, nhóm nước lửa làm cho sợ hãi, hoặc binh lính nước khác làm cho sợ hãi. Nhóm bạn ác, Kiếp Sát, oán địch làm cho sợ hãi, gặp nạn đói khát làm cho sợ hãi, chết yểu làm cho sợ hãi, đất chấn động làm cho sợ hãi, các thú ác làm cho sợ hãi. Hết thảy nhóm sợ hãi như vậy, đều hộ giúp cho con (họ tên..).

_ Lại nữa các bệnh: ghẻ lở, bệnh hủi, mụn nhọt, hắc lào, bệnh trĩ, bệnh lậu, ung thư, da thân khô đen, ăn uống chẳng tiêu, đau buốt đầu, đau buốt nửa đầu, đau mắt, đau tai, đau mũi, đau môi, đau miệng, đau gò má, đau răng nanh, đau buốt răng, đau lưỡi với đau cổ họng, đau ngực, đau hông sườn, đau lưng, đau tim, đau dạ dày, đau eo lưng, đau bụng, đau bắp đùi, đau đầu gối, hoặc đau tứ chi, đau nơi ẩn kín, bệnh gầy ốm, khô ngứa, đau buốt khắp thân….Nhóm đau nhức như vậy thảy đều trừ diệt.

Hoặc các bệnh sốt rét: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến nửa tháng, một tháng, hoặc lại nhiều ngày liên tiếp, hoặc lại phút chốc…. phát bệnh một lần. Hoặc bệnh thường nóng sốt, bệnh **Thiên Tà**, bệnh bứu cổ, Quỷ Thần, nóng sốt, trúng gió, vàng da, **đàm ẩm** (Trong thân thể, nước dịch quá lượng chẳng thâu hóa được, ngưng chảy hoặc chảy rỉ ra ở một bộ phận nào đó gây thành bệnh). Hoặc ba **tập bệnh**, 404 loại bệnh, tất cả bệnh sốt rét. Nhóm bệnh như vậy đều khiến cho diệt hết.

Nay con kết **Địa Giới**, kết **Phương Ngung Giới**, đọc tụng Kinh này đều khiến cho an ổn, **Sa-phộc hạ** (Svāhā).

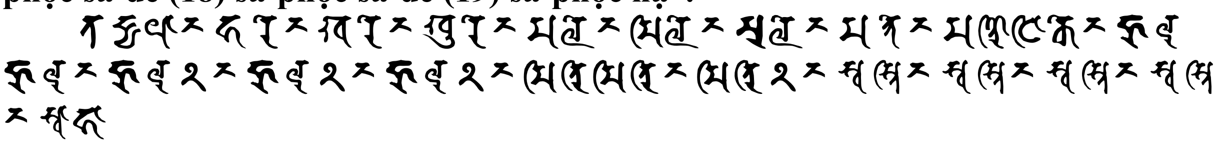
_ Liền nói **Già Tha** (Gāthā: Kệ Tụng) là:
"Khiến con, đêm an ổn
Ban ngày cũng an lành
Ở trong tất cả Thời
Chư Phật thường hộ niệm"

_ Lại nữa A Nan Đà! Có 12 vị **Đại Tất Xá Già Nữ** cũng nên xưng tên gọi. Quỷ Nữ như vậy khi Bồ Tát ở trong bào thai, khi mới sinh ra với khi đã sinh ra xong thời nhóm Quỷ Nữ này thường luôn ủng hộ. Các vị ấy tên là: **Lãm Ma** (Lambā), **Vĩ Lãm Ma** (Vilambā), **Bát-La Lãm Ma** (Pralambā), **Ổ Lãm Ma** (Olambā), **Hạ Lý Để** (Hārīti), **Hạ Lý Kế Thí** (Harikeśi), **Hạ Lý Băng Nghiệt La** (Haripiṅgala), **Ca Lý** (Kāli), **Ca La Lý** (Karalī), **Kiếm Mẫu Ngật-Lý Phộc** (Kambugrīvā), **Ca Chỉ** (Kākī), **Ca La Thú Na Lý Giả** (Kalaśodakī)

Nhóm Quỷ Nữ này có Thần Lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này thủ hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) hạ lệ (2) khư lệ (3) củ lệ (4) ma lê (5) nhĩ lê (6) mẫu lê (7) ma đế (8) mạn nị để kế (9) hộ lỗ hộ lỗ (10) hộ lỗ hộ lỗ (11) hộ lỗ hộ lỗ (12) hộ lỗ hộ lỗ (13) nhĩ nị nhĩ nị (14) nhĩ nị nhĩ nị (15) sa-phộc sa-để (16) sa-phộc sa-để (17) sa-phộc sa-để (18) sa-phộc sa-để (19) sa-phộc hạ".



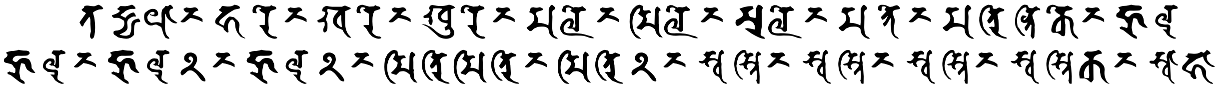
Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, matte, maṇḍiṭike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, miḍi miḍi, svasti, svasti, svasti, svasti, svāhā

_ Lại nữa A Nan Đà! Có tám vị **Đại Nữ Quỷ** cũng nên xưng tên gọi. Các Nữ Quỷ đấy, khi Bồ Tát ở trong bào thai, khi mới sinh ra với khi đã sinh ra xong thời nhóm Nữ Quỷ này thường luôn ủng hộ. Các vị ấy tên là: **Mạt Na** (Madā), **Ma Na Nẵng** (Madanā), **Ma Nộ Đắc-Ca Tra** (Madotkaṭā), **Ổ Bả Mạt Na** (Upamadā), **Tất-Lệ Để** (Pretī), **Ô Nhạ Hạ Lý** (Ojāhārinī), **A Xả Ninh** (Asanī), **Ngật-La Tát Ninh** (Girasanī), **Chế Để** (?dư hai chữ này)

Nhóm Nữ Quỷ có Thần Lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này thủ hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) hạ lệ (2) khư lệ (3) củ lệ (4) ma lê (5) nhĩ lê (6) mẫu lê (7) ma đế (8) mạn nị để kế (9) hộ lỗ hộ lỗ (10) hộ lỗ hộ lỗ (11) hộ lỗ hộ lỗ (12) hộ lỗ hộ lỗ (13) nhĩ nị nhĩ nị (14) nhĩ nị nhĩ nị (15) sa-phộc sa-để (16) sa-phộc sa-để (17) sa-phộc sa-để (18) sa-phộc sa để-ca (19) sa-phộc hạ (20)"



Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, matte, maṇḍintike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, miḍi miḍi, svasti, svasti, svasti, svastika, svāhā

_ Này A Nan Đà! Lại có bảy vị **Đại Nữ Quỷ** cũng nên xưng tên gọi. Các Nữ Quỷ này, khi Bồ Tát ở trong bào thai, khi mới sinh ra với khi đã sinh ra xong thời nhóm Nữ Quỷ này thường luôn ủng hộ. Các vị ấy tên là: **A Ngu-Lỗ Nễ Ca** (Agroṭikā), **La Khất-Sử Để Ca** (Rakṣitika), **Chất Đát-La Tỳ Xá Chỉ Ca** (Citripiśācikā), **Bố La-Noa Bạt Nại-Lý Ca** Pūrṇa-bhadrikā), **A Nghĩ-ninh La Khất-Sử Để Ca** (Agni-rakṣitikā), **Mật Đát-La Ca Lý Ca** (Mitra-kālikā), **Ất-Lật Sử La Khất-Sử Để Ca** (Ṛṣi-rakṣitikā), **Chế Để** (?dư hai chữ này)

Nhóm Nữ Quỷ thường ăn máu thịt, tiếp xúc gây phiền não cho con người, có Thần Lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này thủ hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) hạ lệ (2) khư lệ (3) củ lệ (4) ma lê (5) nhĩ lê (6) mẫu lê (7) ma đế (8) mạn nị để kế (9) hộ lỗ hộ lỗ (10) hộ lỗ hộ lỗ (11) hộ lỗ hộ lỗ (12) hộ lỗ hộ lỗ (13) nhĩ nị nhĩ nị (14) nhĩ nị nhĩ nị (15) sa-phộc sa-để (16) sa-phộc sa-để (17) sa-phộc sa-để (18) sa-phộc sa-để (19) sa-phộc hạ (20)"

𑖝𑖟𑖿𑖧𑖞𑖯 𑖮𑖨𑖸 𑖏𑖨𑖸 𑖏𑖲𑖨𑖸 𑖦𑖩𑖸 𑖦𑖰𑖩𑖸 𑖦𑖲𑖩𑖸 𑖦𑖝𑖿𑖝𑖸 𑖦𑖜𑖿𑖚𑖰𑖡𑖿𑖝𑖰𑖎𑖸 𑖮𑖲𑖩𑖲
𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖮𑖲𑖩𑖲 2 𑖮𑖲𑖩𑖲 2 𑖦𑖰𑖚𑖰 𑖦𑖰𑖚𑖰 𑖦𑖰𑖚𑖰 2 𑖭𑖿𑖪𑖭𑖿𑖝𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖭𑖿𑖝𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖭𑖿𑖝𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖭𑖿𑖝𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, matte, maṇḍintike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, miḍi miḍi, svasti, svasti, svasti, svasti, svāhā

_ Này A Nan Đà! Lại có năm vị **Đại Nữ Quỷ** cũng nên xưng tên gọi ấy. Các Nữ Quỷ này, khi Bồ Tát ở trong bào thai, khi mới sinh ra với khi đã sinh ra xong thời nhóm Nữ Quỷ này thường luôn ủng hộ. Các vị ấy tên là: **Quân Xá** (Kuṇṭhā), **Ninh Quân Xá** (Nikuṇṭhā), **Nan Na** (Naṃdā), **Vĩ Sử-Nỗ La** (Viṣṇulā), **Kiếp Bỉ La** (Kapilā)

Nhóm Nữ Quỷ có Thần Lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này thủ hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) hạ lệ (2) khư lệ (3) củ lệ (4) ma lê (5) nhĩ lê (6) mẫu lê (7) ma đế (8) mạn nị để kế (9) hộ lỗ hộ lỗ (10) hộ lỗ hộ lỗ (11) hộ lỗ hộ lỗ (12) hộ lỗ hộ lỗ (13) nhĩ nị nhĩ nị (14) nhĩ nị nhĩ nị (15) sa-phộc sa-để (16) sa-phộc sa-để (17) sa-phộc sa-để (18) sa-phộc sa để (19) sa-phộc hạ (20)"

𑖝𑖟𑖿𑖧𑖞𑖯 𑖮𑖨𑖸 𑖏𑖨𑖸 𑖏𑖲𑖨𑖸 𑖦𑖩𑖸 𑖦𑖰𑖩𑖸 𑖦𑖲𑖩𑖸 𑖦𑖝𑖿𑖝𑖸 𑖦𑖜𑖿𑖚𑖰𑖡𑖿𑖝𑖰𑖎𑖸 𑖮𑖲𑖩𑖲
𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖮𑖲𑖩𑖲 2 𑖮𑖲𑖩𑖲 2 𑖦𑖰𑖚𑖰 𑖦𑖰𑖚𑖰 𑖦𑖰𑖚𑖰 2 𑖭𑖿𑖪𑖭𑖿𑖝𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖭𑖿𑖝𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖭𑖿𑖝𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖭𑖿𑖝𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, matte, maṇḍintike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, miḍi miḍi, svasti, svasti, svasti, svasti, svāhā

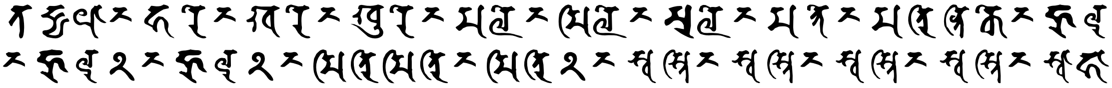
_ Này A Nan Đà! Lại có tám vị **Đại La Sát Nữ** khi Bồ Tát ở trong bào thai, khi mới sinh ra với khi đã sinh ra xong thời nhóm La Sát Nữ này thường luôn ủng hộ. Các

vị ấy tên là: **Mô Hạ** (Mohā), **Tô Thí Ma** (Susīmā), **Củ Xá Khất-Sử** (Kuśākṣī), **Kế Thỉ Ninh** (Keśanī), **Kiếm Mạo Nhĩ** (Kambojī), **Tô Mật Đát-La** (Sumītrā), **Lộ Hứ Đá Khất-Sử** (Lohitākṣī), **Ca Giả La** (Kātarā)

Nhóm La Sát Nữ này có Thần Lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Thường lấy máu thịt của Đồng Nam Đồng Nữ để ăn no. Vào nhà mới có người sinh đẻ với nơi nhà trống, tùy theo ánh áng mà đi, kêu hô tên gọi của con người, hút Tinh Khí của con người…rất là đáng sợ, gây kinh hoàng cho con người, không có Tâm yêu thương. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này thủ hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) hạ lệ (2) khư lệ (3) củ lệ (4) ma lê (5) nhĩ lê (6) mẫu lê (7) ma đế (8) mạn nị để kế (9) hộ lỗ hộ lỗ (10) hộ lỗ hộ lỗ (11) hộ lỗ hộ lỗ (12) hộ lỗ hộ lỗ (13) nhĩ nị nhĩ nị (14) nhĩ nị nhĩ nị (15) sa-phộc sa-để (16) sa-phộc sa-để (17) sa-phộc sa-để (18) sa-phộc sa-để (19) sa-phộc hạ (20)"



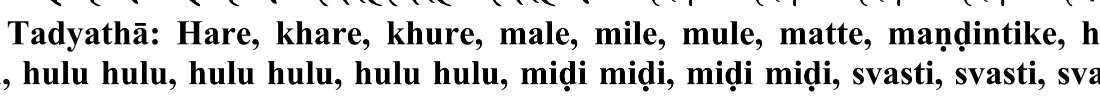
Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, matte, maṇḍintike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, miḍi miḍi, svasti, svasti, svasti, svasti, svāhā

_ Này A Nan Đà! Lại có mười vị **Đại La Sát Nữ** khi Bồ Tát ở trong bào thai, khi mới sinh ra với khi đã sinh ra xong thời nhóm La Sát Nữ này thường luôn ủng hộ. Các vị ấy tên là: **Hạ Lý Để La Sát Nữ** (Harītī-rākṣasī), **Nan Na La Sát Nữ** (Nandā-rākṣasī), **Băng Nghiệt La La Sát Nữ** (Piṅgalā-rākṣasī), **Hướng Khí Ninh La Sát Nữ** (Saṃkhinī-rākṣasī), **Ca Dĩ Ca La Sát Nữ** (Kālikā-rākṣasī), **Nỉ Phộc Mật Đát La La Sát Nữ** (Devamitrā-rākṣasī), **Cấm Bà La Sát Nữ** (Kuṃbhaṇḍā-rākṣasī), **Quân Na Nha La Sát Nữ** (Kunta-daṃṣṭrā-rākṣasī), **Lãm Vĩ Ca La Sát Nữ** (Lambikā-rākṣasī), **A Nẵng La La Sát Nữ** (Analā-rākṣasī)

Nhóm La Sát Nữ này có Thần Lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này thủ hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) hạ lệ (2) khư lệ (3) củ lệ (4) ma lê (5) nhĩ lê (6) mẫu lê (7) ma đế (8) mạn nị để kế (9) hộ lỗ hộ lỗ (10) hộ lỗ hộ lỗ (11) hộ lỗ hộ lỗ (12) hộ lỗ hộ lỗ (13) nhĩ nị nhĩ nị (14) nhĩ nị nhĩ nị (15) sa-phộc sa-để (16) sa-phộc sa-để (17) sa-phộc sa-để (18) sa-phộc sa đế-ca (19) sa-phộc hạ (20)"



Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, matte, maṇḍintike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, miḍi miḍi, svasti, svasti, svasti, svasti, svāhā

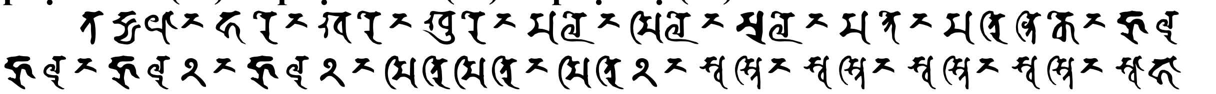
_ Này A Nan Đà! Lại có mười hai vị **Đại La Sát Nữ** khi Bồ Tát ở trong bào thai, khi mới sinh ra với khi đã sinh ra xong thời nhóm La Sát Nữ này thường luôn ủng hộ. Các vị ấy tên là: **Vô Chủ La Sát Nữ** (Anāsikā-rākṣasī), **Đại Hải La Sát Nữ** (Samudrā-rākṣasī), **Độc Hại La Sát Nữ** (Raudrā-rākṣasī), **Thí Mệnh La Sát Nữ** (Prāṇahāriṇī-

rākṣasī), **Minh Trí La Sát Nữ** (Vidyādharā-rākṣasī), **Trì Cung La Sát Nữ** (Dhanurdharā-rākṣasī), **Trì Thước Để La Sát Nữ** (Śaradharā-rākṣasī), **Trì Đao La Sát Nữ** (Aśidharā-rākṣasī), **Trì Lê La Sát Nữ** (Haladharā-rākṣasī), **Trì Luân La Sát Nữ** (Cakradharā-rākṣasī), **Luân Đoàn La Sát Nữ** (Cakravāḍā-rākṣasī), **Khả Úy La Sát Nữ** (Vibhīṣaṇā-rākṣasī)

Nhóm La Sát Nữ này có Thần Lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này thủ hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) hạ lệ (2) khư lệ (3) củ lệ (4) ma lê (5) nhĩ lê (6) mẫu lê (7) ma đế (8) mạn nị để kế (9) hộ lỗ hộ lỗ (10) hộ lỗ hộ lỗ (11) hộ lỗ hộ lỗ (12) hộ lỗ hộ lỗ (13) nhĩ nị nhĩ nị (14) nhĩ nị nhĩ nị (15) sa-phộc sa-để (16) sa-phộc sa-để (17) sa-phộc sa-để (18) sa-phộc sa-để (19) sa-phộc hạ (20)"



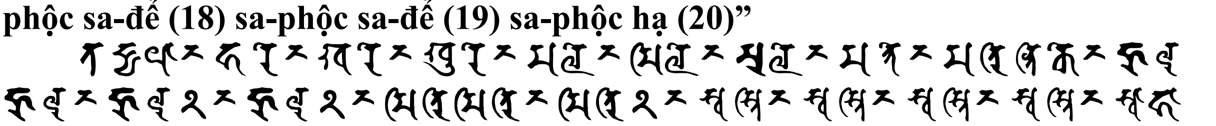
Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, matte, maṇḍintike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, miḍi miḍi, svasti, svasti, svasti, svasti, svāhā

_ Này A Nan Đà! Lại có mười hai vị **Thiên Mẫu** đối với các hữu tình thường làm cho tiếp chạm phiền não, kinh sợ, lừa dối mê hoặc. Các Thiên Mẫu này khi Bồ Tát ở trong bào thai, khi mới sinh ra với khi đã sinh ra xong thời nhóm Thiên Mẫu này thường luôn ủng hộ. Các vị ấy tên là: **Một-La Hám-Minh** (Brāhmī), **Lao Nại-Lý** (Raudrī), **Kiều Ma Lý** (Kaumārī), **Phệ Sắt Noa Vi** (Vaiṣṇavī), **Ái Nại-Lý** (Aindrī), **Phộc La Hứ** (Vārāhī), **Kiều Phệ Lý** (Kauverī), **Phộc Lỗ Nê** (Vāruṇī), **Dạ Nhĩ-Dã** (Yamyā), **Phộc Diệp Vĩ-dã** (Vāyuvyā), **A Ngật-Ninh Duệ** (Āgneyī), **Ma Hạ Ca Ly** (Māhā-kālī)

Nhóm Thiên Mẫu này có Thần Lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này thủ hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) hạ lệ (2) khư lệ (3) củ lệ (4) ma lê (5) nhĩ lê (6) mẫu lê (7) ma đế (8) mạn nị để kế (9) hộ lỗ hộ lỗ (10) hộ lỗ hộ lỗ (11) hộ lỗ hộ lỗ (12) hộ lỗ hộ lỗ (13) nhĩ nị nhĩ nị (14) nhĩ nị nhĩ nị (15) sa-phộc sa-để (16) sa-phộc sa-để (17) sa-phộc sa-để (18) sa-phộc sa-để (19) sa-phộc hạ (20)"



Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, matte, maṇḍintike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, miḍi miḍi, svasti, svasti, svasti, svasti, svāhā

Này A Nan Đà! Lại có một vị **Đại Tất Xá Chi Nữ** tên là **Nhất Kế** (Ekajaṭā) cư ngụ bên bờ biển lớn, ngửi hơi thơm của máu, ở trong một đêm đi được tám vạn Du Thiện Na. Khi Bồ Tát ở trong bào thai, khi mới sinh ra với khi đã sinh ra xong thời **La Sát Phụ** này thường luôn ủng hộ. Vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước**

Minh Vương Chân Ngôn này thủ hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) hạ lệ (2) khư lệ (3) củ lệ (4) ma lê (5) nhĩ lê (6) mẫu lê (7) ma đế (8) mạn nị để kế (9) hộ lỗ hộ lỗ (10) hộ lỗ hộ lỗ (11) hộ lỗ hộ lỗ (12) hộ lỗ hộ lỗ (13) nhĩ nị nhĩ nị (14) nhĩ nị nhĩ nị (15) sa-phộc sa-để (16) sa-phộc sa-để (17) sa-phộc sa-để (18) sa-phộc sa-để (19) sa-phộc hạ (20)"

[illegible]

Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, matte, maṇḍintike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, miḍi miḍi, svasti, svasti, svasti, svasti, svāhā

_ Này A Nan Đà! Lại có bảy mươi ba vị **Đại La Sát Nữ.** Khi Bồ Tát ở trong bào thai, khi mới sinh ra với khi đã sinh ra xong thời nhóm La Sát Nữ này thường luôn ủng hộ. Các vị ấy tên là:

1_ **Kiếp Bỉ La La Sát Nữ** (Kapilā-rākṣasī)
2_ **Bát Nỗ Ma La Sát Nữ** (Padumā-rākṣasī)
3_ **Ma Hứ Sử La Sát Nữ** (Mahiṣī-rākṣasī)
4_ **Mô Lý Ca La Sát Nữ** (Morikā-rākṣasī)
5_ **Na Nị Ca La Sát Nữ** (Nāḍikā-rākṣasī)
6_ **Chuyên Nhập Phộc La La Sát Nữ** (Jvalanī-rākṣasī)
7_**Đáp Bả Ninh La Sát Nữ**
8_ **Yết La Thí La Sát Nữ** (Kalasī-rākṣasī)
9_ **Vĩ Ma La La Sát Nữ** (Vimalā-rākṣasī)
10_**Đà La Nê La Sát Nữ** (Dharaṇī-rākṣasī)
11_**Hạ Lý Thất-Chiến Nại-La La Sát Nữ** (Hariścandrā-rākṣasī)
12_**Lô Hứ Nê La Sát Nữ** (Rohinī-rākṣasī)
13_**Ma Lý Chi La Sát Nữ** (Mārīcī-rākṣasī)
14_**Hộ Đá Xả Ninh La Sát Nữ** (Hutāśanī-rākṣasī)
15_**Phộc Lỗ Nê La Sát Nữ** (Vāruṇī-rākṣasī)
16_**Ca Ly La Sát Nữ** (Kalī-rākṣasī)
17_**Quân Nhạ La Sát Nữ** (Kuñjā-rākṣasī)
18_**Mạt La La Sát Nữ** (Valā-rākṣasī)
19_**Bách Tán Ninh La Sát Nữ** (Grasanī-rākṣasī)
20_**Ca La Ly La Sát Nữ** (Karālī-rākṣasī)
21_**Ma Đặng Nghĩ La Sát Nữ** (Mataṅgī-rākṣasī)
22_**Băng Nghiệt La La Sát Nữ** (Piṅgalā-rākṣasī)
23_**Tần Noa La La Sát Nữ** (Vidurā-rākṣasī)
24_**Cụ Lý La Sát Nữ** (Gaurī-rākṣasī)
25_**Hiến Đà Lý La Sát Nữ** (Gandhārī-rākṣasī)
26_**Củ Bạn Nị La Sát Nữ** (Kumbhaṇḍī-rākṣasī)
27_**Ca Lãng Nghĩ La Sát Nữ** (Kāraṅgī-rākṣasī)
28_**Bà La Ninh La Sát Nữ** (Rāvaṇī-rākṣasī)
29_**Mạt Na Ninh La Sát Nữ** (Madanī-rākṣasī)
30_**A Xả Ninh La Sát Nữ** (Aśanī-rākṣasī)
31_**Thực Thai La Sát Nữ** (Garbhāhāriṇī-rākṣasī)
32_**Thực Huyết La Sát Nữ** (Rudhirāhāraṇī-rākṣasī)

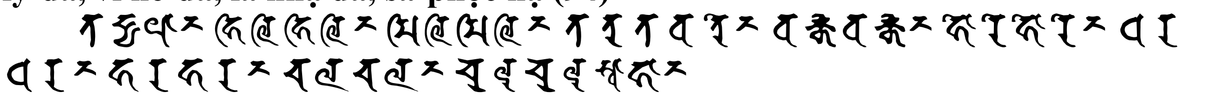
33_**Bao Xỉ La Sát Nữ** (Danturā-rākṣasī)
34_**Kinh Bố La Sát Nữ** (Uttrāsanī-rākṣasī)
35_**Một La Hám Di La Sát Nữ** (Brāhmī-rākṣasī)
36_**Đát Noa Nghiệp Bá La La Sát Nữ** (Taḍāgapālinī-rākṣasī)
37_**Trì Kim Cương La Sát Nữ** (Vajradharā-rākṣasī)
38_**Tắc Kiển Na La Sát Nữ** (Skandā-rākṣasī)
39_**Đáp Ma La Sát Nữ** (Tapanī-rākṣasī)
40_**Hành Vũ La Sát Nữ** (Varṣaṇī-rākṣasī)
41_**Chấn Lôi La Sát Nữ** (Garjjanī-rākṣasī)
42_**Kích Thanh La Sát Nữ** (Sphoṭanī-rākṣasī)
43_ **Kích Điện La Sát Nữ** (Vidyotanī-rākṣasī)
44_**Túc Hành La Sát Nữ** (Jaṅgamā-rākṣasī)
45_**Cự Khẩu La Sát Nữ** (Ulkāmukhī-rākṣasī)
46_**Trì Địa La Sát Nữ** (Vasudharā-rākṣasī)
47_**Hắc Dạ La Sát Nữ** (Kālarātrī-rākṣasī)
48_**Diệm Ma Sứ La Sát Nữ** (Yamadūtī-rākṣasī)
49_**Vô Cấu La Sát Nữ** (Amalā-rākṣasī)
50_**Bất Động La Sát Nữ** (Acalā-rākṣasī)
51_**Cao Kế La Sát Nữ** (Urddhajaṭa-rākṣasī)
52_**Bách Đầu La Sát Nữ** (Śataśīrṣā-rākṣasī)
53_**Bách Tý La Sát Nữ** (Śatabāhu-rākṣasī)
54_**Bách Mục La Sát Nữ** (śatanetrā-rākṣasī)
55_**Thường Hại La Sát Nữ** (Ghātanī-rākṣasī)
56_**Tồi Phá La Sát Nữ** (Mardanī-rākṣasī)
57_**Miêu Nhi La Sát Nữ** (Mārjārī-rākṣasī)
58_**Mạt Noa La La Sát Nữ**
59_**Dạ Hành La Sát Nữ** (Niśacarā-rākṣasī)
60_**Trú Hành La Sát Nữ** (Divaśacarā-rākṣasī)
61_**Ái Trang La Sát Nữ** (Maṇḍitikā-rākṣasī)
62_**Phẫn Nộ La Sát Nữ** (Krodhanā-rākṣasī)
63_**Lưu Nạn La Sát Nữ** (Viheṭhanī-rākṣasī)
64_**Trì Đao Bổng La Sát Nữ** (Aśimuṣaladharā-rākṣasī)
65_**Trì Tam Kích Xoa La Sát Nữ** (Triśūlapāṇī-rākṣasī)
66_**Nha Xuất La Sát Nữ** (Karāla-dantī-rākṣasī)
67_**Ý Hỷ La Sát Nữ** (Manoramā-rākṣasī)
68_**Tịch Tĩnh La Sát Nữ** (Somā-rākṣasī)
69_**Táo Bạo La Sát Nữ** (Caṇḍā-rākṣasī)
70_**Nan Đa La Sát Nữ** (Vanta-rākṣasī)
71_**Hứ Lâm Ma La Sát Nữ** (Hitimbā-rākṣasī)
72_**Thanh Sắc La Sát Nữ** (Nīlā-rākṣasī)
73_**Chất Đa La La Sát Nữ** (Citrā-rākṣasī)

Nhóm 73 các vị La Sát Nữ này có Thần Lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này thủ hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

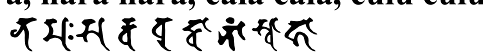
Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) hứ lý hứ lý (2) nhĩ lý nhĩ lý (3) đát noa đa phộc nãi (4) phộc kế phộc kế (5) hộ lệ hộ lệ (6) đà la đà la (7) hạ la hạ la (8) tả la tả la (9) tổ lỗ

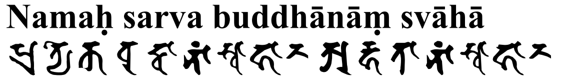
tổ lỗ, sa-phộc hạ (10) Nẵng mạc tát phộc mẫu đà nam (11) sa-phộc hạ (12) bát-la để-duệ ca mẫu đà nam, sa-phộc (+hạ), la-hạt đảm, sa-phộc hạ (13) mỗi đát-lệ dã tả, mạo địa tát đát-phộc tả, sa-phộc hạ (14) tát phộc mạo địa tát đát-phộc nam, sa-phộc hạ (15) a nẵng nga nhĩ nam, sa-phộc hạ (16) tắc cật-lý na nga nhĩ nam, sa-phộc hạ (17) tố-lỗ đá bán nẵng nam, sa-phộc hạ (18) tam miểu nghiệt đá nam, sa-phộc hạ (19) để bán nẵng nam, sa-phộc hạ (20) một-la hám-ma dã, sa-phộc hạ (21) ấn nại-la dã, sa-phộc hạ (22) bát-la nhạ bả đa duệ, sa-phộc hạ (23) Y xá nẵng dã, sa-phộc hạ (24) a ngật-nẵng duệ, sa-phộc hạ (25) Phộc dã phệ, sa-phộc hạ (26) Phộc lỗ noa dã, sa-phộc hạ (27) diễm ma dã, sa-phộc hạ (28) ổ biến nại-la dã, sa-phộc hạ (29) Phệ thất-la ma noa dã (30) dược khất-sái địa bát đa duệ, sa-phộc hạ (31) địa-lý đa la sắt-tra-la dã (32) ngạn đạt phộc địa bát đa duệ, sa-phộc hạ (33) vĩ lô trà ca dã (34) cấm phán noa địa bát đa duệ, sa-phộc hạ (35) vĩ lỗ bác khất-sái dã (36) nẵng nga địa bát đa duệ, sa-phộc hạ (37) nỉ phộc nam, sa-phộc hạ (38) na nga nam, sa-phộc hạ (39) a tô la nam, sa-phộc hạ (40) ma lỗ đá nam, sa-phộc hạ (41) nga lỗ noa nam, sa-phộc hạ (42) ngạn đạt phộc nam, sa-phộc hạ (43) khẩn na la nam, sa-phộc hạ (44) ma hộ la nga nam, sa-phộc hạ (45) dược khất-sái nam, sa-phộc hạ (46) la khất-sái sa nam, sa-phộc hạ (47) tất-lệ đá nam, sa-phộc hạ (48) bỉ xá tả nam, sa-phộc hạ (49) bộ đá nam, sa-phộc hạ (50) cấm bạn noa nam, sa-phộc hạ (51) bố đán nẵng nam, sa-phộc hạ (52) yết tra bố đán nẵng nam, sa-phộc hạ (53) tắc kiến na nam, sa-phộc hạ (54) ốt ma na nam, sa-phộc hạ (55) xa gia nam, sa-phộc hạ (56) a bát sa-ma la nam, sa-phộc hạ (57) ổ sa-đá la ca nam, sa-phộc hạ (58) tán nại-la, tố lý-dã dụ, sa-phộc hạ (59) nặc khất-sái đát-la nam, sa-phộc hạ (60) ngật-la hạ nam, sa-phộc hạ (61) nhũ để sam, sa-phộc hạ (62) ất-lật sử nam, sa-phộc hạ (63) tất đà một-la đá nam, sa-phộc hạ (64) tất địa-dã, vĩ nễ-dã nam, sa-phộc hạ (65) ngộ lý duệ, sa-phộc hạ (66) ngạn đà lý duệ, sa-phộc hạ (67) nẵng ngu lý duệ, sa-phộc hạ (68) a mật-lật đá duệ, sa-phộc hạ (69) tảm bà ninh duệ, sa-phộc hạ (70) tá bế trí duệ, sa-phộc hạ (71) nại-la nhĩ nị duệ, sa-phộc hạ (72) xả phộc lý duệ, sa-phộc hạ (73) a thát phộc xả phộc la duệ, sa-phộc hạ (74) tán noa lý duệ, sa-phộc hạ (75) ma đặng nghĩ duệ, sa-phộc hạ (76) nẵng nga ngật-lý nãi dạ dã, sa-phộc hạ (77) nga lỗ noa hột-lý nãi dạ dã, sa-phộc hạ (78) ma nẵng tỉ duệ, sa-phộc hạ (79) ma hạ ma nẵng tỉ duệ, sa-phộc hạ (80) sái noa khất-sái lý duệ, sa-phộc hạ (81) ma nê bạt nại-la dã, sa-phộc hạ (82) tam mãn đa bạt nại-la dã, sa-phộc hạ (83) ma hạ tam mãn đa bạt nại-la dã, sa-phộc hạ (84) ma hạ tam ma dã, sa-phộc hạ (85) ma hạ bát-la để tế la dã, sa-phộc hạ (86) thí đa phộc nẵng dã, sa-phộc hạ (87) ma hạ thí đa phộc nẵng dã, sa-phộc hạ (88) ma hạ nan noa đà la nê duệ, sa-phộc hạ (89) mẫu tỉ lân na dã, sa-phộc hạ (90) nhạ diễn để duệ, sa-phộc hạ (91) phiến để duệ, sa-phộc hạ (92) a thấp-phộc cật-lý đa dã, sa-phộc hạ (93) ma hạ dữu lý-dã, vĩ nễ-dã, la nhạ dã, sa-phộc hạ (94)"**



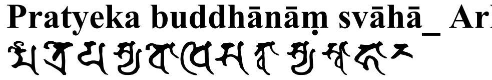
Tadyathā: Hili hili, mili mili, taḍatavaḍe, vakke vakke, hore hore, dhara dhara, hara hara, cala cala, culu culu, svāhā



Namaḥ sarva buddhānāṃ svāhā



Pratyeka buddhānāṃ svāhā_ Arhatānāṃ svāhā



Maitreyasya bodhisatvāsya svāhā

Sarva bodhisatvānāṃ svāhā

Anāgāminānāṃ svāhā

Sakṛdāgāminānāṃ svāhā

Srotāpannānāṃ svāhā

Samyaggatānāṃ svāhā

Samyakpratipannānāṃ svāhā

Brahmāya svāhā

Indrāya svāhā

Prajāpataye svāhā

Īśānāya svāhā

Agnaye svāhā

Vāyave svāhā

Varuṇāya svāhā

Yamāya svāhā

Upendrāya svāhā

Vaiśravaṇāya yakṣādhipataye svāhā

Dhṛtarāṣṭrāya gandharvādhipataye svāhā

Virūḍhakāya kumbhaṇḍādhipataye svāhā

Virūpākṣāya nagādhipataye svāhā

Devānāṃ svāhā

Nāgānāṃ svāhā

Asurānāṃ svāhā

Marutānāṃ svāhā

Garuḍānāṃ svāhā

Gandharvānāṃ svāhā

Kinnarānāṃ svāhā

Mahoragānāṃ svāhā

Yakṣānāṃ svāhā

Rākṣasānāṃ svāhā

Pretānāṃ svāhā

Piśācānāṃ svāhā

Bhūtānāṃ svāhā

Kumbhaṇḍānāṃ svāhā

Putatānāṃ svāhā

Kaṭaputanānāṃ svāhā

Skandānāṃ svāhā

Unmādānāṃ svāhā

Cchāyānāṃ svāhā

Apasmārānāṃ svāhā

Ostārakānāṃ svāhā

Candra sūryayo svāhā

Nakṣatrāṇāṃ svāhā

Grahāṇāṃ svāhā

Jyotiṣāṇāṃ svāhā

Ṛṣīṇāṃ svāhā

Siddha-vratānāṃ svāhā

Siddhya-vidyānāṃ svāhā

Gaurīye svāhā

Gāndhārīye svāhā

Jaṅgulīye svāhā

Amṛtāyai svāhā

Jambhanīye svāhā

Cāpeṭīye svāhā

Drāmiḍīye svāhā

Śavarīye svāhā

Athārvaśavarāye svāhā

Caṇḍālīye svāhā

Mātaṅgīye svāhā

Nāga-hṛdayāya svāhā

Garuḍa-hṛdayāya svāhā

Mānasīye svāhā

Mahā-mānasīye svāhā

ṣaḍakṣarīye svāhā

Maṇi-bhadrāya svāhā

Samanta-bhadrāya svāhā

Mahā-samanta-bhadrāya svāhā

Mahā-samāya svāhā

Mahā-pratisarāya svāhā

Śītavanāya svāhā

Mahā-śītavanāya svāhā

Mahā-daṇḍa-dhāraṇīye svāhā

Mucilindāya svāhā

Jayantīye svāhā

Śāntīye svāhā

Aśva-kṛtāya svāhā

Mahā-mayūrya-vidya-rājāya svāhā

Đại Minh, Đại Chân Ngôn của nhóm như vậy. Đại Kết Giới, Đại Hộ hay trừ diệt tất cả các ác

Nguyện phá tất cả Chú Thuật, nghiệp ác

Nguyện trừ diệt Cổ My, Yểm Đảo

Nguyện trừ diệt **Cụ Lật La, Chỉ La Noa, Phệ Đa Noa, Chất Già, Tất Lệ Sái Ca**

Nguyện trừ diệt **Tắc Kiến Na, Ốt Ma Na, Xa Gia, A Bát Sa Ma La**

Nguyện trừ diệt bệnh điên cuồng, động kinh, gầy ốm, ghẻ lở, cùi hủi

Nguyện trừ diệt mọi loại Quỷ My, các loài ăn ác

Nguyện trừ diệt kẻ uống máu tủy người khác, biến người để sai khiến, hô triệu Quỷ Thần gây tạo nghiệp ác

Nguyện trừ diệt các sự sợ hãi: vua chúa làm cho sợ hãi, giặc cướp làm cho sợ hãi, nước lửa làm cho sợ hãi. Nhóm bạn ác, kiếp sát, oán địch làm cho sợ hãi. Binh lính nơi khác, đói khát, chết yểu làm cho sợ hãi. Động đất, thú ác với các sự chết làm cho sợ hãi

Nguyện trừ diệt loài: ăn ác, nôn mửa ác, ảnh ác, nhìn ngó ác, làm Thư Yếm…

Nguyện trừ diệt loài: nhảy đạp ác, đột nhiên ác, mạo phạm trái nghịch ác

Nguyện trừ diệt tất cả bệnh sốt rét: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến nửa tháng, một tháng, hoặc lại nhiều ngày liên tiếp, hoặc lại phút chốc…. phát bệnh một lần, hoặc bệnh thường nóng sốt.

Nguyện trừ diệt tất cả: mụn nhọt, hắc lào, bệnh trĩ, bệnh lậu, ung thư, bệnh **Thiên Tà**, bệnh bứu cổ, Quỷ Thần, nóng sốt, trúng gió, vàng da, **đàm ẩm** (Trong thân thể, nước dịch quá lượng chẳng thâu hóa được, ngưng chảy hoặc chảy rỉ ra ở một bộ phận nào đó gây thành bệnh). Hoặc ba **tập bệnh**, 404 loại bệnh.

Nguyện trừ diệt bệnh: đau buốt đầu, đau buốt nửa đầu, ăn uống chẳng tiêu, đau mắt, đau tai, đau mũi, đau môi, đau miệng, đau gò má

Nguyện trừ diệt bệnh: đau răng nanh, đau buốt răng, đau lưỡi với đau cổ họng, đau ngực, đau hông sường, đau lưng, đau tim, đau dạ dày.

Nguyện trừ diệt bệnh: đau eo lưng, đau bụng, đau bắp đùi, đau đầu gối, với đau tứ chi, đau nơi ẩn kín, với đau buốt khắp thân

Nguyệt trừ diệt chất độc của Rồng, chất độc của Rắn, chất độc của thuốc, chất độc của Chú, chất độc của Cộ My. Tất cả các chất độc thảy đều diệt hết

Tất cả Quỷ My, bệnh ác của nhóm như vậy, khi sinh thời đều ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc đều khiến cho giải thoát, sống lâu trăm tuổi.

_ Lại nữa A Nan ! Ông nên xưng niệm danh tự của các vị **Long Vương** (Nāgarāja). Nếu xưng tên Long Vương có Phước Đức của nhóm này sẽ được lợi ích lớn.

Các vị ấy tên là: **Phật Thế Tôn** Long Vương (**Buddho-bhagavān**-nāgarāja), **Phạm Thiên** Long Vương (Brahmā), **Đế Thích** Long Vương (Indra), **Diễm Ma** Long Vương (Yama), **Đại Hải** Long Vương (Samudra), **Hải Tử** Long Vương (Samudra-putra), **Sa Nghiệt La** Long Vương (Sāgara), **Sa Nghiệt La Tử** Long Vương (Sāgara-putra), **Ma Kiệt** Long Vương (Makara), **Nan Đà** Long Vương (Nanda), **Ổ Ba Nan Đà** Long Vương (Upananda), **Na La** Long Vương (Nala), **Tiểu Na La** Long Vương (Upa-nala), **Thiện Kiến** Long Vương (Sudarśana), **Bà Tô Chỉ** Long Vương (Vāsuki), **Đức Xoa Ca** Long Vương (Takṣa), **A Lỗ Noa** Long Vương (Aruṇa), **Bà Lỗ Noa** Long Vương (Varuṇa), **Sư Tử** Long Vương (Siṃha), **Hữu Cát Tường** Long Vương (Śrīmā), **Cát Tường Nhân** Long Vương (Śrī-kaṇṭha), **Cát Tường Tăng Trưởng** Long Vương (Śrīvarddhana), **Cát Tường Hiền** Long Vương (Śrī-bhadra), **Vô Úy** Long Vương (Abhayaṃ), **Đại Lực** Long Vương (Mahā-bala), **Thiết Lạp Bà** Long Vương (Śalabha), **Diệu Tý** Long Vương (Sabāhu), **Diệu Cao** Long Vương (Sumeru), **Nhật Quang** Long Vương (Sūrya-prabha), **Nguyệt Quang** Long Vương (Candra-prabha), **Đại Hống** Long Vương, **Chấn Thanh** Long Vương (Gargaja), **Lôi Điện** Long Vương (Vidyotana), **Kích Phát** Long Vương (Sphoṭana), **Giáng Vũ** Long Vương (Varṣana), **Vô Cấu** Long Vương (Vimala), **Vô Cấu Quang** Long Vương (Vimala-prabha), **Át Lạc Ca Đầu** Long Vương (Alaka-śīrṣa), **Bạt Lạc Ca Đầu** Long Vương (Valaka-śīrṣa), **Mã Đầu** Long Vương (Aśva-śirṣa), **Ngưu Đầu** Long Vương (Gavaya-śirṣa), **Lộc Đầu** Long Vương (Mṛga-śīrṣa), **Tượng Đầu** Long Vương (Hasti-śīrṣa), **Thấp Lực** Long Vương, **Hoan Hỷ** Long Vương, **Kỳ Diệu** Long Vương (Citra), **Diệu Nhãn** Long Vương (Citrākṣa), **Diệu Quân** Long Vương (Citra-sena), **Hộ Lỗ Noa** Long Vương, **Na Mẫu Chỉ** Long Vương (Namuci), **Mẫu Chỉ** Long Vương (Muci), **Mẫu Chỉ Lân Đà** Long Vương (Mucilinda), **La Sa Noa** Long Vương (Rāvaṇa), **La Cấp Bà** Long Vương (Raghava), **Thất Lý** Long Vương (Hari), **Sơn Cô** Long Vương (Girika), **Lạm Mẫu Lỗ** Long Vương (Lamburu), **Hữu Cổ** Long Vương (Krimi), **Vô Biên** Long Vương (Ananta), **Yết Nặc Ca** Long Vương (Kataka), **Tượng Yết Tha** Long Vương (Hasti-kataka), **Hoàng Sắc** Long Vương (Pīta), **Xích Sắc** Long Vương (Lohita), **Bạch Sắc** Long Vương (Śveta), **Y La Diệp** Long Vương (Elapatra), **Thương Khư** Long Vương (Śaṃkha), **A Bả La** Long Vương (Aparāla), **Hắc** Long Vương (Kāla), **Tiểu Hắc** Long Vương (Upakāla), **Lực Thiên** Long Vương (Bala-deva), **Na La Diên** Long Vương (Nārāyaṇa), **Kiếm Ma La** Long Vương (Kambala), **Thạch Bạc** Long Vương (Śaula-bāhu), **Căng Già** Long Vương (Gaṅga), **Tín Độ** Long Vương (Sindhu), **Phộc Sô** Long Vương (Vakṣu), **Tỷ Đa** Long Vương (Śīlā), **Cát Khánh** Long Vương (Maṃgalya), **Vô Nhiệt Não Trì** Long Vương (Anavatapta), **Thiện Trụ** Long Vương (Supratiṣtha), **Y La Bạt Noa** Long Vương (Airāvaṇa), **Trì Địa** Long Vương (Dharaṇīndhara), **Trì Sơn** Long Vương (Nimindhara), **Trì Quang Minh** Long Vương (Yutiṃdhara), **Hiền Thiện** Long Vương (Bhadra), **Cực Hiền Thiện** Long Vương (Subhadra), **Thế Hiền** Long Vương (Vasubhadra), **Lực Hiền** Long Vương (Bala-bhadra), **Bảo Châu** Long Vương (Maṇi), **Châu Yên** Long Vương (Maṇi-kaṇṭha), **Nhị Hắc** Long Vương (Kālaka), **Nhị Hoàng** Long Vương (Pītaka), **Nhị Xích** Long Vương (Lohitaka), **Nhị Bạch** Long Vương (Śvetaka), **Hoa Man** Long Vương (Māli), **Xích Hoa Man** Long Vương

(Rakta-māli), **Độc Tử** Long Vương (Vatsā), **Hiền Cú** Long Vương (Bhadrapada), **Cổ Âm** Long Vương (Duṇḍubhi), **Tiểu Cổ Âm** Long Vương (Upaduṇḍubhi), **Am Mạt La Tân** Long Vương (Āmratīrthaka), **Bảo Tử** Long Vương (Maṇisuta), **Trì Quốc** Long Vương (Dhṛtarāṣṭra), **Tăng Trưởng** Long Vương (Virūḍhaka), **Quảng Mục** Long Vương (Virūpakṣa), **Đa Văn** Long Vương (Vaiśravaṇa), **Xa Diện** Long Vương (Śakaṭa-mukha), **Chiêm Tì Dã Ca** Long Vương (Cāmpeyaka), **Kiêu Đáp Ma** Long Vương (Gautāma), **Bán Già La** Long Vương (Pañcāla), **Ngũ Kế** Long Vương (Pañca-cuḍa), **Quang Minh** Long Vương (Pradyunmatama), **Tần Độ** Long Vương (Vindu), **Tiểu Tần Độ** Long Vương (Upavindu), **A Lực Ca** Long Vương (Alika), **Yết Lực Ca** Long Vương (Kalika), **Bạt Lực Ca** Long Vương (Valika), **Khoáng Dã** Long Vương , **Khẩn Chất Ninh** Long Vương (Kincanī), **Khẩn Chất Ca** Long Vương (Kincaḍaka), **Tập Đà Ca** Long Vương (Kiccaka), **Hắc Kiêu Đáp Ma** Long Vương (Kṛṣṇa-gautama), **Tô Ma Na** Long Vương (Sumānuṣa), **Nhân** Long Vương (Manuṣa), **Căn Nhân** Long Vương (Mūla-manuṣa), **Thượng Nhân** Long Vương (Uttara-manuṣa), **Ma Đặng Ca** Long Vương (Mataṅga), **Mạn Noa Lạc Ca** Long Vương, **Phi Nhân** Long Vương (Amanuṣa), **Át Noa Ca** Long Vương (Aḍaka), **Tối Thắng** Long Vương (Uttama), **Nan Thắng** Long Vương, **Mạt La Ca** Long Vương (Valluka), **A Lỗ Ca** Long Vương (Alluka), **Y La** Long Vương (Ela), **Y La Bát Noa** Long Vương (Elavarṇa), **A La Bà Lộ** Long Vương (Aravāla), **Ma La Bà Lộ** Long Vương (Maravāla), **Ma Na Tư** Long Vương (Manasvi), **Yết Cú Trích Ca** Long Vương (Karkoṭaka), **Kiếp Bỉ La** Long Vương (Kapīla), **Thế Bà Lạc Ca** Long Vương (Śaivalaka), **Thanh Liên Hoa** Long Vương (Utpalaka), **Hữu Trảo** Long Vương (Nakkhaka), **Tăng Trưởng** Long Vương (Varddhana), **Giải Thoát** Long Vương (Mokṣaka), **Trí Tuệ** Long Vương (Buddhika), **Cực Giải Thoát** Long Vương (Pramokṣa), hai vị Long Vương **Mao Diễm Mã Thắng** (Kambara-aśvatara), hai vị Long Vương **Y La Mê La** (Ela Mela), hai vị Long Vương **Nan Đà Bạt Nan Đà** (Nandopananda), **A Xỉ La** Long Vương (akṣila), **Đại Thiện Hiện** Long Vương (Mahā-sudarśana), **Biến Hắc** Long Vương, **Biến Trùng** Long Vương, **Diệu Diện** Long Vương (Sumukha), **Kính Diện** Long Vương (ādarśana-mukha), **Thừa Nghênh** Long Vương, **Hiến Đà** Long Vương (Gaṃdhāra), **Sư Tử Châu** Long Vương (Siṃhala), **Đạt Nhĩ Noa** Long Vương (Dramiḍa), **Nhị Hắc** Long Vương (Kṛṣṇa), **Nhị Bạch** Long Vương (Śuklaka), **Nhị Tiểu Bạch** Long Vương (Upaśuklaka).

Các vị Đại Long Vương của nhóm như vậy là bậc thượng Thủ với chủng loại quyến thuộc ở Đại Địa này. Hoặc khi sét đánh tựa như tiếng vang dội lại (chấn hưởng), hoặc phóng ánh sáng, hoặc tuôn mưa ngọt làm cho lúa mạ tươi tốt. Đã từng gặp Đức Như Lai, ba Quy Y kèm thọ nhận **Học Xứ**, đoạt sự gây sợ hãi của Kim Sí Điểu, lìa cát lửa, miễn sự sợ hãi phục dịch vua chúa, thường giữ gìn Đại Địa, chống giữ cung điện báu to lớn, thọ mệnh lâu dài, có thế lực lớn, giàu có tự tại, vô lượng quyến thuộc đầy đủ Thần Thông, hay nghiền nát oán địch, có ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời chiến đấu với A Tu La thời trợ sức Uy Thần khiến cho hàng Trời được thắng.

Hết thảy con cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tôi tớ của các vị Long Vương ấy, đều dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này thủ hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, khiến lìa ưu khổ, thọ mệnh trăm năm

Con với quyến thuộc: hoặc thanh tịnh, hoặc chẳng thanh tịnh, hoặc mê luyến, hoặc phóng dật. Hoặc đi, đứng, ngồi, nằm. Hoặc ngủ, thức, đi, lại…trong tất cả Thời, nguyện đều ủng hộ chúng con

Hoặc bị **hàng Trời** làm cho sợ hãi, **A Tô La** làm cho sợ hãi, **loài Ma** làm cho sợ hãi, **Ma Lỗ Đa** làm cho sợ hãi, **Nga Lỗ Noa** làm cho sợ hãi, **Ngạn Đạt Phộc** làm cho sợ hãi, **Khẩn Na La** làm cho sợ hãi, **Ma Hộ La Nga** làm cho sợ hãi, **Dược Xoa** làm cho sợ hãi, **La Sát Sa** làm cho sợ hãi, **Tất Lệ Đa** làm cho sợ hãi, **Tỳ Xá Già** làm cho sợ hãi, **Bộ Đa** làm cho sợ hãi, **Củ Bạn Noa** làm cho sợ hãi, **Bố Đan Na** làm cho sợ hãi, **Yết Tra Bố Đan Na** làm cho sợ hãi, **Tắc Khiên Na** làm cho sợ hãi, **Ốt Ma Na** làm cho sợ hãi, **Xa Gia** làm cho sợ hãi, **A Bát Sa Ma La** làm cho sợ hãi, **Ổ Sa Đá La Ca** làm cho sợ hãi…thảy đều xa lìa nhóm làm cho sợ hãi như vậy.

Lại có các sự sợ hãi: Vua chúa làm cho sợ hãi, giặc cướp làm cho sợ hãi, nhóm nước lửa làm cho sợ hãi. Nhóm bạn ác, Kiếp Sát, oán địch làm cho sợ hãi, hoặc binh lính nơi khác làm cho sợ hãi, gặp nạn đói khát làm cho sợ hãi, chết yểu làm cho sợ hãi, đất chấn động làm cho sợ hãi, các thú ác làm cho sợ hãi, Hết thảy thấy cả lúc sợ hãi thời khiến cho con (họ tên..) kèm các quyến thuộc thảy đều giải thoát.

_ Lại nói **Già Tha** rằng:

“Khiến con, đêm an ổn
Ban ngày cũng tốt lành
Ở trong tất cả Thời
Chư Phật thường hộ niệm”

“Nam mô tốt-đổ mẫu đà dã. Nam mô tốt-đổ mạo đà duệ. Nam mô tốt-đổ mục cật-ta dã. Nam mô tốt-đổ mục cật đa duệ. Nam mô tốt-đổ phiến đa dã. Nam mô tốt-đổ phiến đa duệ. Nam mô tốt-đổ vĩ mục cật-ta dã. Nam mô tốt-đổ vĩ mục cật đa duệ”.

Namostu buddhāya
Namostu buddhāye
Namostu muktāya
Namostu muktāye
Namostu śāntāya
Namostu śāntāye
Namostu vimuktāya
Namostu vimuktāye

_ Các Bà La Môn có Tịnh Hạnh
Hay trừ tất cả các nghiệp ác
Như vậy chúng con xin quy y
Ủng hộ thân con với quyến thuộc.

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dược xoa
Đến lắng nghe Pháp, nên chí Tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng hành **Thế Tôn Giáo**
_ Hết thảy Hữu Tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Tâm **Từ**
Ngày đêm tự mình nương Pháp trụ
_ Nguyện các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí, lợi quần sinh

Hết thảy nghiệp tội đều tiêu trừ
Xa lìa mọi khổ, về Viên Tịch
_ Luôn dùng **hương Giới** xoa vóc sáng
Thường khoác **áo Định** để nghiêm thân
Hoa diệu Bồ Đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở, thường an vui.

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG
QUYỂN TRUNG (Hết)

Mật Tạng Bộ 2_ No.982 (Tr.433_ Tr.439)

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG
QUYỂN HẠ

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thuỵ là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Đức Phật bảo A Nan Đà: "Bảy Đức Phật Chính Biến Tri đời quá khứ cũng lại tùy vui tuyên nói **Phật Mẫu Minh Vương Chân Ngôn**, ông nên thọ trì.

_Đức **Vi Bát Thi** Như Lai Chính Biến Tri (**Vipaśyīn**-tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) cũng tùy vui tuyên nói **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này là:

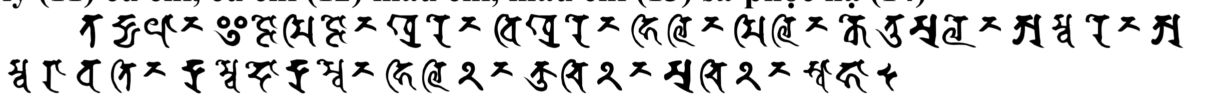
"Đát nễ-dã tha (1) a la nãi (2) ca la nãi (3) ma nãi (4) ma na nễ miệt đà ninh (5) a phộc lệ (6) xả phộc lệ (7) đổ lệ, đổ lệ (8) mẫu lệ, mẫu lệ (9) xả phộc lệ (10) bát la-noa xả phộc lệ (11) hộ chỉ (12) hộ chỉ (13) hộ chỉ (14) hộ chỉ (15) hộ chỉ (16) sa-phộc hạ (17)"



Tadyathā: Araḍe, karaḍe, maḍe, madavardhane, avare, śavare, ture ture, cure cure, śavare, parṇa śavare, huci huci, huci huci, huci, svāhā.

_Lại nữa A Nan Đà! Đức **Thi Khí** Như Lai Chính Biến Tri (**Śikhīn** -tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) cũng tùy vui tuyên nói **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này là:

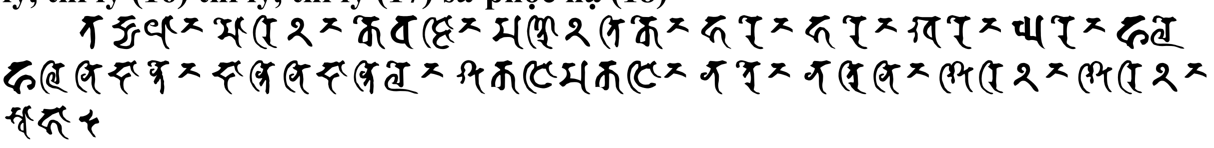
"Đát nễ-dã tha (1) nhất tai, nhĩ tai (2) củ lệ (3) vĩ củ lệ (4) hứ lý (5) nhĩ lý (6) kế đổ mẫu lê (7) ám phộc lệ (8) ám phộc lệ phộc để (9) nỗ mê nộ mê (10) hứ lý, hứ lý (11) củ chỉ, củ chỉ (12) mẫu chỉ, mẫu chỉ (13) sa-phộc hạ (14)"



Tadyathā: Iṭṭe miṭṭe, khure, vikhure, hili, mili, ketu-mule, ambare, ambarāvati, dumbe dodumbe, hili hili, kuci kuci, muci muci, svāhā.

_Lại nữa A Nan Đà! Đức **Tỳ Xá Phù** Như Lai Chính Biến Tri (**Viśvabhū**-tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) cũng tùy vui tuyên nói **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này là:

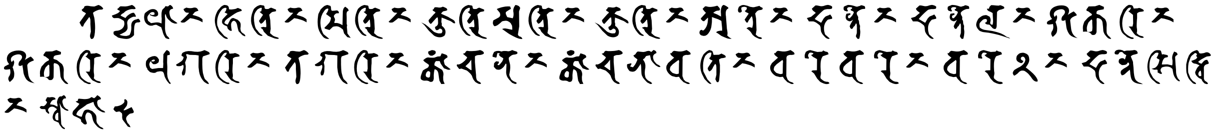
"Đát nễ-dã tha (1) mộ lý, mộ lý (2) kế bả tri (3) mãn nị, mãn nị để kế (4) hạ lệ, hạ lệ (5) khư lệ (6) già lệ (7) phả lệ (8) pha lê (9) phả lý ninh nan đế (10) nan để ninh (11) nan để lê (12) xả ca tri, ma ca tri (13) nẵng nãi (14) nẵng nị ninh (15) thí lý, thí lý (16) thí lý, thí lý (17) sa-phộc hạ (18)"



Tadyathā: mori mori, kevaṭṭi, maṇḍi maṇḍitike, hare hare, khare, ghare, phale phalinidānte, dānti nidāntile śakaṭi makaṭi, naḍe, naḍini, śiri śiri, śiri śiri, svāhā.

_Lại nữa A Nan Đà! Đức **Yết Cú Thốn Na** Như Lai Chính Biến Tri (**Krakucchanda**-tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) cũng tùy vui tuyên nói **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này là:

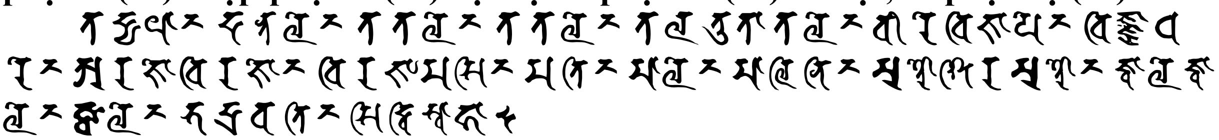
"Đát nễ-dã tha (1) hứ nị (2) nhĩ nị (3) củ nị, mẫu nị (4) đổ nị (5) át nãi nan đế (6) nan để lê (7) thước ca lý (8) chước ca lý (9) tha nga lý (10) đa nga lý (11) kiến tả ninh (12) kiến tả nẵng phộc để (13) phộc lệ, phộc lệ (14) phộc lệ, phộc lệ (15) nan đế tất địa (16) sa-phộc hạ (17)"



Tadyathā: Hiḍi, miḍi, kuḍi muḍi, tuḍi, aḍe dante, dantile, śakari śakari, thagari, tagari, kāṃcane, kāṃcanāvati, vare vare, vare vare, dante siddhi, svāhā.

_Lại nữa A Nan Đà! Đức **Yết Nặc Ca Mâu Ni** Như Lai Chính Biến Tri (**Kanakamunïi** -tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) cũng tùy vui tuyên nói **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này là:

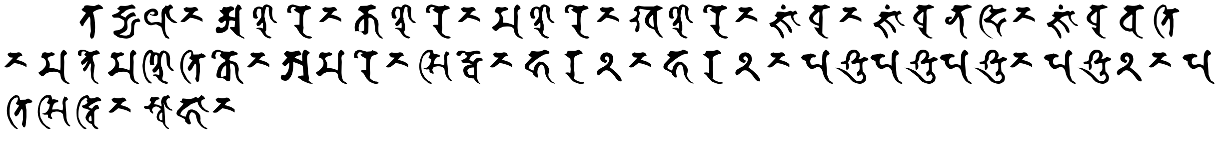
"Đát nễ-dã tha (1) nan đa lê (2) đát đa lê (3) đát đa lê (4) đa la đố đa lê (5) vị lệ, vĩ nhạ duệ (6) vĩ nhụ đà lệ (7) a la tề (8) vĩ la tề, vĩ la nhạ, ma tư (9) ma để (10) ma lý (11) ma lý ninh (12) môn nãi, thí la môn nãi (13) nhập-phộc lê (14) nhập-phộc lê (15) nhập-phộc lê (16) bạt nại-la phộc để (17) tất địa, sa-phộc hạ (18)"



Tadyathā: Dantale, tatale, tatale, talatutale, vīre vijaye, vijjudhare araje viraje, virajāmasi, mati, māle, mālini muṇḍe śiramuṇḍe, jvale jvale jvale, bhadra-vati, siddhi svāhā.

_Lại nữa A Nan Đà! Đức **Ca Nhiếp Ba** Như Lai Chính Biến Tri (**Kāśyapa** - tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) cũng tùy vui tuyên nói **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này là:

"Đát nễ-dã tha (1) át noa lệ (2) kiến noa lệ (3) mạn noa lệ (4) khiên noa lệ (5) tảm mưu (6) tảm mưu nẵng nễ (7) tảm mưu phộc để (8) mãn đế mạn nị để kế (9) a ma lệ (10) tăng hệ (11) hạ la, hạ la (12) hạ la, hạ la (13) bả du, bả du, bả du (14) bả du, bả du (15) bát để tất để, sa-phộc hạ (16)"



Tadyathā: Aṇḍare, kaṇḍare, maṇḍare, khaṇḍare, jaṃbu, jaṃbu-nadi, jaṃbu-vati, matte maṇḍitike, amare siddhe, hara hara, hara hara, paśu paśu paśu paśu paśupati siddhi svāhā

_ Lại nữa A Nan Đà! Ta, Đức **Thích Ca Mâu Ni** Như Lai Chính Biến Tri (**Śākya-muṇi**-tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) cũng tùy vui tuyên nói **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này vì muốn lợi ích cho các hữu tình.

Chân Ngôn là: **"Đát nễ-dã tha (1) hứ lý, nhĩ lý (2) chỉ lý, nhĩ lý (3) y lý lê (4) yết đát lê (5) kế đổ phộc lê (6) a noa ma lý (7) nạp tì, niếp tì (8) một tát la kế (9) một tát tai (10) đát-la khiên nỉ (11) ca ma lý (12) kiếm mẫu nại-lý (13) đát lỗ, đát lỗ (14) phộc la nê (15) bát-la cật-lý để, năng sắt-tai (16) nhĩ lý đa lê (17) y để hạ tế (18) a tả lê (19) đốt đa lê (20) phộc chỉ lê (21) phộc trí, phộc trí để kế (22) tạt tra đảm phệ** (nếu khi cầu mưa thời nên nói) **phộc la-sái đổ nỉ phộc** (nếu **Tức Tai**, khi cầu nguyện thời nên nói) **tất điền đổ mãn đát-la bát na (23) Nẵng mô bà nga phộc đố (24) y lý nhạ duệ (25) ngộ nộ hứ ca duệ (26) bột-lăng nga lý ca duệ (27) a lỗ chỉ (28) nẵng lỗ chỉ (29) nại tai (30) nại tai phộc nhật-lệ (31) nại tra phộc nhật-lệ (32) ốt na dã nạp tất-lý duệ (33) a la đá lê (34) củ la đa dạ (35) na la dã nê (36) bát xả ninh (37) sa-bát xả ninh (38) tất điền đổ (39) nại-la nhĩ noa (40) mãn đát-la bát na (41) sa-phộc hạ (42)"**

Tadyathā: Hili mili, kili mili, ilile, katale, ketu-bale, aḍamali, ḍapphe ḍaḍapphe, busarake, busaṭṭe, tarakande, kāmali, kaṃbudari, taru taru, varaṇi, prakṛti daṃṣṭre, militale, ītihāse, acale, tutale vakile, vaṭṭi vaṭṭitike vaṭṭitumbe (nếu khi cầu mưa thời nên nói) **varṣatu deva** (nếu Tức Tai, khi cầu nguyện thời nên nói) **sidhyantu mantrapada**

Namo bhagavato, īri jaye, godohikāye, bhṛṅgārikāye, aruci nāruci, naṭṭe, naṭṭe vajre, naṭṭa vajre, udayano priye, aratāle, kulatāyā, nārāyaṇi, paśya, nisparśani, sidhyantu, drāmiḍā mantra-pada svāhā

A Nan Đà! Ta đã chỉ dạy ông thọ trì Pháp **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** cứu Bật Sô **Bà Để** (Svati) bị nạn rắn độc, khiến cho vị Bật Sô ấy được an ổn. Cũng khiến cho tất cả hữu tình đọc tụng, thọ trì Kinh đấy được an vui lớn, sống lâu trăm tuổi, việc đã mong cầu được toại nguyện, như lúc trước đã nói.

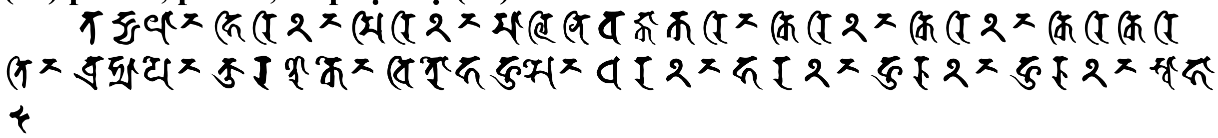
_Lại nữa A Nan Đà! Bồ Tát **Từ Thị** (Maitreya) cũng tùy vui tuyên nói **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này là:

"Đát nễ-dã tha (1) thí lý, thí lý (2) thí lý bạt nại-lệ (3) nhụ để, nhụ để (4) nhụ để bạt nại-lệ (5) hạ lệ, hạ lệ (6) hạ lý nê (7) nan để xả phộc lệ (8) thí phệ (9) thú la bá nê ninh (10) mạo địa, mạo địa (11) mạo địa, mạo địa (12) mạo địa tát đát-phệ (13) mạo địa, bát lý bá tả nê duệ, sa-phộc hạ (14)"

Tadyathā: Śiri śiri, śiri-bhadre, jyoti jyoti, jyoti-bhadre, hare hare, hāriṇi, danti śavare, śive, śulapāṇini, bodhi bodhi, bodhi bodhi, bodhisatve, bodhi paripācaṇīye svāhā.

_ Này A Nan Đà! **Tác Ha Thế Giới Chủ Đại Phạm Thiên Vương** cũng tùy vui tuyên nói **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này là:

"Đát nễ-dã tha (1) hứ lý, hứ lý (2) nhĩ lý, nhĩ lý (3) ma lý ninh, táng ca lý (4) chỉ lý, chỉ lý (5) chỉ lý, chỉ lý (6) chỉ lý, chỉ lý để (7) một-la hạ-ma duệ (8) củ lan trích kế (9) vĩ noa ha phổ tế (10) đà la, đà la (11) hạ la, hạ la (12) phổ lỗ, phổ lỗ (13) phổ lỗ, phổ lỗ, sa-phộc hạ (14)"



Tadyathā: Hiri hiri, miri miri, mālini vaṅkari, kiri kiri, kiri kiri, kiri kiriti, brahmāye, kuraṇḍake, viḍoha phuse, dhara dhara, hara hara, phuru phuru, phuru phuru, svāhā.

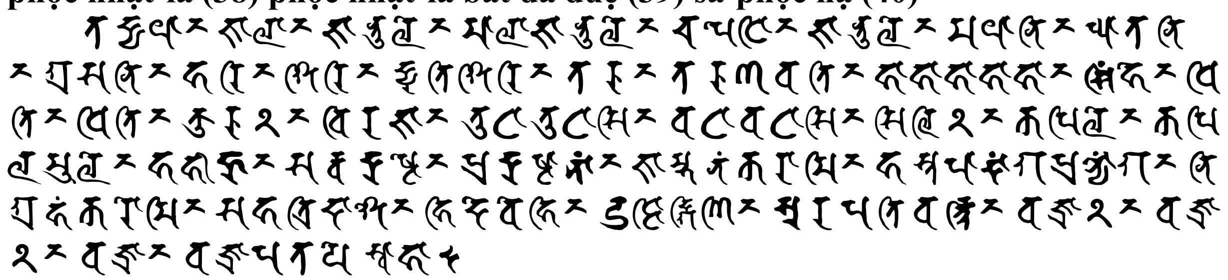
_ A Nan Đà! Chân Ngôn này hay diệt tất cả chất độc ác, hay trừ tất cả loại độc.
Sức của **Phật** trừ độc
Sức của **Bồ Tát Ma Ha Tát** trừ độc
Sức của **Độc Giác** trừ độc
Sức của **A La Hán** trừ độc
Sức của **bậc Thánh ba Quả, bốn Hướng** trừ độc
Sức của **bậc nói lời chân thật** trừ độc
Sức của **cây gậy của Phạm Vương** (Phạm Vương trượng) trừ độc
Sức của **chày Kim Cương của Đế Thích** trừ độc
Sức của **Phệ Suất Luân** trừ độc
Sức **thiêu đốt của Hỏa Thiên** trừ độc
Sức của **sợi dây của Thủy Thiên** trừ độc
Sức của **A Tô La Huyễn Sĩ** trừ độc
Sức của **bài Minh của Long Vương** trừ độc
Sức của **Tam Kích Xoa của Lỗ Nại La** trừ độc
Sức của **Tắc Kiến Na Thước Để** trừ độc
Sức của **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** hay trừ tất cả các chất độc, khiến cho chất độc nhập vào lòng đất, khiến cho con (họ tên…) với các quyến thuộc đều được an ổn.

_ A Nan Đà! Lại có tất cả loại độc, ông nên xưng danh tự của chúng. Ấy là: chất độc **Bạt Tha Na Bà**, chất độc **Ha La Át La**, chất độc **Ca La Câu Tra**, chất độc của răng nanh với răng, chất độc khi bị cắn, chất độc của rễ cây, chất độc của ngọn cây, chất độc lạ, chất độc của con mắt, chất độc của điện, chất độc của mây, chất độc của loài rắn, chất độc của loài Rồng, chất độc của **vật độc** (Cổ), chất độc của **Yêu Ma** (mỵ), chất độc của tất cả loài chuột, chất độc của loài nhện, chất độc của loài voi, chất độc của loài cóc nhái, chất độc của loài ruồi với các chất độc của loài ong, chất độc của loài người, chất độc của loài **Phi Nhân** (Amanuṣa), chất độc của thuốc men, chất độc của **Chú** (Mantra).

Tất cả chất độc của nhóm như vậy, nguyện đều trừ diệt, khiến cho con (họ tên…) với các quyến thuộc đều trừ bỏ được các chất độc, đạt được sự an ổn, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu.

_ Này A Nan Đà! **Đế Thích Thiên Vương** cũng tùy vui tuyên nói **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này là:

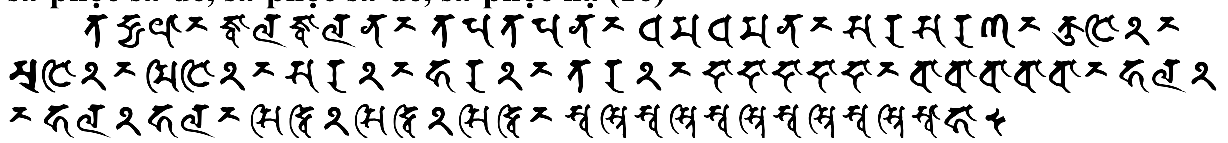
"Đát nễ-dã tha (1) nhã la (2) thiện đổ lê (3) ma la thiện đổ lê (4) tá bế chi (5) thiện đổ lê (6) mạt tha ninh (7) già đa ninh (8) ngật-la tát ninh (9) hạ lý (10) thỉ lý (11) nễ-dữu để thất lý (12) đát lỗ đãn lỗ noa phộc để (13) hạ hạ hạ hạ hạ (14) tăng hệ (15) địa để (16) địa để (17) củ lỗ, củ lỗ (18) vĩ la nhạ (19) đốt tra, đốt tra tỉ (20) miệt tra, miệt tra tỉ (21) tất lý, tất lý (22) kiếp bỉ lê (23) kiếp bỉ la mẫu lê (24) hạ hứ hộ (25) tát phộc nột sắt-tra (26) bát-la nột sắt-tra nam (27) tảm bà năng ca lô nhĩ (28) hạt sa-đa bá năng nga (29) bát-la để-dựng nga (30) ninh nghiệt-la đát ca lô nhĩ (31) sa hạ đát-lý na thế (32) hứ nỉ phệ hứ (33) ốt trưng nghĩ nê (34) tố la bả để miệt để (35) phộc nhật-la, phộc nhật-la (36) phộc nhật-la (37) phộc nhật-la, phộc nhật-la (38) phộc nhật-la bát đa duệ (39) sa-phộc hạ (40)"



Tadyathā: Jalā, jantule, mālā jantule, cāpeṭi, jantule, mathāni, ghātani, grasani, hari-śiri, dyuti-śiri, taru taruṇavati, hā hā hā hā hā, siṃhe, dhiti dhiti, kuru kuru, viraja, tuṭa tuṭasi, vaṭa vaṭasi, sili sili, kapile kapilamūle, ha hī hu, sarva duṣṭe, praduṣṭānāṃ, jambhanaṃ karomi, hasta pādāṃga pranyāṃga, nigrahaṃ karomi, sahatradāśe, hide vehi, uṭṭiṅgiṇi, surapati vartti, vajra vajra, vajra vajra vajra, vajrapataye svāhā.

_ Này A Nan Đà! Bốn vị Đại Thiên Vương cũng tùy vui tuyên nói **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này là:

"Đát nễ-dã tha (1) nhập-phộc la, nhập-phộc la nẵng (2) đáp bả, đáp bả nẵng (3) đà ma, đà ma nẵng (4) tát la, tát la noa (5) củ chi, củ chi (6) mẫu chi, mẫu chi (7) nhĩ chi, nhĩ chi (8) tát la, tát la (9) hạ la, hạ la (10) đát la, đát la (11) na na na na na (12) phộc phộc phộc phộc phộc (13) hạ la, hạ la, hạ la, hạ la, hạ la (14) tất địa, tất địa, tất địa, tất địa, tất địa (15) sa-phộc sa-để, sa-phộc sa-để, sa-phộc sa-để, sa-phộc sa-để, sa-phộc sa-để, sa-phộc hạ (16)"



Tadyathā: Jvala jvalana, tapa tapana, dhama dhamana, sara saraṇa, kuṭi kuṭi, muṭi muṭi, miṭi miṭi, sara sara, hara hara, tara tara, dā dā dā dā dā, vā vā vā vā vā, hala hala hala hala hala, siddhi siddhi siddhi siddhi siddhi, svasti svasti svasti svasti svasti svāhā.

Khiến cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc đều được xa lìa tất cả Quỷ Thần Sứ Giả, Diệm Ma Sứ Giả, Hắc Dạ Mẫu Thiên, kẻ cầm sợi dây đen với sự trị phạt của **Tử Vương** (Mṛta-rāja), sự trị phạt của **Phạm Thiên** (Brahma), sự trị phạt của **Đế Thích** (Indra), sự trị phạt của **Tiên Nhân** (Ṛṣī), sự trị phạt của **chư Thiên**, sự trị phạt của **Long Vương**, sự trị phạt của **A Tô La**, sự trị phạt của **Ma Lỗ Đa**, sự trị phạt của **Nga Lỗ Noa**, sự trị phạt của **Ngạn Đạt Phộc**, sự trị phạt của **Khẩn Na La**, sự trị phạt của **Ma Hộ La Nga**, sự trị phạt của **Dược Xoa**, sự trị phạt của **La Sát Sa**, sự trị phạt

của **Tất Lệ Đa**, sự trị phạt của **Tỳ Xá Già**, sự trị phạt của **Bộ Đa**, sự trị phạt của **Củ Bạn Noa**, sự trị phạt của **Bố Đan Na**, sự trị phạt của **Yết Tra Bố Đan Na**, sự trị phạt của **Tắc Kiến Na**, sự trị phạt của **Ốt Ma Na**, sự trị phạt của **Xa Gia**, sự trị phạt của **A Bát Sa Ma La**, sự trị phạt của **Ổ Sa Đa La Ca**, sự trị phạt của **Phệ Đá Noa**, sự trị phạt của **vua chúa**, sự trị phạt của **giặc cướp**, sự trị phạt của **nước lửa**, ở tất cả nơi chốn có sự trị phạt khiển trách với sự trị phạt nhỏ nhẹ… Khiến cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc đều được xa lìa, thường thấy sự ủng hộ, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu.

_ Này A Nan Đà! Ông nên xưng niệm tên gọi của các vị **Đại Hà Vương** (Mahā-nadī-rājañī). Các vị ấy tên là: **Hằng Hà** Hà Vương (**Gaṅgā**-nadī-rājñī), **Tín Độ** Hà Vương (**Sindhū**-nadī-rājñī), **Phộc Sô** Hà Vương (**Vasū**-nadī-rājñī), **Tỉ Đa** Hà Vương (**Śīlā** -nadī-rājñī), **Thiết Lạp Bộ** Hà Vương (**Sarabhū**-nadī-rājñī), **A Nhĩ La Phạt Để** Hà Vương (**Ajiravatī**-nadī-rājñī), **Diễm Mẫu Na** Hà Vương (**Yamunā**-nadī-rājñī), **Cú Hạ** Hà Vương (**Kuhā**-nadī-rājñī), **Vĩ Đát Sa Đa** Hà Vương (**Vitastā**-nadī-rājñī), **Thiết Đa Nột Lỗ** Hà Vương (**Śatadrū**-nadī-rājñī), **Vi Bá Xả** Hà Vương (**Vipāśā**-nadī-rājñī), **Ái La Phạt Để** Hà Vương (**Airavatī**-nadī-rājñī), **Chiến Nại La Bà Nga** Hà Vương (**Candrabhāgā**-nadī-rājñī), **Tát La Sa Để** Hà Vương (**Sarasvatī**-nadī-rājñī), **Yết Sai Bỉ Ninh** Hà Vương (**Kacchapī**-nadī-rājñī), **Bôi Dụ Sử Nê** Hà Vương (**Payoṣṇī**-nadī-rājñī), **Ca Vĩ Lý** Hà Vương (**Kāverī**-nadī-rājñī), **Đam Một La Bát Noa** Hà Vương (**Tāmraparṇī**-nadī-rājñī), **Mạt Độ Mạt Để** Hà Vương (**Madhumatī**-nadī-rājñī), **Ích Sô Phạt Để** Hà Vương (**Ikṣumatī**-nadī-rājñī), **Ngộ Mạt Để** Hà Vương (**Gomatī**-nadī-rājñī), **Nại Mạt Na** Hà Vương (**Narmadā**-nadī-rājñī), **Táo Mật Đát La** Hà Vương (**Saumitrā**-nadī-rājñī), **Vĩ Thấp Phộc Mật Đát La** Hà Vương (**Viśvamitrā**-nadī-rājñī), **A Ma La** Hà Vương (**Amarā**-nadī-rājñī), **Đá Ma La** Hà Vương (**Tāmarā**-nadī-rājñī), **Bán Giả La** Hà Vương (**Pañcālā**-nadī-rājñī), **Tốt Bà Tốt Đổ** Hà Vương (**Suvastū**-nadī-rājñī), **Bát La Bà Nại Lý Ca** Hà Vương (**Prabhadrikā**-nadī-rājñī), **Đáp Bố Đa** Hà Vương (**Tapodā**-nadī-rājñī), **Vĩ Ma La** Hà Vương (**Vimalā**-nadī-rājñī), **Ngộ Na Phộc Lý** Hà Vương (**Godāvarī**-nadī-rājñī), **Nê Liên Thiện Na** Hà Vương (**Nairañjanā**-nadī-rājñī), **Hứ Lan Nương Phạt Để** Hà Vương (**Hiraṅyavatī**-nadī-rājñī).

Các vị Đại Hà Vương của nhóm như vậy y theo Đại Địa này mà trụ. Chỗ của các vị Hà Vương ấy: Hoặc Trời, hoặc Rồng. Hoặc A Tô La, Ma Lỗ Đa, Nga Lỗ Noa, Ngạn Đạt Phộc, Khẩn Na La, Ma Hộ La Nga. Hoặc Dược Xoa, La Sát Sa, Tất Lệ Đa, Tỳ Xá Già. Hoặc Bộ Đa, Củ Bạn Noa, Bố Đan Na, Yết Tra Bố Đan Na, Tắc Kiến Na, Ốt Ma Na, Xa Gia, A Bát Sa Ma La, Ổ Sa Đá La Ca với loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn dầu mỡ, loài ăn tủy, loài ăn sự sống, loài ăn sinh mệnh, loài ăn thức cúng tế, loài ăn hơi thở, loài ăn hương, loài ăn tóc, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn lúa mạ, loài ăn **thứ cúng tế trong lửa** (hỏa từ), loài ăn mủ, loài ăn thứ do đại tiện, loài ăn thứ do tiểu tiện, loài ăn nước mắt nước dãi, loài ăn nước bọt, loài ăn nước mũi, loài ăn thức ăn dư thừa, loài ăn thứ nôn mửa, loài ăn vật chẳng sạch, loài ăn nước chảy rỉ ra….Mọi loại hình mạo, mọi loại nhan sắc của nhóm như vậy tùy theo sự ưa thích biến thân, các hàng Quỷ Thần y theo con sống ấy mà trụ. Nhóm ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Ninh Vương** này đều ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, khiến lìa ưu khổ, sống lâu trăm tuổi, thường được an vui.

_ Này A Nan Đà! Ông nên xưng niệm tên gọi của các vị **Đại Sơn Vương** (Mahā-Parvata-rāja). Các vị ấy tên là:

Diệu Cao Sơn Vương (**Sumeru**-parvata-rāja), **Tuyết** Sơn Vương (**Himavān**-parvata-rāja), **Hương Túy** Sơn Vương (**Gandhamādana**-parvata-rāja), **Bách Phong** Sơn Vương (**Śataṣṛṅga** -parvata-rāja), **Khiết Địa Lạc Ca** Sơn Vương (**Khadira**-parvata-rāja), **Kim Hiếp** Sơn Vương (**Svarṇapārśva**-parvata-rāja), **Trì Quang** Sơn Vương (**Dyutin-dhara**-parvata-rāja), **Ninh Mẫn Đạt La** Sơn Vương (**Nimin-dhara**-parvata-rāja), **Luân Vi** Sơn Vương (**Cakra-vāḍa**parvata-rāja), **Đại Luân Vi** Sơn Vương (**Mahā-cakra-vāḍa**-parvata-rāja), **Nhân Đà La Thạch** Sơn Vương (**Indraśaila**-parvata-rāja), **Phạm Trạch** Sơn Vương (**Brahmālaya**-parvata-rāja), **Hữu Cát Tường** Sơn Vương (**Śrīmanta**-parvata-rāja), **Thiện Hiện** Sơn Vương (**Sudarśana**-parvata-rāja), **Quảng Đại** Sơn Vương (**Vipula**-parvata-rāja), **Xuất Bảo** Sơn Vương (**Ratnākara**-parvata-rāja), **Đa Trùng** Sơn Vương (**Krimila**-parvata-rāja), **Bảo Đính** Sơn Vương (**Maṇikūṭa**-parvata-rāja), **Xuất Kim Cương** Sơn Vương (**Vajrākara**-parvata-rāja), **A Tô La Nham** Sơn Vương (**Asuraprāgbhāra**-parvata-rāja), **Tỳ Ma Chất Đa La** Sơn Vương (**Vemacitra**-parvata-rāja), **Điện Quang** Sơn Vương (**Vidyunprabha**-parvata-rāja), **Mã Nhũ** Sơn Vương (**Aśvancha**-parvata-rāja), **Nguyệt Quang** Sơn Vương (**Candrakānta**-parvata-rāja), **Nhật Quang** Sơn Vương (**Sūryakānta**-parvata-rāja), **Ma La Gia** Sơn Vương (**Malaya**-parvata-rāja), **Tần Đà** Sơn Vương (**Viṃdhya**-parvata-rāja), **Hiền Thạch** Sơn Vương (**Bhadraśaila**-parvata-rāja), **Chất Đát La Củ Tra** Sơn Vương (**Citrakūṭa**-parvata-rāja), **Kim Phong** Sơn Vương (**Svarṇaśṛṅga**-parvata-rāja), **Bá Lý Gia Đát La** Sơn Vương (**Parijāta**-parvata-rāja), **Diệu Tý** Sơn Vương (**Subāhu**-parvata-rāja), **Hữu Ma Ni** Sơn Vương (**Maṇimanta**-parvata-rāja), **Tô Sái Na** Sơn Vương (**Suṣena**-parvata-rāja), **Phạm Tuy** Sơn Vương (**Brahmatuṇḍa**-parvata-rāja), **Trí Tịnh** Sơn Vương (), **Ngưu Nhĩ** Sơn Vương (**Gokarṇa**-parvata-rāja), **Ma La Chất Đát La** Sơn Vương (**Mālyacitra**-parvata-rāja), **Kiếm Hình** Sơn Vương (**Khaṅga**-parvata-rāja), **Viêm Nhiệt** Sơn Vương (**Tāpana**-parvata-rāja), **An Thiện Na** Sơn Vương (**Añjena**-parvata-rāja), **Tích Tụ** Sơn Vương (**Muñjena**-parvata-rāja), **Lộc Sắc** Sơn Vương (**Rurubha**-parvata-rāja), **Đạt Đạt** Sơn Vương (**Dardana**-parvata-rāja), **Kế La Sa** Sơn Vương (**Kailāsa**-parvata-rāja), **Đại Đế** Sơn Vương (**Mahendra**-parvata-rāja)

Các vị Đại Sơn Vương của nhóm như vậy cư trú tại Đại Địa này. Ở nhóm núi ấy: hết thảy Trời, Rồng, A Tô La, Ma Lỗ Đa, Nga Lỗ Noa, Ngạn Đạt Phộc, Khẩn Na La, Ma Hộ La Nga, Dược Xoa, La Sát Sa, Tất Lệ Đa, Tỳ Xá Già, Bộ Đa, Củ Bạn Noa, Bố Đan Na, Yết Tra Bố Đan Na, Tắc Kiến Na, Ốt Ma Na, Xa Gia, A Bát Sa Ma La, Ổ Sa Đá La Ca, các hàng Quỷ Thần với **Trì Minh Đại Tiên** kèm với các tùy tùng quyến thuộc trụ tại núi ấy, cũng đều dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này đều ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các quyến thuộc, khiến lìa sự lo lắng đau khổ.

_ Lại nói **Già Đà** rằng:

"Khiến con, đêm an ổn
Ban ngày cũng tốt lành
Ở trong tất cả Thời
Chư Phật thường hộ niệm"

_ Này A Nan Đà! Ông nên xưng niệm tên gọi của các **Tinh Tú Thiên**. Tinh Tú Thiên ấy có Uy Lực lớn, thường đi trên hư không , hiện tướng tốt xấu. Các vị ấy tên là:

_ **Mão Tinh** (Kṛttikā) với **Tất Tinh** (Rohiṇī)
Tuy Tinh (Mṛgaśirā), **Sâm** (Ārdra) với **Tỉnh** (Punarvasu)

Quỷ Tú (Puṣya) hay cát tường
Liễu Tinh (Āśleṣā) là thứ bảy
Nhóm bảy **Tú** (Nakṣatra) này trụ ở cửa Đông, thủ hộ phương Đông. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này thường hộ giúp con (họ tên) kèm với các quyến thuộc sống lâu trăm tuổi, lìa các ưu não.

_ **Tinh Tú** (Maghā) đập nát Oán
Trương (Pūrva-phalgunī), **Dực** (Uttara-phalgunī) cũng như vậy
Chẩn Tinh (Hastā) với **Giác** (Citrā), **Kháng** (Svātī)
Đê Tinh (Viśākhā) ở thứ bảy
Nhóm bảy **Tú** (Nakṣatra) này trụ ở cửa Nam, thủ hộ phương Nam. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này thường ủng hộ con (họ tên) kèm với các quyến thuộc sống lâu trăm tuổi, lìa các ưu não.

_ **Phòng Tú** (Anurādhā) uy đức lớn
Tâm (Jyeṣṭhā), **Vĩ** (Mūla) cũng như vậy
Cơ Tinh (Pūrvāṣādhā) với **Đẩu** (Uttarāṣādhā), **Ngưu** (Śravaṇā)
Nữ Tinh (Abhijit) là thứ bảy
Nhóm bảy **Tú** (Nakṣatra) này trụ ở cửa Tây, thủ hộ phương Tây. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này thường ủng hộ con (họ tên) kèm với các quyến thuộc sống lâu trăm tuổi, lìa các ưu não.

_ **Hư Tinh** (Śatabhiṣā) với **Nguy Tinh** (Dhaniṣṭhā)
Nhóm **Thất Tinh** (Pūrva-bhādrapadā), **Bích Tinh** (Uttara-bhādrapadā)
Khuê Tinh (Revatī) với **Lâu Tinh** (Aśvinī)
Vị Tinh (Bharaṇī) ở sau cùng
Nhóm bảy **Tú** (Nakṣatra) này trụ ở cửa Bắc, thủ hộ phương Bắc. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này thường ủng hộ con (họ tên) kèm với các quyến thuộc sống lâu trăm tuổi, lìa các ưu não.

_ Này A Nan Đà! Ông nên xưng niệm tên gọi của **chín loại Chấp Diệu** (Nava-grahā). Chấp Diệu Thiên này khi tuần hành **28 Tú** (Aṣṭa-viṃśatīnāṃ-nakṣatrānāṃ) thời hay khiến cho ngày đêm, thời phần tăng giảm. Hết thảy sự sung túc, tần tiện, khổ, vui của Thế Gian đều trước tiên biểu thị cho tướng ấy. Các vị ấy tên là:
Nhật (Sūrya), **Nguyệt** (Soma) với **Huỳnh Hoặc** (Aṅgāraka)
Thần (Budha), **Tuế Tinh** (Vṛhaspati), **Thái Bạch** (Śukra)
Trấn (Śanaiścara) với **La Hầu** (Rāhu), **Tuệ** (Ketu)
Đây gọi là **Chấp Diệu** (Grahā)
Nhóm **Cửu Diệu** này có uy lực lớn, hay bày việc tốt xấu. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này thường hộ giúp con (họ tên) kèm với các quyến thuộc sống lâu trăm tuổi, lìa các ưu não.

_ Lại dùng **Già Đà** khen các Tinh Tú
“**Tú** có hai mươi tám
Bốn phương đều có bảy
Chấp Diệu lại có bảy
Thêm **Nhật, Nguyệt** thành chín
Tổng thành ba mươi bảy

Dũng mãnh, đại uy thần
Hiện, ẩn chiếu Thế Gian
Bày tướng thiện ác ấy
Khiến ngày đêm tăng giảm
Có Thế, ánh sáng lớn
Đều dùng Tâm thanh tịnh
Nơi **Minh** này, tùy vui”

Nhóm Tinh Tú Thiên này đều cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này thường ủng hộ con (họ tên) kèm với các quyến thuộc sống lâu trăm tuổi.

_ Này A Nan Đà! Ông nên xưng niệm tên gọi của các vị **Đại Tiên Nhân** (Mahā-ṛṣī). Các vị Tiên Nhân này đều trì thành tựu **Cấm Giới** (Saṃvara), thường tu **Khổ Hạnh** (Duṣkara-caryā, hay Tapas) đầu đầy đủ Uy Đức, có ánh sáng lớn. Hoặc trụ ở núi sông, hoặc ở rừng rậm…Muốn làm việc Thiện Ác, chú nguyện tốt xấu thì tùy theo lời nói đều thành tựu, năm Thông tự tại, bay đi trong hư không, tất cả chỗ làm không có chướng ngại.

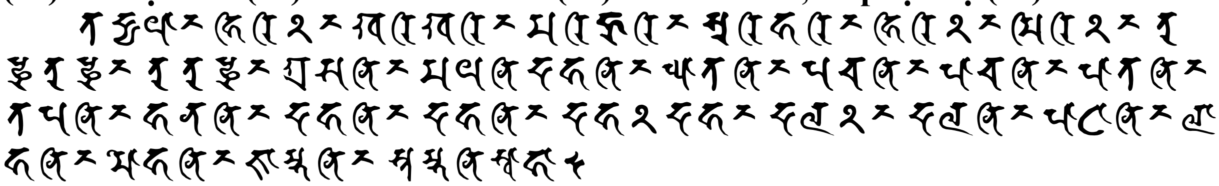
Ông nên xưng niệm tên các vị ấy là: **A Sắt Tra Ca** Đại Tiên (**Aṣṭamaka**-mahāṛṣī), **Phộc Ma Ca** Đại Tiên (**Vāmaka**-mahāṛṣī), **Phộc Ma Nỉ Phộc** Đại Tiên (**Vāmadeva**-mahāṛṣī), **Ma Lợi Chi** Đại Tiên (**Mārici**-mahāṛṣī), **Mạt Kiến Nãi Gia** Đại Tiên (**Mārkaṇḍeya**-mahāṛṣī), **Chủng Chủng Hữu** Đại Tiên (**Viśvāmitra**-mahāṛṣī), **Bà Tư Sắt Sá** Đại Tiên (**Vasiṣṭha**-mahāṛṣī), **Bạt Lạp Nhĩ Ca** Đại Tiên (**Vālmīka**-mahāṛṣī), **Ca Diếp Ba** Đại Tiên (**Kāśyapa**-mahāṛṣī), **Lão Ca Diếp Ba** Đại Tiên (**Vṛddha-kāśyapa**-mahāṛṣī), **Bột Lăng Ngung** Đại Tiên (**Bhṛgu**-mahāṛṣī), **Bột Lý La Sa** Đại Tiên (**Bhṛṅgirasa**-mahāṛṣī), **Ương Nghĩ La** Đại Tiên (**Aṅgirasa**-mahāṛṣī), **Bà Nghĩ La Sa** Đại Tiên (**Bhagiratha**-mahāṛṣī), **A Đát Lại Gia** Đại Tiên (**Ātreya**-mahāṛṣī), **Bổ La Tất Để Gia** Đại Tiên (**Pulastya**-mahāṛṣī), **Lộc Đầu** Đại Tiên (**Mṛga-śirṣai**-mahāṛṣī), **Diệm Ma Hỏa** Đại Tiên (**Yamāgni**-mahāṛṣī), **Châu Tử** Đại Tiên (**Vaisaṃpāya**-mahāṛṣī), **Hắc Châu Tử** Đại Tiên (**Kṛṣṇa-vaisaṃpāya**-mahāṛṣī), **Hạ Lý Đa** Đại Tiên (**Hārīta**-mahāṛṣī), **Hạ Lý Đa Tử** Đại Tiên (**Hārītāya**-mahāṛṣī), **Đẳng Thanh** Đại Tiên (**Samaṅgira**-mahāṛṣī), **Cao Dũng** Đại Tiên (**Ungata**-mahāṛṣī), **Đẳng Cao Dũng** Đại Tiên (**Samuṅgata**-mahāṛṣī), **Thuyết Nhẫn** Đại Tiên (**Kṣāntivādi**-mahāṛṣī), **Danh Xưng** Đại Tiên (**Kīrtti**-mahāṛṣī), **Thiện Danh Xưng** Đại Tiên (**Sukīrtti**-mahāṛṣī), **Tôn Trọng** Đại Tiên (**Guru**-mahāṛṣī), **Hoàng** Đại Tiên (**Pīta**-mahāṛṣī), **Bổ Đát Lạc Ca** Đại Tiên (**Potalaka**-mahāṛṣī), **A Thấp Phộc La Dã Na** Đại Tiên (**Aśvalāya**-mahāṛṣī), **Hương Sơn** Đại Tiên (**Gandhagiri**-mahāṛṣī), **Tuyết Sơn** Đại Tiên (**Himavān**-mahāṛṣī), **Xích Mục** Đại Tiên (**Lohitākṣa**-mahāṛṣī), **Nan Trụ** Đại Tiên (**Durvāsa**-mahāṛṣī), **Phệ Xiểm Bá Dã Na** Đại Tiên (), **Phộc Lãm Nhĩ Ca** Đại Tiên (), **Năng Thí** Đại Tiên (**Dāna**-mahāṛṣī), **Nột Ma Sa** Đại Tiên (), **Thiết Lạp Bà** Đại Tiên (), **Ma Nỗ** Đại Tiên (), **Chủ Tể** Đại Tiên (), **Đế Thích** Đại Tiên (**Indra**-mahāṛṣī), **Tuế Tinh** Đại Tiên (**Vṛhaspati**-mahāṛṣī), **Kiều** Đại Tiên (), **Quang** Đại Tiên (**Prabha**-mahāṛṣī), **Anh Vũ** Đại Tiên (**Sukā**-mahāṛṣī), **A La Nỉ Di** Đại Tiên (**Aranemīni**-mahāṛṣī), **Trấn Tinh** Đại Tiên (**Śanaiśvara**-mahāṛṣī), **Thần Tinh** Đại Tiên (**Budha**-mahāṛṣī), **Trì Độc** Đại Tiên (**Jaṅguli**-mahāṛṣī), **Kiền Đà La** Đại Tiên (**Gandhāra**-mahāṛṣī), **Độc Giác** Đại Tiên (**Ekaśṛṅga**-mahāṛṣī), **Tiên Giác** Đại Tiên (**Ṛṣyaśṛṅga**-mahāṛṣī), **Nghiệt La** Đại Tiên (**Garga**-mahāṛṣī), **Đan Noa Dã Na** Đại Tiên (), **Kiến Xá Dã Na** Đại Tiên (), **Yên Đỉnh** Đại Tiên (), **Khả Úy** Đại Tiên (**Bhīṣaṇa**-mahāṛṣī), **Kiếp Bỉ La** Đại Tiên (**Kapila**-mahāṛṣī), **Kiều Đáp Ma** Đại Tiên (**Gotama**-mahāṛṣī), **Ma Đặng Già** Đại Tiên (**Mataṅga**-mahāṛṣī), **Chu Nhãn** Đại Tiên

(**Citrākṣa**-mahāṛṣī), **Diệu Nhãn** Đại Tiên (**Sunetra**-mahāṛṣī), **Na La Diên** Đại Tiên (**Nārāyaṇa**-mahāṛṣī), **Sơn Cư** Đại Tiên (**Parvata**-mahāṛṣī), **Cật Lý Nhĩ La** Đại Tiên (**Krimilā**-mahāṛṣī)

Các vị Tiên của nhóm như vậy đều là bậc Đại Tiên cổ xưa, làm **Tứ Minh Luận, Thiện Nhàn, Chú Thuật**, mọi Hạnh chuẩn bị thành, ta người đều lợi ích. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này thường ủng hộ con (họ tên) kèm với các quyến thuộc sống lâu trăm tuổi, lìa các ưu não.

Lại nói Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) hứ lý, hứ lý (2) hứ lý, khư lý (3) ma lý, hộ lý (4) tố lý, hạ lý (5) hứ lý, hứ lý (6) nhĩ lý, nhĩ lý (7) chiếp phổ, chiếp phổ (8) noa chiếp phổ (9) ngật-la tát ninh (10) mạt tha ninh (11) nặc hạ ninh (12) già đa ninh (13) bả tả ninh (14) bá tả ninh (15) bá đa ninh (16) đá bả ninh (17) hạ nẵng ninh (18) na hạ ninh (19) na hạ, na hạ, na hạ (20) na la, na la, na la ninh (21) bá tra ninh (22) la hạ ninh (23) mô hạ ninh (24) bà-đam bà ninh (25) tảm bà ninh, sa-phộc hạ (26)"



Tadyathā: Hiri hiri, khari khari, mari huri, suri hari, hiri hiri, miri miri, ḍapphu ḍapphu, ḍaḍapphu, grasani, mathani dahani, ghātani, pacani, pācani, pātani, tapani, hanani, dahani, dahani, daha daha daha, dala dala, dalani, pāṭani, lāhani, mohani, jambhani, stambhani svāhā.

_ Này A Nan Đà! Ông nên xưng niệm, trong Đại Địa này có tên gọi của **Đại Độc Dược**. Tên gọi ấy là:

Át Noa La (Aṇḍarā), **Bán Noa La** (Paṇḍarā), **Ca La La** (Karalā), **Kế Dữu La** (Keyūra), **Bộ Đặng Nga Ma** (Bhūtaṅgamā), **Bộ Đa Bát Để** (Bhūtapati), **Mẫn Nỗ Bát Để** (Viṃdupati), **Tất Lý Bát Để** (Śiripati), **Đế Nhạ Bát Để** (Tejapati), **Đế Tổ Ngật-La Bát Để** (Tejograpati), **Duệ Thú Bát Để** (Yaśopati), **Duệ Thú Ngật-La Bát Để** (Yaśograpati), **A La Noa** (Araḍā), **Đá La Noa** (Taraḍā), **A La Noản** (?Tarāṇāṃ), **Đát-La Noa** (Taraḍā), **Nan Đá** (Dantā), **Nặc Hạ** (Dahā), **Tế Hạ** (Jehā), **Tế La** (Jelā), **Phát La** (Phalā), **Ngu La** (Gula), **Chỉ La Nan Đổ La** (Cirādantulā), **Y Lý Chỉ Chỉ Ca** (Irikicikā), **Xả Thả Đổ La** (Śatanturā), **Vĩ Bổ Lý** (Vipuli), **Nẵng Củ Lý** (Nakuli), **Chỉ Lý Bỉ** (Kirimi), **Đát Lang Nga Lý Sắt-Tra** (Taraṅgātiṣṭha), **Ám Mẫu Ma Đế** (Āmramati) **Tảm Mẫu Ma Đế** (Jambumati), **Ma Ma Ma Đế** (Madhumati), **Ca Ma Lê** (Kamale), **Vĩ Ma Lê** (Vimale), **Quân Noa Lê** (Kuṇḍale), **A Tứ Đổ Hứ** (Ahituhi), **Phộc Kế** (Vakke), **Phộc Ca Noa Đế** (Vakkadūṭṭe), **Phộc Nại Nẵng Bệ** (Vastanābhe), **Ma Hạ Nga Lê** (Mahāgale), **Đổ Lãm Mê** (Tulambe), **Tô Lãm Mê** (Surambe)

A Nan Đà! **Đại Độc Dược** này với các **Dược Thần** cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này thủ hộ cho con (họ tên) kèm với các quyến thuộc sống lâu trăm tuổi, lìa các độc hại.

_ Lại nữa A Nan Đà! **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Giáo** này là điều mà bảy Đức Phật Chính Biến Tri Như Lai đã nói. Ấy là : **Vi Bát Thi** (Vipa'syìn), **Thi Khí** (Śikhìn), **Tỳ Xá Phù** (Vi'svabhū), **Yết Cú Thốn Na** (Krakucchanda), **Yết Nặc Ca Mâu Ni** (Kanakamunïi), **Ca Diếp Ba** (Kaøśyapa) với Ta, **Thích Ca Mâu Ni Chính Biến Tri** (Śākya-muṇi-samyaksaṃbuddha) đều tùy vui tuyên nói

Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương này. Bồ Tát **Từ Thị** (Maitreya) cũng tùy vui tuyên nói. **Tác Ha Thế Giới Chủ Đại Phạm Thiên Vương** kèm với Thiên Đế Thích, bốn vị Đại Thiên Vương, Trì Quốc Thiên Vương hay là Càn Đạt Bà Chủ, Tăng Trưởng Thiên Vương hay là Câu Bàn Trà Chủ, Quảng Mục Thiên Vương hay là Long Chủ, Đa Văn Thiên Vương hay là Dược Xoa Chủ, kèm với 28 vị Đại Dược Xoa Tướng đều tùy vui tuyên nói.

Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương này. Tán Chi Ca Đại Tướng, Ha Lợi Đế Mẫu với 500 người con kèm với các quyến thuộc cũng tùy vui tuyên nói.

A Nan Đà! **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này không có ai dám làm trái ngược.

Hoặc hàng Trời, Rồng, A Tô La, Ma Lỗ Đa, Nga Lỗ Noa, Ngạn Đạt Phộc, Khẩn Na La, Ma Hộ La Nga…cũng không có ai dám làm trái ngược.

Hoặc hàng Dược Xoa, La Sát Sa, Tất Lệ Đa, Tỳ Xá Già, Bộ Đa, Củ Bạn Noa, Bố Đan Na, Yết Tra Bố Đan Na, Tắc Kiến Na, Ốt Ma Na, Xa Gia, A Bát Sa Ma La, Ổ Sa Đá La Ca, các Quỷ Thần…cũng không có ai dám làm trái ngược.

Với tất cả các loài ăn ác: loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn dầu mỡ, loài ăn tủy, loài ăn sự sống, loài ăn sinh mệnh, loài ăn thức cúng tế, loài ăn hơi thở, loài ăn hương, loài ăn tóc, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn lúa mạ, loài ăn **thứ cúng tế trong lửa** (hỏa từ), loài ăn mủ, loài ăn thứ do đại tiện, loài ăn thứ do tiểu tiện, loài ăn nước mắt nước dãi, loài ăn nước bọt, loài ăn nước mũi, loài ăn thức ăn dư thừa, loài ăn thứ nôn mửa, loài ăn vật chẳng sạch, loài ăn nước chảy rỉ ra…Các loài ăn ác của nhóm như vậy cũng chẳng dám làm trái ngược **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này.

Lại các Cổ Mỵ, Yểm Đảo, Chú Thuật, các Pháp ác: **Cật Lật Để Ca** (Kṛtyā), **Yết Ma Noa** (Karmaṇa), **Ca Cụ Lật Na** (Kakhordda), **Chỉ Thứ Noa** (Kiraṇa), **Phệ Đá Noa** (Vetaḍa, hay Vetala), **Chất Giả** (Cicca), **Tất Lệ Sái Ca** … cũng chẳng dám làm trái ngược.

Lại có loài uống máu tủy kẻ khác, biến hóa người sai khiến, kêu gọi Quỷ Thần làm các nghiệp ác: ăn ác, nôn mửa ác, ảnh ác, nhìn ngó ác. Hoặc làm việc Thư Yếm, hoặc nhảy đạp ác, đột nhiên ác. Hoặc mạo phạm trái nghịch ác (ác mạo nghịch)… cũng chẳng dám làm trái ngược **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này.

Lại các nhóm vua chúa, giặc cướp, nước, lửa, binh lính nơi khác, đói khát, chết yểu chẳng đúng thời, động đất, thú ác, oán địch, bạn ác… cũng chẳng dám làm trái ngược, thảy đều lìa xa.

Lại các bệnh ác: ghẻ lở, bệnh hủi, mụn nhọt, hắc lào, bệnh trĩ, bệnh lậu, ung thư, da thân khô đen, ăn uống chẳng tiêu, đau buốt đầu, đau buốt nửa đầu, đau mắt, đau tai, đau mũi, đau môi, đau miệng, đau gò má, đau răng nanh, đau buốt răng, đau lưỡi với đau cổ họng, đau ngực, đau hông sườn, đau lưng, đau tim, đau dạ dày, đau eo lưng, đau bụng, đau bắp đùi, đau đầu gối, hoặc đau tứ chi, đau nơi ẩn kín, bệnh gầy ốm, khô ngứa, đau buốt khắp thân….Nhóm đau nhức như vậy cũng chẳng dám làm trái ngược, đều được lìa xa.

Lại các bệnh sốt rét: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến nửa tháng, một tháng, hoặc lại nhiều ngày liên tiếp, hoặc lại phút chốc…. phát bệnh một lần. Hoặc lại thường nóng sốt, bệnh **Thiên Tà**, bệnh bứu cổ, Quỷ Thần, nóng sốt, trúng gió, vàng da, **đàm ẩm** (Trong thân thể, nước dịch quá lượng chẳng thâu hóa được, ngưng chảy hoặc chảy rỉ ra ở một bộ phận nào đó gây thành bệnh). Hoặc ba **tập bệnh**, 404 loại bệnh…đều chẳng dám làm trái ngược **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này.

_ Này A Nan Đà! Lại có hàng Quỷ Mỵ, Người, Phi Nhân, các ác độc hại, tất cả sự chẳng lành với các bệnh ác, tất cả Quỷ Thần cùng với Sứ Giả, oán địch, khủng bố, mọi loại các chất độc cùng với Chú Thuật, tất cả Yểm Đảo…đều chẳng dám làm trái ngược **Ma Ha Ma Du Lợi Phật Mẫu Minh Vương**, thường được xa lìa tất cả nghiệp chẳng lành, được đại cát tường, chúng Thánh gia trì, đầy đủ mọi sự mong cầu.

_ Lại nữa A Nan Đà! Nếu có người vừa mới xưng niệm tên gọi của **Ma Ha Ma Du Lợi Phật Mẫu Minh Vương** này thì liền hộ thân của mình với hộ thân người khác. Hoặc kết sợi dây đeo giữ trên thân. Như người này đáng bị tội chết thì chỉ dùng vật trị phạt mà được thoát, đáng bị trị phạt thì dùng cây gậy nhẹ mà được thoát, đáng dùng gậy nhẹ phạt thì bị mắng chửi mà được thoát, đáng bị mắng chửi thì tự nhiên được thoát, Tất cả nạn khổ thảy đều tiêu tan.

Người này cũng chẳng bị vua chúa, giặc cước, nước, lửa, chất độc ác, dao, gậy…xâm hại. Người, Trời, Quỷ Thần không dám làm trái ngược, ngủ yên thức yên, lìa các sự khủng bố, Phước Đức tăng trưởng, thọ mệnh kéo dài.

A Nan Đà! Chỉ trừ Định Nghiệp của đời trước đều thọ nhận sự báo ứng, ngoài ra chỉ đọc tụng Kinh này đều được ứng hiệu.

_ Này A Nan Đà! Nếu khi Trời hạn hán với mưa lụt lội thời đọc tụng Kinh ày ắt các vi Rồng vui vẻ. Hoặc mưa dầm liền quang tạnh, hoặc đại hán ắt tuôn mưa…khiến cho người cầu xin tùy theo ý được mãn túc.

A Nan Đà! **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này. Người vừa mới nhớ niệm, tức hay trừ khủng bố, oán địch, tất cả ách nạn…huống chi là đọc tụng thọ trì đầy đủ, đều được an vui.

A Nan Đà! **Ma Ha Ma Du Lợi Phật Mẫu Minh Vương** này là bậc hay trừ tai họa, chặn đứng oán địch. Vì muốn thủ hộ cho **bốn chúng** (catasraḥ parṣadaḥ): **Bật Sô** (Bhikṣu), **Bật Sô Ni** (Bhikṣuṇi), **Ô Ba Sách Ca** (Upāsaka), **Ô Ba Tư Ca** (Upāsikā) lìa các sự đáng sợ cho nên lại nói Chân Ngôn là:

"Đát nễ-dã tha (1) dã phộc để (2) đà ninh (3) đà la chỉ (4) củ lỗ, đổ lỗ minh (5) sa-phộc hạ (6)"



Tadyathā: Yavati, dhani, dharaki, kuru turu me svāhā

_ **Tham Dục** (Rāga), **giận dữ** (Dveṣa), **Si** (moha)
Là ba độc Thế Gian
Chư Phật đều chặt đứt
Lời thật, độc tiêu trừ
_ Tham Dục, giận dữ , Si
Là ba độc Thế Gian
Đạt Ma (Dharma) đều chặt đứt
Lời thật, độc tiêu trừ
_ Tham Dục, giận dữ , Si
Là ba độc Thế Gian
Tăng Già (Saṃgha) đều chặt đứt
Lời thật, độc tiêu trừ
_ Tất cả các **Thế Tôn** (Bhagavaṃ)
Có sức Uy Thần lớn
La Hán (Arhat) đủ danh tiếng
Trừ độc khiến an ổn
_ Chúng con và quyến thuộc

Thường được lìa tai ách
Nguyện **Phật Mẫu Minh Vương**
Khiến tất cả an ổn

Khi ấy Cụ Thọ **A Nan Đà** nghe Đức Phật nói Kinh đấy xong, thời đỉnh lễ hai bàn chân của Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng theo bên phải, vâng theo Thánh Chỉ của Đức Phật đi đến chỗ của Bật Sô **Toa Để** (Svati). Liền dùng Pháp **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** vì vị Bật Sô ấy mà làm cứu hộ, kết **Địa Giới** ấy, kết **Phương Ngung Giới**, nhiếp thọ nhiêu ích, trừ sự khổ não cho vị ấy.

Thời chất độc gây đau khổ cho vị Bật Sô **Toa Để** liền tiêu tan, thân được an ổn, từ dưới đất đứng dậy, cùng với Cụ Thọ **A Nan Đà** đi đến chỗ của Đức Phật, lễ hai bàn chân của Đức Phật xong, liền trụ tại một bên.

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo A Nan Đà: "Do Nhân Duyên này, ông nên báo khắp bốn Chúng: Bật Sô, Bật Sô Ni, Ô Ba Sách Ca, Ô Ba Tư Ca với quốc vương, đại thần, người trong Thế Gian…khuyên khiến một lòng thọ trì Pháp này. Vì người khác nói, viết chép Kinh Quyển lưu thông tại chỗ ở. Nên khiến cho nghiêm sức, dựng lập Đàn Trường, hương, hoa, thức ăn uống tùy theo phần cúng dường…khiến cho tất cả hữu tình lìa các ưu não, được Phước vô lượng, thường được an vui, sống lâu trăm tuổi"

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Kinh đấy xong thời Người, Trời, Dược Xoa với các Quỷ Mỵ vâng phụng Giáo Sắc của Đức Phật chẳng dám làm trái ngược, đều khởi Tâm **Từ** hộ trì Kinh này.

Khi ấy Cụ Thọ **A Nan Đà** với các Đại Chúng, Trời, Rồng, Dược Xoa, Ngạn Đạt Phộc, A Tô La, Ma Lỗ Đa, Nghiệt Lỗ Noa, Khẩn Na La, Ma Hộ La Nga, người, Phi Nhân…nghe điều Đức Phật đã nói, đều rất vui vẻ, tin nhận, phụng hành.

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dược xoa
Đến lắng nghe Pháp, nên chí Tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng hành **Thế Tôn Giáo**
_ Hết thảy Hữu Tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Tâm **Từ**
Ngày đêm tự mình nương Pháp trụ
_ Nguyện các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí, lợi quần sinh
Hết thảy nghiệp tội đều tiêu trừ
Xa lìa mọi khổ, về Viên Tịch
_ Luôn dùng **hương Giới** xoa vóc sáng
Thường khoác **áo Định** để nghiêm thân
Hương thơm Bồ Đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở, thường an vui.

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG
QUYỂN HẠ (Hết)

Dịch xong một Bộ gồm ba quyển vào ngày 27/10/2012

Mật Tạng Bộ 2 _ No.983A (Tr.439 _ Tr.441)

PHẬT NÓI ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG HỌA TƯỢNG ĐÀN TRÀNG NGHI QUỸ

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Sưu tập Thủ Ấn và Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

Đức Phật bảo: "Này **A Nan Đà** (Ānanda)! Nếu trong Thế Gian có các tai nạn bức não, đao binh, đói khát, hạn hán, tật bệnh, 404 bệnh, buồn rầu, tranh đấu và tám vạn bốn ngàn Quỷ Mỵ nhiễu não hữu tình. Phần lớn mọi mong cầu Thắng Nguyện thuộc Thế Gian với Xuất Thế Gian có nhiều chướng ngại đều do từ vô thủy đến nay tham đắm vô minh, hư vọng phân biệt, ba Độc phiền não, không rõ Thật Tướng gom chứa bất thiện mà chiêu cảm mọi loại tai nạn như vậy.

A Nan Đà! Bởi thế cho nên nay Ta vì người đọc tụng Kinh **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** với tất cả chúng sinh bị tai ách, lại nói Pháp vẽ Tượng với tạo lập Đạo Tràng, Nghi Quỹ cúng dường. Nếu y Pháp này chuyển đọc Kinh đó thì tất cả tai nạn đều được tiêu trừ, hết thảy Nguyện Cầu tùy ý đầy đủ.

A Nan Đà! Nếu có khổ não, tai nạn nổi lên. Hoặc quốc vương, các vương tử, đại thần, phi hậu với Bí Sô, Bí Sô Ni, Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân… vì trừ tai cho nên hoặc ở cung vua, hoặc nơi Thắng Địa, hoặc chốn Già Lam thanh tịnh, hoặc ở nhà cửa tùy chỗ ở của mình… y Pháp **Tịnh Địa** đào đất sâu một khuỷu tay, loại bỏ: ngói, gạch, đá với các vật dơ ở trong đất rồi lấy đất sạch lấp lại cho đầy làm cho bằng phẳng. Đất ấy vốn sạch thì mới được đổ lấp vào. Nếu có đất ở nơi sạch sẽ thù thắng thì lấy đất này làm bùn, tô đắp Đạo Tràng, làm cái Đàn vuông rộng năm khuỷu tay, cao bốn ngón tay, bày lập ba lớp, dùng các màu sắc đẹp đẽ mà vẽ hoặc dùng phấn năm màu

Trong Nội Viện, ở chính giữa vẽ hoa sen tám cánh, ở trên đài hoa vẽ **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Bồ Tát**, đầu hướng về phương Đông, màu trắng, mặc áo lụa trắng mỏng, đầu đội mão; Anh Lạc, khoen tai, cánh tay đeo vòng xuyến, các thứ trang nghiêm, cỡi trên **Khổng Tước Vương** (con công) màu vàng ròng, ngồi Kiết Già trên hoa sen trắng, hoặc trên hoa sen xanh, tướng Từ Bi có bốn cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm hoa sen nở, tay thứ hai cầm Câu Duyên Quả (quả ấy có dạng tương tự Thủy Cô). Bên trái: tay thứ nhất cầm Cát Tường Quả (như hình Đào Lý), tay thứ hai cầm năm, ba cái lông đuôi chim công.

Từ bên phải Phật Mẫu xoay vòng theo bên phải, trên các cánh sen vẽ bảy Đức Phật Thế Tôn từ **Vi Bát Thi Như Lai** (Vipaśyin-Tathāgata) đến **Thích Ca** (Śākya-muṇi) với nhóm của **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya) đều hướng đầu ra ngoài và ngồi trụ trong Định Tướng

Trên cánh hoa thứ tám ở góc Đông Bắc vẽ Từ Thị Bồ Tát, tay trái cầm bình Quân Trì, tay phải giương lòng bàn tay hướng ra ngoài làm thế Thí Vô Úy.

Lại ở bên ngoài cánh hoa sen, bốn phương của Nội Viện vẽ bốn vị Bích Chi Phật đều làm hình Phật, đỉnh đầu có nhục kế cũng trụ Định Tướng.

Lại ở bốn góc vẽ bốn vị Đại Thanh Văn từ góc Đông Bắc vẽ **A Nan Đà** (Ānanda), tiếp góc Đông Nam vẽ **La Hầu La** (Rāhula), tiếp góc Tây Nam vẽ **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), tiếp góc Tây Bắc vẽ **Đại Mục Kiền Liên** (Mahā-Maudgalyāyana) đều mặc mặc áo cà sa Kiền Đà hở cánh tay phải. Đây đều là Trung Viện.

_Tiếp, Viện thứ hai vẽ Thiên Vương của tám phương với các quyến thuộc.

Phương Đông vẽ **Đế Thích Thiên Vương** (Indra) cầm chày Kim Cang cùng với các Thiên Chúng vây quanh.

Tiếp phương Đông Nam vẽ **Hỏa Thiên** (Agni) tay trái cầm bình Quân trì, tay phải Thí Vô Úy cùng với Ngũ Thông Khổ Hạnh Tiên Chúng vây quanh

Tiếp phương Nam vẽ **Diêm Ma Thiên Vương** (Yama) cầm cây phương Diêm Ma cùng với Diêm Ma Quỷ Giới Chúng vây quanh

Tiếp phương Tây Nam vẽ **La Sát Vương** (Rākṣasa-ràja) cầm cây đao cùng với các La Sát Chúng vây quanh

Tiếp phương Tây vẽ **Thủy Thiên** (Varuṇa) cầm sợi dây cùng với các chúng Rồng vây quanh

Tiếp phương Tây Bắc vẽ **Phong Thiên Vương** (Vāyu) cầm tràng phan cùng với các Trì Minh Tiên Chúng vây quanh

Tiếp phương Bắc vẽ **Đa Văn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa) cầm cây bổng báu cùng với các Dược Xoa Chúng vây quanh.

Tiếp phương Đông Bắc vẽ **Y Xá Na Thiên** (Īśana) cầm tam kích xoa cùng với các Bộ Đa Quỷ Chúng vây quanh.

Đây đều là Viện thứ hai

_Tiếp Viện thứ ba, từ góc Đông Bắc, xoay vòng theo bên phải vẽ 28 vị Đại Dược Xoa Tướng đều cùng với các Quỷ Thần Chúng vây quanh và vẽ Tú Diệu, 12 Cung Thần

_Tiếp bên ngoài Viện thứ ba, chung quanh dùng bùn thơm tô đắp, rải các lá sen, trên lá để các món cúng dường, đồ ăn uống như là: cháo sữa, lạc (váng sữa) cơm, trái cây… đều dùng **A Ba La Nhĩ Đa Minh Vương Chân Ngôn** (Aparājita-vidya-rāja-mantra) gia trì vào nước thơm rồi tán rải, bày biện bốn bên cúng dường. Lại dùng các thứ nước: Sa Đường, Thạch Mật, Thạch Lưu Mật… để phụng hiến

Trên Đàn rải hoa màu trắng, ở bốn góc để bốn cái chén đèn thắp bằng bơ, bốn cửa đều để hai vật khí chứa đầy nước thơm. Ở phía Đông của Đàn an tượng Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương, cách vẽ tượng như vẽ Đàn lúc trước, chỉ chẳng an Giới Đạo.

Thánh Chúng ở Trung Viện thì đốt Trầm Hương, Hòa Hương… cúng dường.

Thiên Chúng ở phương Đông , nên đốt Bạch Giao Hương để cúng dường

Thiên Chúng ở phương Nam, dùng Tử Khoáng, Giới Tử hòa chung với muối rồi thiêu đốt cúng dường

Thiên Chúng ở phương Tây, đem bơ hòa với An Tất Hương rồi thiêu đốt cúng dường.

Thiên Chúng ở phương Bắc, nên đốt Huân Lục Hương để cúng dường.

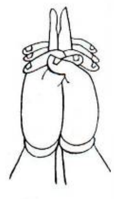
Người trì tụng ở mặt Tây của Đàn, trải tòa cỏ tranh mà ngồi, hoặc ngồi trên giường thấp kém, nghiêm sức Kinh Án để ở trước Đàn, dùng các hương hoa cúng dường Kinh Quyển. Nên bày biện như vậy

Người chuyển đọc Kinh có thể là ba người, năm người cho đến bảy người lần lượt thay nhau ngày đêm không được để dứt tiếng tụng Kinh, cần nhất là không được nói năng, trừ một người trong số đó xem coi Giáo Pháp được Chú Sư chỉ huy trao cho quyền thưa hỏi, tác Pháp, kết Ấn, Khải Thỉnh Hiền Thánh còn người khác chỉ nên chú tâm đọc Kinh để cho được nhiều biến số.

Lại ân trọng phát nguyện y theo **Tam Thập Thất Tôn Lễ Sám** ba thời hoặc sáu thời. Đạo Tràng ấy hoặc một ngày, hoặc hai ngày, ba ngày cho đến bày ngày thì tất cả tai họa thảy đều diệt hết, trừ chẳng chí tâm

Người chuyển Kinh, hoặc người tại gia hoặc là người xuất gia. Mỗi ngày cần tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch. Khi mới bắt đầu thì đối trước Đạo Tràng , kiền thành nhất tâm lễ các Thánh Chúng. Trước tiên dùng Ấn Khế, Chân Ngôn y Giáo thỉnh triệu tất cả Phật, Bồ Tát với các Thiên Chúng. Như Pháp cúng dường, nói việc cầu xin, ân cần thưa rõ, nguyện rũ thương gia hộ, vì khắp chúng sanh bị nạn khổ, rộng phát Nguyện lớn

Sau đó ngồi Kiết Già, dùng hương xoa bôi xoa tay. Trước tiên kết **Tam Muội Gia Ấn**: hai tay, bên phải đè bên trái, cài chéo nhau bên ngoài rồi nắm lại thành quyền, dựng thẳng hai ngón giữa dựa đầu nhau tức thành.



Kết Ấn để ngang trái tim, tụng **Tam Muội Gia Chân Ngôn** bảy biến.

"Úm, tam ma dã, sa-đát-noan"

𑖌𑖼 𑖭𑖦𑖧 𑖭𑖿𑖝𑖿𑖪𑖼

OṂ_ SAMAYA STVAṂ

Liền đem Ấn này gia trì bốn chỗ trên thân mình là: trái tim, trán, cổ họng, đảnh đầu rồi xả Ấn trên đảnh

_Tiếp kết **Kim Cương Câu Bồ Tát Ấn**: Dựa theo Tam Muội Gia Ấn lúc trước, co hai ngón trỏ như móc câu, hướng vào thân chiêu mời, liên tục chẳng gián đoạn tụng Chân Ngôn bảy biến triệu khắp chư Phật, Bồ Tát, chư Thiên, Quỷ Thần, tất cả Thánh Chúng.

Chân Ngôn là:

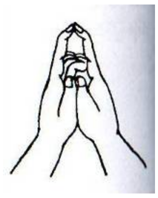
"Úm, phạ nhật-lãng củ thi, a yết trà, vi yết trà, sa-phạ ha"

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖽𑖎𑖲𑖫𑖸 𑖁𑖎𑖨𑖿𑖬 𑖪𑖰𑖎𑖘 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ VAJRĀṂKUŚE AKARṢA VIKAṬA SVĀHĀ

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn thỉnh triệu thì tất cả Thánh Chúng chẳng dám trái ngược với Bổn Thệ đều đến phó tập.

_Tiếp kết **A Ba La Nhĩ Đa Minh Vương Ấn** dùng kết Địa Giới, kết Phương Ngung Giới. Hai tay, bên phải đè bên trái, cài chéo các ngón bên trong, dựng thẳng một đầu ngón giữa (?ngón trỏ) dựa nhau.



Liền đem Ấn để trên đảnh, xoay theo bên phải ba vòng, tùy tâm xa gần liền thành Kết Giới, tụng Chân Ngôn bảy biến là:

“Úm, hổ lỗ hổ lỗ, chiến nõa lị, ma đặng kỳ, sa-phạ ha”

OṂ_ HULU HULU CAṆḌALI MATAṄGI _ SVĀHĀ

_Tiếp kết **Phổ Cúng Dường Nhất Thiết Hiền Thánh Ấn**: Hai tay, bên phải đè bên trái, cùng cài chéo các ngón tay rồi chắp lại, mười đầu ngón tay trợ nhau giao lóng trên tức thành.



Kết Ấn ngang trái tim , tụng bảy biến rồi bung Ấn trên đảnh.

Chân Ngôn là:

“Nẵng mạc tam mãn đa, bột đà nẫm. Tát pạ đà khiếm, ốt na-nghiệt đế, sa-phả ra, hứ hàm, nga nga nẵng kiếm, sa-phạ ha”

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ SARVATHĀ KHAṂ UDGATE SPHARA HĪMAṂ GAGANAKAṂ _ SVĀHĀ

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn, hay ở trước tất cả Phật, Bồ Tát, các Thánh Chúng với vô lượng các cõi Phật thành biện tất cả cúng dường rộng lớn.

_Tiếp kết **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Ấn**: Hai tay, bên phải đè bên trái, cài chép các ngón tay bên trong, đều dựng thẳng hai ngón cái, hai ngón út cùng dựa đầu nhau thức thành.



Kết Ấn ngang trái tim, tụng Chân Ngôn bảy biến. Như trước đem Ấn gia trì bốn chỗ rồi xả Ấn trên đảnh.

Chân Ngôn là:

“Úm, ma dữu ra, khất lan đế, sa-phạ ha”

OṂ_ MAYURĀ-KRĀNTE SVĀHĀ

_Tiếp bưng lư hương dâng hiến, khải thỉnh, cáo bạch với Thánh Chúng, nói việc cầu xin. Như vậy y Pháp thỉnh triệu, cúng dường xong. Sau đó khởi tâm Bi Mẫn vì cứu

bạt nạn khổ của chúng sanh cho nên chuyển đọc Kinh này. Trong mỗi ngày, trước tiên thay đổi các vật cúng, nên kết A Ba La Nhĩ Đa Minh Vương Ấn, tụng Bổn Chân Ngôn, đem Ấn để trên đảnh xoay theo bên trái một vòng tạm giải Giới. Thay đổi cúng dường xong liền như trước lần lượt Nghênh Thỉnh, kết Giới. Như vậy y Giáo cúng dường, chuyển đọc Kinh này thời hết thảy tai nạn, tật dịch, hạn hán, Quỷ Mỵ, ếm đối, tai chướng ác độc, mọi loại nạn khổ đều được trừ diệt, hết thảy nguyện cầu đều được tùy tâm.

Ta đã rộng nói cách vẽ tượng, Đàn Tràng, Nghi Quỹ cúng dường xong. Nếu chẳng thể làm tô vẽ Đàn Tràng như vậy, hoặc có tai nạn việc gấp đến thì có thể tùy theo sức, ở một chỗ trong sạch dùng **Cù Ma Di** (Gomayī:phân bò) tô đắp đất làm một Đàn vuông rộng một khuỷu tay, tùy theo lớn nhỏ, mài Bạch Đàn Hương làm một Đàn tròn, an tượng Phật trong chín vị trí với đem năm, ba lông đuôi chim công để thẳng ở trên Đàn , tùy thời đốt hương rải hoa, dùng sữa, cháo, Lạc… cúng dường Thánh Chúng. Chỉ kiền thành nhất tâm đọc tụng Kinh này, hoặc một biến hoặc ba biến cho đến bảy biến. Hoặc một ngày hoặc hai ngày thì hết thảy ách nạn đều được tiêu trừ, hết thảy nguyện cầu đều được viên mãn.

Bấy giờ A Nan Đà nghe Đức Phật Thế Tôn vì tất cả hữu tình bị nạn khổ ở đời sau nói Pháp đọc tụng Đại Khổng Tước Minh Vương Kinh này liền đội trên đảnh, thọ trì, lễ Phật rồi lui ra.

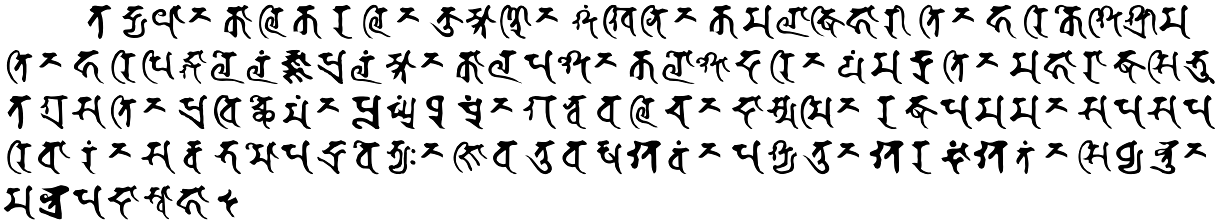
PHẬT NÓI ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG HỌA TƯỢNG ĐÀN TRÀNG NGHI QUỸ
_(MỘT QUYỂN _Hết)_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 26/10/2012

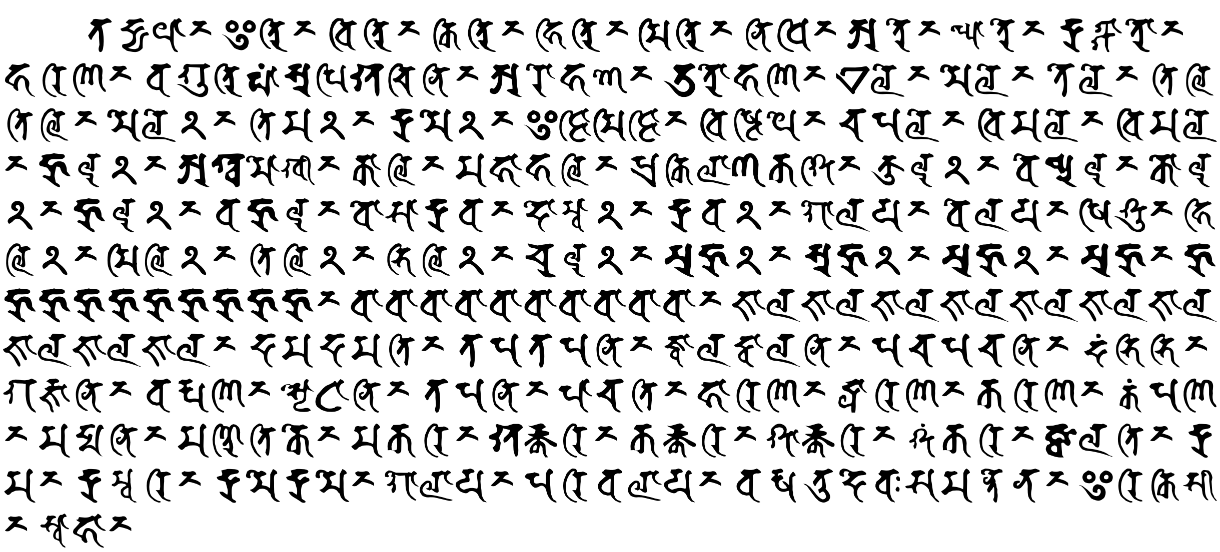
KHỔNG TƯỚC KINH CHÂN NGÔN PHẠN BẢN

Dịch âm: HUYỀN THANH

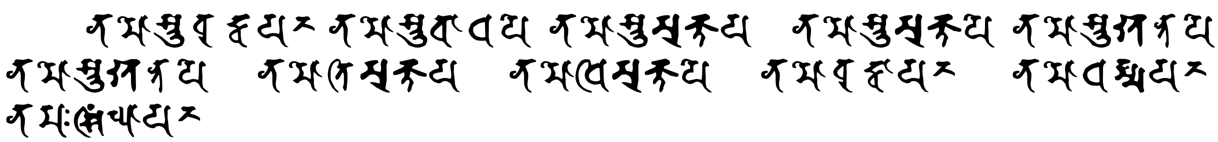
1_ KHỔNG TƯỚC KINH _ THƯỢNG:



Tadyathā, kāli karali, kumbhāṇḍi, śaṃkhini, kamalākṣi hārīti, hari keśi śrīmati, hari piṅgale laṃrjjapralaṃstā, kāla paśe, kalośodari, yaṃma duti, mahā rākṣasi bhūta grasati, pravicchemaṃ, pughraṃ dhupuṃ, gandhava lica, dāsmami, rakṣapa mama, sapasaparivā raṃ, sarva bhamopadravebhyaḥ, jiva tuvarṣaśavaṃ, paśyatu, śaradāṃśataṃ, sidhyantu, mantrapadā svāhā.



Tadyathā, iḍi, viḍi, kiḍi, hiḍi, miḍi, nidhi, aḍe, ghoḍe, duggāḍo, hariṇi, va guḍipāṃsupiśacini, arohaṇe, uḍohaṇi, ele, mele, tele, tilitili, mele mele, tima tima, dume dume, iṭṭimiṭṭi, viṣṭithe, capale, vimale, vimale, hulu. hulu, aśva mokhī, kāli, mahāhali, prakilāṇakaśi, kulu, veghulu, kolu, hulu hulu, va hulu, vo sāduva, domvā domvā, duva duva, golaya, velaya, ṣiśu, hili hili, mili mili, tili tili, bhili bhili, culu culu, muhu muhu, suhu suhu, muhu muhu muhu, hu hu hu hu hu hu hu hu hu hu, vā vā vā vā vā vā vā vā vā vā, jala jala jala jala jala jala jala jala jala jala, dama damati, tapa tapani, jvala dvālani, pacapacani, daṃbhibhi, garjani, varpaṇi, sṛṭani, tapani, pācati, hāriṇi dthāriṇi, kariṇi, kaṃpaṇi, madmani, maṇḍitike, makari, śarkkari, karkkari, śārkkari, śaṃkari, jvalati, duma, dumvari, dume dume, golāya, parivalāya, varṣatudevaḥ samantena, irikisī, svāhā



Namostu buddhaya, namostu vādhaye namostu muktaya

Namostu muktaye namostu śantaye namostu śantaye namo timuktaya namo dhimuktaye Namo buddhāya, namo dharmmaya, namaḥ siṃghāya

Tadyathā, hu hu hu hu hu hu, nāga lele, dumva lele, huya huya, bija bija, thusu thusu, gulu gulu, svā relāmelā, tiri melā, ili minre, tila minre, ili tili minre, dumva , sadumva , tesute, gelāvela, capala, vimalā iṭṭiri, bhiṭṭiri, riṭṭiri, viṭṭiri,

Namostu buddhānāṃ, cilikimi, godohika, namorhataṃ, holadala, va rṣatudevā , samatena, daśasudiśāsu, Namo buddhānāṃ svāhā

36 câu_ Uyển 12 hàng, tức Giới 24 hàng có thể được vậy

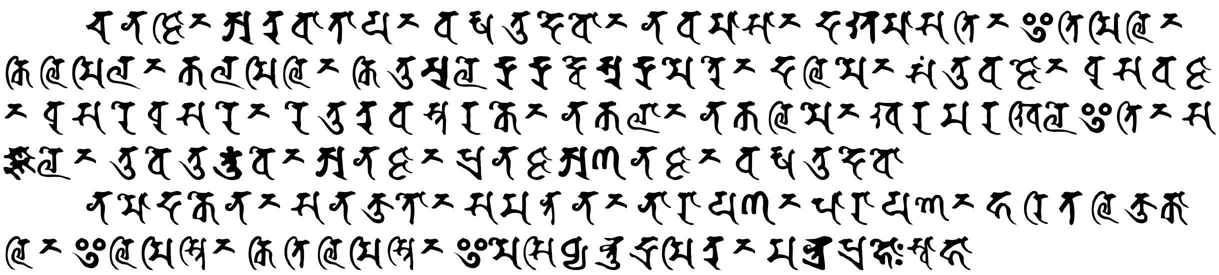
Namo baddhāya, namodharmāya, namo siṃghaya, namo suvaṇḍava bhāsasma, mayurarājña, namo mahāmayyaye, vidyarajña

Tadyathā, siddho , susiddhe, mocani, mokṣaṇi, mukte, vimukte, amale, vimale, nimaṃla, maṃgala, hiraṇyagarbhe, ratnagarbhe, bhadre, subhadre, samantabhadre, savorthāsādhani, yarayāthaādhani, sārrvārthapravādhani, sarva magalasādhani, masi, manasi, mahāmanasi, abhute, atyadbhuve , acyute, ajare, vijare, vimare, amṛte, amare, amaraṇi, bradme, brahmasvare, purṇi, pukamatorathe, mṛte saṃjīvani, śrībhadre cadre, caṃdra brabhe, suye, suryakābhe, vītabhaye, suvarṇi, brahmaghoṣe, brahmajuṣṭha, sarva ttrā, pratihahe, svāhā,

Namaḥ sarva buddhānāṃ, svāsti mama, nāgasya, saparivārasya, rakṣāṃ kubantu, jīva tu, varṣaśataṃ paśyantu, śaradāṃ śataṃ, huci, gucici, ghuci muci, svāhā.

Uyển 22 hàng, tức Giới 44 hàng có thể được vậy

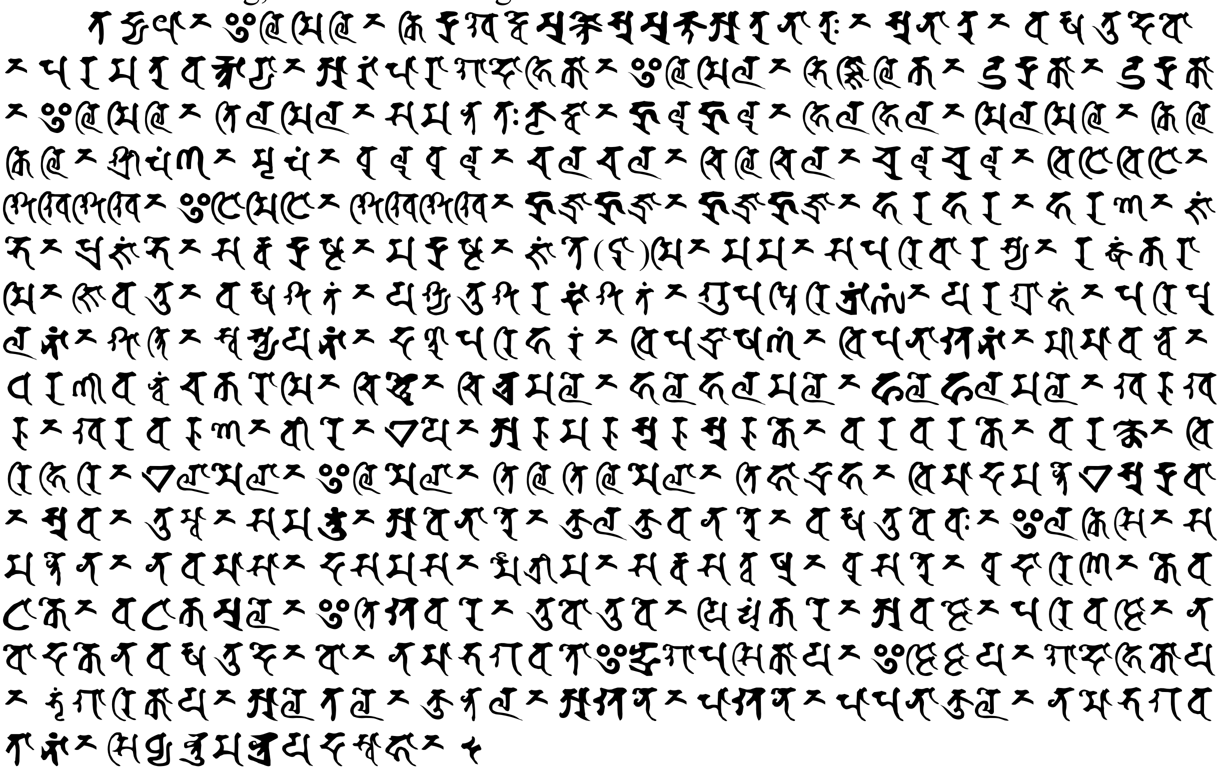
tadyathā, inti minti, vili miti, vili mila minti, tilepi, mili, mili timi, tili mili, sutusvā tumvā , suva ca, cili kisiya, bhintametri, namo buddhānāṃ vikarsiprāta mule, iti hāro, lohita mule, tadvā ambā, kuṭṭi, kunaṭṭi tilakuṃ



canaṭṭi, aḍavātāya, varṣatudevo , nava māsā, daśamāsati, iti mili, kili mila, kala mili, kitu mule dududve sudumeḍe, dalime, saṃtu vaṭṭe, vu savaṭṭa, vu sarevu sare, retuḍava starake, nakalā, nakalime, khara mara khile iti, sajjale, tuve tutuṃve , anaṭṭa, pranaṭṭa aṇanaṭṭa, varṣatudevo

Namo dakena, sanakuto, samantana, nārāyaṇa, pārāyaṇe, haritali kukāli, ili misti, kitili misti, ime sidhyantu dramiḍa, mantraprahoḥ svāhā

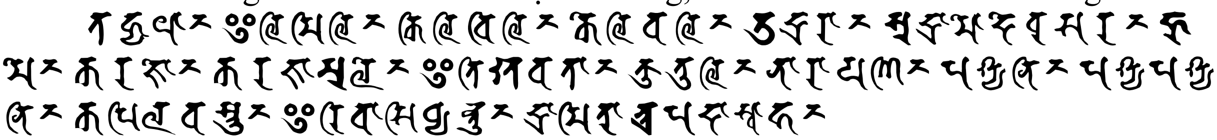
Văn 20 hàng, tức Giới 40 hàng



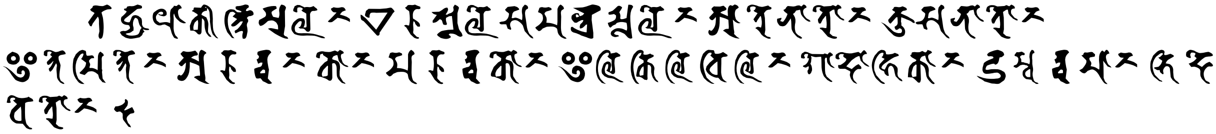
tadyathā, ilimili, kidukhe dve murktosumukuāḍanāḍaḥ, sunāḍa, varṣatudevo, paramaḍavarttāryā, ārāṃpārāgodohikā, ili mila, bhijjilika, udukā, udukā, ili mili, tila mila, samantataḥkṛdvā, hulu hulu, hila hila, mila mili, kilikili, śrīpaṃṇa, mṛpaṃ, vulu vulu, cala cala, cili cila, culu culu, viṭi viṭi, śikhi śikhi, iṭi miṭi, śikhi śikhi, hujra hujra, hujra hujra, hara hara, haraṇe, jaṃbhe, prajaṃbhe, sarva duṣṭha, maduṣṭha, jaṃte(ṭu)mi, mama, saparivārasya, rakṣaṃ karāmi, jiva tu, varṣaśataṃ, yaśyatu śaradāṃ śataṃ, gupaptiritrāṃṇāṃ, yara grāhaṃ, paripulanāṃ, śātti, svastyayanāṃ, daṇḍa pariharaṃ, vipadrāṣaṇaṃ, vipanāśanāṃ, mīmābandha, dharaṇī bandhaṃ ca karomi, cinre, cittramale, hale hala male, phale phala male, kharu kharu, kharava ruṇe, vīre, eye, aru maru, suru suruke, vara varake, varakke, virihiri, elāmelā, ilimelā, tili tili melā, tihādraha, vimādamante esuduvā , suva , tumvā , samatuṃ, āve nāḍe, kulakuva naḍe, varṣatuve vaḥ , ilakisi, samantena, nava māsā, dasamasa, maitrīma, sarrva satva ṣu, vusaḍe, vudāriṇi, keva ṭake, vaṭakamule, itiśavare, tuvo tuve , yiyaṃkare, avaṭṭe, parivaṭṭi, navo dakena varṣatude, vo , namā bhagavato indra gopasikāya, iṭṭi ṭṭaya,

godohikoya, bhṛṃgārikāya, āle tale, kuntala, āśane, pāśane, pāpa nākule, namo bhagavatānāṃ, sidhyantu mantrayada svāhā .

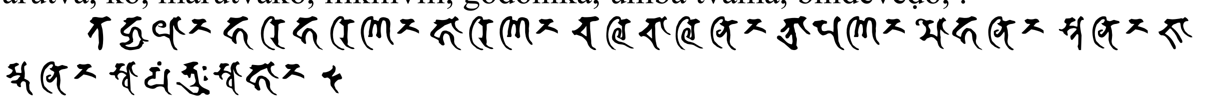
Văn 38 hàng. Giới tức có thể được 76 hàng, thêm chữ Hán thành 86 hàng



Tahyathā, ili mili, kili vili, keli vali, udrarā, sudrāmodevu sara, hume, karaje, karaja mule, itiśavatā, kutuli, nārāyaṇi, paśyani, paśya paśyani, kapila vastu, irivā sidhyantu, drāmiḍāttrapadā svāha,



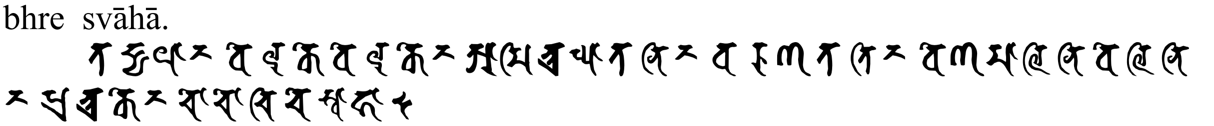
Tahyathā kīrttimule, erusulesamantramṛle, āḍenāḍo, kusanāḍo, ittemitte, arutva, ko, marutvako, ilikilivili, godohikā, umba tvamā, bhideveḍo, .



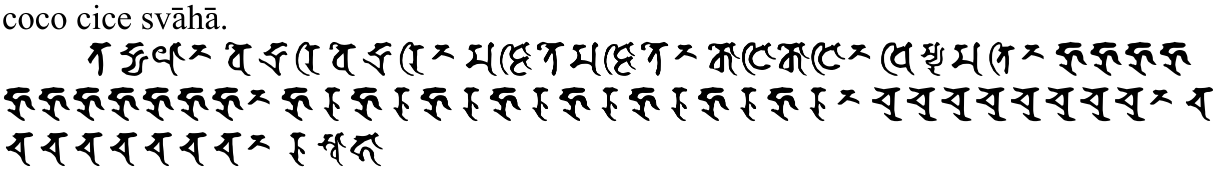
Tahyathā, harihariṇi, hāriṇi, cali cālini, ttrāpaṇi, mohani, stani, jambhani, svāyaṃ bhrūḥ svāhā, .



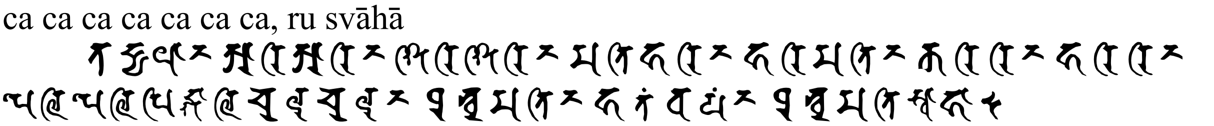
Tadyathā, jhe jheru, jhe jheru, jhe jheru, jhe jheru, jhe jheru, jhe jhe jheru, jheru bhre svāhā.



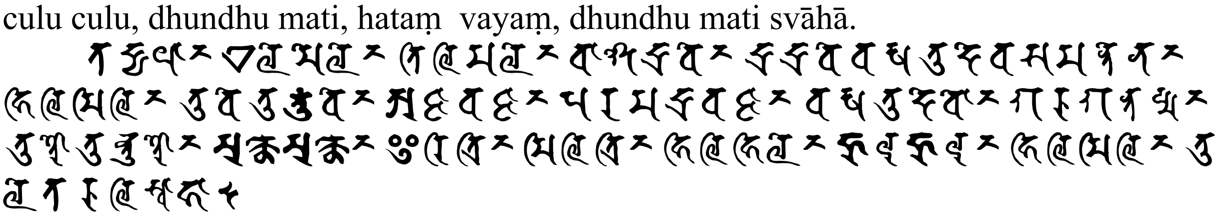
Tadyathā, veluke veluke, āmittraghātani, varuṇatati, veṇamālini velini, prattrake, coco cice svāhā.



Tadyathā, vedrari vedrari, maṭṭitemaṭṭite, koṭikoṭi, dhimymati, hu hu hu hu hu hu hu hu hu hu hu, huru huru huru huru huru huru huru huru, cu cu cu cu cu cu cu cu, ca ca ca ca ca ca ca ca, ru svāhā



Tadyathā, āri āri, śiri śiri, mati hari, hari mati, kariri, hariri, peli peli piṅgali culu culu, dhundhu mati, hataṃ vayaṃ, dhundhu mati svāhā.



Tadyathā, ele mele, tili male, vāśedrave , dra drave varṣatu deva samantena, hili mili, tuve tutuṃve , aṭṭa vaṭṭa, paramadra vaṭṭa, varṣatu devo , garugantayma, tuṇdetuntuṇde, mukkemukke, iri tri, mili tri, hili hile, hulu hulu, hili mili, tuletaruli svāhā.

2_ KHỔNG TƯỚC KINH _ TRUNG:

Tadyathā, bale, balkale, mātaṅgi, caṇḍali, praruṣaṇi, vicilini, gorigandhāri, mātoṅgi, caṇḍari, mālini, hilihili, agatigati, gaḍori, koṣṭi, kāvari, vihāni, hilikaṃghe svāhā.

Tadyathā, akaṭa, vikaṭe, hariṇi, hāriṇi, dhāraṇidhāraṇi, hukkehukke, vukke vukke, hana. hana. , hana. hana , hana. hana , hana. hana, hana hana, daha. daha, daha. daha, daha. daha, daha. daha, paca paca, paca. paca, paca. paca , paca. paca, paca. paca, dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu, ha ha ha ha ha ha hā ha ha ha, jiṭi jiṭi, jiṭi. jiṭi , jiṭi. jiṭi , jiṭi. jiṭi , jiṭi. jiṭi , duvu culu, vulu. vulu, culu. culu, culu. culu , culu. culu , hili. hili, , hili. hili , hili. hili, hili. hili, hili. hili, mili mili, mili. mili, mili. mili , mili. mili , mili. mili, huru huru, huru. huru, huru. huru, huru. huru , huru. huru , ciṭi ciṭi, ciṭi. ciṭi, ciṭi. ciṭi , ciṭi. ciṭi, ciṭi. ciṭi , hikke, mikke, cikke, vikke, śrī, bhadramaṃgalye, samentabhadra, sarvarthā sādhani, amale, vimale, candraprabhesuryakānte, duve , doduve , priyukare, svāhā.

Dīrgha, munetraḥ, prarṇaka, kapila, siha, upasibha, śaṃkhila, nanda. haraḥ, harikeśaḥ, prabhrūḥ, kapila. dharaṇe, dharanade, udyogapalo, viṣṭu. paṃcihaḥ, pacālagaṇḍaḥ, sātāgi, haimavata. tuḥmaḥ, sutuḥmaḥ, kālaḥ, upakāla. surya, somo, āgni, vāyu, iḍa, somo, varuṇaḥ, prajapati, bhāra dvājaḥ, iśāna, ścanaḥ, kamo, śeṣṭokunikaṇṭa, nikaṇṭakaḥ, va vi maṇi, maṇimaraḥ, praṇāda, upapaṃvikaḥ, sātāgiri, haimavata, purṇaḥ, khatiḥra, hovi daḥ, gopālayakṣa, āṭavako, nararāja, jinarṣabhaḥ, paṃcālagaṇḍa, sumukhao, dīṃrghayakṣa, sapārijaḥnaḥ, cintrasana, khegandha rva , stiphathī, catṛkaṃṭakaḥ, dīrghaśakti, ścamātaliḥ. laṃma, vilaṃma, pralaṃma, ulaṃma, hāriti, harikeśī, haripiṃgalā, kaya, karalī, kaṃbu grīva , kakī, kalaśodarī

[illegible]

Tadyathā, hare, khare, khare, male, mile, mule, mule, mante, maḍintike, huluhulu, hulu. , hulu. , hulumivi miḍi, miḍi. , svasti, svasti, svasti, svāhā

[illegible]

kṣūdvubhyaḥ kīgūmada, madana, madatkaṭa, trapamada, preti, ūjahārī, aśani, grasani, ceti. agrodirkā, rakṣitikā, cintrapiśocikā, purṇabhadrakoagnirakṣatikā, mittrakālikā, jhaṣirakṣitikā, caiti. kuṇṭa, cikuṇṭa, nikuṇṭa, naviṣtralā, kaṣilā. mohā, suśīmā, kuśākṣī, keśini, kaṃbo hi, sumittrā, lohitakṣa, kācarā. brāhmīraudrī, kaumari, vaiṣnavi , aidri, varahī, kaumeri, varuṇi, yapyava yaṃvya , agneya, mihākālī.

[illegible]

Tadyathā, hili mili, mili mili, taḍatavaḍe, vake vaka, hore hoḍe, dhara dhara, hara hara, cala cala, culu culu svāhā,

[illegible]

Namaḥ sarva buddhanāṃ svāhā

[illegible]

Pratyeka baddhānāṃ svāhā,

[illegible]

Arhanāṃ svāhā,

[illegible]

Maitreyasya bodha satvāya svāhā,

[illegible]

Sarva bodhisatvānāṃ svāhā,

[illegible]

Anāgāminaṃ svāhā,

[illegible]

Sakṛdagamināṃ svāhā,

[illegible]

Srotāpananāṃ svāhā,

[illegible]

Samyaggatānāṃ svāhā,

[illegible]

Samyakpratipanānāṃ svāhā,

[illegible]

Brahmāya svāhā,

[illegible]

Intrāya svāhā,

[illegible]

Prajapataye svāhā,
𑖂𑖫𑖯𑖡𑖧𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Iśānaya svāhā,
𑖀𑖐𑖿𑖡𑖧𑖸𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Agnaye svāhā,
𑖪𑖯𑖧𑖪𑖸𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Vayave svāhā,
𑖪𑖨𑖲𑖜𑖯𑖧𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Varuṇaya svāhā,
𑖧𑖦𑖯𑖧𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Yaṃmāya svāhā,
𑖄𑖢𑖸𑖡𑖿𑖟𑖿𑖨𑖯𑖧𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Upentrāya svāhā,
𑖪𑖹𑖫𑖿𑖨𑖦𑖜𑖯𑖧𑖧𑖎𑖿𑖬𑖯𑖠𑖰𑖢𑖝𑖧𑖸𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Vaiśramaṇaya yakṣadhipataye svāhā,
𑖠𑖴𑖝𑖨𑖯𑖬𑖿𑖘𑖿𑖨𑖯𑖧𑖐𑖡𑖿𑖠𑖨𑖿𑖪𑖯𑖠𑖰𑖢𑖝𑖧𑖸𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Dhṛtarāṣṭrāya, garndhavādhipataye svāhā,
𑖪𑖰𑖨𑖳𑖛𑖎𑖯𑖧𑖎𑖲𑖦𑖿𑖥𑖯𑖜𑖿𑖚𑖯𑖠𑖰𑖢𑖝𑖧𑖸𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Virūphakāya kumbhaṇḍadhipaḍaye svāhā,
𑖪𑖰𑖨𑖳𑖢𑖯𑖎𑖿𑖬𑖯𑖧𑖡𑖯𑖐𑖯𑖠𑖰𑖢𑖝𑖧𑖸𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Virūbhākṣaya, nagādhipataye svāhā,
𑖟𑖸𑖪𑖯𑖡𑖯𑖼𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Devānāṃ svāhā,
𑖡𑖯𑖐𑖯𑖡𑖯𑖼𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Nagānāṃ svāhā,
𑖀𑖭𑖲𑖨𑖯𑖜𑖯𑖼𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Asuranāṃ svāhā,
𑖦𑖨𑖲𑖝𑖯𑖡𑖯𑖼𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Marutānaṃ svāhā,
𑖐𑖨𑖲𑖚𑖯𑖡𑖯𑖼𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Garuḍanāṃ svāhā,
𑖐𑖡𑖿𑖠𑖨𑖿𑖪𑖯𑖜𑖯𑖼𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Gandharvanāṃ svāhā,
𑖎𑖰𑖡𑖿𑖡𑖨𑖯𑖜𑖯𑖼𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Kinnarānāṃ svāhā,
𑖦𑖮𑖺𑖨𑖐𑖯𑖜𑖯𑖼𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Mahoragānāṃ svāhā,
𑖧𑖎𑖿𑖬𑖯𑖜𑖯𑖼𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Yakṣanāṃ svāhā,
𑖨𑖯𑖎𑖿𑖬𑖭𑖯𑖡𑖯𑖼𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Rākṣasānāṃ svāhā,
𑖢𑖿𑖨𑖸𑖝𑖯𑖡𑖯𑖼𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Pretānāṃ svāhā,
𑖢𑖰𑖫𑖯𑖓𑖯𑖡𑖯𑖼𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Biśāvānāṃ svāhā,
𑖥𑖳𑖝𑖯𑖡𑖯𑖼𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Bhūtānāṃ svāhā,
Kumnāḍānāṃ svāhā,
Putatānāṃ svāhā,
Kaṭaputanānāṃ svāhā,
Skandanāṃ svāhā,
Umādānāṃ svāhā,
Cchayanāṃ svāhā,
Apadmarānāṃ svāhā,
Usvārakānāṃ svāhā,
Candra suryayo svāhā,
Nakṣattraṇā svāhā,
Grahāṇāṃ svāhā,
Jyetipaṃnāṃ svāhā,
Jhapīnāṃ svāhā,
Siddha tratānāṃ svāhā,
Sindhya vidyānāṃ svāhā,
Gorīye svāhā,
Gandhārīye svāhā,
Jargulīye svāhā,
Amṛtāyai svāhā,
Jambhanīye svāhā,
Capeṭīye svāhā,
Drāmiḍiye svāhā

‘Savarīye svāhā,

Athārva śavarāyo svāhā,

Cāṇḍayoye svāhā,

Mataṅgiye svāhā,

Nāga hṛdayāya svāhā,

Garuḍa hṛdaya svāhā,

Mānasiye svāhā,

Mahā manasiye svāhā,

ṣaḍakṣarīye svāhā,

Maṇibhadrāya svāhā,

Amantabhadrapu svāhā,

Mahā samāntrabhadraḥya svāhā,

Mahāsamāya svāhā,

Mahā pratiserāya svāhā,

‘Sītavanaya svāhā,

Mahā-śītavanāya svāhā,

Mahā daṇḍadhāraṇaye svāhā,

Munilindāya svāhā,

Jayaniye svāhā,

‘Sāṃtiye svāhā,

Aśva krītāya svāhā,

Mahā māyyoya vidyarājaya svāhā, .

Được 102 hàng

3_ KHỔNG TƯỚC KINH _ HẠ:

Tadyathā, araḍā, karaḍe, maḍe, madavavene, abare, śabare, ture. ture , bure. bure., śabareparṇuśabare, huci. huci, huci, huci, huci, huci, svāhā.

Tadyathā, iṭṭi miṭṭa, khure, vikhure, hili, mili, ketumule, asvare, aṃbarāvati, dudbe dombe , hili. hili, kuci kuci, muci muci, svāhā.

Tadyathā, mori. , kepaṭi, maṇde. tike, hare, hare, khare, khare, phare phalini dānte, dāntini, dāntile śaśa kaṭi makaṭi, naḍe, naḍini, śiri. , śiri. , svāhā.

Tadyathā, hitri, miḍi, kuḍimāḍi, kuḍi, aḍai, dante, dantela, cakari, cakari, pagari, tagari, kāṃcane, kāṇṭane, kāṇḍanāva ti, vare vare, vara vara, dane siddhi, svāhā.

Tadyathā, dantale, tatale, tatale, talatātare, vīre vijaye, vijjedhare araje virajo, viraja masi, mati, mali, mālini, muṇderśaramuṇde,jvale jvale, jvale jvale, bhatra vati, siddhi svāhā.

Tadyathā, aṃḍare, kaṇḍare, maṇḍare, khaṇḍare, jaṃbu , nadi, jaṃbu va ti, mantemaṇḍitike, amare, siṅheṃ, hara. hara , hara. hara , paśupaśu, paśu. , patisiddhi svāhā,

Tadyathā, hilimili, kilimili, ilile, katale, ketu bale, aḍamali, dra, mphedamphebu smarake, dhuḥ saṭṭe, tarakande, kāmali, kaṃbudari, tarutaru, varaṇi, prakṛtidaṃṣṭre, militale, ītihāse, acale, tutale vakile, vaṭṭi vaṭṭitike caṭanaṃve varṣatudeva midhyantu mantra amatenadaśapada,

Namo bhagava to, īrijaye, godohikāye, bhṛṅgarikāye, arucināruci, naṭṭe vajre, naṭṭa vajre, udayanopriye, aratale, kulatāyā, nārāyaṇi, paśyani, syaśani, sidhyuntu, dramiḍā matrapada svāhā,

Tadyathā, śiri śiri, śiribhadre, kyoti kyoti , jyotibhadre, hare hare , hariṇi, daṃtiśavare, śive, śulapāṇini, bodhi bodhi, bodhi bodhi, bodhisatve, bodhi paripācaṇīye svāhā.

Tadyathā, hiri hiri, miri miri , mālini cakari, kiri kiri, kiri kiri, kiriti, brahyaye, kuraṃṭake, vitrāha plusye, dhara dhara, hara hara, huru huru , huru huru, huru svāhā.

Tadyathā, jalā, jeṃtule, mālā jeṃtule, vapeṭi, jetule, mathāni, ghātani, gra ani, hari, śiri, myti śiri, taru. taru, ṇavati, hā hā hā hā hā, siṃhe, dhiti, dhititi, kuru. kuru, dhiraje, tuṭa. tuṭa si, vaṭa. vaṭa si, sili. sili , kapile, kapilamule, ha hī hu, sarva duṣṭe, pradraṣṭhanāṃ, jambhana karāmi, hasva pādāṃga pranyāṃga, nigrahaṃ karomi, sahagridāśe, hidave hi, uṭṭidgiṇi, srarapati vartti, vajra. vajra, vajra. vajra , vajrapataye svāhā.

Tadyathā, jvala jvalana, pata. pata na, dhama dhamana, mara. mara ṇa, kuṭi. kuṭi, muṭi. muṭi, miṭi. miṭi, sara. sara , hara. hara, tara. tara, dā dā dā dā dā, vā vā vā vā vā , hāla. hāla, hala. hala, hala, siddhi siddhi. siddhi siddhi. siddhi, svasti svasti svasti svasti svasti svāhā.

Tadyathā, hiri. , hiri khari, mari huri, suri hari, hiri. hiri , miri. miri, ḍaplu ḍaplu, ṇaḍaplu, gra ani, mathani dahani, ghātani, pacani, pācani, pātani, tapani, hanani, dahani, dahani, daha. daha daha, dala. dala, darani, pāṭani, lāhani, mohani, svambhani, jambhani svāhā.

Aṇḍara, paṇḍarā, karalā, keyyārā, bhūtoṅgama, bhūtapani, vindapati, miripati, tejapati, teje grapati, yeśopati yeśograpati, aratrātaḍatrā, araḍa, ntaratra, dantadahā,

jehājelā, phalagula, cirādaturā, īrikicikā, śataṃturā, vipuli, nakuli, kiripiṃ, taraṃgariṣṭha, asphumati, jasvā mati, mau mati, kamale, vimale, kuṇḍale, ahituhi, vakke, vakka dote, varsanase, mahāgare, tulaṃve , sulaṃve

𑖝𑖟𑖿𑖧𑖞𑖯 𑖧𑖪𑖝𑖰 𑖠𑖜𑖰 𑖠𑖨𑖎𑖰 𑖎𑖲𑖨𑖲 𑖝𑖲𑖨𑖲 𑖦𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Tadyathā, yavati, dhani, dharaki, kuru turu me svāhā

CHÂN NGÔN TRONG MỘT BỘ CỦA KHỔNG TƯỚC KINH (Hết)

Bảo Lịch, năm thứ tám (Mậu Dần) ngày trong tháng ba, khiến Sa Môn Vương mở sách viết chép xong

Nam Nhạc, chùa Kim Cương Phong_ Sa Môn Bản Sơ VAJRA Mật Môn HHŪṂ kính ghi

Thiên Bảo, năm thứ 12, Tân Sửu, mùa Thu tháng tám, ngày mồng ba, dùng Tạng Bản của chùa Viên Thông ở khu riêng mới, tự tay viết chép xong. Kinh của bản này và bản hiện hành có nhiều chỗ trái ngược nhau . Ngay lúc tìm hiểu mà có thể xem xét, đính chính.

MẠT TƯ LƯƠNG THỤY (43 tuổi)

14/01/2009

Mật Tạng Bộ 2_ No.984 (Tr.446_Tr.452)

KINH KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ
QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Đời Lương_ Phù Nam Tam Tạng TĂNG GIÀ BÀ LA (Saṃghavarman, hoặc Saṅghapāla)

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Sưu tập Phạn Chú: HUYỀN THANH

Lễ **Phật Pháp Tăng**

Lễ bảy Đức **Chánh Biến Tri** với **Thanh Văn: La Hán, ba Quả, bốn Hướng**

Lễ Bồ Tát của nhóm **Di Lặc** (Maitreya) với **Thành Tựu Chánh Hạnh**

Tôi sẽ nói **Khổng Tước Vương Chú**. Nguyện xin các chúng Thần lắng nghe lời tôi đã nói.

Có hàng đi trên mặt đất (địa hành), hàng đi trên hư không (hư không hành), hàng đi trong nước (thủy hành), **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **A Tu La** (Asura), **Ma Lâu Đa** (Maruta), **Già Lâu Bà** (Garuḍa), **Càn Thát Bà** (Gandharva), **Khẩn Na La** (Kiṃnara), **Ma Hầu La Già** (Mahoraga), **Dạ Xoa** (Yakṣa), **La Sát Sa** (Rākṣasa), **Ti Ly Đa** (Preta), **Bỉ Xả Già** (Piśāca), **Bộ Đa** (Bhūta), **Cưu Bàn Trà** (Kuṃbhaṇḍa), **Phú Đa Na** (Putana), **Kha Tra Phú Đa Na** (Kaṭaputana), **Sa Can Đà** (Skanda), **Uất Ma Đà** (Unmāda), **Xa Gia** (Cchāya), **A Bát Sa Ma La** (Apasmāra), **Uất Ta La Kha** (Ostaraka). Nguyện nghe tôi nói:

Ổ Tà Ha La (Ūrjāhārā: Đời Lương nói là *thâu nhiếp ăn nuốt*. Theo người dịch là *loài ăn tinh khí*), **Bộ Đa Già Na** (Bhūta-gaṇa: Đời Lương nói là *chúng Thần*), **Già Phá Ha La** (Garbhāhārā: Đời Lương nói là *ăn sữa.* Theo người dịch là *loài ăn bào thai*), **Nại Đá La Ha La** (Rudhirāhārā: Đời Lương nói là *uống máu*), **Bà Sa Ha La** (Vaśāhārā: Đời Lương nói là *ăn dầu mỡ.* Theo người dịch là *loài ăn đồ dơ của sự sinh sản*), **Võng Sa Ha La** (Maṃṣāhārā: Đời Lương nói là *ăn thịt*), **Nhĩ Đà Ha La** (Medāhārā: Đời Lương nói là *ăn màng bọc thai.* Theo người dịch là *loài ăn thảo mộc có chất như mỡ*), **Xã Đa Ha La** (Jatāhārā: Đời Lương nói là *ăn sự sống*), **Thị Tỳ Đa Ha La** (Jīvitāhārā: Đời Lương nói là *ăn Thọ Mệnh*), **Bạt Lợi Ha La** (Balyāhārā: Đời Lương nói là *ăn bụi cây.* Theo người dịch là *loài ăn sức lực*), **Ma Lá Ha La** (Malyāhārā: Đời Lương nói là *ăn búi tóc*), **Kiền Tha Ha La** (Gandhāhārā: Đời Lương nói là *ăn mùi thơm*), **Phất Bà Ha La** (Puṣpāhārā: Đời Lương nói là *ăn bông hoa*), **Pha La Ha La** (Phalāhārā: Đời Lương nói là *ăn quả trái*), **Tát Tả Ha La** (Sasyāhārā: Đời Lương nói là *ăn hạt giống*), **A Huất Để Ha La** (Ahutehārā: Đời Lương nói là *ăn thứ do lửa thiêu đốt.* Theo người dịch là *loài ăn vật cúng*). Nhóm như vậy siểm ác, đáng sợ, lấy thọ mệnh của người khác.

Nay tôi nói **Đại Khổng Tước Vương Chú**. Nguyện trừ bỏ sự siểm ác, các điều đáng sợ…. Nay cho hoa, hương, hương xoa bôi, **Ổ Tà Ha La** (Ūrjāhārā:ăn sinh khí)…Nguyện nghe lời tôi nên Thiện Ái, Từ Bi, tin Phật Pháp Tăng. Nguyện nghe tôi nói

"Kha Lý, Kha La Lý, Cưu Bàn Trì, Thương Dĩ Ni, Kha Ma La Khởi Ni, Ha Lợi Để, Ha Lợi Chỉ Thí, Ha Lê, Băng Già Ly".

Dùng Tâm Từ Bi Tín Thiện. Nguyện nghe tôi nói, như vậy tin Phật Pháp Tăng

Kha Lý, Kha La Lý, Cưu Bàn Trì, Thương Dĩ Ni, Kha Ma Khởi Ni, Ha Lê Để, Ha Lê Chỉ Thí, Ha Lê Băng Già Ly, Lam Tì, Ba La Lam Tì, Kha La Ba Thỉ, Dạ Ma Đầu Để, Dạ Ma Lạc Xoa, Tự Bộ Sa Ni.

Nguyện nhận lấy hương, hương xoa bôi, thức ăn uống.

Nguyện thủ hộ tôi (họ tên…)

Nguyện Chú Pháp thành tựu, sa ha

[Kāli karali, kumbhaṇḍi, śaṃkhini, kamalākṣi, hārīti, hari-keśi, hari-piṅgale

Dùng Tâm Từ Bi Tín Thiện. Nguyện nghe tôi nói, như vậy tin Phật Pháp Tăng

Kāli karali, kumbhaṇḍi, śaṃkhini, kamalākṣi, hārīti, hari-keśi, śrì- hari-piṅgale, lambe, prālambe, lambodari, kāla-pāśe, yamaduṭi, mahā-rākṣase, bhūta-grasani

Nguyện nhận lấy hương, hương xoa bôi, thức ăn uống.

Nguyện thủ hộ tôi (họ tên…)

Nguyện Chú Pháp thành tựu, sa ha]

_ Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật trụ ở nước **Xá Vệ** (Śrāvastya), rừng cây **Kỳ Đà** (Jeṭavaṇa), vườn **Cấp Cô Độc** (Anāthapiṇḍadasyārāma). Thời có vị Tỳ Kheo tên là **Sa Để** (Svati), tưởi nhỏ với xuất gia, thọ **Cụ Túc** (Purṇaka: Cụ Túc Giới) chưa lâu, mới bắt đầu học **Tỳ Ni** (Vinaya: Luật Tạng), vì **Chúng** (Saṃgha) phá cây làm chỗ tắm gội, bị con rắn đen trong lỗ cây cắn vào ngón cái của chân phải, chất độc lan ngấm khiến thân té xuống đất, nôn ra bọt, mắt trợn ngược.

A Nan (Ānanda) thấy vị ấy bị đau khổ nên đi đến chỗ của Đức Phật, bạch Phật rằng: "Làm thế nào mới cứu chữa được?"

Đức Phật bảo A Nan: "Ông đem lời của Ta, dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** để trừ ác độc, đi đến nơi ấy nhiếp thọ thủ hộ khiến cho thân của Tỳ Kheo **Sa Để** được an lạc.

Ông nên kết Giới từ Trời, Rồng, A Tu La, Già Lâu Đa, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Dạ Xoa, La Sát Sa, Ti Ly Đa, Tỳ Xá Trà, Bộ Đa, Cưu Bàn Trà, Phú Đa Na, Sa Can Đà, Uất Ma Đà, Xa Da, A Bát Ma La, Uất Đa La Dĩ Trĩ Kha Nhược Đà, Ưu Dĩ La, Tỉ Đa La, Bất Khả Sứ, Thực Bất Điều Thích, Ác Thóa, Ác Ảnh, Ác Kiến, Ác Thư, Ác Độ, Ác Phún…Một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, nửa tháng, một tháng, hoặc phút chốc, hoặc lâu dài. Chợt lạnh, chợt nóng, gió lạnh, Đàm Ẩm. Hoặc bị ba bệnh: nóng, lạnh, đau đầu…đều nguyện trừ khỏi.

Hoặc đau nửa đầu với chẳng ăn được, đau mắt, đau mũi, đau tai, đau miệng, đau tim, đau gò má, đau cổ họng, xỉ phong, tâm phong, hung hiếp phong, bối phúc phong, tỳ hĩnh phong, thủ túc phong, cốt tiết phong…Dùng Thần Lực của Đức Phật, nguyện trừ bệnh khổ trên thân thể của tôi (họ tên…) ngày đêm an ổn khoái lạc.

Nói **Chú** như vầy:

"Y trí, tì trí, ky trí, hy lợi, bà trí, ni trí, a trí da trí, đầu già trí, a lê sa cầu trí, bảng tu bỉ sa chi ni, a lũ ha ni, ba la lũ ha ni, thân lũ ha ni, ê ly trí ly để lý, mĩ ly mĩ ly, để mĩ, đầu mĩ, đầu đầu mĩ, nhất để mật để tất đam tì, tỳ ma ly, hống lựu hống lựu, a du mẫu khí cả lê, ma ha cả lê, bà la khẩn na chỉ thí, cẩu lậu cẩu lậu, đát bất lậu lê, câu ha lậu, câu lậu, đỗ sa đảm bà, đỗ đảm bà, đầu ma đảm bà, cồ la dạ, tả la dạ, hi thú hi lợi hi lợi, nhĩ lợi nhĩ lợi trưng, để lợi để lợi, châu lậu châu lậu, mẫu lậu mẫu lậu mẫu lậu mẫu lậu mẫu lậu, hưu hưu hưu hưu hưu hưu hưu hưu hưu hưu, bà bà bà bà bà bà bà bà bà bà, xà la xà la xà la xà la xà la, đà ma đà ma ni, đa ba đa ba nê, đà ha đà ha ni, tọa la ni, đà đầu tì, kiệt xã ni, ba lý sa ni, sa phổ đa ni, đa ba ni, ba già ni, ha lý ni, cam ba ni, mạt đà ni, mạn trĩ ni, ca ma ca lý, thương ca lý, tát kha lý tát kha lý, tát kha lý tọa la ni, đầu ma đầu ma

lợi, bà cẩu tu di, cồ la xoa, ba lợi tỳ la dạ, bà lý bà đẩu, đề bà, sa mạn để na, y lợi, cơ lợi, bà ha”

[Iḍi, viḍi, kiḍi, hiḍi, maḍi, niḍi, meḍi, dodumbā, āḍe, ghāḍe, dugghāte, hariṇi, catuni, harivogāḍi, vaguḍi, pānsu piśācini, ārohini, ḍorohini, elā melā, ele mele, kele, tili, mele mele, time time, dume dume, dudume, iṭṭi miṭṭi, viṣṭaddhe, capale, vimale, huru huru, aśvamukhi, kāli kāli, mahākāli, karāli, prakīrnakeśi, kulu kulu, vappgulu vapphulu, kolu kolu, huru huru, vahuru vahuru, vāsādumbā, dodumbā, dumadumbā, gorāyā, velāyā, parivelāyā, piśu piśu, hili hili hili hili hili hili hili hili hili hili, mili mili mili mili mili mili mili mili mili mili, tili tili tili tili tili tili tili tili tili tili, culu culu culu culu culu culu culu culu culu culu, muhu muhu muhu muhu muhu muhu muhu muhu muhu muhu, mulu mulu mulu mulu mulu mulu mulu mulu mulu mulu, hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu, hu hu hu hu hu hu hu hu hu hu, vā vā vā vā vā vā vā vā vā vā, pā pā pā pā pā pā pā pā pā pā, jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla, dama damani, tapani tapani, jvala jvalani, paca pacani, duṃbubi, garjani, varṣaṇi, sphoṭani, tapani tāpani pacani, hāriṇi kāriṇi, kampani, marddanī, maṇḍitike, kṣemaṃkari, makari śakari, sarkari, karkari, śavari, śaṃkari, jvalani, duma, dumbani, sukusame, golāyā, velāyā, parivalāya, varṣatu devaḥ samantena, irikisi svāhā]

_ **Từ Ngã** (Hãy yêu thương giúp đỡ cho tôi) **Tỳ Lưu Lại Xoa** (Dhṛtarāṣṭra)
Từ Ngã **Ê La Bà Na Tượng** (Airavaṇa)
Từ Ngã **Tỳ Lưu Bác Xoa** (Virūpakṣa)
Từ Ngã với **Hắc Cồ Đàm** (Kṛṣṇa-gautamaka)
Từ Ngã **Ma Ni** Long Vương (**Maṇi-** nāgarāja)
Từ Ngã **Bà Tu Dĩ** Long Vương (Vasuki)
Từ Ngã **Trượng Túc** Long Vương (Daṇḍa-pāda)
Từ Ngã **Mãn Nguyệt** Long Vương (Pūrṇa-candra)
Từ Ngã **Nan Đà** (Nanda), **Ưu Bà Nan Đà** Long Vương (Upananda)

[Đều có sắc đẹp, có danh tiếng cùng với hàng Trời, A Tu La chiến đấu…thời hiện Đại Thần Thông]

Từ Ngã **A Nậu Đạt Đa** Long Vương (Anavatapta)
Từ Ngã **Bà Lâu Na** Long Vương (Varuṇa)
Từ Ngã **Mạn Xà Lợi Kha** Long Vương (Manjuruka)
Từ Ngã **Đắc Xoa Đa** Long Vương (Takṣa)
Từ Ngã **A Nan Đa** Long Vương (Ananta)
Từ Ngã như vậy, **Bà Tu Mộc Hà** Long Vương (Vāsu-mukha)
Từ Ngã **A Ba La Thị Đa** Long Vương (Aparājita)
Từ Ngã **Trầm Bà Tu Đa** Long Vương (Chitvāsta)
Từ Ngã **Ma Ha Ma Kì Tuy** Long Vương (Mahā-manasvī)
Từ Ngã như vậy, **Ma Na Tuy** Long Vương (Upa-manasvī)
Từ Ngã **Kha Đa Cao** Long Vương (Kālaka)
Từ Ngã **A Ba La** Long Vương (Apalāla)
Từ Ngã **Phu Già Bàn** Long Vương (Bhogava)
Từ Ngã **Sa Di** Long Vương (Śravaṇeraka)
Từ Ngã **Đà Địa Mẫu Kha** Long Vương (Dadhi-mukha)
Từ Ngã **Ma Ni Phân Đà Lợi** Long Vương (Maṇi-puṇḍarīka)
Từ Ngã **Tì Sam Ba Để** Long Vương (Diśaṃ-pati)
Từ Ngã **Cát Trĩ Đa Kha** Long Vương (Karkkoṭaka)
Từ Ngã **Thương Kha Ba Đà** Long Vương (Śaṃkha-pāla)

Từ Ngã **Cam Bà La** Long Vương (Kambala)
Từ Ngã **Sa Đa La** Long Vương (Aśvatara)
Từ Ngã **Ư Bỉ** Long Vương
Từ Ngã **Bà Ki Đa Chiên** Long Vương (Śākeṭaka)
Từ Ngã **Châm Mao** Long Vương (Suciroma)
Từ Ngã **Hung Hành Chủ** Long Vương (Uraga)
Từ Ngã **Chủ** Long Vương (? Kumbīra)
Từ Ngã **Lý Bà Kha** Long Vương (Ṛṣika)
Từ Ngã như vậy **Mãn Nhĩ** Long Vương (Pūrṇa-karṇa)
Từ Ngã **Tù Mâu Diện** Long Vương (Śakaṭa-mukha)
Từ Ngã **Cổ La Kha** Long Vương (Kolaka)
Từ Ngã **Tu Nan Đà** (Sunanda), **Bạt Tử Phí Đa La Thường** (Vatsīputra) Long Vương
Từ Ngã **Ỷ La Cụ Đa La** Long Vương (Erapatra)
Từ Ngã **Lam Phù La Kha** Long Vương (Lamburuka)
Từ Ngã **Phi Nhân** Long Vương (Amanuṣa)
Từ Ngã **Thượng Nhân** Long Vương (Uttara-manuṣa)
Từ Ngã **Lý Kì La** Long Vương (Mṛgila)
Từ Ngã **Mẫu Chi Lân Đà** Long Vương (Mucilinda)
Từ Ngã **Địa Hành** Long Vương

Như vậy y theo nước, y theo hư không, y theo núi **Tu Di** (Sumeru): một đầu, hai đầu. Vị ấy thường **yêu thương giúp đỡ cho tôi** (từ ngã). Tất cả **Thần Long** không có chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân…đều đừng gây hại, **yêu thương giúp đỡ cho tôi** (từ ngã), bốn **Trụ Địa** với tất cả chúng sanh

Hoặc động, chẳng động đều nguyện an lạc, tất cả không có bệnh tật. Tất cả nhìn thấy hiền thiện đừng khởi Tâm ác, nghĩ nhớ yêu thương tôi, diệt độc nhiếp thọ, như vậy thủ hộ.

Lễ Phật Bồ Tát
Lễ Tịch Diệt Giải Thoát
Lễ xong, giải thoát

Bà La Môn muốn trừ Pháp ác đều nên làm lễ. Nguyện rũ thương thủ hộ tất cả sự đáng sợ hoang loạn, tất cả tai hại bệnh tật. Nguyện đoạn trừ tất cả sự độc ác, tất cả điều chẳng nhiêu ích, thường hiện điều nhiêu ích.

Này A Nan! Thời trước, ở phía Nam núi Tuyết có **Khổng Tước Vương** (Mayūra-rāja) tên là **Kim Quang Minh** (Suvarṇāvabhāsa) trú ngụ tại đấy. Sáng sớm đọc tụng **Đại Khổng Tước Vương Chú** thì ban ngày đều an lạc, khi mặt trời lặn thời đọc tụng nên ban đêm đều an lạc

Nói **Chú** như vầy:

"Hống hống hống hống hống hống, na già ly ly ly, đạm bà ly ly ly, tỳ ma ly ly ly, hống hư hống hư, tì xà tỳ xà, thâu tuần cầu lâu, ỷ la di la, y lợi nhĩ la, chí lợi nhĩ la, chí lợi nhĩ la, y lợi mật đế lệ, để lợi mật đế lệ, hỉ lợi để lợi để mật đế lệ, đàm tì tẩu tì đổ tẩu đổ cồ la, chi la, già ba la, tỳ la già, y để lợi, tất để lợi, lật để lợi.

Nam mô phật đà nam, chỉ lợi dĩ tử cồ đồ hi ni. Nam mô a la hán đa nam, ha la tha la. Nguyện tuôn mưa ở mười phương. Nam mô phật đà nam"

[Hu hu hu hu hu, nāga le le le, dumba le le le, na le le le, huya huya, vija vija, dhusu dhusu, guru guru, hucejini hucejini, agaru, elā melā ilimalā, tilimalā, ili tili melā,

ili mitle tili mitle, ili tili mitle, dumbe, sudumbetosu sudumbetosu, golā velā capalā, vimalā iṭṭiri. Bhiṭṭiri, riṭṭiri

Namo buddhānāṃ cirikisi godohikā

Namo arhatānāṃ hāradāla varṣatu devaḥ samamtena daśasudiśaśu. Namo buddhānāṃ svāhā]

Khổng Tước Vương ấy có lúc do chẳng tác Chú **Đại Khổng Tước Minh Vương** này tụng ủng hộ an lạc, mà cùng với nhiều Khổng Tước Nữ trong rừng, từ vườn cây này đến vườn cây khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngọn núi này đến ngọn núi khác…tham đắm chốn ham muốn, kiêu mạn, lầm lạc, nhiều ngu si phiền muộn…cùng nhau dạo chơi, phóng đãng, tự kiêu…vào một hang núi. Ở chỗ ấy: Oan Gia, **Oán Hữu** (bạn mang oán hận) ngày đêm thường rình tìm dịp thuận tiện, dùng sợi dây bắt chim công (khổng tước thằng) cột trói.

Khổng Tước Vương kia vừa đến chỗ oán hận ấy thì Tâm tự tác niệm: "Chỉ **Đại Khổng Tước Minh Vương** này có **Chú** như vậy"

"Hống hống hống hống hống hống, na già ly ly ly, đạm bà ly ly ly, tỳ ma ly ly ly, hống dã hống dã, tì xà tỳ xà, thâu tu cầu lâu, ỷ la di la, y lợi di ly, chí lợi di la, y lợi mật đế lệ, để lợi mật đế lệ, hỉ lợi để lợi để mật đế lệ, đảm tì tu đảm tì đổ tẩu đổ, cồ la chi la, già ba la, tỳ la già, nhất trưng lợi, tất để lợi, lật để lợi.

Nam mô phật đà nam, chỉ lợi dĩ tử cồ đồ hi ni. Nam mô a la hán đa nam, ha lợi na lợi. Nguyện ở mười phương tuôn mưa. Nam mô phật đà nam"

[Hu hu hu hu hu, nāga le le le, dumba le le le, na le le le, huya huya, vija vija, dhusu dhusu, guru guru, hucejini hucejini, agaru, elā melā ilimalā, tilimalā, ili tili melā, ili mitle tili mitle, ili tili mitle, dumbe, sudumbetosu sudumbetosu, golā velā capalā, vimalā iṭṭiri. Bhiṭṭiri, riṭṭiri

Namo buddhānāṃ cirikisi godohikā

Namo arhatānāṃ hāradāla varṣatu devaḥ samamtena daśasudiśaśu. Namo buddhānāṃ svāhā]

_ Khi đó, từ khổ được thoát, an ổn đến cảnh giới ấy

Nói câu Chú này như vầy:

"Tất đề hề, tẩu tất đề hề, vũ già ni, vũ xoa ni, mộc để, tì mộc để, a ma ly, tỳ ma ly, ni ma ly, mạn đà ly, vong già ly, hỉ lan nhĩ trì bạt tì, lại na già tì hề, ma dũ lý bạt đà ly, tu bạt đà ly, bà tu bạt đà ly, sa mãn đa bạt đà ly, tát bà tha sa đà ni, ba la mạt tha sa đà ni, ma na tử , ma ha ma na tử, yến bộ để, yến triết bộ để, yến trửu để, a la thị, tỳ la thị, a ma lý để, a ma lệ, bà la di, bà la sa ly, phu la nại, phu la na, ma nỗ chi di lý đa, tam thị bà để, tử lý bạt đà lệ, chiên đà lệ, chiên đà la ba la thí, tu ly dịch, tu la na can đế, tì đa phả dịch tu, bạt nê, bà la ma cồ tỉ, bà la ma thuật để, tát bà, ba la để ha để, sa ha"

[Siddhe, susiddhe, mocani, mokṣani, mukte, vimukte, amale, vimale, nirmale, maṃgale, hiraṇya-garbhe, ratna-garbhe, mayūri-bhadre, subhadre, samanta-bhadre, śrī-bhadre, sarvārtha sādhani, paramārtha sādhani, sarvānartha praśamani, sarva maṅgala sādhani, manase mānase, mahā-mānase, acyute, adbhute, atyadbhute, mukte, mocani mokṣaṇi, araje viraje, amṛte amare amaraṇi, brahme brahmasvare pūrṇe pūrṇa-manorathe, mṛta saṃjīvani śrī-bhadre, candre, candra-prabhe, sūrye sūryakānte vītabhayesu, varṇe suvarṇa-prabhe, brahmaghoṣe, brahma-juṣṭe, sarvatra, pratihate rakṣa rakṣa māṃ svāhā]

Lễ tất cả chư Phật. Nguyện thủ hộ con khiến được an ổn.

Chỉ cữu chỉ cữu, xú chỉ, mẫu chỉ, sa ha

[Juci guci muci svāhā]

_ Lại nữa A Nan! Ngoài ra, **Kim Quang Minh Khổng Tước Vương** (Suvarṇābhāsasya mayūra-rājñaḥ) thời trước, do nhân gì mà chẳng ai có thể biết sao?

Này A Nan! Chỉ có Ta, thời trước tên là **Kim Quang Khổng Tước Vương**

A Nan! **Đại Khổng Tước Minh Vương** này, nay Ta sẽ nói Tâm ấy, Chú ấy như vầy:

"Y để, mật để, để lý, bỉ lý mật để, để lý mật để nhĩ, tu đàm bà, đàm ba, tu bà, chỉ lý chỉ tử, tất cả la di lý

Nam mô phật đà nam, chỉ lý chỉ tử, ba lan đa mẫu ly, y để ha la, lô hỉ đa mẫu la, đam bà, yểm bà, cẩu để, cẩu nại để, cúc cẩu nại để, để la quân xã nại để, a trách bạn xỉ diêm

Tháng chín, tháng mười. Nguyện Trời tuôn mưa

Y lý, nhĩ lý, chỉ lý, nhĩ lý, chỉ la, nhĩ lý, chỉ đẩu mẫu ly, đầu đầu ma, tu đầu di trĩ, đà lý di tán, đẩu bạt để, bộ sa bạt để, bộ sa la, bộ đa la, ỷ đa, bạt sa đa, la cả, chiếu cả la nặc ma lý nhĩ, la kha la ma khởi ly, y để tát xà ly, đam tỳ đam tỳ, a nại để, bà la nại để, a na na nại để

Vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp. Nguyện Trời tuôn mưa, rưới nước mới.

Na la da ni, ba la da ni, ha lý đa lý, quân đa lý, mật tử để, dĩ để lý, mật tử để, y lý nhĩ, tất đà, lao đẩu đà la di đà, mạn đa la. Ta (họ tên…) **sa bà ha"**

[Itti mitti, tili, vilimitti, tili mitti, sutumbā tumbā , suvacā, cilikisi, prabhinnameḍi.

Namo buddhānāṃ cilikisi prānta mūle, itihārā lohita mūle, tumbā, ambā, kuṭṭi, kūnaṭṭi, kukunaṭṭi, tilakuñjanaṭṭi, aḍakavatyāyāṃ.

Tháng chín, tháng mười. Nguyện Trời tuôn mưa

Ili mili kili mili kelimeli, ketu mūle, dudumbe sudumoḍe suḍumeḍi, dalime santuvaṭṭe, vusavaṭṭe, vusare vusare, dhanavastarake, narkalā narkalime narkalike narmalike narakkharima ghoṣe iti sarjjale tumbe tutumbe anaṭṭe ṇaṭṭe paraṇaṭṭe aṇaṇaṭṭe

Vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp. Nguyện Trời tuôn mưa, rưới nước mới.

Narāyaṇi pārāyaṇi haritāli kūntāli ili misti, kili tili misti, ilime, siddhyantu me drāmiḍā mantrapadāḥ svāhā]

_ A Nan! **Đại Khổng Tước Vương Tâm** này. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú**, nếu vào quốc giới đến **A La Nhã** (Araṇya), đường chánh, đường rẽ đến cung điện vua, gặp: giặc cướp, đấu tranh, nước, lửa, oán ác với ở Đại Chúng, rắn rít, uống chất độc. Đối với tất cả chỗ sợ hãi, nên nhớ niệm Chú này.

Hoặc phong đàm, lạnh nóng hòa hợp. Đối với 404 bệnh, nếu bị mỗi một bệnh chạm đến thì cũng nên nhớ niệm

Nếu chẳng phải Ý khổ đến thì cũng nên nhớ niệm. Tại sao thế ? Này A Nan! Nếu người đáng bị tù tội cột trói thì chỉ bị đánh phạt mà được giải thoát. Nếu đáng bị roi sắt phạt thì chỉ dùng cây gậy đánh nhẹ mà được giải thoát. Nếu đáng bị cây gậy đánh nhẹ thì chỉ bị bợp tai mà được giải thoát. Nếu đáng bị bợp tai thì chỉ bị chửi mắng mà được giải thoát. Nếu đáng bị chửi mắng thì chỉ bị răn bảo mà được giải thoát. Nếu đáng bị răn bảo thì chỉ bị nói qua loa mà được giải thoát. Như vậy giải thoát, lìa tất cả bệnh.

_ Này A Nan! Ta chẳng thấy hàng **Trời** (Deva), **Người** (Manuṣa), **Ma** (Māra), **Phạm** (Brahma) với **Sa Môn** (Śrāmaṇa), **Bà La Môn** (Brāhmaṇa) nào chẳng dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này để nhiếp hộ, thản nhiên, an ổn, tiêu trừ phạt độc. Kết Giới, kết Địa thì không có ai dám đến gây sự khủng bố.

Hoặc Trời, cha mẹ của Trời, chúng Trời, Nữ Chúng

Hoặc Rồng, cha mẹ con trai con gái của Rồng, chúng Rồng, Nữ Chúng

Hoặc A Tu La, hoặc cha mẹ con trai con gái của A Tu La, chúng A Tu La, Nữ Chúng

Hoặc Già Lâu Đà, hoặc chúng cha mẹ con trai con gái của Già Lâu Đà

Hoặc Càn Thát Bà, hoặc chúng cha mẹ con trai con gái của Càn Thát Bà

Hoặc Yểm Quỷ, hoặc chúng cha mẹ con trai con gái của Yểm Quỷ

Hoặc Khẩn Na La, hoặc Ma Hầu La Già, hoặc Dạ Xoa, hoặc Lạc Xoa Sa, hoặc Ti Li Đa. Hoặc Tỳ Xá Trà, Bộ Đa, Câu Bàn Trà, Phú Đa Na, Kha Đa Phú Đa Na, Sa Can Đà, Ôn Ma Đà, Thân Da, A Bát Sa Ma La… đều cũng như vậy. Thường tìm kiếm phương tiện hại người, tụng niệm Chú này thì cuối cùng chẳng thể hại được.

Nếu hàng Trời được phương tiện hại người thì cuối cùng chẳng thể hại được mà quay trở lại hiện bày nơi chúng Trời ấy. Cho nên cần phải nhớ niệm.

Chú ấy như vầy:

"Hi lợi, hi lợi, cơ lợi, my lợi, cấm độc đệ hề, mộc đế, tu mộc đế, a đa, na đa, tu na đa, tu na đa, đề phù, bà lý bà đấu, ba la ma, a bàn đa diễm, a la, bà la cồ đỗ hỉ đa, y lý, nhĩ lý, tất thị lý cả, liễu đầu kha, liễu đầu kha, y lý, di lý, y lý, di lý, sa mạn đa đố, dĩ lật đoả, hống lậu hống lậu, hi lý hi lý, dĩ lợi dĩ lợi, thức ỷ na, mẫu sam, phụ lậu phụ lậu, già la già la, chỉ lợi chỉ lợi, trửu lậu trửu lậu, tì để tì để, thỉ khí thỉ khí, y trí y trí, khí khí khí khí khí, hống thọ hống thọ hống thọ hống thọ hống thọ hống thọ hống thọ hống thọ hống thọ hống thọ, ha la ha la, ha la nê, diệm bì hề

Tất cả siểm ác, tôi đều hàng phục. Tôi hộ giúp cho người (họ tên) cứu tế nhiếp thọ khiến được an ổn khoái lạc, trừ sự trị phạt, trừ chất độc, kết Giới kết Địa

chất đa ly, chất đa la ma ly, ha ly, ha la, ma ly, phả ly, pha la ma ly, khấu lậu khấu lậu, ba la ba lậu na, tì lợi, a lậu mẫu lậu, y di, ha đam, tì đa

Tất cả siểm ác, chất độc của răng nanh, chất độc của rễ cây, chất độc của thức ăn. Dùng sức của Đức Phật, tất cả tiêu diệt

Tu lậu, tu lộc, bà la bà lạc chỉ, bà lãng chỉ tì lợi hỉ lợi

Dùng sức của bảy Đức Chánh Giác với chúng Thanh Văn diệt chất độc của răng nanh, chất độc của rễ cây, chất độc của thức ăn.

ỷ ly, nhĩ ly, y lý, nhĩ ly, để lý để lý, di ly, để ma đầu ma đầu ma, tẩu cẩu bà, tống bà đam bà, ha trí, na trí, đẩu la quân xà na trí, bà lý sở đẩu đề bạc, y lợi dĩ tử

Tất cả tháng chín, tháng mười yêu thương giúp đỡ cho tôi (từ ngã) với tất cả chúng sanh

bao tu trí, bao đà la ni, bao đà la ni, chỉ bà đà, chỉ bà đà cả mẫu ly, y để, xa bà ly, đẩu tì đẩu tì, bà lý dương cả ly, a bạt trí, ba lý bạt trí

Nam mô Thế Tôn. Nguyện Trời tuôn mưa, rưới nước mới

nhân đà la, cồ nhĩ mẫu kha da, nhất chất đa da, cồ đỗ hỉ giá da, bà lăng già lý kha da, a ly đa ly, cư đa ly, a sa nê, ba sa nê, ba đa ni câu ly".

[Hili mili, kili mili, kiṃduḥkhe mukti sumukti āḍa nāḍaḥ, sunāḍa sunāḍa, varṣatu devo, paramaḍavarttāryāṃ, ārā pārāgodohikā, ili mili, bhijjilika, udukā, udukā, ili mili, ili mili, samantataḥ kṛtvā, hulu hulu, hili hili, mili mili, śrīṣeṇa varṣaṃ, muru muru, cala cala, cili cili, culu culu, viṭi viṭi, śikhi śikhi, iṭi viṭi, śikhi śikhi, huju huju, huju huju, huju huju, huju huju, huju huju, hara hara, haraṇe, jaṃbhe, prajaṃbhe

Tất cả siểm ác, tôi đều hàng phục. Tôi hộ giúp cho người (họ tên) cứu tế nhiếp thọ khiến được an ổn khoái lạc, trừ sự trị phạt, trừ chất độc, kết Giới kết Địa

citre, cittra-māle, hale hala māle, phale phala māle, kuru kuru, kharavaruṇe, vīre, aru maru, eje, hatāṃ viṣaṃ

Tất cả siểm ác, chất độc của răng nanh, chất độc của rễ cây, chất độc của thức ăn. Dùng sức của Đức Phật, tất cả tiêu diệt

suru suruke, vara varake, varakke, viri hiri

Dùng sức của bảy Đức Chánh Giác với chúng Thanh Văn diệt chất độc của răng nanh, chất độc của rễ cây, chất độc của thức ăn.

elā melā, ili melā, tili tili melā, tihā duha, vimādhu mādu, esudumā, sukumbhā, tumbā, samatumbā, aḍe nāḍe, kulakuva naḍe, varṣatu devaḥ , ilakisi

Tất cả tháng chín, tháng mười yêu thương giúp đỡ cho tôi (từ ngã) với tất cả chúng sanh

vusaḍe, vudāriṇi vudāriṇi, kevaṭṭa kevaṭṭaka mūle, iti śavare, tumbe vitumbe , priyaṃ kare, āvaṭṭe, parivaṭṭe

Nam mô Thế Tôn. Nguyện Trời tuôn mưa, rưới nước mới

indra gopasikāya, iṭṭiṭṭaya, godohikāya, bhṛṃgārikāya, āle tale, kuntala, āśane, pāśane, pāpanikule]

_ Nam mô chư Phật Thế Tôn

Tỳ Bối Thi Phật (Vipaśyīn-buddha) ngồi dưới cây **Vô Ưu** (Aśoka)

Thi Khí Phật (Śikhīn-buddha) ngồi dưới cây **Phân Đà Lợi** (Puṇḍarī)

Tì Du Phật (Viśvabhū-buddha) ngồi dưới cây **Đa La** (Śāla)

Câu Tôn Mâu Ni Phật (Krakucchanda-buddha) ngồi dưới cây **Thi Lê Sa** (Śirīṣa)

Kha Na Kha Phật (Kanakamunïi-buddha) ngồi dưới cây **Ưu Đàm Bà La** (Udumbara)

Ca Diếp Phật (Kāśyapa-buddha) ngồi dưới cây **Nhược Già A Nậu Lâu Đà** (Nyagrodha)

Cồ Đàm (Gautāma) **Thích Ca Mâu Ni Phật** ('Saøkyamunïi-buddha) ngồi dưới cây **Bồ Đề** (Bodhi-vṛkṣa), được Bồ Đề (Bodhi).

Nơi Đại Thần Thông của chư Phật ban cho chư Thiên có niềm tin thời chư Thiên ấy đều rất hoan hỷ, thường nguyện an ổn.

Chú ấy như vầy:

"Y lý, nhĩ lý, dĩ lý, tì lý, chỉ lý, bồ lý, ưu đầu la, tu đầu mưu đệ, bộ đa la, hống hống, cả la cả la thị, cả la thị, cả la đỗ mẫu ly, y để, xả già đa, cẩu đẩu lý, na tỉ la ni, bát xả để, bát xả, bát xả để, kha tỉ la mạt sa đẩu, y lý bà, tất đà lao đẩu, đà la my đà, mạn đa la bà đa, sa ha"

[Ili mili, kili vili, keli vali, udrarā, sudumode busara, huhu, kara karañjje karañjje, karañjja mūle, itiśavatā, kutuli, nārāyaṇi, paśyani, paśya paśyani, kapila-vastu, irivā sidhyantu, drāmiḍā mantra-padā svāhā]

_ Này A Nan! Nếu có người tụng tên gọi của **Đại Dược Xoa** (Mahā-yakṣa) này. Giả sử kẻ có Tâm ác muốn gây não hại thì cái đầu bị phá làm bảy phần như **La Tì Phù**

Nói lời như vầy:

"Cát để mẫu ly, ỷ lâu mẫu ly, sa mạn đa mẫu ly, a trí na trí, cẩu tẩu na trí, nhất thế, mật thế, ba lậu, a la tra cá, ma la tra cá, y lợi dĩ lợi, chỉ lợi, cồ đầu đầu ha, đàn đà, mão huấn đầu huấn ma, tần na bãi đa"

[Kīrtti mūle, eru mūle, samanta mūle, āḍenāḍe, kuśa naṭṭe, iṭṭe miṭṭe, paru, araḍakā, ilikisi cili, godohikā, naḍā, uddundhumā, bhinnameḍa]

Lễ chư **Phật Lưỡng Túc Tôn**. Nguyện các ngươi an ổn, ra đi rồi quay về, không không có buồn đau.

Tất cả chư Phật có Đại Thần Thông

Tất cả các **La Hán** không còn phiền não (Anāsrava:vô lậu)

Dùng lời chân thật này, nguyền đều an ổn

Đại Khổng Tước Vương Chú này là điều mà Đức Như Lai đã nói. Nguyện làm cứu tế, nhiếp thọ, thủ hộ, tịch lạc, an ổn, trừ các sự trị phạt chất độc. Kết Giới, kết Địa. Nguyện sống trăm tuổi, thấy trăm mùa Thu.

_ Này A Nan! Các Đại Dược Xoa hoặc ở trong biển, hoặc ở núi Tu Di. Hoặc nơi núi cao, rừng rậm, rừng lớn. Hoặc ở sông lớn, sông nhỏ, kênh, rạch, ao, hồ, nghĩa địa trong núi, ngã tư đường, đất nước, thôn, vườn cây, vườn hoa, đường lớn, đường nhỏ, các chỗ vui chơi.

A Nan! Dược Xoa trụ ở chỗ của quốc vương **A Lan Bàn Đa**. **Dùng Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyện thấy thủ hộ, sống trăm mùa Thu.

Nói **Chú** như vầy:

"Ha lợi, ha lợi ni, già lợi, già lợi ni, ba la ma ni, mẫu ha ni, sa đàm bà ni, diệm bà ni, bà viêm, sa ha"

[Hari, hāriṇi, cali cālini, tramāṇi, mohani, stambhani, jambhani, svāyaṃ svāhā]

_A Nan! **Đề Đầu Lại Tra** (Dhṛta-rāṣṭra) ở phương Đông thống lãnh chúng **Càn Thát Bà Vương** (Gandharva-rāja) số nhiều hơn một ngàn vạn, trước sau vây quanh thủ hộ Đông PhươngThiên Vương. Lại có con cháu, anh em với Đại Thần, Quân Chủ, Quan Lại, thứ dân, Đại Chúng. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này ủng hộ, nhìn ngó giúp đỡ khiến cho được an ổn, trăm tuổi khoái lạc

Nói **Chú** như vầy:

"Thọ thọ lậu, thọ thọ lậu, thọ thọ lậu, thọ thọ lậu, thọ lậu thọ lậu, thị, sa ha"

[Susuru susuru susuru susuru, suru suru, me svāhā].

_A Nan! **Tỳ Lâu Lược** (Virūḍhaka) ở phương Nam thống lãnh chúng **Cưu Bàn Trà Vương** (Kuṃbhaṇḍa-rāja) số nhiều hơn một ngàn vạn, trước sau vây quanh thủ hộ Nam Phương Thiên Vương. Lại có con cháu, anh em với Đại Thần, Quân Chủ, Quan Lại, thứ dân, Đại Chúng. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này ủng hộ, nhìn ngó giúp đỡ đều thấy trăm mùa Thu.

Nói **Chú** như vầy:

"Tỳ lậu sí, tỳ lậu sí, a mật đa la già đa ni, ba lâu na bà để, tì nhữu bà lý ni, tì lợi na, phất đa la sí, chủ chú tì chú, sa ha"

[Veluke veluke, amitraghātani, varuṇavati, veṇumālini velini, putrike, colu cilu svāhā.

_A Nan! **Tỳ Lâu Bác Xoa** (Virūpākṣa) ở phương Tây thống lãnh chúng **Long Vương** (Nāga-rāja) số nhiều hơn một ngàn vạn, trước sau vây quanh thủ hộ Tây Phương Thiên Vương. Lại có con cháu, anh em với Đại Thần, Quân Chủ, Quan Lại, thứ dân, Đại Chúng. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này ủng hộ, thủ vệ, khiến sống được trăm mùa Xuân.

Nói **Chú** như vầy:

"Bãi bộ lợi, bãi bộ lợi, mạt để trí, mạt để trí, câu chí câu chí, bật đầu ma để, lâu lâu lâu lâu lâu lâu lâu lâu, châu châu châu châu châu châu châu châu, già già già già già già già già, sa ha"

[Veduri veduri, maṭṭite maṭṭite, koṭi koṭi, vidyu-mati, hu hu hu hu hu hu hu hu, huru huru huru huru huru huru huru huru, cu cu cu cu cu cu cu cu, ca ca ca ca ca ca ca ca, svāhā]

_A Nan! Tên gọi **Tỳ Sa Môn** (Vaiśravaṇa) ở phương Bắc thống lãnh chúng **Dược Xoa Vương** (Yakṣa-rāja) số nhiều hơn một ngàn vạn, trước sau vây quanh thủ hộ Bắc Phương Thiên Vương. Lại có con cháu, anh em với Đại Thần, Quân Chủ, Quan Lại, thứ dân, Đại Chúng. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này ủng hộ, thủ vệ chúng tôi (họ tên…) khiến thấy trăm mùa Xuân.

Nói **Chú** như vầy:

"Tu lợi tu lợi, thất lợi, thất lợi ma để, hi lợi hi lợi ma để, dĩ lý lợi, ha lý lợi, bỉ lậu bỉ lậu, băng già ly, châu lậu châu lậu, đoàn đầu ma để, ha đa tì sam, thản đầu ma để, sa ha"

[Suri suri, śiri śiri mati, hiri hiri mati, kariri, bhirini, hariri, pelu pelu piṅgale, culu culu, dhundhu mati, hataṃ viṣaṃ, dhundhu mati svāhā]

_ Đông Phương **Đế Đầu Lại Tra**, Nam Phương **Tỳ Lâu Lược**, Tây Phương **Tỳ Lâu Bác Xoa**, Bắc Phương **Cưu Tỳ La** (Kubera, hay Kuvera). Bốn Đại Thiên Vương này thủ hộ Thế Gian, có danh tiếng lớn, só sức Thần Thông lớn, hay hàng phục Oán Địch. Thế Gian không có ai dám mạo phạm, không ai hơn được, chiến đấu với A Tu La. Dùng **Đại Khổng Tước Minh Vương Chú** này, ủng hộ chúng tôi, nguyện thấy trăm mùa Xuân.

Nói **Chú** như vầy:

"Đa bà ly, ma bà ly, già ly, di li, để la nhĩ ly, y thí tỳ thí, đam tỳ đam tỳ

Nguyện Trời tuôn mưa khắp nơi

Hỉ lợi, nhĩ lợi, đam tỳ, đẩu đẩu tỳ, át trí bạt trí, ba la ma đầu, nại trí

Nguyện Trời tuôn mưa

Cữu lậu già lan đa, an đệ, nan đệ, đẩu đẩu nan đệ, bàn đàn đệ, chúc sí mộc sí, y lý để, ni lý để, hỉ lý hỉ lý, hống lậu hống lậu, ha lợi nhĩ lý, đẩu ly, đa đa ly, sa ha"

[Dauvārika vāri, ele mele, tili mele, śile vāśe, dumbe, dumbe

Nguyện Trời tuôn mưa khắp nơi

hili mili, tumbe tutumbe, aṭṭe vaṭṭe, paramaduvaṭṭe

Nguyện Trời tuôn mưa

garugantaya, aṇḍe, naṇḍe, tuṇde tutuṇḍe, bukke mukke, iriḍi, niriḍi, hili hile, hulu hulu, hili mili, tule tutale svāhā].

_ Này A Nan! Ông nên tụng lấy tên gọi của Đại Dược Xoa Quân Chủ

Kệ như vầy:

Con trai lớn (đại nhi) của **Cưu Tỳ La** (Kuvera) tên là **Tiên Xà Da** (Saṃjaya) phòng giữ con người, trụ tại nước **Di Y La** (Mithilā), thường xin lời chân thật của hàng Trời. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này ủng hộ tôi, nguyện thấy trăm mùa Xuân.

Nói **Chú** như vầy:

"Ba ly, cụ la kha trí, ma đăng kì, chiên đà lợi, phú lâu sa nị, chỉ chỉ lý ni, cồ lợi, càn đà lợi, chiên đà lợi, ma đăng kì, ma lý ni, hỉ lợi hỉ lợi, a già để, già để, càn đà lợi, câu đá kha la, kha la y trí ha để, hỉ lợi hỉ lợi, châm, sa ha"

[Vale, valkale, mātaṅgi, caṇḍali, puruṣaṇi, vicilini, gauri gandhāri, caṇḍali, mātaṅgi, mālini, hili hili, agati gati, gandhāri, koṣṭikāvacali, vihāri, hili hili, kumme svāhā]

Dạ Xoa **Câu Câu Tôn Đà** (Krakucchanda) ở nước **Phất Ba Đa Lợi** (Pātari-putra)

Dạ Xoa **A Nan Ba Thật Đa** (Aparājita: Đời Lương nói là *Bất Xưng*. Theo người dịch là *Vô Năng Thắng*) ở nước **Trụ Thâu Na** (Sphurā)

Dược Xoa tên **Thế La** (Śola) ở nước **Bạt Đà** (Bhadrapura)

Dạ Xoa **Na Bà** (Maṇāva) ở nước **Uất Đan Việt** (Uttarā)

Dạ Xoa **Bỉ Châu La Ba Ni** (Vajra-pāṇi:Đời Lương nói là *Kim Cương Thủ*) ở núi **Kỳ Xà Quật** (Gṛdhrakūṭa)

Dạ Xoa **Già Lâu Đà** (Garuḍa) ở nước **Tỳ Phú La** (Vipūla)

Dạ Xoa **Chất Đa La Quật Đa** (Citra-gupta) ở nước **Để Quý Để Mộc Kha** (Citemukha)

Dạ Xoa **Bạc Câu La** (Vakula) có đại quân đại lực, Dạ Xoa **Kha Đa** (Kālakau), Dạ Xoa **Ưu Ba Kha Đa** (Upakālakau) đều ở nơi sanh của giòng họ **Thích Ca** (Śākya) trong nước **Ca Tỳ La** (Kapila)

Dạ Xoa **Kha Ma Lý Ba Đà Ban Túc** (Kalmāṣapāda) ở nước **Tỳ La** (Vairāyā)

Dạ Xoa **Ma Hề Thủ La** (Maheśvara) ở nước **Tỳ La Đa** (Virāta)

Dạ Xoa **Ma Hề Thốc La** (Mahā-śukla: Đời Lương nói là *Thái Bạch*) ở nước **Chỉ La Đa** (?Kirāta)

Dạ Xoa **Tỳ Lý Hại Ba Để** (Bṛhaspati) ở nước **Xá Vệ** (Śrāvastī)

Dạ Xoa **Sa Già La** (Sāgara) ở nước **Sa Chỉ Đa** (Sāketa)

Dạ Xoa **Phát Xà La Dũ Tha** (Vajra-yudha:Đời Lương nói là *Kim Cương Trượng*) ở nước **Tỳ Đa La** (Virāta?Vaisālī)

Dạ Xoa **Ha Lê Già La** (Haripiṅgala: Đời Lương nói là *Sư Tử Thanh* Sắc. Theo người dịch là *Sư Tử Hoàng Sắc*) ở nước **Mạt La** (Malla)

Dạ Xoa **Ma Ha Cả La** (Mahā-kāla) ở nước **Bà La Na** (Bārānaṣī)

Dạ Xoa **Tu Đà Lý Xá Na** (Sudarśaṇa: Đời Lương nói là *Thiện Kiến*) ở nước **Chiêm Ba** (Campā)

Dạ Xoa **Tỳ Phục Trừu** (Viṣṇu) ở nước **Đọa La Cá** (Dhvārakā)

Dạ Xoa **Đà La Tần Trì** (Dhāraṇī) ở nước **Đọa La Ba Lợi** (Dhvārapāli)

Dạ Xoa **Tì Bì Lý Xá Na** (Vibhīgaṇa: Đời Lương nói là *Khả Úy*) ở nước **Đam La Bạt Ma Thục Đồng Sắc** (Tāmraparṇṇī)

Dạ Xoa **Mạt Đà Na Dạ** (Marddana) ở nước **Sa Da** (?Uragā)

Dạ Xoa **A Đa Bà** (Āṭavaka) ở trong rừng

Dạ Xoa **Ca Tỳ La** (Kapila) ở nước **Đa Cốc** (Bahudhānyaka)

Dạ Xoa **Bà Tu Đa La** (Vasutrāta) ở nước **Uất Xà Da Ni** (Urjjayanī)

Dạ Xoa **Bà Bộ Đế** (Vasubhuti) ở nước **Bà Lan Đế** (Aravanti)

Dạ Xoa **Cừu Lâu Cá** (Bharuka) ở nước **Bà Lâu Cát Xa** (Bharukaccha)

Dạ Xoa **Nan Đà** (Nanda) ở nước **A Nan Đà Phú La** (Ānandapura? Nandapura)

Dạ Xoa **Mạt Ly Tha La** (Mālya-dhara: Đời Lương nói là *Trì Hoa Man*), Dạ Xoa **Đà Cồ Lũ Đà** () đều ở nước **Thắng Thủy** (Agrodaka)

Dạ Xoa **A Nan Đà** (Ānanda: Đời Lương nói là *Bạch Nha*. Theo người dịch là *Hoan Hỷ, Khánh Hỷ*), ở nước **Ba La Bát Đa** (Maraparvaṭa)

Dạ Xoa **Thúc Kha La Đãng Tỉ Đa La** (Śukra-daṃṣṭra) ở nước **Tu Bạt Thăng Nan** (Suvāstu: Đời Lương nói là *Thiện Xứ*). Dạ Xoa như vậy đi theo Đức Phật du hóa

Dạ Xoa **Địa Lý Đà Na Nam** (Dṛdha-nāma: Đời Lương nói là *Kiên Danh*. Theo người dịch là *Kiên Cố Danh*) ở nước **Mạt Tử Để Kha** (Manasvi)

Dạ Xoa **Ma Ha Kì Lợi** (Mahāgiri: Đời Lương nói là *Đại Sơn*) ở thành **Kì Lợi Na Già La Sơn** (Girinagara)

Dạ Xoa **Bà Ta Bà** (Vāsava) ở nước **Tỳ Trì Xá** (Vaidiśa)

Dạ Xoa **Kha Chỉ Để** (Kārttikaya) ở nước **Lỗ Hỉ Đa Cá** (Rohitaka)

Dạ Xoa **Câu Ma La Đồng Tử** (Kumāra) ở đời có danh tiếng (Đời Lương nói là *trăm cái vai*), Dạ Xoa **Sa Đa Bà Hống** (Śatabāhu) đều ở nước **Xiển Đà Cả La** (?Bhinda-kāra)

Dạ Xoa **Tì Lê Hại La Tha** (Bṛhadratha) ở nước **Ca Lăng Già** (Kaliṅga)

Dạ Xoa **Đầu Lậu Dữu Đà Na** (Duryodhana: Đời Lương nói là *cỗ xe lớn chẳng thể cột trói*. Theo bản dịch khác là *Năng Chinh Chiến*) ở nước **Át Kì Nại** (Śrughna)

Dạ Xoa **Át Thọ Na** (Arjuna) ở rừng **Át Thọ La** (Arjunāvana)

Dạ Xoa **Mạt Đà Nại** (Maṇḍapa) ở nước **Mạn Đà Bà** (Marddana)

Dạ Xoa **Sơn Đảnh Giả Lợi Cẩu Đa** (Girikuṭa) ở nước **Ma La Bà** (Mārava)

Dạ Xoa **Tần Đà La** (Bhadra) ở nước **Lũ Hỉ Đa** (Rohitaka)

Dạ Xoa **Tát Bà Bạt Đà La** (Sarvabhadra) ở nước **Xa Kha La** (Śālaka)

Dạ Xoa **Ba Lợi Đa Kha** (Pālitaka) ở nước **Du Để La Kha** (Sautīraka)

Dạ Xoa **Tát Tha Bà Ha** (Sārthavāha), Dược Xoa **Đà Ni Bà La** (Dhaneśvara) đều ở nước **A Thị Đan Xà Da** (Ajitaṃjaya)

Dạ Xoa **Cẩu Đa Đãng Sa Đa La** (Kūṭa-daṃṣṭra), Dạ Xoa **Bà Tu Bạt Đà La** (Vasubhadra) đều ở nước **Bà Bà Để** (Vasanti)

Dạ Xoa **Thỉ Bà** (Śiva) ở nước **Thỉ Bà Phú La Ha La** (Śivapura)

Dạ Xoa **Thỉ Bà Bạt Đà La** (Śiva-bhadra) ở nước **Thỉ Sa Na** (Bhīṣaṇa)

Dạ Xoa **Nhân Đà La** (Indra) ở nước **Nhân Đà La Bà Đà** (Indrapura)

Dạ Xoa **Phất Sa Ba Chi Đẩu** (Puṣpa-ketu) ở nước **Thi La Bất La** (Silāpura)

Dạ Xoa **Đà La Kha** (Dāruka) ở nước **Đà La Bất La** (Dārukapura)

Dạ Xoa **Kha Tỳ La** (Kapila) ở nước **Bạt Na** (Valla)

Dạ Xoa **Ma Ni Bạt Đà La** (Maṇibhadra), Dạ Xoa **Phần Ni Bạt Đà** (Pūrṇabhadra). Hai anh em này đều ở nước **Bà La Ma Để Dã** (Brahmavatī)

Dạ Xoa **Ba La Mạt Đà Na** (Pramardana) ở nước **Kiền Đà La** (Gandhāra)

Dạ Xoa **Ba La Bàn Xà Na** (Prabhañjana) ở nước **Trác Xoa Thi La** (Takṣa-śilā)

Dạ Xoa **Kha La Lưu Ma Dạ** (Kharaposta) ở nước **Xế Đà Thế La** (Daśa-śaila)

Dạ Xoa **Để Lý Quật Đa** (Trigupta) ở nước **A Nậu Na Để La** (Hanumātīra)

Dạ Xoa **Ba La Bằng Cả La** (Prabhṛkara) ở nước **Lỗ Lâu Cá** (Raurka)

Dạ Xoa **Nan Đề Xích Bạt Tha Na** (Nandivardana) ở nước **Hưng Cữu Bạt Tha Na**

Dạ Xoa **Bà Bỉ La** (Vāpīla) ở nước **Bà Các Ha Bộ Nhĩ** (Vāpibhūmi)

Dạ Xoa **Cả La Ha Bỉ Lý Dã** (Kalahapriya) ở nước **Bà Cả** (Lampāka)

Dạ Xoa **Kiệt Thí Bà Cả** (Gardabhaka) ở nước **Ma Thâu La** (Mathurā)

Dạ Xoa **Cả Du Đà La** (Kalaśodara) ở nước **Lãng Kha** (Laṃka)

Dạ Xoa **Tu Lý Da Ba La Bà** (Sūrya-prabhā) ở nước **Tu Na** (Sūna)

Dạ Xoa **Kỳ Lê Vẫn Đà** (Girimuṇḍa) ở nước **Thâu La Ha** (Kośala)

Dạ Xoa **Tỳ Xà Gia** (Vijaya) với **Tỳ Xà Duyên Đa** (Vaijayanta) ở nước **Bạn Đầu Ma Thâu La** (Paṇḍamāthura)

Dạ Xoa **Phần Na Kha** (Pūrṇaka) ở núi **Ma La Da** (Malaya)

Dạ Xoa **Khẩn Na La** (Kinnara) ở nước **Kê La Cả** (Kerala)

Dạ Xoa **Nhĩ Kha Ba Ni** (Meghapāli) ở nước **Bàn Đà** (Pauṇḍa)

Dạ Xoa **Khán Đà Cả** (Kaṇḍaka) ở nước **Ba Để Thí Na** (Pratiṣṭhana)
Dạ Xoa **Tăng Cả Lợi** (Saṃkāri) ở nước **Bỉ Đẳng Già La** (Pitaṅgari)
Dạ Xoa **Tốc Khả Bà Ha** (Sukhāvaha) ở nước **Đa Lang Già Để** (Taraṅgavatī)
Dạ Xoa **Tôn Đà La** (Sundara) ở nước **Na Tử Kha** (Nāsikya)
Dạ Xoa **A Tăng Già** (Asaṅga), Dạ Xoa **Ba Lâu Cát Đán** (Bharukacchaka), Dạ Xoa **Nan Đề Cả** (Nandika), Dạ Xoa **Bỉ Đa Nan Đề** (Pitānandī), Dạ Xoa **Tỳ La** (vīra) đều ở nước **Cả La Ha Đa Cá** (Karahātaka)
Dạ Xoa **Lam Phù Thí La** (Lambodara) ở nước **Già Lăng Già** (Kaliṅga)
Dạ Xoa **Ma Ha Bộ Xà Dạ** (Mahābhuja) ở nước **Câu Bà La** (Kauśalī)
Dạ Xoa **Tát Để Cá** (Svastika) ở nước **Tát Để Cá Tra** (Svastikaṭaka)
Dạ Xoa **Ba La Cá** (Pāraka) ở nước **Bà Na Bà Tử**
Dạ Xoa **Bạt Đà La Thiên Đà** (Bhadra-karṇa) ở nước **Đa Chí Bà Can Đà** (Taḍiskandha)
Dạ Xoa **Thí Na Ha La** (Dhanāpaha) ở nước **Bà Đà Phú La** (? Ṣaḍa-purṇa)
Dạ Xoa **Bà La** (Bala) ở nước **Tỳ La Ma Cá** (Vairāmaka)
Dạ Xoa **Bỉ Lý Da Đà Lý Xá Na** (Priya-darśana) ở nước **A Bàn Để** (Avantī)
Dạ Xoa **Thỉ Khán Địa** (Śikhaṇḍī) ở nước **Cồ Kiệt Đà Na** (Gomardana)
Dạ Xoa **A Xà Na Bỉ Lý Da** (Añjalipriya) ở nước **Tỳ Trĩ Xá** (Vaidiśa)
Dạ Xoa **Bãi Thỉ Thể Đa Cá** (Veṣṭhitaka) ở nước **Xế Đa La Già La** (Chatrākāla)
Dạ Xoa **Ma Kha Lam Đà Ma** (Makarandaka) ở nước **Để Lý Bất La** (Tripūri)
Dạ Xoa **Tỉ Xa Dục** (Viśālākṣa) ở nước **Ỷ Cả Giác Xoa** (Erakakṣa)
Dạ Xoa **A Lam Bà** (?Guḍaka) ở nước **Già Lậu Đảm Bà La** (?Udumbara)
Dạ Xoa **Ma Ha Phả Già** (?Anāgha) ở nước **Cưu Bà Lợi** (?Kauśāmbi)
Dạ Xoa **Tỳ Lũ Già La** (Virocana) ở nước **Kha Ma Để** (?Śāntivastī)
Dạ Xoa **Già La Để Cả** (Caritaka) ở nước **A Hỉ Xế Đa La** (Ahiccatra)
Dạ Xoa **Bạc Cưu La** (Vakkula), Dạ Xoa **Mạn Đà Bà** (Maṇḍavī), Dạ Xoa **Phần Na Kha** (Pūrṇaka) đều ở nước **Loại Thị Ha Na** (Urjjihānā)
Dạ Xoa **Nê Già Nhĩ Bà** (Naigameśa) ở nước **Bát Già Lợi** (Paṃcālī)
Dạ Xoa **Ba La Bà** (Prasabha) ở nước **Già Xà** (Gajasā)
Dạ Xoa **Đà Lý Đà Ha Đà** (Dṛdha-dhanu) ở nước **Ba Na** (Varuṇā)
Dạ Xoa **Bất Lam Xà Na** (Puñjaya) ở nước **Dao Tha** (Yudha)
Hai Dạ Xoa Vương [? Thiếu **Đát Lạc Ca** (Taraka)], **Câu Bà La Cá** (Kutaraka) ở nước **Cẩu Lộc Ỷ Đa La** (Kurukṣetra)
Hai Dạ Xoa Nữ **Ma Hô Lâu Khả** (Maholūkhala), **Nhĩ Khả La** (Mekhala) có Đại Danh Xưng, cũng ở chốn ấy (Kurukṣetra)
Dạ Xoa **Bãi Để Ha Ni Nại** (Vyatipāta), Dạ Xoa **Tất Đạt Dạ** (Siddhārtha) đều ở nước **A Da Để Ba Da** (Āyati)
Dạ Xoa **Tất Đà Phất Đa La** (Siddhapātra) ở nước **Bà Lộc Kha Na** (Śrughna)
Dạ Xoa **Bà Thâu Na** (Sthūla) ở nước **Bà Thâu Na** (Sthūla)
Hai Dạ Xoa **Tăng Già Ba La** [Đời Lương nói là *Sư Tử Lực Hổ Lực.*Theo người dịch là **Siṃha-vyaghra-bala** (Hổ Lực Sư Tử Lực) và **Mahā-siṃha-bala** (Đại Sư Tử Lực)] ở nước **Câu Để Ba Lý Sa** (Koṭivarṣa)
Dạ Xoa **Ma Ha Tiên Na** (Mahā-sena) ở nước **A Ma La Bất Lam Xà Da** (Parapurañjaya)
Dạ Xoa **Phất Ba Đàn Đa** (Puṣpa-danta) ở nước **Chiêm Ba** (Caṃpā)
Dạ Xoa **Ma Già Đa** (Māgada) ở **Ngũ Sơn** (?Giribhraja)
Dạ Xoa **Cồ Du Cồ** (Goyoga), Dạ Xoa **Cụ Bà Đô** (?Parvata), Dạ Xoa **Tu Đồ Na** (Suṣana) ở nước **Già La** (Nāgara: Đời Lương nói là *Na Kiệt*)

Dạ Xoa **Tỳ La Bà Ha** (Vīra-bāhu) ở nước **Bà Chỉ Đa**(Sāketa)

Dạ Xoa **Tu Khả Bà Ha** (Sukhāvaha) ở nước **Cả Để** (Kākandī)

Dạ Xoa **A Na Phất A Na Da Bà Dạ** () ở nước **Cao Sam Tì** (Kauśāmbi)

Dạ Xoa **Bạt Đà Lợi Kha** (Bhadrika) ở nước **Bạt Đà Lợi Kha** (Bhadrikā)

Dạ Xoa **Bộ Đa Mộc Kha** (Bhūta-mukha) ở nước **Ba Đa Lợi Phất Đa La** (Pāṭaliputra)

Dạ Xoa **A Thâu Kha** (Aśoka) ở nước **Ỷ Cả Giả** (Kāṃli)

Dạ Xoa **Kha Diêm Kha Đa** (Kaṭaṃkaṭa) ở nước **Am Bà Đa** (Ambaṣṭha)

Dạ Xoa **Tất Thái** (Siddhārtha) ở nước **A La Kha** (?Bharukaccha)

Dạ Xoa **Nhĩ Lý Đầu Cá** (?Mandaka) ở nước **Thị Đan Xà Da** (Ajitaṃjaya)

Dạ Xoa **Vẫn Xà Chỉ Xá** (Muñja-keśa) ở nước **Ác Già Lũ Đà Giới** (Agrodaka)

Dạ Xoa **Ma Ni Kha Ma Na** (Maṇi-kānana) ở nước **Tiên Phả Bà** (Saindhava)

Dạ Xoa **Tì Cả Đa Cả Đa** (Maṇi-kānana), Dược Xoa **Kha Bỉ La** (Kapila) đều ở nước **Bạt Bà Thăng** (Vastu)

Dạ Xoa **Kiền Tha La Giới** (Gāndhāra) ở nước **Tì Dĩ Lý Để Giới** (Naikṛtika)

Dạ Xoa **Đọa La Giới** (Dvāraka), Dạ Xoa **Ni La Da** (Nilaya), Dạ Xoa **Phụ Lâu Bà** (?Vairaṭaka), Dạ Xoa **Vị Trà Ma** (?Madhyema), Dạ Xoa **Dĩ Da Tao** (Khyata), Dạ Xoa **Bạt Đà La Trì** (Bhadreya), Dạ Xoa **Ma Ha Da Xá** (Mahāyaśa) đều ở nước **Tì Đầu La Bất La** (?Sālapura)

Dạ Xoa **Diệm Bà Giới** (Jambhaka) ở nước **Ma Lâu Bộ Nhĩ** (Marubhūmi)

Dạ Xoa **Tì Cả Đa** (Vikaṭa) ở nước **Tần Đà Kha Đa** (Vṛndakaṭa)

Dạ Xoa **Đề Bà Sam Ma** (Devaśarma) ở nước **Tỳ Ma Ni Giới** (Vaimānika)

Dạ Xoa **Mạn Đà La** (Mandara) ở nước **Ưu Đà La Đà** (Udarada)

Dạ Xoa **Ba La Bằng Cả** (Prabhaṃkara) ở nước **Kiếp Tân** (Kaṣmīra)

Dạ Xoa **Chiêm Ba Kha** (Candaka) ở nước **Xà Đa Tu La** (Jaṭāpūra)

Dạ Xoa **Bát Chi Giới** (Pāñcika) ở nước **Kiếp Tân** (Kaṣmīra) có 500 người con có đại quân đại lực. Vị đứng đầu hếtt tên là **Bát Chỉ Giới** (Pāñcika) ở đất **Chỉ Na** (Cīna-bhūmi) [Chỉ Na tức đất bậc trung bậc hạ]

Dạ Xoa **Sa Can Dã** (Skandākṣa: Đời Lương nói là *Vô Biệt Đầu Tính Cao Thức*. Theo bản dịch khác là *Kiên Mục*) ở đất **Tu Đa La**

Uất Đa Ba Đà (Đời Lương nói là *Lạc Đà Túc*) ở nước **Cưu Trần Đà**

Dạ Xoa **Mạn Đà La** (Maṇḍala) ở nước **Mạn Đà La Bà Na** (Maṇḍalāsana)

Lãng Chỉ Bà La (Laṅkeśvara: Đời Lương nói là *Kiên Tự Tại*) ở nước **Ca Tì Ni** (Kāpiśī)

Ma Lý Chi (Mārīcī: Đời Lương nói là *Quang Minh*. Theo người dịch là *Dương Diễm, Uy Quang, Tích Quang*) ở nước **La Ma Khởi La** (Rāmakākṣī)

Thát Ma Ba Ma (Dharmapāla: Đời Lương nói là *Thủ Pháp*. Theo người dịch là *Hộ Pháp*) ở nước **Ca Xá** (Khāsa)

Dạ Xoa **Ma Ha Bộ Xã** (Mahābhuja: Đời Lương nói là *Đại Kiên*. Theo người dịch là *Đại Tý*) ở nước **Ca Xá** (Khāsa)

Tỳ Sa Môn Vương Tử **Đỗ Na Lý Đa Bà** (Đời Lương nói là *Hữu Cát*) có một ức Dạ Xoa vây quanh, ở nước **Khả La**

Dạ Xoa **Bà Đa Kì Lê** (Sātāgiri), Dạ Xoa **Hề Ma Bà Đa** (Haimavata) đều ở nước **Tân Đầu Bà Già Ly** (Sindhu-sāgara)

Dạ Xoa **Để Lý Thủ La Ba Ni** (Triśulapāla) ở nước **Để Lý Phu Na** (Tripura)

Dạ Xoa **Ba La Mạt Đà Na** (Pramardana) ở nước **Ca Lăng Già** (Kaliṅga)

Dạ Xoa **Bát Già La Chiên Đà** (Pañcālagaṇḍa) ở nước **Đà La Mĩ Đà** (Dramida)

Dạ Xoa **Đà Ly Xa La** (Dhaneśvara: Đời Lương nói là *Tài Vật Tự Tại*) ở nước **Sư Tử** (Siṃhala)

Dạ Xoa **Thúc Ca La Mộc Kha** (Śukra-mukha: Đời Lương nói là *Bạch Diện*) ở trong rừng

Dạ Xoa **Căng Ca La** (Kiṅkara: Đời Lương nói là *Hà Sở Tác*) ở nước **Ba Đa La** (Pātala)

Dạ Xoa **Ba La Phả Bà La** (Prabhāsvara: Đời Lương nói là *Tối Quang Minh*Theo người dịch là *Quang Âm*) ở nước **Đà Lợi** (Puṇḍarīka: Đời Lương nói là *Phân Đà Lợi*)

Dạ Xoa **Tô My La** (Śamila) ở nước **Già Ma La**

Dạ Xoa **Ba La Bạng Cả La** (Prabhakara: Đời Lương nói là *Tác Quang Minh*) ở nước **Ưu La Xá**

Dạ Xoa **Băng Già La** (Piṅgala) ở nước **A Ma Lợi Ma** (Ambulima)

Dạ Xoa **Bạt Loa Xã** (Vaccaḍa) ở rừng **Bà Lô Đọa** (Vaccaḍādhāna)

Dạ Xoa **Ma Đa Lợi** (Mātali) ở nước **Ca Ba Đà** (Kāmada)

Dạ Xoa **Tẩu Ba La Phật Đà** (Prabuddha: Đời Lương nói là *Thiện Kiến*. Theo bản khác là *Cực Giác*) ở nước **Phất Để Lợi Ba Trí** (Putrīvaṭa)

Dạ Xoa **Na La Cưu Bà La** (Nalakūvala) ở nước **Kha Tì Thi** (Kamiśi)

[? Thiếu Dạ Xoa **Bát La Thiết La** (Pārāśara)] ở nước **Ba La Đa** (Pārata)

Dạ Xoa **Thương Kha La** (Śaṃkara) ở nước **Bà Hà Bà Tha Na** (Śakasahāna)

Dạ Xoa **Tỳ Ma Chất Đa La** (Vimacitra) ở nước **Ba La Bà** (Vāhlīka)

Dạ Xoa **Băng Già La** (Piṅgala) ở nước **Cả Đa Kha** (Ketaka)

Dạ Xoa **Giới Na Mộc Kha** (Pūrṇa-mukha: Đời Lương nói là *Mãn Diện*) ở nước **Phần Na Bạt Tha Na** (Puṇḍavarddhana)

Dạ Xoa **Cả La Đa** (Karāḍa) ở nước **Ô Triền** (Uḍuyānaka)

Dạ Xoa **Mạn Đầu Đà La** (Kumbhodana) ở nước **Cao Bà La** (Kośala)

Dạ Xoa **Ma Kha La Đọa Xà** (Makara-dhvaja) ở nước **Ma Lâu** (Maru)

Dạ Xoa **Chất Đa La Tiên Na** (Citrasena: Đời Lương nói là *Chủng Chủng Quân*) ở nước **Bộc Kha Na** (Vokkāṇa)

Dạ Xoa **La Bà Na** (Rāvaṇa: Đời Lương nói là *Bích Sắc*) ở nước **La Ma Tha** (Ramatha)

Dạ Xoa **Băng Gia La** (Piṅgala) ở nước **Bà La Tử Da** (Rāsīna)

Dạ Xoa **Ba Lý Da Trì Lý Xá Na** (Priya-darśana: Đời Lương nói là *Lạc Kiến*) ở nước **Tất Để Da** (Patnīya)

Dạ Xoa **Kim Tỳ La** (Kumbhīra) có ức vạn Dạ Xoa vây quanh, ở thành **Vương Xá** (Rājagṛha)

Dạ Xoa **Cồ Ba La** (Gopāla), ở nước **A Để Kha Bất La** (Ahicchatra)

Dạ Xoa **Nan Đề** (Nandī: Đời Lương nói là *Hoan Hỷ*) ở nước **Nan Đề** (Nandi-nagara)

Dạ Xoa **Bà Lợi Dạ** (Prīya), ở nước **Già Lam Cồ Sa** (Saṃghārāma-ghoṣa)

Dạ Xoa **Tỳ Sa Môn** (Vaiśravaṇa) có một ức quân Dạ Xoa vây quanh, ở nước **Đề Bà Bà Đa La Na**, thường ở tại thành **A Đa Bàn Đa** (Aḍakavatī). Các **Thần Thông Quân Chủ Đại Lực Dạ Xoa** này thường hay hàng phục Oán Địch, không ai có thể thắng được, có tiếng tăm lớn, thường cùng với chư Thiên chiến đấu với A Tu La. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này thường gia hộ, nguyện sống trăm tuổi.

Nói **Chú** như vầy:

"A kha trí, tì kha trí, ha la ni, ha la ni, tha la ni, tha la ni, húc sí húc sí, bộc sí bộc sí, ha na, ha na, ha na, ha na, ha na, ha na, ha na, ha na, ha na, ha na

Oan Gia của tôi (họ tên…) đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha

Chẳng nhiêu ích cho tôi: ba già, ba già, ba già, ba già, ba già, ba già, ba già, ba già, ba già, ba già

Cừu thù của tôi: đầu đầu đầu đầu đầu đầu đầu đầu đầu đầu

Chẳng nhiêu ích cho tôi: ha ha ha ha ha ha ha ha ha ha

xà trí, xà trí, xà trí, xà trí, xà trí, xà trí, xà trí, xà trí, xà trí, xà trí

Nguyện trừ Oan Gia của tôi: trửu lậu, trửu lậu, trửu lậu, trửu lậu, trửu lậu, trửu lậu, trửu lậu, trửu lậu, trửu lậu, trửu lậu

hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi

di lợi, nhĩ lợi, nhĩ lợi, nhĩ lợi, nhĩ lợi, nhĩ lợi, nhĩ lợi, nhĩ lợi, nhĩ lợi, nhĩ lợi

phẩu lậu, phẩu lậu, phẩu lậu, phẩu lậu, phẩu lậu, phẩu lậu, phẩu lậu, phẩu lậu, phẩu lậu, phẩu lậu

chỉ để, chỉ để, chỉ để, chỉ để, chỉ để, chỉ để, chỉ để, chỉ để, chỉ để, chỉ để

Thích sí, mật sí, chức sí, bạc sí, thỉ lý bạt đà ly, vong già ly, tam mạn đà bạt đà ly, tát bà la tha bà tha nị, kha ma ly, tỳ ma ly, chiên đà la ba la thí, tu lợi can trí, đàm tỳ, đồ đàm, ba la dưỡng kha

[Akaṭṭe, vikaṭṭe, hariṇi, hāriṇi, dhāraṇi dhāraṇi, hukke hukke, vukke vukke, hana hana, hana hana, hana hana, hana hana, hana hana

Oan Gia của tôi (họ tên…) daha daha, daha daha, daha daha, daha daha, daha daha

Chẳng nhiêu ích cho tôi: paca paca, paca paca, paca paca, paca paca, paca paca

Cừu thù của tôi: dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu

Chẳng nhiêu ích cho tôi: ha ha ha ha ha ha ha ha ha ha

jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi

Nguyện trừ Oan Gia của tôi: culu culu, culu culu, culu culu, culu culu, culu culu

Hili hili, hili hili, hili hili, hili hili, hili hili

Mili mili, mili mili, mili mili, mili mili, mili mili

Phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru

Ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi

Hikke, mikke, cikke, vikke, śrī, bhadre maṃgalye, samanta-bhadre, sarvarthā sādhani, amale, vimale, candra-prabhe, sūryakānte, duve, dodumbe, priyaṅkare, svāhā]

Nguyện hộ giúp tôi (họ tên…) với quyến thuộc của tôi. Nguyện sống trăm tuổi

KINH KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ
QUYỂN THƯỢNG (Hết)

Mật Tạng Bộ 2_ No.984 (Tr.452_Tr.459)

KINH KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ
QUYỂN HẠ

Hán dịch: Đời Lương_ Phù Nam Tam Tạng TĂNG GIÀ BÀ LA (Saṃghavarman, hoặc Saṅghapāla)

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Sưu tập Phạn Chú: HUYỀN THANH

_ Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của 28 vị **Dạ Xoa Đại Quân Chủ**, thủ hộ mười phương quốc thổ.

.) A Nan! Phương Đông có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở phương Đông, thường thủ hộ phương Đông. Các vị ấy tên là:

Địa Ha (Dīrgha: Đời Lương nói là *Trường*. Bản khác nói là *Đại Trường*)

Tu Niết Đa La (Sunetra: Đời Lương nói là *Thiện Căn*. Bản khác nói là *Diệu Mục*)

Giới Na Kha (Pūrṇaka: Đời Lương nói là *Mãn*. Bản khác nói là *Viên Mãn*)

Ca Tì La (Kapila: Đời Lương nói là *Hoàng Sắc*)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, ủng hộ tôi (họ tên…). Nguyện sống trăm tuổi

.) A Nan! Phương Nam có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở phương Nam, thường thủ hộ phương Nam. Các vị ấy tên là:

Tăng Già (Siṃha: Đời Lương nói là *Sư Tử*)

Ưu Ba Tăng Già (Upasiṃha: Đời Lương nói là *Sư Tử Tử*. Bản khác nói là *Tiểu Sư Tử*)

Thường Khởi La (Śañkhara: Đời Lương nói là *Loa*)

Chiên Đà Na (Candana: Đời Lương nói là *Chiên Đàn*)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường ủng hộ tôi. Nguyện sống trăm tuổi

.) A Nan! Phương Tây có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở phương Tây, thường thủ hộ phương Tây. Các vị ấy tên là:

Ha Lợi (Hari: Đời Lương nói là *Sư Tử*)

Ha Lợi Chỉ Xá (Upasiṃha: Đời Lương nói là *Sư Tử Phát*. Bản khác nói là *Sư Tử Kế*)

Ba La Phó (Prabhū: Đời Lương nói là *Tự Tại*)

Băng Già La (Piṅgala: Đời Lương nói là *Thương Sắc* tức màu cỏ xanh biếc. Bản khác nói là *Thanh Sắc*)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường ủng hộ tôi. Nguyện sống trăm tuổi

.) A Nan! Phương Bắc có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở phương Bắc, thường thủ hộ phương Bắc. Các vị ấy tên là:

Đà La Na (Dharaṇa: Đời Lương nói là *Trì*. Bản khác nói là *Năng Trì*)

Đà La Nan Đà (Dharananda: Đời Lương nói là *Hoan Hỷ*. Bản khác nói là *Trì Hỷ*)

Uất Dữu Già Ba La (Udyogapāla: Đời Lương nói là *Cần Thủ*. Bản khác nói là *Cần Hộ*)

Biệt Già Na (Viṣṇu: Đời Lương nói là *Vi*. Bản khác nói là *Thiên Danh*)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường ủng hộ tôi. Nguyện sống trăm tuổi

.) A Nan! Bốn góc có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở bốn góc, thường thủ hộ bốn góc. Các vị ấy tên là:

Bát Chỉ Kha (Pāñcika: Đời Lương nói là *Ngũ*. Bản khác nói là *Hữu Ngũ*)

Bát Già La Chiên Đàn (Pāñcālagaṇḍa: Đời Lương nói là *Ngũ Khả Úy*. Bản khác nói là *Ngũ Xứ*)

Bà Đa Kì Lê (Sātāgiri: Đời Lương nói là *Thất Sơn Chủ*. Bản khác nói là *Bình Sơn*)

Hề Già Bà Đa (Haimavata: Đời Lương nói là *Tuyết Sơn Chủ*. Bản khác nói là *Tuyết Sơn*)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường ủng hộ tôi. Nguyện sống trăm tuổi

.) A Nan! Bốn phương dưới có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở bốn phương dưới, thường thủ hộ bốn phương dưới. Các vị ấy tên là:

Bộ Ma (Bhūma: Đời Lương nói là *Địa*)

Tu Bộ Địa (Subhūma: Đời Lương nói là *Thiện Địa.* Bản khác nói là *Diệu Địa*)

Kha La (Kāla: Đời Lương nói là *Hắc*)

Ưu Ba Kha La (Upakāla: Đời Lương nói là *Tiểu Hắc*)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường ủng hộ tôi. Nguyện sống trăm tuổi

.) A Nan! Bốn phương trên có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở bốn phương trên, thường thủ hộ bốn phương trên. Các vị ấy tên là:

Tô Ma (Soma: Đời Lương nói là *Nguyệt.* Bản khác nói là *Nguyệt Thần*)

Tu Lợi (Sūrya: Đời Lương nói là *Nhật.* Bản khác nói là *Nhật Thần*)

Ác Kì Ni (Agni: Đời Lương nói là *Hỏa.* Bản khác nói là *Hỏa Thần*)

Bà Dũ (Vāyu: Đời Lương nói là *Phong.* Bản khác nói là *Phong Thần*)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường ủng hộ tôi. Nguyện sống trăm tuổi

_ Này A Nan nên chọn lấy tên gọi của **Thiên Quân Chủ** là các anh em của **Tỳ Sa Vương** (Vaiśravaṇa-rāja), thường thủ hộ chúng sanh, trừ bỏ tai hại tất cả não loạn của Thế Gian, vì nhiếp thọ Thế Gian mà đi vòng khắp Thế Gian. Các vị ấy tên là:

Nhân Đà La (Indra: Đời Lương nói là *Đế Thích*)

Tô Ma (Soma: Đời Lương nói là *Nguyệt*)

Bà Lâu Na (Varuṇa: Đời Lương nói là *Long.*Theo người dịch là *Thủy Thiên*)

La Xà Ba Để (Prajāpati: Đời Lương nói là *Chủ Thế*)

Pha La Đọa Xà (Bharadvāja: là **Tính**)

Y Xa Na (Īśaṇa: Đời Lương nói là *Tự Tại*)

Chiên Đà Na (Candana: Đời Lương nói là *Chiên Đàn*)

Kha Ma Thí Ly Sa Đa (Kāma-śreṣtha: Đời Lương nói là *Thắng Dục*)

Dĩ Ni Diên Xoa (Kunikaṇṭha: Đời Lương nói là *Linh Thanh, tiếng chuông*)

Ni Diên Tha Kha (Nikaṇṭhaka: Đời Lương nói là *Vô Oán*)

Ba Lợi Ma Ni (Vadirm-maṇi: Đời Lương nói là *Châu Lực, sức của viên ngọc*)

Ma Ni Già La (Māṇicara: Đời Lương nói là *Châu Hạnh*)

Ba La Na Đà (Praṇāda: Đời Lương nói là *Đại Thanh, tiếng lớn*)

Ưu Ba Bát Chỉ Cả (Upapañcika: Đời Lương nói là *Tiểu Ngũ*)

Bà Đa Kì Lê (Sātāgiri: Đời Lương nói là *Thất Sơn*)

Hề Ma Bà Đa (Haimavata: Đời Lương nói là *Tuyết Sơn Chủ*)

Giới Na Kha (Pūrṇaka: Đời Lương nói là *Mãn*)

Kha Đà La Cổ Tì Đà (Khadira-kovida: Đời Lương nói là *Thụ Danh, tên gọi của cái cây*)

Cồ Ba La (Gopāla: Đời Lương nói là *Thủ Địa.* Theo người dịch là *Hộ Ngưu*)

A Đa Ba Kha (Āṭavaka: Đời Lương nói là *Lâm, khu rừng*. Theo người dịch là *Khoáng Dã Thần*)

Na La La Xà Xã Na Lý (Nārarāja-jinārgabha: Đời Lương nói là *Chúng Ngưu Vương*. Theo người dịch là *Nhân Vương Thắng Chủ Tạng*)

Bát Già La Chiên Đà (Pāñcālagaṇḍa: Đời Lương nói là *Khả Úy*)

Tu Mộc Kha (Sumukha: Đời Lương nói là *Thiện Ý*)

Chất Đa La Tiên Na Càn Thát Bà (Citrasena-gandharva: Đời Lương nói là *Chủng Chủng Kỹ Nhạc*)

Để Lê Phả Lý (Triphalī: Đời Lương nói là *Tam Quả*)

Để Lý Can Kha Đa (Catrikaṇṭhaka: Đời Lương nói là *Tam Thứ*)

Trì La Kha Thích Để Ma Đa Lợi (Dīrgha-śakti-mātali : Đời Lương nói là *Điều Trường Sóc*)

Đại Dạ Xoa này tổng lãnh các Quân, có sức Thần Thông, có quang minh, danh tiếng đều là anh em của Tì Sa Vương. Đức vua thường nhắc nhở dạy bảo các Dạ Xoa thường gây phiền não cho kẻ khác chẳng buông tha này. Anh em của Tì Sa Vương dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm năm. Nguyện thủ hộ khi tranh đấu đánh nhau. Nguyện thủ hộ khi bị Người, Trời thâu bắt

Khi bị hàng **Trời** (Deva)**, Rồng** (Nāga)**, A Tu La** (Asura)**, Ma Lâu Đa** (Maruta)**, Già Lâu Đa** (Garuḍa)**, Càn Thát Bà** (Gandharva)**, Khẩn Na La** (Kiṃnara)**, Ma Hầu La Già** (Mahoraga)**, Dạ Xoa** (Yakṣa)**, La Sát Bà** (Rākṣasa)**, Ba Ly Đa** (Preta)**, Tì Thiết Già** (Piśāca)**, Bộ Đa** (Bhūta)**, Cưu Bàn Trà** (Kuṃbhaṇḍa)**, Phú Đa Na** (Putana)**, Kha Đa Phú Đa Na** (Kaṭaputana)**, Sa Vu Đà** (Skanda)**, Oán Ma Đà** (Unmāda)**, Xa Da** (Cchāya)**, A Cụ Bà Ma La** (Apasmāra), **Uất Đa La** (Ostakara), **Nặc Khí Đa La** (Nakṣatra), **Ly Ba** (Ripu) …thâu bắt. Nguyện thường ủng hộ.

Loài ăn hơi thở, loài ăn bào thai, loài ăn máu với màng mỡ ở ruột, loài ăn thịt. Loài ăn: Thọ Mạng, bụi cây, hương, hoa, tóc, mọi loại hoa quả với thứ thiêu đốt trong lửa. Nguyện xin thủ hộ.

Sự Nghiệp Kha Cô La Đà, Yểm Quỷ, Kị Nhân Quỷ, Hoán Nhân Quỷ, Khởi Phong Quỷ, Sứ Quỷ, Khởi Thi Quỷ, Dị Thanh Quỷ, Binh Quỷ, Ác Thực, Ác Thóa, Ác Ảnh, Ác Kiến, Ác Thư, Ác Độ. Từ sự kinh sợ này, giặc cướp, nước, lửa, quân cơ, chết không đúng thời, động đất, cọp, sói, oan gia…Nguyện đều tiêu trừ mọi sự đáng sợ như vậy.

Đau đầu, chẳng ăn được. Tai, mắt, lưỡi, miệng, răng nanh, răng, cổ, gò má, tim, ngực, cần cổ, hông sườn, bụng, lưng, bắp chân, bắp vế, bàn tay, bàn chân, thân thể, tất cả chi tiết…các chỗ đau nhức như vậy, nguyện đều tiêu trừ.

Hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, 15 ngày…ngày tháng Thiên Thời gây ra bệnh nóng lạnh với bệnh do Quỷ làm, bệnh do gió lạnh hòa hợp với Đàm Ẩm gây ra. Tất cả bệnh đau nhức với sự độc ác đáng sợ…. đấy là oán hờn của tôi, một thời nguyện đều tiêu diệt.

_ Này A Nan! Mười hai vị Đại Nữ Quỷ thường thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Thế nào là mười hai? Tên ấy như vầy: **Lam Bà** (Lambā), **Tỳ Lam Bà** (Vilambā), **Bà La Lam Bà** (Pralambā), **Ưu Lam Bà** (Olambā), **Ha Lê Để** (Hārīti), **Ha Lê Chỉ Thỉ** (Harikeśi), **Ha Lê Băng Già La** (Haripiṅgala), **Kha Lê** (Kāli), **Kha La Lê** (Karalī), **Cam Bộc Kì Lê Bà** (Kambugrīvā), **Kha Dĩ** (Kākī), **Kha La Thu Đà Lợi** (Kalaśodakī)

Mười hai vị Đại Nữ Quỷ này có ánh sáng, tiếng tăm, Thần Thông, có Đại Lực , thường cùng với **Đề Bà** (Deva: hàng Trời), A Tu La đánh nhau. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

_ Này A Nan! Lại có tám vị Đại Nữ Quỷ thường thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Thế nào là tám? Tên ấy như vầy: **Ma Đà Ma Đà Na** (Madā-madanā), **Ma Thoát Kha Đa** (Madotkaṭā), **Ưu Ba Ma Đà** (Upamadā), **Ba Lê Để** (Pretī), **Ưu Xà Ha Lê** (Ojāhāri), **Ưu Xà Ha Lê Ni** (Ojāhārinī), **A Xá Ni** (Asanī), **Già La Bà Ni** (Girasanī)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

_ Này A Nan! Lại có bảy vị Đại Nữ Quỷ thường ăn máu thịt và tiếp chạm gây phiền não cho con người, thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Thế nào là bảy? Tên ấy như vầy: **Ác Già Lô Trì Kha** (Agroṭikā), **Lạc Khởi Để Ca** (Rakṣitika), **Chất Đa La Tỳ Thiết Chỉ Kha** (Citripiśācikā), **Phần Na Bạt Trĩ Lý Kha** (Pūrṇa-bhadrikā), **Ác Kì Ni Lạc Khởi Đế Ca** (Agni-rakṣitikā), **Mật Đa La Kha** (Mitra-kālikā), **Lý Cá Lý Sử Khởi Để Ca** (Ṛṣi-rakṣitikā)

Bảy vị Đại Nữ Quỷ này có ánh sáng, tiếng tăm, Thần Thông, thường cùng với **Đề Bà** (Deva: hàng Trời), A Tu La đánh nhau. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

_ Này A Nan! Lại có năm vị Đại Nữ Quỷ thường thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Thế nào là năm? Tên ấy như vầy: **Quân Noa A** (Kuṇṭhā), **Để Quân Sĩ** (Nikuṇṭhā), **Nan Đà** (Naṃdā), **Tần Tế La** (Viṣṇulā), **Ca Tì** (Kapilā)

Năm vị Đại Nữ Quỷ này có ánh sáng, tiếng tăm, Thần Thông. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

_ Này A Nan! Lại có tám vị Đại La Sát Nữ uống máu, ăn thịt, tiếp chạm gây phiền não cho con người, thường thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Thế nào là tám? Tên ấy như vầy: **Mưu Ha** (Mohā), **A Thỉ Ma** (Susīmā), **Đẳng Cưu Thích Khí** (Kuśākṣī), **Chỉ Thỉ Ni** (Keśanī), **Cam Bồ Thị** (Kambojī), **A Mật Đa La** (Sumītrā), **Lỗ Hỉ Đa Đà** (Lohitākṣī), **Kha La La** (Kātarā)

Quỷ này uống máu, ăn thịt, thường chọn lấy Đồng Nam Đồng Nữ với nhà có người mới sinh đẻ, luôn đi theo con người, hoặc vào nơi trống vắng, hoặc kên tên gọi của con người, luôn hút Tinh Khí của con người, không có Tâm Từ Bi, rất ư đáng sợ.

Tám vị Đại La Sát Nữ này có ánh sáng, Thần Thông. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

_ Này A Nan! Lại có mười vị Đại La Sát Nữ thường thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Thế nào là mười? Tên ấy như vầy: **Ha Lê Để** La Sát Nữ (**Harītī**-rākṣasī), **Nan Đà** La Sát Nữ (**Nandā**-rākṣasī), **Sát Băng Già La** La Sát Nữ (**Piṅgalā**-rākṣasī), **Thường Khởi Ni** La Sát Nữ (**Saṃkhinī**-rākṣasī), **Kha Lý Cá** La Sát Nữ (**Kālikā**-rākṣasī), **Đề Bà Mật Đa La** La Sát Nữ (**Devamitrā**-rākṣasī), **Quân Đa** La Sát Nữ (**Kunta**-rākṣasī ? Kuṃbhaṇḍā-rākṣasī), **Quân Đa Đường Tỉ Đa** La Sát Nữ (**Kunta-daṃṣṭrā**-rākṣasī: Đời Lương nói là *Bạch Nha*), **Lam Tì Cá** La Sát Nữ (**Lambikā**-rākṣasī), **A Na La** La Sát Nữ (**Analā**-rākṣasī).

Mười vị Đại La Sát Nữ này có ánh sáng, Thần Thông. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

_ Này A Nan! Lại có mười hai vị Đại La Sát Nữ. Thế nào là mười hai? Tên ấy như vầy: **A Na Để Lý Cá** La Sát Nữ (**Anāsikā**-rākṣasī), **Tam Vật Đà La** La Sát Nữ (**Samudrā**-rākṣasī), **Lão Nại Lý** La Sát Nữ (**Raudrā**-rākṣasī), **Ba La Na Đà** La Sát Nữ (**Prāṇahāriṇī**-rākṣasī), **Bật Đà Thí La** La Sát Nữ (**Vidyādharā**-rākṣasī), **Tha Thố Thí La** La Sát Nữ (**Dhanurdharā**-rākṣasī), **Xa La Đà La** La Sát Nữ (**Śaradharā**-rākṣasī), **Đà Tử Đà La** La Sát Nữ (**Aśidharā**-rākṣasī), **Chước Kha La Đà La** La Sát Nữ (**Cakradharā** -rākṣasī), **Chước Kha La Bà Đà** La Sát Nữ (**-Cakravāḍā**-rākṣasī),

Tì Bì Tỉ Na La Sát Nữ (**Vibhīṣaṇā**-rākṣasī:[**Đan Bản** ghi chú: thiếu một tên nữ nên dịch khác là **Khả Úy La Sát Nữ**). [Theo người dịch thì tên vị La Sát Nữ bị thiếu là **Trì Lê** La Sát Nữ (Haladharā-rākṣasī)]

Mười hai vị Đại La Sát Nữ này dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú**, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

_ Này A Nan! Lại có mười hai vị Quỷ Mẫu thường tiếp chạm gây phiền não cho chúng sanh. Thế nào là mười hai? Tên ấy như vầy: **Bà La Mĩ** (Brāhmī), **Lưu Trì Lợi** (Raudrī), **Cao Ma Lợi** (Kaumārī), **Tỳ Sa Na Tì** (Vaiṣṇavī), **Y Trì Lợi** (Aindrī), **Bà La Hỉ** (Vārāhī), **Cao Bà Lợi** (Kauverī), **Bà Lâu Ni** (Vāruṇī), **Dã** (Yamyā), **Bà Diệp Bà Dạ** (Vāyuvyā), **Ni Kì Ni Dạ** (Āgneyī), **Ma Ha Kha Lợi** (Māhā-kālī)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

- Này A Nan! Lại có một vị **Đại Bỉ Sa Chỉ La Sát Phụ**, trụ ở bên bờ biển, nghe mùi máu cách xa tám vạn dặm, một đêm đi vòng quanh, thường thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

Tên vị ấy là: [?**Nhất Kế** (Ekajaṭā)]

" Ha ly, kha ly, khâu ly, ma ly, nhĩ ly, mẫu ly, mạt trí, mạn trì để sí, hống lâu hống lâu hống lâu hống lâu, lậu lậu lậu lậu, nhĩ lợi nhĩ lợi nhĩ lợi, tát tử để tát tử để tát tử để. Hộ giúp tôi (họ tên…) với quyến thuộc, sa ha"

[Hare, khare, khure, male, mile, mule, matte, maṇḍintike, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, miḍi miḍi, svasti, svasti, svasti, svasti. Hộ giúp tôi (họ tên…) với quyến thuộc svāhā]

_ Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của Đại La Sát Nữ. Tên ấy như vầy:

1_ **Ca Bỉ La** (Kapilā)
2_ **Ba Đầu La** (Padumā)
3_ **Ma Hi Sử** (Mahiṣī)
4_ **Mao Lợi Cá** (Morikā)
5_ **Đa Để Cá** (Nāḍikā)
6_ **Tọa La Na** (Jvalanī)
7_ **Tỳ Ma La** (Vimalā)
8_ **Đà La Ni** (Dharaṇī)
9_ **Ha Lý Chiên Đà La** (Hariścandrā)
10_**Lũ Hỉ Ni** (Rohinī)
11_ **Ma Lê Chỉ** (Mārīcī)
12_**Hống Đa Nê Ni** (Hutāśanī)
13_**Bà Lâu Ni** (Vāruṇī)
14_**Kha Lợi** (Kalī)
15_ **Kha Lôn Chí** (Kuñjā)
16_ **Bà La** (Valā)
17_**Già La Bà Ni** (Grasanī)
18_**Kha La Lợi** (Karālī)
19_**Ma Đăng Kì** (Mataṅgī)
20_**Băng Già La** (Piṅgalā)
21_**Bàn Thâu La** (Vidurā)

22_**Cồ Lợi** (Gaurī)
23_**Kiền Tha Lợi** (Gandhārī)
24_ **Cưu Mạn Địa** (Kumbhaṇḍī)
25_**Kha Lang Kí** (Kāraṅgī)
26_**Ba La Ni** (Rāvaṇī)
27_**Ma Đà Ni** (Madanī)
28_**A Xa Ni** (Aśanī)
29_**Yết Bà Ha Lê Ni** (Garbhāhāriṇī)
30_**Lâu Trì La Ha Lê Ni** (Rudhirāhāraṇī)
31_**Đàn Lâu La** (Danturā)
32_**Uất Đa La Bà Ni** (Uttrāsanī)
33_**Ha Bà Lý Kha** ()
34_**Bà La Mĩ** (Brāhmī)
35_ **Đa Đa Kha Ba Lợi** (Taḍāgapālinī)
36_**Bạt Xà La Đà La** (Vajradharā)
37_ **Bà Can Đà** (Skandā)
38_**Đa Mĩ La** (Tapanī)
39_**Bà Lợi Sa Ni** (Varṣaṇī)
40_**Yết Xà Ni** (Garjjanī)
41_**Bà Phủ Đa Ni** (Sphoṭanī)
42_**Bật Đệ Dữu Đa Ni** (Vidyotanī)
43_**Thưởng Già Ma** (Jaṅgamā)
44_**Uất La Kha Mẫu Khởi** (Ulkāmukhī)
45_ **Bà Tuyên La Tha** (Vasudharā)
46_**Cả La Lại Để Lý** (Kālarātrī)
47_**Dã Ma Đầu Để** (Yamadūtī)
48_**A Bà La** (Amalā)
49_**Xa Bà La** (Acalā)
50_ **Uất Nọa Ha Xà Đa** (Urddhajaṭa)
51_**Xả Đa Bà Hống** (Śatabāhu)
52_**Xả Đa Niết Đa La** (śatanetrā)
53_**Già Đa Ni** (Ghātanī)
54_**Mạt Đà Ni** (Mardanī)
55_**Mạt Xà Lợi** (Mārjārī)
56_**Tì Lạc Khởi**
57_**Ni Xả Già Lê** (Niśacarā)
58_**Địa Bà Sa Già Lợi** (Divaśacarā)
59_**Mạn Địa Để Cả** (Maṇḍitikā)
60_**Cả La Tha Na** (Krodhanā)
61_**Tì Hề Tha Ni** (Viheṭhanī)
62_**A Tử Mẫu Bà La Tha La** (Aśimuṣaladharā)
63_**Để Lý Thủ La Ba Ni** (Triśūlapāṇī)
64_**Đa Ma** (Somā)
65_**La** (?Vanta)
66_**Cả La Đàn Để** (Karāla-dantī)
67_**Ma Nộ La Ma** (Manoramā)
68_**Đàn Đà** (Caṇḍā)
69_**Hi Trầm Ba** (Hitimbā)

70_**Ni La** (Nīlā)

71_**Chất Đa La** (Citrā)

Bảy mươi mốt vị Đại La Sát Nữ này có tiếng ăm, ánh sáng, sắc đẹp, Thần Thông, thường cùng với Đại Lực Đề Bà, A Tu La chiến đấu. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

Tên ấy như vầy:

"Hi lợi hi lợi, nhĩ lợi, đát đa đa bạt trí, bác sí bác sí, hô ly hô ly, đà la đà la, ha la ha la, già la già la, trửu lâu trửu lâu, sa ha

Na mạc tát bà phật đà na, sa ha

Bích Chi Phật Đà Nam, sa ha

A La Hán Đa Nam, sa ha

Mễ tỉ át tử dã (tức **Di Lặc** vậy) **bồ đà tát-phạ, sa ha**

Tát bà bộ địa tát đỏa nam, sa ha

A na kiềm mĩ nam, sa ha

Bà dĩ lê đa kiềm nhĩ nam, sa ha

Du lô đa bán na nam, sa ha

Tam miệu già đa nam, sa ha

Tam miệu ba la để bán na nam, sa ha

Bà la ma da, sa ha

Ba la xà ba đa dịch, sa ha

Y sa na da, sa ha

Ác gia na dịch, sa ha

Ba dã tì, sa ha

Bà lũ na da, sa ha

Dã ma da, sa ha

Ưu biên đà la da, sa ha

Tỳ sa la bà da, dược xoa địa ba đa dịch, sa ha

Đà lý đa lại đa la da, càn thát bà địa ba đa dịch, sa ha

Tì lâu tha kha da, cưu bàn trà địa ba đa dịch, sa ha

Tì lũ bác xoa gia, na già địa ba đa dịch, sa ha

Đề bà nam, sa ha

Na già nam, sa ha

A tu la nam, sa ha

Ma lâu đa nam, sa ha

Già lâu đa nam, sa ha

Càn thát bà nam, sa ha

Khẩn na la nam, sa ha

Ma hầu la già nam, sa ha

Dược xoa nam, sa ha

Lạc xoa na nam, sa ha

Bỉ ly đa nam, sa ha

Bỉ xá tra nam, sa ha

Bộ đa nam, sa ha

Cưu bàn trà nam, sa ha

Phú đa na nam, sa ha

Kha đa phú đa na nam, sa ha

Sa can đà nam, sa ha

Uần ma đà nam, sa ha

Xa Da nam, sa ha
A bối bà ma la nam, sa ha
Uất đa la kha na nam, sa ha
Chiên đà la, tu lý dụ nam, sa ha
Nặc sát đa la nam, sa ha
Già la ha na nam, sa ha
Thọ để sa nam, sa ha
Tì sa nam, sa ha
Lý sử nam, sa ha
Tất tha nam, sa ha
Tất tha bà la đa nam, sa ha
Tất tha bật đà da nam, sa ha
Cồ lý dịch, sa ha
Càn tha lý dịch, sa ha
Thưởng cầu lê dịch, sa ha
A nhĩ lý đa da, sa ha
Già bỉ để dịch, sa ha
Đà la nhĩ địa dịch, sa ha
Xa bà lý dịch, sa ha
A xà bà na da, sa ha
Chiên đà lý dịch, sa ha
Ma đương kì dịch, sa ha
Na già hỉ lý đà da dã, sa ha
Già lâu đà hỉ lý đà da dã, sa ha
Ma nại tuy ni dịch, sa ha
Ma ha ma nại tuy ni dịch, sa ha
Xà đà xoa lê dịch, sa ha
Ma ni bạt đà la da, sa ha
Sa mạn đa la bạt đà la da, sa ha
Ma ha sa ma đà da, sa ha
Ma ha ba la để sa la na da, sa ha
Thỉ đa bà na da, sa ha
Ma ha thỉ đa bà na da, sa ha
Đàn đà đà la ni dịch, sa ha
Ma ha đàn đà đà la ni dịch, sa ha
Mẫu chỉ ly na la da, sa ha
Ma ha mẫu chỉ ly na la da, sa ha
Xà diên để dịch, sa ha
Tiềm để dịch, sa ha
A xá cả lý đa da, sa ha
Ma ha dụ lợi bật đà da la xà, sa ha"

[Hili hili, mili mili, taḍatavaḍe, vakke vakke, hore hore, dhara dhara, hara hara, cala cala, culu culu, svāhā

Namaḥ sarva buddhānāṃ svāhā
Pratyeka buddhānāṃ svāhā
Arhatānāṃ svāhā
Maitreyasya bodhisatvāsya svāhā
Sarva bodhisatvānāṃ svāhā

Anāgāminām svāhā
Sakṛdāgāminām svāhā
Srotāpannānām svāhā
Samyaggatānām svāhā
Samyakpratipannānām svāhā
Brahmāya svāhā
[Kinh bản thiếu câu này: **Indrāya svāhā**]
Prajāpataye svāhā
Īśānāya svāhā
Agnaye svāhā
Vāyave svāhā
Varuṇāya svāhā
Yamāya svāhā
Upendrāya svāhā
Vaiśravaṇāya yakṣādhipataye svāhā
Dhṛtarāṣṭrāya gandharvādhipataye svāhā
Virūḍhakāya kumbhaṇḍādhipataye svāhā
Virūpākṣāya nagādhipataye svāhā
Devānām svāhā
Nāgānām svāhā
Asurānām svāhā
Marutānām svāhā
Garuḍānām svāhā
Gandharvānām svāhā
Kinnarānām svāhā
Mahoragānām svāhā
Yakṣānām svāhā
Rākṣasānām svāhā
Pretānām svāhā
Piśācānām svāhā
Bhūtānām svāhā
Kumbhaṇḍānām svāhā
Putatānām svāhā
Kaṭaputanānām svāhā
Skandānām svāhā
Unmādānām svāhā
Cchāyānām svāhā
Apasmārānām svāhā
Ostārakānām svāhā
Candra sūryayo svāhā
Nakṣatrāṇām svāhā
Grahāṇām svāhā
Jyotiṣāṇām svāhā
Viṣāṇām svāhā
Ṛṣīṇām svāhā
Siddhānām svāhā
Siddha-vratānām svāhā
Siddhya-vidyānām svāhā
Gaurīye svāhā

Gāndhārīye svāhā
Jaṅgulīye svāhā
Amṛtāyai svāhā
Cāpeṭīye svāhā
Drāmiḍīye svāhā
Śavarīye svāhā
Athārvaśavarāye svāhā
Caṇḍālīye svāhā
Mātaṅgīye svāhā
Nāga-hṛdayāya svāhā
Garuḍa-hṛdayāya svāhā
Mānasīye svāhā
Mahā-mānasīye svāhā
Ṣaḍakṣarīye svāhā
Maṇi-bhadrāya svāhā
Samanta-bhadrāya svāhā
Mahā-samāya svāhā
Mahā-pratisarāya svāhā
Śītavanāya svāhā
Mahā-śītavanāya svāhā
Daṇḍa-dhāraṇīye svāhā
Mahā-daṇḍa-dhāraṇīye svāhā
Mucilindāya svāhā
Mahā-mucilindāya svāhā
Jayantīye svāhā
Śāntīye svāhā
Aśva-kṛtāya svāhā
Mahā-mayūrya-vidya-rājāya svāhā]

Dùng **Đại Minh Đại Chú Đại Hành Đại Hộ** này khiến cho tôi (hẹ tên…) diệt sự nghiệp ác. Trừ Yểm Quỷ, Khởi Thi Quỷ, Tác Thanh Quỷ, Binh Quỷ, Vô Đầu Quỷ, Điên Giản Quỷ, Bố Nhân Quỷ, Tiêu Độc Hấp Khí, Ác Thực, Ác Thóa, Ác Ảnh, Ác Kiến, Ác Thư, Ác Độ, Tịch Huyện Quan

Trừ nóng lạnh: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, nửa tháng, một tháng. Hoặc việc do Thiên Thời gây ra, Quỷ gây ra, gió lạnh, Đàm Ẩm, tất cả hòa hợp chợt nóng chợt lạnh.

Trừ đau đầu, chẳng ăn được. Mắt, lưỡi, gò má, răng, cổ, hàm răng, cần cổ, tai, tim, hông sườn, lưng, bụng, đầu gối..bị cảm gió. Tay, chân, thân thể, chi tiết bị đau buốt

Trừ các Chấp Lục, tất cả bệnh độc

Nguyện ngày đêm an ổn. Nguyện Phật rũ thương ban cho

"Na mỗ tử đẩu phật đà da
Na mỗ tử đẩu bồ đà da
Na mô tử đẩu san đa da
Na mỗ tử đẩu san đa dã
Na mỗ tì mộc đa da
Na mỗ tì mộc đa dã
Na mỗ tử đẩu mộc đa da
Na mỗ tử đẩu mộc đa dã

[Namostu buddhāya

Namostu buddhāye
Namostu śāntāya
Namostu śāntāye
Namo vimuktāya
Namo vimuktāye
Namostu muktāya
Namostu muktāye]

Bà la ma na, bà hỉ đa, ba bán đạt ma đê anh na ma, na ma cơ lật đỏa, sa tử để sa tử để

Nguyện hộ giúp tôi (họ tên…) khi vào bào thai"

_ Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của các vị **Long Vương** (Nāga-rāja). Tên ấy như vầy:

Phật Thế Tôn Long Vương (**Buddho-bhagavān**-nāgarāja: vị Rồng chọn lấy **Phật Thế Tôn** làm tên gọi. Bên dưới phần lớn như vậy) **Phạm** Long Vương (Brahmā), **Đế Thích** Long Vương (Indra), **Hải** Long Vương (Samudra), **Hải Tử** Long Vương (Samudra-putra), **Sa Già La** Long Vương (Sāgara), **Kình** Long Vương (Makara), **Nan Đà** Long Vương (Nanda), **Ưu Ba Nan Đà** Long Vương (Upananda), **Na La** Long Vương (Nala), **Ưu Ba Na Già** Long Vương (Upa-nala), **Thiện Kiến** Long Vương (Sudarśana), **Bà Tu Dĩ** Long Vương (Vāsuki), **Đắc Giải Tỉ** Long Vương (Takṣa), **A Lâu Na** Long Vương (Aruṇa), **Bà Lâu Na** Long Vương (Varuṇa), **Lục Thể** Long Vương (?Siṃha), **Hữu Cát** Long Vương (Śrīmā), **Cát Dương Mao** Long Vương (Śrī-kaṇṭha), **Cát Tăng Trưởng** Long Vương (Śrīvarddhana), **Cát Hiền** Long Vương (Śrī-bhadra), **Đại Lực** Long Vương (Mahā-bala), **Ban Lan Sắc** Long Vương (Śalabha), **Thiện Kiên** Long Vương (Sabāhu), **Tu Di Sơn** Long Vương (Sumeru), **Nhật Quang** Long Vương (Sūrya-prabha), **Nguyệt Quang** Long Vương (Candra-prabha), **Vũ** Long Vương (Nṛtye), **Thanh** Long Vương (Gargaja), **Điện** Long Vương (Vidyotana), **Phá** Long Vương (Sphoṭana), **Giáng Vũ** Long Vương (Varṣana), **Vô Cấu** Long Vương (Vimala), **A Lực Kha** Long Vương (Alaka), **A Thỉ Sa** Long Vương (Aśīrṣa), **Bà Lý** Long Vương (Valaka), **Kha Thỉ Sa** Long Vương (Khaśīrṣa), **Mã Đầu** Long Vương (Aśva-śirṣa), **Ngưu Đầu** Long Vương (Gavaya-śirṣa), **Lộc Đầu** Long Vương (Mṛga-śīrṣa), **Tượng Đầu** Long Vương (Hasti-śīrṣa), **Bán Bạch Lộ** Long Vương (), **Nhân Thanh** Long Vương (Nāraśabda), **Chủng Chủng** Long Vương (Citra), **Chủng Chủng Quân** Long Vương (Citra-sena), **Chủng Chủng Nhãn** Long Vương (Citrākṣa), **Na Mẫu Chỉ** Long Vương (Namuci), **Mẫu Chỉ** Long Vương (Muci), **Mẫu Chỉ Lân Đà** Long Vương (Mucilinda), **Thanh** Long Vương (Śabda), **Đế Thích** Long Vương (Indra), **Sơn** Long Vương (Girika), **Đại Sơn** Long Vương (Mahā-girika), **La Bộ La** Long Vương (Lamburu), **Trùng** Long Vương (Krimi), **Vô Biên** Long Vương (Ananta), **Kim** Long Vương (Suvarṇa), **Cát Đán** Long Vương (Kataka), **Thanh Sắc** Long Vương (Nīla), **Hoàng Sắc** Long Vương (Pīta), **Ỷ La Bối Đa La** Long Vương (Elapatra), **Loa** Long Vương (Śaṃkha), **Vô Bán** Long Vương (Aparāla), **Hắc** Long Vương (Kāla), **Tiểu Hắc** Long Vương (Upakāla), **Thiên Lực** Long Vương (Bala-deva), **Tỳ Nậu** Long Vương (Viṣṇu), **Mao Bị** Long Vương (), **Khả Úy** Long Vương (Vibhīṣaṇā), **La Sát** Long Vương (Rākṣasa), **Sơn Kiên** Long Vương (Śaula-bāhu), **Hằng** Long Vương (Gaṅga), **Tân Đầu** Long Vương (Sindhu), **Bạc Khâu** Long Vương (Vakṣu), **Tử Đa** Long Vương (Śīlā), **Ích Cát** Long Vương (Maṃgalya), **A Nậu Đạt Đa** Long Vương (Anavatapta), **Thiện Tích** Long Vương (Supratiṣtha), **Ê La** Long Vương (Airāvaṇa), **Trì Địa** Long Vương (Dharaṇīndhar), **Trì Sơn** Long Vương

(Nimindhara), **Trì Quang Minh** Long Vương (Yutiṃdhara), **Hiền** Long Vương (Bhadra), **Thiện Hiền** Long Vương (Subhadra), **Bảo Hiền** Long Vương (Vasubhadra), **Lực Hiền** Long Vương (Bala-bhadra), **Châu** Long Vương (Maṇi), **Châu Đảnh** Long Vương (Maṇi-kaṇṭha), **Vũ Hắc** Long Vương (Kālaka), **Vũ Hoàng** Long Vương (Pītaka), **Vũ Xích** Long Vương (Lohitaka), **Vũ Bạch** Long Vương (Śvetaka), **Mạn Hoa** Long Vương (Māli), **Xích Mạn** Long Vương (Rakta-māli), **Độc Tử** Long Vương (Vatsā), **Hiền Y** Long Vương (Bhadrapada), **Cổ** Long Vương (Duṇḍubhi), **Cổ Thanh** Long Vương (Duṇḍubhisvara), **A Lạc Chử** Long Vương (Āmratīrthaka), **Hí Nhi** Long Vương (Maṇisuta), **Tì Đầu Lại Tra** Long Vương (Dhṛtarāṣṭra), **Tỳ Đầu Lược** Long Vương (Virūḍhaka), **Tỳ Lâu Bác Xoa** Long Vương (Virūpakṣa), **Tỳ Sa Môn** Long Vương (Vaiśravaṇa), **Xa Diện** Long Vương (Śakaṭa-mukha), **Khả Úy** Long Vương (?Cāmpeyaka), **Cồ Đàm** Long Vương (Gautāma), **Ngũ** Long Vương (Pañcāla), **Ngũ Kế Khởi** Long Vương (Pañca-cuḍa), **Tích** Long Vương (Vindu), **Tiểu Tích** Long Vương (Upavindu), **A Tu Cả** Long Vương (Alika), **Kha La cả** Long Vương (Kalika), **Bà Lý Cá** Long Vương (Valika), **Ma Ni Đắc Kha La** Long Vương (), **Kim Chỉ Ni** Long Vương (Kincanī), **Kim Giả Na Kha** Long Vương (Kincaḍaka), **Xỉ Bàng Cá** Long Vương (Kiccaka), **Hắc Cồ Đàm** Long Vương (Kṛṣṇa-gautama), **Phi Nhân** Long Vương (Amanuṣa), **Nhân** Long Vương (Manuṣa), **Căn Nhân** Long Vương (Mūla-manuṣa), **Thượng Nhân** Long Vương (Uttara-manuṣa), **Ma Đẳng Già La** Long Vương (Mataṅga), **Bát Tha Cả** Long Vương (Aḍaka), **Thượng** Long Vương (Uttama), **Lam Phù La** Long Vương (Lampūra), **Thắng** Long Vương (Jaya), **Hương** Long Vương (Gandha), **Hương Sắc** Long Vương (Gandha-rūpa), **A La Bà Đà** Long Vương (Aravāla), **Ma La Bà Đà** Long Vương (Maravāla), **Hữu Ý** Long Vương (Manasvi), **Đại Hữu Ý** Long Vương (Mahā-manasvi), **Cát Trĩ Đa Cả** Long Vương (Karkoṭaka), **Hoan Hỷ** Long Vương (Pramudita), **Ca Bỉ La Thế La Bà** Long Vương (Kapīla- Śaivalaka), **Uất Ba La** Long Vương (Utpalaka), **Na Kha Kha** Long Vương (Nakkhaka), **Bạt Tha Ma Na** Long Vương (Varddhana), **Mộc Xoa Cá** Long Vương (Mokṣaka), **Bột Địa Cả** Long Vương (Buddhika), **Mộc Xoa Bột Địa** Long Vương (Mokṣa-buddhi), **Ba La Mộc Xoa Na** Long Vương (Pramokṣa), hai vị Long Vương **Cam Bà La Tỏa Đa Lao** (Kambara-aśvatara), hai vị Long Vương **Ỷ Đà Nhĩ Đào** (Ela Mela), hai vị Long Vương **Nan Thổ Ba Nan Đà** (Nandopananda), **Ái thỉ Đa** Long Vương (akṣila), **Ma Ha Tu Đà Lý Sa Na** Long Vương (Mahā-sudarśana), **Ba Đà La Kha** Long Vương (), **Sư Tử** Long Vương (Siṃhala), **A Đà Lý Sa Na Mộc Kha** Long Vương (Adarśana-mukha), **Ba Lý Giá Đa** Long Vương (), **Tu Mộc Kha** Long Vương (Sumukha), **Đà La Ni Đà** Long Vương (Dramiḍa), **Vũ Hắc** Long Vương (Kṛṣṇaka), **Vũ Bạch** Long Vương (Śuklaka), **Thanh Bạch** Long Vương (Nīla-śukla), **Vũ Tiểu Bạch** Long Vương (Upaśuklaka),

Các vị Long Vương này với các Long Vương ở trên đất này, hoặc khi phát ra tiếng, hoặc khi phóng ánh sáng, hoặc khi tuôn mưa, hoặc khi lúa chín. Các vị ấy thường thấy Phật, thọ **Tam Quy Ngũ Giới**, giải thoát được sự sợ hãi Kim Sí Điểu, giải thoát sự sợ hãi vì cát nóng, giải thoát sự sợ hãi vua chúa. Thường giữ gìn nơi đất, trụ cung điện báu to lớn, thọ mạng dài lâu, có sức Đại Thần Thông, phú quý tự tại cùng các quyến thuộc thường trừ oán tặc, danh tiếng vang xa, cùng với hàng Trời A Tu La chiến đấu. Các vị Long Vương ấy với con cháu, anh em, đại thần, quân chủ, tôi tớ, quần chúng dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyện thường ủng hộ khiến cho tôi an ổn.

Hoặc ăn thức ăn dư thừa, chẳng ăn thức ăn dư thừa. Hoặc say, chẳng say. Đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, tỉnh, di, lại. Hoặc từ nơi vua chúa, giặc loạn lạc, phóng túng, đói

khổ, chết chẳng đúng thời, động đất, sư tử, cọp, sói…Tất cả sự đáng sợ, đều được an ổn.

Từ hàng Trời, Rồng, A Tu La, Ma Hầu Đa, Già Lâu Đa, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Dược Xoa, Lạc Xoa, Ba Ly Đa, Bỉ Sa Giả, Bộ Đa, Cưu Bàn Trà, Phú Đa Na, Kha Đa Phú Đa Na, Sa Can Đà, Uẩn Ma Đà, Xa Da, A Bối Ma La, Uất Sa Đa La, La Cả …Tất cả sự nghiệp đáng sợ, đều được an ổn.

Kha Nhược La Đà Dĩ La Na, Khởi Tử Quỷ, Tác Thanh Quỷ, Sứ Quỷ, Ác Thực, Ác Thóa, Ác Ảnh, Ác Kiến, Ác Thư, Ác Độ, Chấp Lục…đáng sợ, đều được an ổn.

Các bệnh thuộc nhóm ệnh hắc lào, ghẻ lở, mụn độc, cùi hủi, bứu cổ, khối u…thảy đều trừ khỏi, ngày đêm an ổn.

Nguyện xin tất cả chư Phật thường ban bố cho con được an ổn.

“Na mỗ tử đẩu phật đà da
Na mỗ tử đẩu bồ đà da
Na mô sa đẩu tiềm đa da
Na mỗ sa đẩu tiềm đa dã
Na mỗ tì mộc đa da
Na mỗ tì mộc đa dã
Na mô tử đẩu mộc đa da
Na mô tử mẫu mộc đa dã
[Namostu buddhāya
Namostu buddhāye
Namostu śāntāya
Namostu śāntāye
Namo vimuktāya
Namo vimuktāye
Namostu muktāya
Namostu muktāye]
Bà la ma na, bà hỉ đa, ba bán đạt ma đê sam na ma, na ma cơ túc đỏa
Nguyện thủ hộ (họ tên…) với quyến thuộc của tôi”

_ Này A Nan! **Đại Khổng Tước Minh Vương** này là điều mà Đức **Tỳ Bà Thi** Phật Chánh Biến Tri Giác (**Vipa'syìn**) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vầy:

“A la trí, kha la trí, ma đề, ma đà bạt la đề, a bà ly, sa bà ly, đẩu ly đẩu ly, thủ ly thủ ly, bộ ly bộ ly, sa bà ly, ba la na la, hống chỉ hống chỉ hống chỉ hống chỉ hống chỉ, mẫu chỉ mẫu chỉ mẫu chỉ, sa ha”

[Araḍe, karaḍe, maḍe, madavardhane, avare, śavare, ture ture, cure cure, bhueu bhueu, śavare, parṇa śavare, huci huci huci huci huci, muci muci, svāhā].

A Nan! **Đại Khổng Tước Minh Vương** này là điều mà Đức **Thi Khí** Phật Chánh Biến Tri Giác (**Śikhìn**) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vầy:

“Nhất trí, mật trí, khẩu đề, tì đề, hỉ lợi, nhĩ lợi, chỉ đẩu mẫu ly, am bà ly, am bà la ba để, đàm tỳ, độ đàm tỳ, hỉ lợi hỉ lợi hỉ lợi, cầu chỉ cầu chỉ, mẫu chỉ mẫu chỉ, sa ha”

[Iṭṭe miṭṭe, khure, vikhure, hili, mili, ketu-mule, ambare, ambarāvati, dumbe dodumbe, hili hili hili, kuci kuci, muci muci, svāhā].

A Nan! **Đại Khổng Tước Minh Vương** này là điều mà Đức **Tỳ Thủ Phủ** Phật Chánh Biến Tri Giác (**Vi'svabhū**) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vầy:

"Vũ lợi, vũ lợi sí, ma địa, mạn địa ni chỉ, ha ly ha ly, già ly kha ly, phả ly phả lý thi đàn để, đàn để, đàn để ly, xa kha để, ma kha để, na trí, na để ni, thỉ lợi thỉ lợi thỉ lợi thỉ lợi, sa ha"

[Mori mori, kevaṭṭi, maṇḍi maṇḍitike, hare hare, ghare, khare, phale phalinidānte, dānti dāntile, śakaṭi makaṭi, naḍe naḍini, śiri śiri śiri śiri, svāhā].

A Nan! **Đại Khổng Tước Minh Vương** này là điều mà Đức **Câu Lưu Tôn** Phật Chánh Biến Tri Giác (**Krakucchanda**) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vầy:

"Hỉ để, bà để, cưu để, mẫu để, đẩu để, tu trí, đàn đế, đàn đới đàn để ly, xa nhĩ lý, già ma lợi, tha già lợi, già già lợi can già ni, can già na bà để, bà ly bà ly bà ly bà ly bà ly, đàn đế tất tha, sa ha"

[Hiḍi, miḍi, kuḍi muḍi, tuḍi, tuḍi, aḍe dante dantile, śakari cakari, thagari, tagari kāṃcane, kāṃcanāvati, vare vare vare vare vare, dante siddhi, svāhā].

A Nan! **Đại Khổng Tước Minh Vương** này là điều mà Đức **Kha Na Cung** Phật Chánh Biến Tri Giác (**Kanakamunïi**) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vầy:

"Đàn đa ly, đa ba ly, đa la ly, đa la đô đa ly, đa ly đa ly, tì ly tì xà dịch, bật thọ bà ly, tỳ la đề tỳ la đề, tỳ la xà tỳ la xà ma tử, ma để, ma lợi, ma lý ni, vẫn đề kì ly vẫn đề, tọa ly tọa ly tọa ly tọa ly tọa ly, bạt đà la ba để, tất địa, sa ha"

[Dantale, tatale, tatale, talatutale, tale tale, vīre vijaye, vijjudhare viraje viraje, viraja virajāmasi, mati, māle, mālini muṇḍe śiri muṇḍe, jvale jvale jvale jvale jvale, bhadra-vati, siddhi svāhā].

A Nan! **Đại Khổng Tước Minh Vương** này là điều mà Đức **Ca Diếp** Phật Chánh Biến Tri Giác (**Kaøśyapa**) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vầy:

"An đà ly, can đà ly, mạn đà ly, khán đà ly, diệm phù diệm phù na địa, diệm phù bà để, mạt đế mạt đế ni sí, a ma ly tăng hí, ha la ha la ha la ha la, ba thủ ba thủ ba thủ ba thủ ba thủ, ba để tất địa, sa ha"

[Aṇḍare, kaṇḍare, maṇḍare, khaṇḍare, jaṃbu, jaṃbu-nadi, jaṃbu-vati, matte maṇḍitike, amare siddhe, hara hara, hara hara, paśu paśu paśu paśu paśu, pati siddhi svāhā].

A Nan! **Đại Khổng Tước Minh Vương** này là điều mà nay Ta, **Thích Ca Mâu Ni** Phật Chánh Biến Tri Giác (**Śākya-muṇi**) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vầy:

"Hỉ lợi, nhĩ lợi, dĩ lợi nhĩ lợi, y lý ly, đa la vũ ly, a na hỉ, đạp phó đà đạp phó, ỷ tha kha cả bà đề, na la cẩu đa, dĩ để lợi, bồ địa lý sí, cam bộ ưu đà lý ni, bà ta bà, lăng kì đa la đầu nghĩa, bà la nê, phù hu la ni, ba la dĩ lý trí, đạt sát trí, nhĩ lợi đa lợi, y trí ha tư, a bà lệ, ma cơ lệ, bạt trí, bạt đa, bạt trí bà la, đam tì bà lâu sa đẩu đê bộ, sa đắc kha la đẩu, tam mạn để na, da tha, tu khái thí xa tu, địa xa tu, đa vô đà cám, bà bà đẩu.

Nam mô phả bà đế, y lợi, để di, cồ đỗ hỉ kha dịch, thi lăng già lợi kha di, a lâu chỉ, na lâu chỉ, na trí na trí, bạt thị la na, bạt thị la, ưu đà na, tì lăng dịch, a la đa dịch, bà la đa dịch, na la na la, bát xa da ni, ba lê xa ni dịch, sa ha, tử đàn đẩu, mạn đa la ba đà, đà la ni đà da tha. Như ngươi cắn Tỳ Kheo Sa Để thường an ổn".

[Hili mili, kili mili, ilile, katale, ketu-mūle, aḍamale, aḍamali, anaḍi, ḍapphe ḍaḍapphe, anabhiḍapphuḥ ḍaḍapphuḥ rurupphuḥ, ekarapphuḥ busarake, busaṭṭe, narakande, kāmini, kāma rūpiṇi, kitili, cokalike kaṃbudaraki, taruṇa taruṇavati,

vāsavaraṭṭe, tarabhuraṭṭe bharaṇe bhobharaṇe, ruru taravaraṃ, prakṛti daṃṣṭre, militale, ītihāse, ambale, tumbale, kaliṅge, vaṭṭi vaṭṭi, vaṭṭitike mukule vaṭṭe vaṭṭavāce, aḍantuve, vaṭṭitumbe varṣatu devaḥ śatakṛtvaḥ, samantena yathā sukhaṃ, daśasdiśasu.

Namo bhagavato, īri jaye, iṭṭiṭṭaye, godohikāye, bhṛṅgārikāye, aruci maruci, araje araje, narajit naṭṭe, vaje vaje, natuvaje, udaye priye, aratāle, kuntāle, kulatāle,nārāyaṇi, pārāyaṇi, paśya paśya, nisparśani, sidhyantu mama saparivārasya sarvasatvānāṃ ca drāmiḍā mantra-padāḥ svāhā.

Như ngươi cắn Tỳ Kheo **Sa Để** thường an ổn].

Như vậy, **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyện an ổn hộ giúp, tất cả chúng sanh nguyện được an ổn.

_ Này A Nan! **Đại Khổng Tước Vương Chú** này là điều mà Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vầy:

"Thi lợi thi lợi, thi lợi bạt đà, thọ đế, thọ đế bạt đà ly, ha lệ ha, ha lê ni, đàn để xa ba ly, thi nhĩ, thủ ba la ni, bồ đề bồ đề bồ đề bồ đề tát đỏa, bồ đề ba lợi già lê ni dịch"

[Śiri śiri, śiri-bhadre, jyoti jyoti, jyoti-bhadre, hare hare, hāriṇi, danti śavare, śive, śulapāṇini, bodhi bodhi bodhi bodhi, bodhisatve, bodhi paripācaṇīye].

Nguyện **Đế Thích** che chở cho cái đầu của tôi. **Kim Cương Thủ** với **Ca Diếp**, nguyện **Đại Lực** che chở cho cái đầu của tôi. **Tỳ Sa Vương** che chở cho cái bụng của tôi. **Bác Xoa Vương** che chở cho trái tim của tôi. Khiến cho tôi làm tất cả điều thiện lành.

"Kha la, tỳ xá già, địa hỉ ba đế, lặc xoa, lặc xoa phạm, bồ bà bộ để, sa ha"

_ Này A Nan! **Đại Khổng Tước Vương Chú** này là điều mà **Phạm Nhất Thiên Thế Giới Chủ** (Sāhaṃpati) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vầy:

"**Hỉ lợi hỉ lợi, ha lợi ha lợi, nhĩ lợi nhĩ lợi nhĩ lợi nhĩ lợi nhĩ lợi, ma lê ni bằng câu lợi, cơ lợi cơ lợi cơ lợi cơ lợi cơ lợi, ma lợi cơ lý để, bà la ma di, xoa la sí, tì đỗ ha, tì đỗ ha phó tỉ, phó lậu phó lậu phó lậu phó lậu, sa ha"**

[Hiri hiri, hari hari, miri miri miri miri miri, mālini vaṅkari, kiri kiri kiri kiri kiri, vāri kiriṇi, brahmāye, ratna-kuraṇḍake, viḍoha viḍoha-phuse, phuru phuru phuru phuru, svāhā].

Yểm Sát Độc Hại. Phật lực, Duyên Giác lực, A La Hán lực, A Na Hàm lực, Tu Đà Hoàn lực Thật Ngữ, Phạm **trượng** (cây gậy), Đế Thích **Kim Cương** (chày Kim Cương), Tỳ Nữu **thiết luân** (bánh xe sắt), Hỏa Thiêu Long **thằng** (sợi dây), A Tu La **Huyễn Long Điện**, Ma Ê Thủ **xoa** (cây kích xoa), Sa Can Đà **tích** (thiếc, cây gậy tầm xích), Đại Khổng Tước Vương Chú…..Các độc giết hại, nguyện đều vào lòng đất, khiến cho chúng tôi (họ tên…) đều được an ổn

Chuyển dời tất cả nhóm Rồng độc, **vật độc** (Cổ), điều mà con người đã làm. Chất độc do răng cắn, điện, mưa, rắn, chuột, ung thư, loài sâu phun dãi độc, con rết, con ễnh ương, ruồi nhặng, muỗi, ong, bò cạp, **Hiệt Liễm Phụ Cá Để Lý La**, người, Phi Nhân, thuốc lạ…Nguyện đưa các chất độc đều vào trong lòng đất.

_ Này A Nan! **Đại Khổng Tước Vương Chú** này là điều mà **Đế Thích Thiên Vương** (Indra) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vầy:

"Địa la, thiền đâu lệ, tác ti trí, thiền đâu lệ, ma ha ni, kha đa ni, già la sa ni, hỉ lợi, thỉ lợi, đà do để, thi lợi, đa lâu na tăng hỉ, ha ha ha ha ha ha, tăng hề, si để, tì si để, câu lậu câu lậu, ma la thứ, đâu đà đâu đà tử, bà đà bà đà tử, tử lợi tử lợi, ca bỉ lệ, ca tỳ la mẫu lệ, ha hỉ hống, tát bà đầu sử đa, bà la đầu sử đa nam, diệm

bà nam, ca dậu nhĩ, sa ha đa lý đà thế, hỉ đề, tỳ hỉ, uất đặng kì lợi, tu la ba để, bạt để, bạt xà la bạt xà la bạt xà la bạt xà la bạt xà la ba đa dịch, sa ha”

[Jalā, jantule, cāpeṭi jantule, mathāni, ghātani, grasani, hari-śiri, dyuti-śiri, taruṇavati, hā hā hā hā hā hā, siṃhe, dhiti vidhiti, kuru kuru, viraja, tuṭa tuṭasi, vaṭa vaṭasi, sili sili, kapile kapilamūle, ha hī hu, sarva duṣṭa, praduṣṭānāṃ, jambhanaṃ karomi, sahatradāśe, hide vehi, uṭṭiṅgiṇi, surapati vartti, vajra vajra, vajra vajra, vajrapataye svāhā].

_ Này A Nan! **Đại Khổng Tước Vương Chú** này là điều mà **bốn vị Thiên Vương** (catvāsraḥ mahā-rājikāḥ) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vầy:

“Tọa la tọa la nại, đa ba đa ba nại, đà ma đà ma nại, bà la bà la nại, dĩ để dĩ để, bỉ trí bỉ trí, bà la bà la, ha la ha la, đa la để lý, đà đà đà đà đà, bà bà bà bà bà, ha la ha la ha la ha la ha la, tất địa hỉ tất địa hỉ tất địa hỉ tất địa hỉ tất địa hỉ, tát tử để tát tử để tát tử để tát tử để tát tử để

[Jvala jvalana, tapa tapana, dhama dhamana, sara saraṇa, kuṭi kuṭi, muṭi muṭi, miṭi miṭi, sara sara, hara hara, tara tara, dā dā dā dā dā, vā vā vā vā vā, hala hala hala hala hala, siddhi siddhi siddhi siddhi siddhi, svasti svasti svasti svasti svasti svāhā].

Tôi (họ tên…) từ sự trị phạt của tất cả Tróc Nhân Quỷ Binh, Ám Minh Dạ Tử, Trì Thằng Sở Phược Quỷ Tử trở xuống… đều dễ có trị phạt. Sự trị phạt của Phạm trượng, Đế Thích trượng, Tiên Nhân trượng, Thiên trượng, Long trượng, A Tu La trượng, Khẩn Na La trượng,Ma Hầu La Già, Dược Xoa, La Sát, Tỉ lễ Đa (Đời Lương nói là *Ngạ Quỷ*), Tỳ Xá Trà (Đời Lương nói là *Nguyện Quỷ*), Bộ Đa, Cưu Bàn Trà, Phú Đan Na, Kha Đa Phú Đan Na, Sa Can Đa, Oán Ma Tha, Xa Da, A Bát Sa Ma La, Uất Đa La Kha, Tỳ Đa La, **La Xà** (Rāja:vua chúa), nước, lửa, giặc cướp…Từ tất cả sự trách phạt, nguyện tôi với quyến thuộc thảy đều an ổn.

_Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của các vị **Hà Vương** (Nadī-rājañī:Vua sông). Tên ấy như vầy: **Tân Đầu** Hà Vương (**Sindhū**-nadī-rājñī), **Hằng** Hà Vương (**Gaṅgā**-nadī-rājñī), **Bạc Khâu** Hà Vương (**Vasū**-nadī-rājñī), **Tử Đa** Hà Vương (**Śīlā** -nadī-rājñī), **Sa La Bộ** Hà Vương (**Sarabhū**-nadī-rājñī), **A Thị La Bà Để** Hà Vương (**Ajiravatī**-nadī-rājñī), **Diêm Mẫu Na** Hà Vương (**Yamunā**-nadī-rājñī), **Cầu Ha** Hà Vương (**Kuhā**-nadī-rājñī), **Tì Đa Sa Đa** Hà Vương (**Vitastā**-nadī-rājñī), **Sa Đa Đà Lao** Hà Vương (**Śatadrū**-nadī-rājñī), **Tì Ba Sa** Hà Vương (**Vipāśā**-nadī-rājñī), **Y La Bà Để** Hà Vương (**Airavatī** -nadī-rājñī), **Chiên Đà Ba La Bà** Hà Vương (**Candrabhāg**-nadī-rājñī), **Sa Lại Bà Để** Hà Vương (**Sarasvatī** -nadī-rājñī), **Cát Xa Bỉ** Hà Vương (**Kacchapī** -nadī-rājñī), **Ba Lậu Sa Nậu** Hà Vương (**Payoṣṇī**-nadī-rājñī), **Kha Tì Lê** Hà Vương (**Kāverī** -nadī-rājñī), **Đa Ma La Bát Ni** Hà Vương (**Tāmraparṇī** -nadī-rājñī), **Ma Thâu Ma Để** Hà Vương (**Madhumatī**-nadī-rājñī), **Biệt Đa La Bà Để** Hà Vương (**Mitrāvatī**-nadī-rājñī), **Ức Khẩu Ma Để** Hà Vương (**Ikṣumatī**-nadī-rājñī), **Nại Ma Đà** Hà Vương (**Narmadā**-nadī-rājñī), **Tu Mật Đa La** Hà Vương (**Saumitrā**-nadī-rājñī), **Bật Sa Mật Đa La** Hà Vương (**Viśvamitrā**-nadī-rājñī), **Đa Ma La** Hà Vương (**Tāmarā**-nadī-rājñī), **Bát Già La** Hà Vương (**Pañcālā**-nadī-rājñī), **Tu Bà Tử Đầu** Hà Vương (**Suvastū**-nadī-rājñī), **Ba La Bạt Đặc Lợi Kha** Hà Vương (**Prabhadrikā**-nadī-rājñī), **Đa Bô Đà** Hà Vương (**Tapodā**-nadī-rājñī), **Tỳ Ma La** Hà Vương (**Vimalā**-nadī-rājñī)

Các vị **Hà Vương** này với các dòng chảy khác, cho đến tất cả con sông trên mặt đất. Chư Thiên, Rồng, A Tu La, Ma Lâu Đa, Già Lâu Đà, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Dược Xoa, La Sát Sa, Tất Ly Đa, Bỉ Sa Già, Bộ Đa, Cưu Bàn Trà,

Phú Đan Na, Kha Đa Phú Đan Na, Sa Can Đà, Oán Ma Đà, Xà Da, A Bát Sa Ma La, Uất Đa La Kha, loài hút tinh khí con người, ăn thịt, ăn bào thai, uống máu tủy. Ăn dầu mỡ, sinh khí, bụi cây, thọ mạng cho đến vòng hoa, hương, hoa, quả trái, mầm giống, thức ăn thiêu đốt trong lửa, thứ thối nát, phân, nước tiểu, nước bọt, nước mũi, nước dãi, thứ nhạt nhẽo dư thừa, thứ nôn mửa, thứ chẳng sạch. Mọi loại xấu ác của các **Đạm Thực Quỷ**, nguyện thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

_Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của các vị **Sơn Vương** (Parvata-rāja:Vua núi). Tên ấy như vầy: **Tu Di** Sơn Vương (**Sumeru**-parvata-rāja), **Tuyết** Sơn Vương (**Himavān**-parvata-rāja), **Càn Thát Ma Đà Na** Sơn Vương (**Gandhamādana**-parvata-rāja), **Bách Đảnh** Sơn Vương (**Śataṣṛṅga** -parvata-rāja), **Kha Đặc La Kha** Sơn Vương (**Khadiraka**-parvata-rāja), **Kim Sí** Sơn Vương (**Svarṇapārśva**-parvata-rāja), **Trì Quang Minh** Sơn Vương (**Dyutin-dhara**-parvata-rāja), **Ni Mân Đà La** Sơn Vương (**Nimin-dhara**-parvata-rāja), **Chước Cả La Bà Đà** Sơn Vương (**Cakra-vāḍa**-parvata-rāja), **Ma Ha Chước Cả La Bà Đà** Sơn Vương (**Mahā-cakra-vāḍa**-parvata-rāja), **Bà La Ma** Sơn Vương (**Brahmā**-parvata-rāja), **Sao Phạm Ma** Sơn Vương (**Brahmālaya**-parvata-rāja), **Hữu Cát** Sơn Vương (**Śrīmanta**-parvata-rāja), **Thiện Kiến** Sơn Vương (**Sudarśana**-parvata-rāja), **Thiện Sí** Sơn Vương (), **Đại** Sơn Vương (**Vipula**-parvata-rāja), **Bảo Xứ** Sơn Vương (**Ratnākara**-parvata-rāja), **Dĩ Lý Mỹ Sa** Sơn Vương (**Krimila**-parvata-rāja), **Châu Cảnh** Sơn Vương (**Maṇikūṭa**-parvata-rāja), **Đế Thích** Sơn Vương (**Indraśaila**-parvata-rāja), **Bãi Ma Chất Đa La** Sơn Vương (**Vemacitra**-parvata-rāja), **Kim Cương Xứ** Sơn Vương (**Vajrākara**-parvata-rāja), **Khúc Tùy A Tu La** Sơn Vương (**Asuraprāgbhāra**-parvata-rāja), **Ha Nậu Ma Chất Đa La** Sơn Vương (), **Điện Quang** Sơn Vương (**Vidyunprabha**-parvata-rāja), **Sa Đà Na** Sơn Vương (), **Nguyệt Quang** Sơn Vương (**Candrakānta**-parvata-rāja), **Nhật Quang** Sơn Vương (**Sūryakānta**-parvata-rāja), **Tì Đầu** Sơn Vương (), **Tần Tha Da** Sơn Vương (**Viṃdhya**-parvata-rāja), **Hiền Thạch** Sơn Vương (**Bhadraśaila**-parvata-rāja), **Chủng Chủng Đảnh** Sơn Vương (**Citrakūṭa**-parvata-rāja), **Ma La Da** Sơn Vương (**Malaya**-parvata-rāja), **Mã Nhĩ** Sơn Vương (**Aśvancha**-parvata-rāja), **Ba Lý Trị Đa La** Sơn Vương (**Parijāta**-parvata-rāja), **Thiện Kiên** Sơn Vương (**Subāhu**-parvata-rāja), **Châu Mê** Sơn Vương (**Maṇimanta**-parvata-rāja), **Tu Tiên Na** Sơn Vương (**Suṣena**-parvata-rāja), **Phạm Uế** Sơn Vương (**Brahmatuṇḍa**-parvata-rāja), **Bì Lâu Cát Xa** Sơn Vương (), **Cồ Ha Na** Sơn Vương (**Gokarṇa**-parvata-rāja), **Ma La Chất Đa La** Sơn Vương (**Mālyacitra**-parvata-rāja), **Khát Già** Sơn Vương (**Khaṅga**-parvata-rāja), **Sa Đa Bà Na** Sơn Vương (**Tāpana**-parvata-rāja), **Vẫn Xà** Sơn Vương (**Añjena**-parvata-rāja), **Lâu Lâu Bà Tu** Sơn Vương (**Rurubha**-parvata-rāja), **Đạt Đà La** Sơn Vương (**Dardana**-parvata-rāja), **Kê La Bà** Sơn Vương (**Kailāsa**-parvata-rāja), **Ma Ê Đẩu** Sơn Vương (**Mahendra**-parvata-rāja)

Các vị vua ấy trụ ở trên mặt đất. Nơi ấy: nhóm của của chư Thiên, Rồng, A Tu La, Ma Lâu Đa, Già Lâu Đà, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Dược Xoa, La Sát Sa, Bỉ Ly Đa, Bỉ Sa Già, Bộ Đa, Cưu Bàn Trà, Phú Đan Na, Kha Đa Phú Đan Na, Sa Can Đà, Oán Ma Đà, Xà Da, A Bát Sa Ma La, Uất Đa La Kha, Tất tha, bật đà tha la…với các quyến thuộc thường trụ ở chốn ấy.

Các vị ấy lại dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyện thủ hộ tôi khiến sống trăm tuổi, trừ tất cả ác, nhận tất cả Thiện. Chư Phật hộ niệm ngày đêm an ổn, Sa Ha.

_Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của các vị **Tinh Thần** (các vì sao) thường đi trên hư không. Tên ấy như vầy:

Cơ Lật Để Kha (Kṛttikā), **Lỗ Hỉ Ni** (Rohiṇī), **Ma Lê Già Thi La** (Mṛgaśirā), **A Đà La** (Ārdra), **Bất Nại Na Bà Tu** (Punarvasu), **Phất Sa** (Puṣya), **A Sa Ly Sa** (Āśleṣā). Bảy vì sao này thường ở cửa Đông, thủ hộ phương Đông, cũng dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyện thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

Ha Khả (Maghā), **Vũ Phả** (Pūrva-phalgunī), **cầu Ni** (Uttara-phalgunī), **Ha Sa Đa** (Hastā), **Chất Đa La** (Citrā), **Bà Để** (Svātī), **Tì Thích Kha** (Viśākhā). Bảy vì sao này thường ở cửa Nam, thủ hộ phương Nam, cũng dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyện thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

A Nậu La Tha (Anurādhā), **Sách Sa Tha** (Jyeṣṭhā), **Mưu Lam** (Mūla), **Phất Bà Sa Tha** (Pūrvāṣādhā), **Uất Đa La Sa Tha** (Uttarāṣādhā), **A Tỳ Chỉ** (Abhijit), **Sa La Ba Na** (Śravaṇā). Bảy vì sao này thường ở cửa Tây, thủ hộ phương Tây, cũng dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyện thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

A Trà Tha (Dhaniṣṭhā), **Xả Đa Tì Sa** (Śatabhiṣā), **Phất Bà Bạt Đà La** (Pūrva-bhādrapadā), **Uất Đa La Bạt Đà La** (Uttara-bhādrapadā), **Ly Bà Để** (Revatī), **A Ly Ni** (Aśvinī), **Bà La Ni** (Bharaṇī). Bảy vì sao này thường ở cửa Bắc, thủ hộ phương Bắc, cũng dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyện thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

Hai mươi tám vì sao này, mỗi một phương có bảy vị. Bảy vì sao như vậy với mặt trời, mặt trăng ẩn hiện, tăng giảm, thường đi ở Thế Gian có đại quang minh, Thần Thông. Ta đã chí Tâm nguyện cũng tùy hỷ **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyện thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

_Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của các vị **Tiên Nhân** (Ṛṣī) thành tựu các Hạnh, Quang Minh Khổ Hạnh, thường trụ ở sông nhỏ, sông lớn, rừng, núi. Ngôn ngữ, Thuật Nghệ, đánh phạt, có Thần Thông, phi hành tự tại. Nay Ta sẽ nói tên các vị ấy như vầy: **Ái Sa Đa Cả Ma Ha Lý Sử** Đại Tiên Nhân (**Aṣṭamaka**-mahāṛṣī), **Bà Ma Cá** Đại Tiên Nhân (**Vāmaka**-mahāṛṣī), **Bà Ma Đề Bà** Đại Tiên Nhân (**Vāmadeva**-mahāṛṣī), **Bà Lý** Đại Tiên Nhân (**Mārici**-mahāṛṣī), **Mạt Can Đà Da** Đại Tiên Nhân (**Mārkaṇḍeya**-mahāṛṣī), **Bật Sa Mật Đa La** Đại Tiên Nhân (**Viśvāmitra**-mahāṛṣī), **Bà Tất Tha** Đại Tiên Nhân (**Vasiṣṭha**-mahāṛṣī), **Ca Diếp Ba** Đại Tiên Nhân (**Kāśyapa**-mahāṛṣī), **Tỳ Lật Tha Ca Diếp Ba** Đại Tiên Nhân (**Vṛddha-kāśyapa**-mahāṛṣī), **Tì Lê Cữu** Đại Tiên Nhân (**Bhṛgu**-mahāṛṣī), **Ương Kỳ La Bà** Đại Tiên Nhân (**Aṅgirasa**-mahāṛṣī), **Ương Kỳ La** Đại Tiên Nhân (**Aṅgira**-mahāṛṣī), **Ương Kỳ La Sa** Đại Tiên Nhân (**Bhṛṅgirasa**-mahāṛṣī), **Bà La Kỳ La Tha** Đại Tiên Nhân (**Bhagiratha**-mahāṛṣī), **A Để Ly** Đại Tiên Nhân (**Ātreya**-mahāṛṣī), **Phú Lại Sa Tha** Đại Tiên Nhân (**Pulastya**-mahāṛṣī), **Tử Thâu La Thi La** Đại Tiên Nhân (**Mṛga-śirṣai**-mahāṛṣī), **Xà Ma Độ Già Ni** Đại Tiên Nhân (**Yamāgni**-mahāṛṣī), **Đề Huề Ba Da Na** Đại Tiên Nhân (**Vaisaṃpāya**-mahāṛṣī), **Dĩ Lật Sa Na Đề Ba Da Na** Đại Tiên Nhân (**Kṛṣṇa-vaisaṃpāya**-mahāṛṣī), **Ha Lý Để** Đại Tiên Nhân (**Hārīta**-mahāṛṣī), **Ha Lý Đa Da Na** Đại Tiên Nhân (**Hārītāya**-mahāṛṣī), **Sa Măng Kỳ La** Đại Tiên Nhân (**Samaṅgira**-mahāṛṣī), **Sạn Đề Bà Trì** Đại Tiên Nhân (**Kṣāntivādi**-mahāṛṣī), **Dĩ La Để** Đại Tiên Nhân (**Kīrtti**-mahāṛṣī), **A Dĩ La Để** Đại Tiên Nhân (**Sukīrtti**-mahāṛṣī), **Cầu Lâu** Đại Tiên Nhân (**Guru**-mahāṛṣī), **Bổ Kha Đa** Đại Tiên Nhân (**Potalaka**-mahāṛṣī), **Kha Bổ Đa Kha** Đại Tiên Nhân (), **Ái Đa La Da Na** Đại Tiên Nhân (**Aśvalāya**-mahāṛṣī), **Hi Ma Bàn** Đại Tiên Nhân (**Himavān**-mahāṛṣī), **Lỗ Hỉ Trước Chỉ** Đại Tiên Nhân (**Lohitākṣa**-mahāṛṣī), **Đoạt Bà Sa** Đại Tiên Nhân (**Durvāsa**-mahāṛṣī), **Tỳ Sam Ba Da**

Na Đại Tiên Nhân (), **Bàn Mễ Kha** Đại Tiên Nhân (), **Đà Na** Đại Tiên Nhân (**Dāna**-mahāṛṣī), **La Bộ** Đại Tiên Nhân (), **Đẩu Cô Lô Đà Na** Đại Tiên Nhân (), **Tì Lê Hại Sa Ba Đế** Đại Tiên Nhân (**Vṛhaspati**-mahāṛṣī), **A La Niên Ni** Đại Tiên Nhân (**Aranemīni**-mahāṛṣī), **Sa Ni Già La** Đại Tiên Nhân (**Śanaiśvara**-mahāṛṣī), **Bộ Tha** Đại Tiên Nhân (**Budha**-mahāṛṣī), **Thượng Cầu Lê** Đại Tiên Nhân (**Jaṅguli**-mahāṛṣī), **Hàn Na Lý** Đại Tiên Nhân (**Gandhāra**-mahāṛṣī), **Ỷ Giới Ni Lăng Già** Đại Tiên Nhân (**Ekaśṛṅga**-mahāṛṣī), **Mi Lê Già Thi Lăng Già** Đại Tiên Nhân (**Ṛṣyaśṛṅga**-mahāṛṣī), **Kiệt La Già** Đại Tiên Nhân (**Garga**-mahāṛṣī), **Đán Đà Da Na** Đại Tiên Nhân (), **Vu Bà Da Na** Đại Tiên Nhân (), **Tỳ Ma Ma Đăng Già** Đại Tiên Nhân (**Mataṅga**-mahāṛṣī), **Kiếp Tì La** Đại Tiên Nhân (**Kapila**-mahāṛṣī), **Cồ Đàm** Đại Tiên Nhân (**Gotama**-mahāṛṣī), **Lỗ Hí Đa Sa** Đại Tiên Nhân (), **Tu Niết Đa La** Đại Tiên Nhân (**Sunetra**-mahāṛṣī), **Bà Đà Cật La** Đại Tiên Nhân (**Citrākṣa** -mahāṛṣī), **Na La Đà** Đại Tiên Nhân (**Nārāyaṇa**-mahāṛṣī), **Cụ Bà Đa** Đại Tiên Nhân (**Parvata**-mahāṛṣī), **A Dĩ Lý Mễ Lỗ** Đại Tiên Nhân (**Krimilā**-mahāṛṣī)

A Nan! Tiên Nhân trước kia tạo làm bốn **a Vi Đà**, thường nói Chú Thuật, hay khiến cho con người thành tựu Thiện Ác, Khổ Hạnh. Cũng dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyện thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

Tên ấy như vầy:

"Ha lê ha lê ha lê, khi lê, ni lê, tu lê tu lợi, hỉ lợi hỉ lợi, my lợi my lợi, đạp phó đà đạp phó, già la bà ni, ma tha ni, đà ha ni, kha đa ni, ba già ni, ba đa ni, ha na ni, đà ni, đà la ni, già la già la ni, ba đa ni, mưu ha ni, sa đam bà ni, diệm bà ni, sa ha"

[Hiri hiri, khiri khiri, muri muri, puri puri, hili hili, mili mili, ḍapphu ḍapphu, ḍaḍapphu, grasani, mathani madani dahani, ghātani, pacani, pācani, pātani, tapani, tāpani, hanani, dala dala, nipāṭani, mohani, jambhani, stambhani svayaṃtuve svāhā].

_ Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của **Đại Độc**. Tên ấy như vầy: **An Đà La** (Aṇḍarā), **Bát Đà La** (Paṇḍarā), **Kha La La** (Karalā), **Chỉ Do La** (Keyūra), **Bộ Đăng Già Ma** (Bhūtaṅgamā), **Bộ Đa Ba Để** (Bhūtapati), **Tần Đầu Ba Để** (Viṃdupati), **Tử Lý Ba Để** (Śiripati), **Để Xà Ba Để** (Tejapati), **Để Xà Già La Ba Để** (Tejograpati), **Da Xa Ba Để** (Yaśopati), **Da Xa Già La Ba Để** (Yaśograpati), **A La La** (Araḍā) **Đa La La** (Taraḍā), **Đa La Đoạt Đa La Đàn Đa** (Tarataraḍadanta), **Đà Ha** (jahā), **Thị La** (jelā), **Thị Lam** (melā) **Pha La** (Phalā) **Cầu** (Guhā), **Lưu Chi La** (Rudhirā), **Đàn Đâu La** (dantulā), **Y Lợi Dĩ Già Cơ Lê Dĩ** (Irikicikākiri), **Già Xa Đa** (Kacikā), **Đẩu La** (Śatanturā), **Tì Câu Lợi** (Vipuli), **Na Câu Lợi** (Nakuli), **Y Lợi Dĩ Lực Khởi** (Irikicikā), **Đa Lăng Già Lật Sa Tha** (Taraṅgātiṣṭha), **A La Ma Để** (Āmra-mati), **Diệm Phù Ma Để** (Jambumati), **Ma Mâu Ma Để** (Madhumati), **A Thâu Ma Tha Để** (), **Kha Ma Ly** (Kamale), **Tỳ Ma Ly** (Vimale), **Quân Đà Ly** (Kuṇḍale), **A Để Na Để** (Aḍinaḍi), **Bạc chỉ** (Vakke), **Bạc Cà Đầu Đế** (Vakkadūṭṭe), **Bạt Sa Na Bí** (Vastanābhe), **Ma Ha Già Ly** (Mahāgale), **Đẩu Lâm Bì** (Tulambe)

A Nan! Tên gọi của Đại Độc này, cũng dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyện thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

_ Này A Nan! **Đại Khổng Tước Vương Chú** này đã được bảy Đức Chánh Biến Tri (Samyaksaṃbuddha) nói như vậy. **Tỳ Bối Thi** Chánh Biến Tri (Vipaśyīn-samyaksaṃbuddha), **Thi Khí** Phật (Śikhīn-buddha), **Tất Sa Bộ** (Viśvabhū), **Kha La Câu Tán** (Krakucchanda), **Kha Na Kha Lao Ni** Phật (Kanakamunïi-buddha), [Thiếu **Ca Diếp** Phật (Kāśyapa-buddha)]. Nay Ta **Thích Ca Mâu Ni Chánh Biến Tri** (Śākya-

muṇi-samyaksaṃbuddha đã nói. Nhóm Đế Thích, bốn vị Thiên Vương, 28 vị Càn Thát Bà Quân Chủ, 28 vị Cưu Bàn Trà Quân Chủ, 28 vị Long Quân Chủ, 28 vị Dạ Xoa Quân Chủ, Bát Chỉ Kha Đại Dược Xoa Quân Chủ, Ha Lê Để Lạc Xoa Nữ với 500 người con…đã tùy hỷ.

A Nan! **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Hàng Trời, Rồng, A Tu La, Ma Lâu Đa, Già Lâu Đà, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Dược Xoa, La Sát Sa, Bỉ Ly Đa, Tì Thiết Già, Bộ Đa, Cưu Bàn Trà, Phú Đan Na, Kha Đa Phú Đan Na, Sa Can Đà, Oán Ma Đà, Xà Da, A Bối Ma La, Uất Đa Na…Tất cả chỗ đã bó buộc, chẳng thể được vượt qua.

Hoặc loài hút tinh khí con người, cho đến nhóm ăn thứ nôn mửa, ăn thứ chẳng sạch…chẳng thể vượt qua được sự việc. Với Khởi Tử Quỷ, Tác Thanh Quỷ, Binh Quỷ, Ác Thực, Ác Thóa, Ác Ảnh, Ác Kiến, Ác Thư, Ác Độ…Bệnh của nhóm một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, nửa tháng, một tháng, một thời, một năm thường luôn nóng lạnh, hơi nóng hơi lạnh, Quỷ Thần gây nóng lạnh, gió lạnh, đàm ẩm, hòa hợp nóng lạnh, ghẻ lở, cùi hủi, ung nhọt, rôm sảy, nổi cục, bứu cổ… Nhóm Cổ Độc gây sự sợ hãi, tai hại, não loạn, ôn dịch với tất cả bệnh khổ…có thể độ thoát.

_ Này A Nan! Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nếu người hay dùng tên gọi ấy để tự thủ hộ thì tất cả bệnh khổ chẳng thể đến gần xâm phạm được. Nếu người đáng bị cột trói thì chỉ bị phạt mà được giải thoát. Nếu đáng bị roi sắt đánh thì chỉ dùng cây gậy mà được giải thoát. Nếu đáng bị gậy đánh thì chỉ bị đánh hờ trên cao mà được giải thoát. Nếu đáng bị đánh hờ trên cao thì chỉ bị giận dữ mắng chửi mà được giải thoát. Nếu đáng bị giận dữ mắng chửi thì chỉ bị la rầy răn dạy mà được giải thoát. Nếu đáng bị la rầy răn dạy thì tự nhiên được giải thoát.

Không bị vua chúa gây sự sợ hãi, không bị giặc cướp gây sự sợ hãi, không bị nước lửa gây sự sợ hãi, chẳng bị chết vì nước cuốn chìm, chất độc chẳng hại được thân, khí trượng chẳng thể gây thương tích, thức giấc thường an ổn, ban đêm thấy mộng tốt lành, không có các khổ loạn, oan gia, bạn ác…tất cả đều được giải thoát, lại không có sự sợ hãi, trừ **nghiệp mới bắt đầu báo ứng** (sơ báo nghiệp)

_A Nan! **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Hoặc lúc mưa nhiều, hoặc lúc khô hạn thì cần nên đọc tụng. Các vị Rồng kinh sợ, hoặc tuôn mưa hoặc quang tạnh. Hoặc hạn hán liền tuôn mưa. Thiện Nam Tử tùy ý cầu nguyện.

A Nan! Nhớ **Đại Khổng Tước Vương Chú** này thì hay diệt tất cả sự sợ hãi, huống chi là hay thọ trì đọc tụng. Nếu làm trăm gút, cũng hay trừ diệt tất cả sự sợ hãi.

A Nan! Ông nên thọ trì **Đại Khổng Tước Vương Chú** này để thủ hộ cho bốn Chúng: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di lìa tất cả sự sợ hãi.

Chú ấy như vầy:

"Da bà đàn để, da bàn để, tha để, tha lạc dĩ, đẩu lâu đẩu lâu nhĩ, sa ha"

[Yāvati, dhānati, varaki, kuru turu me svāhā]

_ **Tham Dục** (Rāga), **Sân** (Dveṣa), **Si** (moha) là ba độc ở đời. Đức Như Lai đã không có, là chỗ trừ bỏ của **Đạo Đế** (Mārga-satya). **Tham Dục, Sân, Si** là chỗ diệt của **Pháp Đế** (Dharma-satya). Như ba độc này, mọi **Đế** (Satya) hay giết chết, Phật Pháp tăng sức mạnh. Nguyện thủ hộ tôi, dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** để trừ diệt. Nguyện tôi an ổn.

Thế Tôn! A Nan nghe điều Đức Phật đã nói, cung kính đảnh lễ, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng theo bên phải rồi đi đến chỗ của Tỳ Kheo **Sa Để**, kết Giới kết Địa, dùng

Đại Khổng Tước Vương Chú này vì Tỳ Kheo Sa Để, cũng nói Chú nhiếp thọ thủ hộ, lìa các độc khổ, tịch nhiên an ổn.

A Nan làm cho Tỳ Kheo **Sa Để** nghe nói Chú xong liền có thể đi bộ. Thời Trưởng Lão **A Nan** với Tỳ Kheo Sa Để cùng đi đến chỗ của Đức Phật, cúi đầu mặt lễ bàn chân của Đức Phật, rồi lui về đứng một bên. Đầy đủ xong thì bạch với Đức Phật.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Trưởng Lão A Nan: "Thế nên A Nan! Ông nên nói **Đại Khổng Tước Vương Chú** này cho bốn Chúng: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di"

A Nan bạch Phật: "Lành thay! Bạch Đức Thế Tôn!"

Bấy giờ Trưởng Lão A Nan nhận lời Phật dạy xong, liền nói cho bốn Chúng, Tỳ Kheo Sa Để cùng với chúng của tám Bộ Trời, Rồng, Dược Xoa…nghe điều Đức Phật đã nói, thảy đều vui vẻ.

KINH KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ
QUYỂN HẠ (Hết)

(Trong hàng thứ tư bên trong 26 cuộn giấy, dựa theo bản dịch khác nên Kinh bị thiếu Đức Phật **Ca Diếp.** Bản Nam Bắc không có cho nên chẳng dám thêm vào)

Kết Chú Giới Pháp:

Bạch (tơ lụa) Thi Lê Mật nêu ra trước tiên (?). Dùng đá, tro, đất khô rải tán mặt đất, làm ba lớp phân chia **Giới**

Từ góc Đông Bắc đến góc Đông Nam. Đây là chỗ trú của Đông Phương Càn Thát Bà Vương

Đề Đầu Lại (Dhṛta-rāṣṭra) Tướng Soái, quan thuộc, Quỷ Thần, Đại Tướng Quân thủ hộ vách tường phía Đông

Từ góc Đông Nam đến góc Tây Nam. Đây là chỗ trú của Nam Phương Cưu Bàn Trà Vương

Tỳ Lâu Lặc (Virūḍhaka) Tướng Soái, quan thuộc, Quỷ Thần, Đại Tướng Quân thủ hộ vách tường phía Nam

Từ góc Tây Nam đến góc Tây Bắc. Đây là chỗ trú của Tây Phương Đại Long Vương

Tỳ Lâu Bác Xoa (Virūpākṣa) Tướng Soái, quan thuộc, Quỷ Thần, Đại Tướng Quân thủ hộ vách tường phía Tây

Từ góc Tây Bắc đến góc Đông Bắc. Đây là chỗ trú của Bắc Phương Dạ Xoa Vương

Tỳ Sa Môn Thiên Vương (Vaiśravaṇa) Tướng Soái, quan thuộc, Quỷ Thần, Đại Tướng Quân thủ hộ vách tường phía Bắc

Chú xong, giải **Giới.** **"**Các Quỷ Thần bị cột trói trong đây. Nay Ta giải Giới. Ngươi nghe xong, tùy ý đi".

5 cây đao dài năm thước (5/3 m), 5 cây phan ngũ sắc, 21 mũi tên, 21 chén đèn, 5 mặt gương, An Tức Hương, Huân Lục Hương, nước nóng thơm, đất bùn. Đường bên ngoài (ngoại đạo) Chú vào nước đái bò bôi trát mặt đất, thiêu đốt hạt cải trong lửa, tức trên thân của Quỷ ác liền bốc lửa. Vẽ làm tượng Quỷ, dùng cây roi bằng cành Thạch Lựu đánh, thời trong miệng của Quỷ ác chảy máu.

ĐÀN PHÁP

鏡: cái gương soi, 燈: cây đèn, 刀: cây đao, 幡: cây phan, 香爐: lò hương



Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm hai quyển vào ngày 03/11/2012

Mật Tạng Bộ 2_ No.985 (Tr.459_ Tr.464)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI KHỔNG TƯỚC CHÚ VƯƠNG
QUYỂN THƯỢNG

(PHÁP PHƯƠNG TIỆN TRƯỚC TIÊN)

Hán dịch: Đời Đường_ Tam Tạng Pháp Sư NGHĨA TỊNH phụng chế dịch
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Sưu tập Phạn Chú: HUYỀN THANH

Bấy giờ Đức Phật bảo **A Nan Đà** (Ānanda): "Nếu có **Bật Sô** (Bhikṣu), **Bật Sô Ni** (Bhikṣuṇī), quốc vương, đại thần, thiện nam tử, thiện nữ nhân…có điều mong cầu, phát Tâm quy mạng **Ma Ha Ma Yu Chú Vương** thì đầu tiên cần phải làm Pháp Thức **Khải Thỉnh Mạng Triệu** làm phương tiện trước tiên, sau đó đọc tụng sẽ được tùy Tâm.

Nam mô phật đà dã
Nam mô đạt ma dã
Nam mô tăng già dã
Nam mô bảy đức Phật Chánh Biến Tri đời quá khứ
Nam mô tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát của hàng **Từ Thị Bồ Tát**
Nam mô Độc Giác, Thanh Văn, bốn Hướng, bốn Quả

Nay con đều kính lễ Thánh Chúng như vậy. Con sẽ đọc tụng Kinh **Đại Khổng Tước Chú Vương**, các điều cầu thỉnh nguyện đều được vừa ý.

Lại nữa tất cả các chúng Thiên Thần, hoặc ở trên đất, hoặc tại hư không, hoặc trụ trong nước…đều nghe tôi nói. Ấy là: Chư **Thiên** (Deva) với **Rồng** (Nāga), **A Tu La** (Asura), **Ma Lâu Đa** (Maruta), **Yết Lộ Trà** (Garuḍa), **Kiện Đạt Bà** (Gandharva), **Khẩn Na La** (Kiṃnara), **Mạc Hô Lạc Già** (Mahoraga), **Dược Xoa** (Yakṣa), **Hạt Lạc Sát Sa** (Rākṣasa), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Tỳ Xá Già** (Piśāca), **Bộ Đa** (Bhūta), **Câu Bàn Trà** (Kuṃbhaṇḍa), **Bố Đan Na** (Putana), **Yết Tra Bố Đan Na** (Kaṭaputana), **Tắc Kiến Đà** (Skanda), **Ốt Ma Đà** (Unmāda), **Xa Dạ** (Cchāya), **A Ba Tam Ma La** (Apasmāra), **Ô Tất Đa Lạc Ca** (Ostakara) với hết thảy tất cả Quỷ Thần còn lại cũng nên khéo lắng nghe. Ấy là: loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu, loài ăn thịt, loài ăn dầu mỡ, loài ăn tủy, loài ăn chi tiết, loài ăn sự sống, loài ăn sanh mạng, loài ăn vật cúng tế, loài ăn hơi thở, loài ăn mùi hương, loài ăn tóc, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn ngũ cốc, loài ăn thứ thiêu đốt trong lửa, loài ăn mủ, loài ăn thứ do đại tiện, loài ăn thứ do tiểu tiện, loài ăn nước bọt, loài ăn nước dãi, loài ăn nước mũi, loài ăn thứ dư thừa, loài ăn thứ nôn mửa, loài ăn thứ chẳng sạch, loài ăn nước rỉ chảy ra…

Các nhóm như vậy có Tâm độc hại, rình tìm đoạt mạng của người khác, làm điều không có lợi ích…đều đến nghe tôi đọc tụng Kinh **Đại Khổng Tước Chú Vương**, xả bỏ hết thảy niệm bạc ác, đều nên phát khởi Tâm Từ Bi hiền thiện, đối với Phật Pháp Tăng sanh niềm tin thanh thịnh.

Nay tôi bày biện hương, hoa, thức ăn uống. Nguyện sanh hoan hỷ, nên nghe tôi nói

"Đát điệt tha: Kha lý, cát la lý, câu bàn trĩ, thương chỉ nễ, kiếm mạt la ỷ nễ, ha lợi để, ha lợi kê thủy, hát lý băng yết lệ, lạm bệ, bát lạt lạm bệ, ca la ba thế, yết lạt du đạt lý, diễm ma độ để, diễm ma hạt lạc sát tử, bộ đa yết lạt tát nễ

[Tadyathā:Kāli karali, kumbhaṇḍi, śaṃkhini, kamalākṣi, hārīti, hari-keśi, hari-piṅgale, lambe, prālambe, kāla-pāśe, kalaśodari, yamaduṭi, yama-rākṣase, bhūta-grasani]

Tất cả Thiên Thần của các nhóm như vậy đều nên nhận lấy hương hoa, thức ăn uống này…đều phát Tâm hoan hỷ, ủng hộ tôi (họ tên…)[*Nếu vì quốc gia hoặc vì người khác mà đọc tụng, liền nên xưng nói tên gọi của người ấy. Bên dưới đều dựa theo đây*] **và các quyến thuộc… ở tất cả thời, nơi khủng bố, tất cả ách nạn, tất cả bệnh tật, tất cả ưu não, tất cả nơi đói khát, ngục tù cột trói…đều được giải thoát, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm mùa Thu. Chú lực thành tựu, sa ha.**

[Một bộ Kinh này cần biết **Đại Lệ** (luật lệ thông dụng) như là bên cạnh Thể chữ tầm thường có gia thêm bộ **Khẩu** (口) tức nên búng đường lưỡi, chỉ vì phương này không có **Chữ** cho nên phải mượn lấy **Âm** vậy, chữ còn lại có thể y theo Chữ mà nói thẳng ra, chẳng được khinh mạn làm cho **thế của tiếng** mất **Âm gốc**, lại chỉ chữ **Để** này đều làm đường âm của **Đinh Lý**, chẳng được y theo **chữ** kêu gọi, tức liền trái ngược với vận của chữ Phạn. Lại khi đọc Chú thời **Tiếng** đều dài ngắn, **Chữ** có nặng nhẹ, xem xét **bốn âm tiếng** mà đọc, cuối cùng cần có Thầy trao truyền mới có thể chính xác được.Lại cần biết thô sơ nghĩa của **Chữ** hô triệu thì mới có thể tùy theo **Tình**.

Nếu đến chỗ của Ta (họ tên là….) đều nên trình bày đầy đủ việc đã mong cầu. Có điều Chú Kinh này có Thần Lực lớn, người cầu đều hiệu nghiệm.

Đất của **Ngũ Thiên** (năm khu vực ở Ấn Độ), mười **Châu** ở Nam Hải với hơn 20 nước thuộc nhóm **Thổ Hóa La** ở phương Bắc…không luận **Đạo, Tục** (Xuất Gia và Tại Gia), Tiểu Thừa hoặc Đại Thừa…đều cùng nhau tôn kính, đọc tụng, cầu thỉnh mong được Phước Lợi, báo ứng chẳng sai.

Chỉ vì Kinh xưa, dịch văn có thiếu sót nên khiến cho **Thần Châu** chẳng lưu bày nhiều. Tuy gặp tai nạn nhưng người đọc tụng vẫn còn thưa thớt. Cho nên ngày nay gom tìm bản Phạn của các Bộ, nghiên cứu ngọn nguồn, xem xét rõ ràng, dịch thành ba Quyển kèm với quy thức **vẽ tượng, Đàn Trường**…lợi ích vô biên, truyền lại cho đời vậy]

PHẬT NÓI KINH ĐẠI KHỔNG TƯỚC CHÚ VƯƠNG
QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức **Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ: Thế Tôn) ở tại thành **Thất La Phiệt** (Śrāvastya), rừng **Thệ Đa** (Jeṭavaṇa), vườn **Cấp Cô Độc** (Anāthapiṇḍadasyārāma) cùng với chúng **Đại Bật Sô** (Mahā-bhikṣu) gồm 1250 người đều đến dự. Ở trong trú xứ này có một vị **Bật Sô** (Bhikṣu) tên là **Sa Để** (Svāti) tuổi còn nhỏ, xuất gia chưa lâu, mới thọ **Cụ Túc**, học Giáo **Tỳ Nại Gia** (Vinaya:Giới Luật) vì **Chúng** (Saṃgha) phá cây làm chỗ tắm gội. Có con rắn đen lớn từ lỗ hổng của cây khô đột nhiên bò ra, cắn vào ngón chân cái bên phải của vị Bật Sô ấy, khí độc lan khắp thân, choáng váng té xuống đất, miệng xùi nước bọt, hai mắt trợn ngược.

Bấy giờ Cụ Thọ **A Nan Đà** (Ānanda) thấy hình trạng của vị Bật Sô kia chịu nhiều đau khổ như vậy, liền mau chóng đi đến chỗ của Đức Phật, lễ hai bàn chân của Đức Phật xong, đứng một bên rồi bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Bật Sô **Sa Để** bị đau khổ lớn…nói lại đầy đủ như bên trên. Đức Như Lai Đại Bi! Làm sao cứu chữa được?"

Nói lời đấy xong. Đức Phật bảo A Nan Đà: "Ông nên trì **Đại Khổng Tước Chú Vương** mà Ta đã nói, vì Bật Sô **Sa Để** mà làm ủng hộ, nhiếp thọ che chở nuôi dưỡng Vì vị ấy kết **Giới**, kết **Địa** khiến được an ổn, hết thảy sự đau khổ đều được tiêu trừ.

Hoặc bị đao, gậy làm tổn thương, hoặc bị chất độc gây não hại, làm việc chẳng nhiêu ích. Hoặc là **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **A Tô La** (Asura), **Ma Lâu Đa** (Maruta), **Yết Lộ Trà** (Garuḍa), **Kiện Đạt Bà** (Gandharva), **Khẩn Na La** (Kiṃnara), **Mạc Hô Lạc Già** (Mahoraga), **Dược Xoa** (Yakṣa), **Hạt Lạc Sát Sa** (Rākṣasa), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Tất Xá Già** (Piśāca), **Bộ Đa** (Bhūta), **Câu Bàn Trà** (Kuṃbhaṇḍa), **Bố Đan Na** (Putana), **Yết Trá Bố Đan Na** (Kaṭaputana), **Tắc Kiến Đà** (Skanda), **Ố Ma Đả** (Unmāda), **Xa Dạ** (Cchāya), **A Ba Tam Ma La** (Apasmāra), **Ô Tất Đa Lạc Ca** (Ostakara) **Nặc Sát Đát La** (Nakṣatra), **Lê Ba** (Ripu). Khi bị nhóm như vậy **Chấp Lục** (đuổi bắt) thời ủng hộ con…cùng các quyến thuộc.

_Lại có chư Thần: ăn tinh khí, ăn thai, ăn máu, ăn thịt, ăn Chi Cao (dầu mỡ), ăn tủy, ăn chi tiết, ăn sống, ăn mạng, ăn đồ cúng, ăn khí, ăn hương, ăn tóc, ăn hoa, ăn quả, ăn ngũ cốc, ăn lửa thiêu, ăn mủ, ăn đại tiện, ăn tiểu tiện, ăn nước bọt, ăn nước rãi, ăn nước mũi, ăn thức ăn dư thừa, ăn đồ ói mửa, ăn vật bất tịnh, ăn nước chảy rỉ…Khi nhóm này gây não thời đều hộ cho con… cùng các quyến thuộc khiến lìa lo khổ, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu.

_Nếu lại có người làm các Cổ Mị, Yếm Đảo, Chú Thuật, bay đi trong hư không, **Cật Lật Để** (Kṛtyā), **Yết Ma Noa** (Karmaṇa), **Ca Cô Ốt Đà** (Kakhordda), **Chỉ Lạt Noa** (Kiraṇa), **Tỳ Đa Trà** (Vetaḍa), **Át Đà Tỳ Đa Trà** (), **Chất Giả** (Cicca), **Tất Lệ Sách Ca** (), uống máu tủy của kẻ khác, biến làm người sai khiến, hô triệu Quỷ Thần làm các nghiệp ác, ác thực biến thổ, ác ảnh, ác thị, làm các thư phù hoặc siêu độ ác. Khi có các nhóm ác như vậy hiện ra thời đều hộ con…khiến lìa lo khổ.

_Hoặc lại có các việc kinh sợ: vua, giặc, nước, lửa, binh nước khác đến gây sợ hãi, sợ gặp đói khát, sợ chết không đúng thời, sợ đất chấn động, sợ ác thú đến, sợ tri thức ác, sợ lúc sắp chết. Nhóm sợ hãi như vậy đều hộ con….

_Lại nữa, các bệnh: ghẻ lở, bệnh hủi, mụn nhọt, hắc lào, bệnh trĩ, bệnh lậu, ung thư, da thân khô đen, đau đầu, đau nửa đầu, ăn uống chẳng tiêu, mắt, tai, mũi, lưỡi, miệng, môi, răng nanh, răng, cổ họng, ngực, lưng, hông sườn, eo, bụng, tay chân, chi tiết, chỗ ẩn kín, tâm buồn bực, hạch ở bẹn, bệnh hòn trong bụng, bệnh khô đét gầy ốm, khắp thân bệnh khổ thảy đều trừ hết.

_Hoặc lại bệnh sốt rét: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, nửa tháng, một tháng, hoặc lại nhiều ngày liên tiếp, hoặc lại phút chốc, hoặc bệnh thường nóng sốt, bệnh **Thiên Tà**, bệnh bứu cổ, Quỷ Thần, nóng sốt, trúng gió, vàng da, **đàm ẩm** (trong thân thể, nước dịch quá lượng chẳng thâu hóa được, ngưng chảy hoặc chảy rỉ ra ở một bộ phận nào đó gây thành bệnh), hoặc **Tổng tập bệnh**. Hoặc bị Quỷ dựa, hoặc bị các độc, người với Phi Nhân làm cho trúng độc. Khi các bệnh quá ác như vậy sinh ra thời đều hộ con…cùng các quyến thuộc.

Nay con làm kết Giới kết Địa ấy, tụng trì Chú này đều khiến cho an ổn, sa ha.

Kèm nói **Tụng** này (Trong **Tụng** có chữ **Nhữ** (ngươi). Nếu vì tự thân thì nói rằng **khiến cho con**)

"Khiến ngươi (nhữ) đêm an ổn
Suốt ngày cũng như thế
Ở trong tất cả Thời
Chư Phật thường hộ niệm"

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: Nhất trì, tỳ trì, chỉ trì, hứ trì, mật trì, nễ trì, a trệ, na trệ, già trệ, độc già trệ, hát trì bạc cụ trì, báng tô tất xá chỉ nễ, a lô hán nễ, ô lô hán nễ, y lệ, mê lệ, yết lệ, để lý để lý, mê lệ mê lệ, điểm mê điểm mê, đỗ mê đỗ mê, nhất trí, mật trí, tì sắt trá thê, nhiếp bát lệ, tì mạt lệ tì mạt lệ, hốt lỗ hốt lỗ, át thuyết mục khí, ca lý ca lý mạc ha ca lý, bát lạt chỉ lật noa kê thí, củ lỗ củ lỗ, phạp bố lỗ,

cô lỗ cô lỗ, hô lỗ bà hô lỗ bà, át táp ma, đàm bà đàm bà, độ đàm bà, ma đàm bà, cồ la dã, bệ la dã, bế du bế du, hứ lý hứ lý, mật lý mật lý, để lý để lý, hứ lý hứ lý, tì lý tì lý, chủ lỗ chủ lỗ, mẫu hô mẫu hô mẫu hô mẫu hô mẫu hô (5) mẫu lỗ mẫu lỗ mẫu lỗ mẫu lỗ mẫu lỗ (5) hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ (5) hô hô hô hô hô hô hô hô hô hô (10) bà bà bà bà bà bà bà bà bà bà (10) xà la xà la xà la xà la xà la xà la xà la xà la xà la xà la (10) đàm ma đàm mạt nễ, đáp bả đáp bát nễ, thùy la thùy lạt nễ, bát giả bát giả nễ, trá đỗ tị, yết thiện nễ, bột lý sơn nễ, táp bố trá nễ, đa bát nễ, ba chiết nễ, ha lạt nễ, ca lạt nễ, kiếm bát nễ, mạt đạt nễ, mạn trì đế kế, y mang yết lý, mang yết lý, xa yết lý, thước yết lý thước yết lý, thương yết lý thương yết lý, thùy lạt nễ, độ ma độ mạt nễ, tát độ mê, cồ la dã, tỳ la dã, bát lợi tỳ la dã, nhất lý chỉ tử, sa ha"

(Iḍi, viḍi, kiḍi, hiḍi, maḍi, niḍi, meḍi, āḍe, ghāḍe, dugghāte, harivogāḍi, pānsu piśācini, ārohini, ḍorohini, ele mele, kele, tili tili, mele mele, time time, dume dume, dudume, iṭṭi miṭṭi, viṣṭaddhe, capale, vimale vimale, huru huru, aśvamukhi, kāli kāli, mahākāli, prakīrnakeśi, kulu kulu, vappgulu, kolu kolu, huruva huruva, vāsā dumbā, dumbā dodumbā, madumbā, gorāyā, velāyā, piśu piśu, hili hili, mili mili, tili tili, culu culu, muhu muhu muhu muhu muhu, mulu mulu mulu mulu mulu, hulu hulu hulu hulu hulu, hu hu hu hu hu hu hu hu hu hu, vā vā vā vā vā vā vā vā vā vā, jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla, dama damani, tapani tapani, jvala jvalani, paca pacani, duṃbubi, garjani, varṣaṇi, sphoṭani, tapani pacani, hāriṇi kāriṇi, kampani, marddanī, maṇḍitike, kṣemaṃkari, makari śakari, sarkari, sarkari, śaṃkari śaṃkari, jvalani, duma, dumbani, sukusame, golāyā, velāyā, parivalāya, irikisi svāhā)

Nếu người đọc tụng Kinh nảy, khi đến chỗ này thời tùy theo việc nguyện cầu đều nên xưng nói việc ấy.

Nếu khi hạn hán (đại hạn) thời nguyện xin Trời tuôn mưa

Nếu khi ngập úng lớn (đại lạo) thời nguyện xin Trời ngưng mưa.

Nếu có binh đao, trộm cướp, bệnh dịch lưu hành, đói khát, thời ác với ách nạn khác thì tùy theo việc cần phải nói rõ, một lòng cầu thỉnh đều được vừa ý.

_A Nan Đà! Lại có tên gọi của các Long Vương, nên khởi Tâm **Từ** xưng nói tên ấy, thỉnh cầu gia hộ.

Vua Rồng **Trì Quốc** (Dhṛtarāṣṭra) Ta ***Từ niệm*** (Quan tâm yêu thương giúp đỡ)
Y La Bạn Noa (Airavaṇa) thường khởi **Từ** (Maitra:Yêu thương giúp đỡ)
Tì Lô Bác Xoa (Virūpakṣa) cũng khởi **Từ**
Hắc Kiều Đáp Ma (Kṛṣṇa-gautamaka)Ta ***Từ niệm***
Vua Rồng **Mạt Ni** (Maṇi) Ta ***Từ Mẫn*** (Lo lắng yêu thương giúp đỡ)
Rồng **Bà Tố Chỉ** (Vasuki) thường khởi **Từ**
Vua Rồng **Trượng Túc** (Daṇḍa-pāda) cũng khởi **Từ**
Vua Rồng **Mãn Hiền** (Pūrṇa-bhadra)Ta ***Từ niệm***
Vô Nhiệt Não Trì (Anavatapta), **Bà Lâu Noa** (Varuṇa)
Mạn Đà Lạc Kê (Manjuruka), **Đắc Xoa Ca** (Takṣa)
Rồng **Nan Đà** (Nanda), **Ổ Ba Nan Đà** (Upananda)
Ta hưng **ý Từ** đến Rồng ấy
Các Long Vương **A Nan Đắc Ca** (Ananta)
Chúng Long Vương **Bà Tô Mục Khư** (Vāsu-mukha)
A Ba La Thị (Aparājita) cũng khởi **Từ**
Vua Rồng **Xâm Ba** (Chitvāsta)Ta ***Từ ái***
Đại Ma Na Tư (Mahā-manasvī) Ta ***Từ niệm***

Tiểu Ma Na Tư (Upa-manasvī) cũng khởi **Từ**
A Bát La La (Apalāla) **Ca Lạc Ca** (Kālaka)
Thất La Mạt Ni (Śravaṇeraka), **Bồ Già Bạn** (Bhogava)
Đạt Đệ Mục Khư (Dadhi-mukha) với **Mạt Ni** (Maṇi)
Bôn Đà Lợi Ca (Puṇḍarīka), **Thiêm Bát Để** (Diśaṃ-pati)
Cát Cô Đắc Ca (Karkkoṭaka) với **Lễ Túc** (Śaṃkha-pāla)
Mao Thảm (Kambala), **Mã Thắng** (Aśvatara) hai thường **Từ**
Bà Kê Đắc Ca (Śāketaka), **Quân Tỳ La** (Kumbīra)
Châm Mao (Suciroma), **Ức Hành** (Uraga) các Long Vương
Hiệt Lợi Sa Bà (Ṛṣika) với **Ca La** (Kāla)
Mãn Nhĩ (Pūrṇa-karṇa), **Xa Diện** (Śakaṭa-mukha) thường **Từ Niệm**
Rồng **Cô Lạc Ca** (Kolaka)Ta ***Từ niệm***
Bà Thư Phất Đa (Vatsīputra), **Tô Nan Đà** (Sunanda)
Đại Long Vương **Y La Bát Đa** (Erapatra)
Lam Bộ Lạc Ca (Lamburuka) Ta ***Từ Mẫn***
Vua Rồng **Phi Nhân** (Amanuṣa) Ta ***Từ Niệm***
Vua Rồng **Thượng Nhân** (Uttara-manuṣa) cũng như thế
Rồng **Miệt Lật Kỳ** (Mṛgila) thường khởi **Từ**
Mục Chân Lân Đà (Mucilinda) Ta ***Từ Niệm***
_ Có các Long Vương đi trên đất
Hoặc ngay trong nước, làm **Y Chỉ** (nơi nương nhờ)
Hoặc lại thường đi ở trong không
Hoặc luôn nương dựa núi **Diệu Cao** (Sumeru: Núi Tu Di)
Long Vương một đầu, Ta **Từ Niệm**
Cùng với hai đầu, cũng như thế
Như vậy cho đến có nhiều đầu
Nhóm Long Vương này, Ta **Từ Niệm**
_ Hoặc lại Long Vương không có chân
Các Long Vương hai chân, bốn chân
Hoặc lại thân Long Vương nhiều chân
Đều khởi Tâm Từ cùng hộ niệm
_ Nhóm Long Vương này đủ Uy Đức
Sắc đẹp, sức mạnh có danh tiếng
Khi **Trời** (Deva) chiến đấu với **Tu La** (Asura)
Có Đại Thần Thông không lui sợ
Đừng khiến **không chân** (vô túc) khinh khi Ta
Hai chân cũng không được xâm lăng
Các chúng sinh hai chân, nhiều chân
Thường đối thân Ta, không **não xúc** (tiếp chạm gây phiền não)
_ Các **Rồng** (Nāga) với **Thần** (Devatā), Ta **Từ ái**
Hoặc ngay trên đất, hoặc trên Không
Thường khiến tất cả các chúng sinh
Đều khởi Tâm Từ cùng hộ niệm
Lại nguyện tất cả loài Hàm Sanh
Hết thảy tất cả các Đại Thần
Thường thấy tất cả điềm tốt lành
Đừng nhìn việc tội ác ngược Tình
_ Ta thường phát khởi nơi **Từ Niệm**

Khiến **họ** (các vị Rồng) diệt trừ các ác độc
Nhiêu ích nhiếp thọ, lìa tai ách
Tùy tại lúc nào thường ủng hộ
**“Nam mô tốt đổ phật đà dã
Nam mô tốt đổ bồ đại duệ
Nam mô tốt đổ mộc đa dã
Nam mô tốt đổ mộc đái duệ
Nam mô tốt đổ phiến đa dã
Nam mô tốt đổ phiến đái duệ”**
(Namostu buddhāya
Namostu bodhāye
Namostu muktāya
Namostu muktāye
Namostu śāntāya
Namostu śāntāye)

_ Hết thảy người **tịch tĩnh**
Hay trừ diệt Pháp ác
Kính lễ nhóm như vậy
Thường vệ hộ cho con.

Nơi tất cả khủng bố, tất cả não loạn, tất cả tai hại, tất cả bệnh tật, tất cả biến quái, tất cả ác độc, chỗ chẳng lợi ích thảy đều ủng hộ con…cùng các quyến thuộc sống lâu trăm tuổi (tự nói tên xong, nói việc đã làm)

_ Đức Phật bảo A Nan Đà: “Thời xưa kia, ở mặt nam của núi Tuyết có **Khổng Tước Vương** (Mayūra-rāja) tên là **Kim Quang Minh** (Suvarṇāvabhāsa) trụ ở chỗ ấy. Mỗi buổi sáng sớm thường đọc tụng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thời cả ngày đều an ổn. Khi chiều tối, đọc tụng thời cả đêm đều an ổn.

Chú là (Ở trong Kinh này chỉ là **Nam mô** (Namo). **Nam mô** là chữ Phạn nên chẳng được tự ý sửa)

**“Nam mô phật đà dã
Nam mô đạt ma dã
Nam mô tăng già dã**

Đát điệt tha: hô hô hô hô hô hô (6) na già lệ lệ lệ, đàm bà lệ lệ lệ, hô dã hô dã, tì thệ dã tì thệ dã, độ tô độ tô, cũ lỗ cũ lỗ, y la mê la, nhất lý mê la, trất lý mê la, y lý mật đế, để lý mật đế, y lý để lý mật đế, đàm bệ tô đàm bệ, đổ tốt đa, cồ la bệ la, triệp bát la, tì mạt la, nhất trất lý, bật trất lý, tì trất lý.

Nam mô tốt đổ phật đà nam ha la đà la. Nguyện **mãn điều đã mong cầu. Con tên là…cùng các quyến thuộc nói việc đã mong cầu** (thuận trời mưa…)

Nam mô phật đà nam, sa ha”

[Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namo saṃghāya

Tadyathā: hu hu hu hu hu hu, nāga lelele, dumba lelele, huya huya, vijaya vijaya, dhusu dhusu, guru guru, elā melā, ili melā, ṭili mela, ili mitle, tili mitle, ili tili mitle, dumbe, sudumbe, tesute, golā velā, capalā, vimalā, iṭṭiri, bhiṭṭiri, viṭṭiri

Namostu buddhānāṃ, cilikisi, godohika, namo arhantānāṃ, holadala. Nguyện mãn điều đã mong cầu. Con tên là…cùng các quyến thuộc nói việc đã mong cầu (thuận trời mưa…)

Namo buddhānāṃ svāhā]

_A Nan Đà! **Khổng Tước Vương** (Mayūra-rāja) ấy có một lúc quên tụng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này để làm ủng hộ, bèn đem Chúng, phần lớn là Khổng Tước Cung Nữ…từ rừng này đến rừng kia, từ núi này đến núi nọ để vui chơi, ham ưa dâm ái, mê man phóng dật vào trong hang núi cho là nơi an ổn, bị thợ săn là oan gia rình tìm dịp thuận tiện liền dùng dây bắt chim cột trói. Khi Khổng Tước Vương bị cột trói thời nhớ lại **Bổn Chính Niệm**, như câu từ lúc trước, tụng **Đại Khổng Tước Chú Vương** thì ở chỗ bị cột trói được tự nhiên giải thoát, quyến thuộc an ổn, trở về chỗ ở lúc trước.

Lại liền nói **Đà La Ni Chú** này là:

"Nam mô phật đà dã

Nam mô đạt ma dã

Nam mô tăng già dã

Nam mô tô bạt noa bà tát tả, ma du lợi, hạt la thận nhã

Nam mô mạc ha ma du lợi kỷ, tỉ địa la thận nhã

Đát điệt tha: tất thê tô tất thê, mô chiết nễ, mộc sát nễ, mộc đế tỳ mộc đế, a mạt lệ, tì mạt lệ, niết mạt lệ, ban đạt lệ, mang yết lệ, hứ lan nhã yết tỳ, hạt lạt đát na yết tỳ, bạt điệt lệ, tô bạt điệt lệ, tam mạn đa bạt điệt lệ, tát bà át tha, sa đãn nễ, bát la ma át tha, sa đãn nễ, tát bà nại tha sa đãn nễ, tát bà mang yết la, sa đãn nễ, mạt nại tử, ma nại tử, mạc ha ma nại tử, át bộ đế, át trất bộ đế, át tốt đế, át lạt thệ, tì lạt thệ, tì mạt lệ, a mật lật đế, a mạt lệ, a mạt lạt nễ, bạt la ham mê, bạt la ham ma sa lệ, bộ liệt nê, bộ liệt noa, mạn nô lạt thế, a mật lật đa, tăng thị phạt nễ, thất lợi bạt điệt lệ, chiên điệt lệ, chiên đạt bát lạt bề, tô lợi duệ, tô lợi da thiên đế, tỳ đa bà duệ, tô phạt nê, bạt la ham ma cồ tỉ, bạt la ham ma thọ suất đế, tát bạt đát la, a bát để hát đế, sa ha.

Nam mô tát bà phật đà nam, sa tất để

Con tên là…cùng các quyến thuộc, nguyện mãn sự mong cầu, thường được ủng hộ, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu

Hốt chỉ, du chỉ, cụ chỉ, mẫu chi, sa ha"

(Namo buddhāya

Namo dharmāya

Namo saṃghāya

Namo suvarṇābhāsasya mayūra-rājñaḥ

Namo mahā-mayūrye vidya-rājña

Tadyathā: Siddhe susiddhe, mocani, mokṣaṇi, mukte, vimukte, amale, vimale, nirmale, bhadre, maṃgale, hiraṇya-garbhe, ratna-garbhe, bhadre, subhadre, samanta-bhadre, sarvārtha-sādhani, paramārtha-sādhani, sarvānartha-sādhani, sarva maṃgala-sādhani, mānasi, mānasi, mahā-mānasi, adbhute, atyadbhute, acyute, ajare, vijare, vimale, amṛte, amaraṇi, brahme, brahma-svare, pūrṇe, pūrṇa manorathe, amṛta saṃjīvani, śrībhadre candre, candra-prabhe, sūrye, sūryakānte, vītabhaye, suvarṇi, brahmaghoṣe, brahmajuṣṭai, sarva-tra, apratihate, svāhā

Namaḥ sarva buddhānāṃ, svāsti

Con tên là…cùng các quyến thuộc, nguyện mãn sự mong cầu, thường được ủng hộ, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu

huci, guci, ghuci, muci, svāhā)

_Lại nữa A Nan Đà! **Kim Quang Minh Khổng Tước Vương** xưa kia đâu là ai khác, chính là thân Ta. Nay Ta lại nói **Đại Khổng Tước Chú Vương Tâm Chú.**

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: nhất để, mật để, để lý mật để, để lý mật lý, mật để để lý, mật lý mật lý, để lý để lý, mật lệ trất lý điểm nhĩ, tô đam bà, đam bà tô bạt giả, chỉ lý chỉ tử dã, tần na mê trì

Nam mô phật đà nam, chất lật yết tử, ban lan đa mộ lệ, y để ha la, lô hứ đa, mộ lệ, đam bà, am bà, củ trí, củ nại trí, củ củ nại trí, để la quân đỗ nại để

Con tên là…cùng các quyến thuộc, nguyện mãn sự mong cầu, thường được ủng hộ, sống lâu trăm tuổi.

Nhất lý, mật lý, chỉ lý, mật lý, kê lý, mê lý, kê đổ mộ lệ, đỗ đàm bệ, tô đạt la mê trệ, đạt lợi mê, tam đổ phạt đế, bộ sa phạt đế, bộ tát la, bộ tát la, y na phạt tát đát lạc kê, nại yết la, nại yết lý mê, khư lý mạt la cật lệ, nhất trí, tát chiết lệ, đam bệ, đổ đam bệ, át nại đế, bát lạt nại đế, át na nại đế, át na mô hát lệ

Con tên là…cùng các quyến thuộc, nguyện mãn sự mong cầu

Na la diễn nê, ba la diễn nê, hát lợi đa lý, quân đa lý, y lý mật để, chỉ lý mật tất để, cát để lý mật để, y mê tất điện đổ, đạt la di la, mạn đát la bát đả, sa ha"

(Tadyathā: Itti mitti, tili mitti, tili mitti, mitti tili, mili mili, tili tili, mili ṭili tumbe, sutumbā tumbā, suvacā, cilikisi, bhinnameḍi.

Namo buddhānāṃ cilikisi prānta mūle, itihārā lohita mūle, tumbā, ambā, kuṭṭi, kūnaṭṭi, kukunaṭṭi, tilakuñjanaṭṭi

Con tên là…cùng các quyến thuộc, nguyện mãn sự mong cầu, thường được ủng hộ, sống lâu trăm tuổi.

Ili mili kili mili kelimeli, ketu mūle, dudumbe suḍumeḍi, dalime santuvaṭṭe, vusavaṭṭe, vusare vusare, dhanavastarake, narkalā narkalime, khara mara khile, iti sarjjale tumbe tutumbe anaṭṭe ṇaṭṭe paraṇaṭṭe aṇaṇaṭṭe, aṇamohare

Con tên là…cùng các quyến thuộc, nguyện mãn sự mong cầu

Narāyaṇi pārāyaṇi haritāli kūntāli, ili mili, kili misti, kitili mitti, ilime, siddhyantu drāmiḍā mantrapadāḥ svāhā]

A Nan Đà! **Đại Khổng Tước Chú Vương Tâm Chú** này. Nếu lại có người muốn vào làng xóm nên nhớ niệm tụng. Hoặc đến nơi **A Lan Nhã** tịch tĩnh, hoặc ở đường lớn, hoặc đi ở chỗ chẳng phải là con đường (phi đạo). Hoặc vào cung vua, nơi có giặc cướp, đấu tranh, nước, lửa, oan gia với ứng đối Đại Chúng. Hoặc bị trúng độc do rắn rít cắn…Hết thảy sự sợ hãi, phong , nhiệt, đàm ẩm hoặc ba bệnh hợp lại, hoặc 404 bệnh….nếu mỗi một bệnh sanh ra liền nên niệm tụng. Hoặc khi khổ não đến đều có thể nhớ trì. Tại sao thế? A Nan Đà! Nếu lại có người đáng bị tội chết thì chỉ bị xử phạt mà được thoát, đáng bị phạt thì bị gậy đánh nhẹ mà được thoát, đáng bị gậy đánh nhẹ thì chỉ bị chửi mắng mà được thoát, đáng bị chửi mắng thì chỉ bị la rầy mà được thoát, đáng bị la rầy thì tự nhiên được thoát, tất cả ưu não thảy đều tiêu diệt.

_Lại nữa, A Nan Đà! Lại có **Minh Chú**, ông nên thọ trì.

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: chỉ lý, nhĩ lý, cát lý nhĩ lý, kê đổ mộ lệ, bộ tát đế, bộ sa hiệt lợi nễ, bộ đà nê, bộ đà hạt lạt nễ, kê phạt đế, kê phạt trá mộ lệ, y trí, nhiếp phạt lệ, đam bệ đam bệ, tất lê mê, yết lệ, a phạt đế, bát lợi phạt đế

Con tên là…cùng các quyến thuộc thành tựu Chú Lực, nguyện mãn điều mong cầu

Nam mô bạc già phạt đô, nhất trí trí ca da, nhân đạt la, cồ tử ca da, a phiến nê, ba phiến nê, ba tán nễ củ lệ, kiếp tất la mật đế, nhất lý mật đế

Nam mô bạc già phạt đô, phật đà dã, tất điện đổ mê

Con tên là…cùng các quyến thuộc thành tựu Chú Lực, sa ha"

(Tadyathā: kili mili kelimeli, ketu mūle, vusavaṭṭe, vusahāriṇi bhūtane, bhūta-hāriṇi, kevaṭṭe, kevaṭṭa-mūle, iti jvale, tumbe tumbe, tilime kāre, avaṭṭe paravaṭṭe

Con tên là…cùng các quyến thuộc thành tựu Chú Lực, nguyện mãn điều mong cầu

Namo bhagavato iṭṭi-kāya, indra gopasikāya, āśane, pāśane, pāpanikule, kapila misti, ili misti

Namo bhagavato buddhāya sidhyantu me

Con tên là…cùng các quyến thuộc thành tựu Chú Lực, sa ha)

A Nan Đà! **Đại Khổng Tước Chú Vương** này là điều mà chư Phật đã nói, thường nên thọ trì, tự xưng, dùng tên gọi để cầu cứu hộ, nguyện luôn nhiếp thọ trừ các sự sợ hãi, đao, gậy, xiềng xích, cùm trói…Các khổ như vậy đều mong giải thoát, thường gặp lợi ích, chẳng thấy suy não, sống lâu trăm tuổi

_A Nan Đà! Ta chẳng thấy có người, Trời, Ma, Phạm, Sa Môn, Bà La Môn, tất cả Thế Gian…nếu hay đọc tụng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này để tự ủng hộ, cầu thương nhiếp thọ, nguyện được an lạc, kết Giới kết Địa, một lòng thọ trì thì không có ai có thể đi đến gây não hại được.

Ấy là: Hoặc Trời, vợ Trời, con trai của Trời, con gái của Trời với cha mẹ của Trời và bạn bè thân thuộc.

Hoặc Rồng, vợ Rồng, con trai của Rồng, con gái của Rồng với cha mẹ của Rồng và bạn bè thân thuộc.

Hoặc A Tô La với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Ma Lâu La với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Yết Lộ Trà với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Kiện Đạt Bà với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Khẩn Na La với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Mạc Hô Lạc Già với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Dược Xoa với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc La Sát với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Tất Lệ Đa với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Tất Xá Già với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Bộ Đa với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Câu Bàn Trà với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Bố Đan Na với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Yết Trá Bố Đan Na với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Tắc Kiến Đà với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Ốt Ma Đà với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Xa Dạ với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc A Ba Tam Ma La với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Hoặc Ô Tất Đa Ba La với vợ, con trai, con gái, cha mẹ, bạn bè thân thuộc.

Như vậy Trời, Rồng, Dược Xoa với các Quỷ Thần, hết thảy thân quyến, bạn bè, thân bằng, quyến thuộc thường rình rập con người, tìm kiếm lỗi lầm phát khởi bệnh ác. Nhóm Trời, Rồng, Quỷ Thần này tuy có Tâm ác nhưng chẳng thể gây não hại cho người này. Tại sao thế? Do thường tụng trì **Minh Chú** này cho nên nhóm Trời, Rồng, với Quỷ Thần gây não hại đấy nếu quay về bổn xứ thì chẳng cho nhập vào Chúng

Nếu có loài làm trái ngược với **Bổn Minh Thần Chú** này, vượt qua **Giới Pháp** thì cái đầu bị phá vỡ làm bảy phần giống như **ngọn cây Lan Hương** [Tiếng Phạn là **Át Đỗ Ca Mạn Chiết Lợi** (Arjaka-mañjarī), **Át Xã Ca Lan Hương, Mạn Chiết Lợi Sao….** Xưa kia dịch là cành cây **A Lê**, tức không rõ âm gốc, lại chẳng biết việc ấy cho

nên dẫn đến sự sai lầm lâu dài nhưng hỏi ra thì Phương Tây (Ấn Độ) không có cây **A Lê**]

_Lại nữa A Nan Đà! Lại có **Minh Chú** , nên thọ trì

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: y lý, nhĩ lý, chỉ lý, nhĩ lý, kiên chỉ độc đế, mục đế, tô mục đế, át trà, na trà, tốt na trà, tất điện đổ

Con…cùng các quyến thuộc (nói việc mong cầu, nguyện khỏi bệnh…)

A la, ba la cồ đỗ hứ ca, y lý nhĩ lý, tần thị lý ca, ốt độc ca, ốt tra độc ca, ca đạt đổ, ca đạt đổ ca, y lý nhĩ lý, để lý nhĩ lý, tam mạn đa, đa cật lật đoả, hô lỗ hô lỗ, hứ lý hứ lý, nhĩ lý nhĩ lý, bỉ lý bỉ lý, chỉ lý chỉ lý, thi lợi sư noa mộ sam, chủ lỗ chủ lỗ chủ lỗ chủ lỗ, chiết la chiết la, chỉ lý chỉ lý, chủ lỗ chủ lỗ, tì trí tì trí, thức xí thức xí, nhất trí, tì trí, xí xí xí xí, hốt thọ hốt thọ hốt thọ hốt thọ hốt thọ hốt thọ hốt thọ hốt thọ hốt thọ hốt thọ, ma la ma la, hát la hát lạt nị, chiêm tỳ bát lạt chiêm tỳ, đột sắt trá bát la đột sắt trá, chiêm tỳ nhĩ

Con tên là….cùng các quyến thuộc thảy đều ủng hộ, khiến được an ổn, kết Giới kết Địa, sống lâu trăm tuổi, thành tựu Chú Pháp, sa ha"

(Tadyathā: Ili mili, kili mili, kiṃduḥkhe mukti sumukti āḍa nāḍaḥ, sunāḍa, siddhyantu

Con…cùng các quyến thuộc (nói việc mong cầu, nguyện khỏi bệnh…)

ārā pārāgodohikā, ili mili, bhijjilika, udukā, uṭadukā, kādundu, kādundukā, ili mili, tili mili, samantataḥ kṛtvā, hulu hulu, hili hili, mili mili, viri viri, kili kili, śrīṣeṇa varṣaṃ, muru muru, cala cala, cili cili, culu culu, viṭi viṭi, śikhi śikhi, iṭi viṭi, śikhi śikhi, huju huju, huju huju, huju huju, huju huju, huju huju, mala mala, hara haraṇe, jaṃbhe, prajaṃbhe, duṣṭha, paraduṣṭha, jaṃbemi

Con tên là….cùng các quyến thuộc thảy đều ủng hộ, khiến được an ổn, kết Giới kết Địa, sống lâu trăm tuổi, thành tựu Chú Pháp, sa ha)

_Lại nói Chú là:

"Đát điệt tha: chất trất lệ, chất thất lệ mộ lệ, hát lệ hát la ma lệ, phát lệ phát la ma lệ, khu lỗ khu lỗ khu lỗ khu lỗ khu lỗ khu lỗ, độ lỗ khu lỗ, khư la phạt lỗ noa, tì lệ tì lệ, đà đích đà đích, a lỗ mạt lỗ, tốt lỗ tốt lỗ

Diệt trừ các độc với loài khởi Tâm ác, chất độc của rễ, chất động của răng với răng nanh, các chất độc trong thức ăn uống. Nguyện dùng Từ Quang của Phật diệt trừ độc hại

Tốt lỗ tốt lộc kê, bạt la bạc lạc kê, bạc lợi kê, tỳ lý hứ lý

Diệt trừ các độc, không có tất cả độc nào có thể gây xâm hại

Bảy Phật, các Thế Tôn

Chánh Biến Tri Giác Giả

Cùng với chúng Thanh Văn

Uy Quang diệt các độc

Y la, mê la, y lý mê la, để lý để lý mê la, để ha độ ha, tì ma độ, ma để la, vị thể ma độ, ma ma, tốt kiếm bà, tốn bà đam bà, tam ma đam bà, a trệ, na trệ, để la quân xà na trệ

Con….thành tựu hết thảy sự nghiệp, ở tất cả thời con thường Từ Niệm tất cả chúng sanh

Y lý cát tứ, bộ tát trệ, bộ đà hiệt lợi nễ, kê phạt đắc, kê kê phạt đắc ca, mộ lệ, nhất để, nhiếp phạt lệ, đam tỳ đam tỳ, tất lợi mê yết lệ, a phạt trí, bát lợi phạt trí

Nam mô bạc già phạt đô. Nguyện mãn điều mong cầu (Tức có thể ân cần xưng nói việc ấy)

Nhân đạt la, nhất để trá dã, cồ xã hứ ca dã, bật lăng già lý ca dã, át lệ đát lệ, quân đát lệ, át trí, nại trí, củ nại trí, a thiết nê, ba thiết nê, ba bả ni câu lệ.

Nam mô phật đà nam, bạc già phạt diêm

Con...thành tựu, nguyện mãn điều đã mong cầu, sa ha"

(Tadyathā: citre, cittra-māle, hale hala-māle, phale phala-māle, kuru kuru kuru kuru kuru, dhuru kuru, kharavaruṇe, vīre vīre, dadhā dadhā, aru maru, suru suru

Diệt trừ các độc với loài khởi Tâm ác, chất độc của rễ, chất động của răng với răng nanh, các chất độc trong thức ăn uống. Nguyện dùng Từ Quang của Phật diệt trừ độc hại

suru suruke, vara varake, varakke, viri hiri

Diệt trừ các độc, không có tất cả độc nào có thể gây xâm hại

Bảy Phật, các Thế Tôn

Chánh Biến Tri Giác Giả

Cùng với chúng Thanh Văn

Uy Quang diệt các độc

elā melā, ili melā, tili tili melā, tihā duha, vimādhu mādhu, esudumā, mama, sukumbhā, sumbha-tumbā, samatumbā, aḍe nāḍe, kulakuva naḍe

Con….thành tựu hết thảy sự nghiệp, ở tất cả thời con thường Từ Niệm tất cả chúng sanh

Ilakisi,vusaḍe, vudāriṇi, kevaṭṭa kevaṭṭaka mūle, iti śavare, tumbe tumbe , priyaṃ kare, āvaṭṭe, parivaṭṭe

Namo bhagavato

Nguyện mãn điều mong cầu (Tức có thể ân cần xưng nói việc ấy)

Indra, iṭṭiṭṭaya, godohikāya, bhṛṃgārikāya, āle tale, kuntala, aṭṭe, naṭṭe, kunaṭṭe, āśane, pāśane, pāpanikule

Namo buddhānāṃ bhagavāyāṃ

Con...thành tựu, nguyện mãn điều đã mong cầu, sa ha)

_Nam mô **Tỳ Bát Thi** (Vipaśyīn)

Ngồi dưới cây **Vô Ưu** (Aśoka)

_Kính lễ **Thi Khí Phật** (Śikhīn-buddha)

Y chỉ **Bôn Đà Lợi** (Puṇḍarī)

_Tỳ Xá Phù Như Lai (Viśvabhū-tathāgata)

Trụ tại cây **Sa La** (Śāla)

_Câu Lưu Tôn Đà Phật (Krakucchanda-buddha)

Dưới cây **Thi Lợi Sa** (Śirīṣa)

_Đại Sư **Yết Nặc Ca** (Kanakamunïi)

Cây **Ô Đàm Bạt La** (Udumbara)

_Thiện Thệ **Ca Nhiếp Ba** (Kāśyapa)

Y **Nịch Cũ Lộ Đà** (Nyagrodha)

_Thích Ca Mâu Ni Phật (Śākyamunïi-buddha)

Dòng Thánh, **Kiều Đáp Ma** (Gautāma)

Ngồi ở **cây Bồ Đề** (Bodhi-vṛkṣa)

Chứng **Vô Thượng Chính Giác** (Anuttarā-samyaksaṃbuddha)

_Các Thế Tôn nhóm đấy

Đều đủ Uy Đức lớn

Các Thiên Chúng nơi ấy

Đều sanh Tâm tin kính
Các nhóm Thiên Thần này
Đều sanh niệm hoan hỷ
Khiến con thường an ổn
Xa lìa nơi suy ách

_Bảy Đức Phật Thế Tôn đã nói Chú là:

"Đát điệt tha: y lý nhĩ lý, kê lý chất lý, kê lý bồ lý, ô đà la, tốt đỗ mô thê, độ tát la, hô hô, yết lan thệ, yết lan thệ mộ lệ, y trí nhiếp phạt đa, củ đổ lý, na la diễn nễ, bát thiết nễ, bát thiết bát thiết nễ, kiếp tất la bà tốt đổ, y lý bà.

Nguyện con…thành tựu

Đạt la nhĩ trà, mạn đát la bát đả, sa ha"

(Tadyathā: Ili mili, kili vili, keli vali, udrarā, sudumode busara, huhu, karañjje, karañjja mūle, itiśavatā, kutuli, nārāyaṇi, paśyani, paśya paśyani, kapila-vastu, irivā

Nguyện con…thành tựu

Drāmiḍā mantra-padā svāhā)

_Lại nữa A Nan Đà! Có **Đại Dược Danh Chú** là điều mà **Tác Ha Thế Giới Chủ Phạm Thiên Vương** (Sāhaṃpati-brahma-devarāja), **Thiên Đế Thích** (Śakra-devānāṃ-indra), **bốn Đại Thiên Vương** (Catvāsraḥ mahā-rājikāḥ), hai mươi tám loại Dược Xoa Đại Tướng cùng tuyên nói. Nếu có người nam, người nữ thọ trì **Đại Dược Danh** như vậy thời hết thảy kẻ có Tâm ác muốn gây não hại sẽ khiến cho cái đầu của người ác ấy bị phá vỡ thành bảy phần giống như ngọn cây **Lan Hương**

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: kê lật để mộ lệ, y lâu mộ lệ, tam mạn đa mộ lệ, nại trà, nại trệ, a trệ na trệ, củ xả na trệ, nhất đế mật đế, ba lỗ, át la trạch ca, mạt la trạch ca, y lý cát chỉ lý, cồ đỗ hán na, ô tra đỗ ma, tần na bệ trà"

(Tadyathā: Kīrtti mūle, eru mūle, samanta mūle, naṭṭa naṭṭe, āḍenāḍe, kuśa naṭṭe, iṭṭe miṭṭe, paru, araḍakā, maraḍaka, ilikisi cili, godohikā, uddundhumā, bhinnameḍa).

_Nam mô bột đà nam
Nam mô Đại Giác, chư Như Lai
Ngươi, hai chân an ổn
Bốn chân cũng như thế
Khi đi đường thời an
Quay về được an lạc
Ban đêm được an ổn
Ban ngày cũng như thế
Thường không có xúc não
Không gặp các tội ác
Tất cả ngày đều tốt
Mọi ngôi sao cát tường
Đại uy thần chư Phật
La Hán trừ mọi **Lậu** (Sự chảy rỉ, tên gọi khác của phiền não)
Dùng lời chân thật này
Nguyện con thường an lạc.

A Nan Đà! Nếu có đọc tụng Chú thời nói lời như vầy: "**Đại Khổng Tước Chú Vương** này là điều mà Đức Phật đã nói. Nguyện dùng Thần Lực thường ủng hộ con,

nhiêu ích nhiếp thọ làm nơi Quy Y, an ổn tịch tĩnh không có các tai hoạn. Đao, gậy, thuốc độc không thể xâm tổn. Nay con y theo Pháp kết Giới kết Địa, trừ các ưu não, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu (Nên biết lời này thông dụng ở tất cả nơi chốn)

_Lại nữa A Nan Đà! Hết thảy Dược Xoa với Đại Dược Xoa Vương trụ trong biển lớn, tại núi **Diệu Cao** (Sumeru: Núi Tu Di) với ở núi khác, hoặc ở đồng trống. hoặc ở: sông lớn, sông nhỏ, suối, ngòi, ao, đầm, **Thi Lâm**, gò mả, đường tắt trong làng, ngã tư đường, vườn hoa, vườn vây, rừng cây…hoặc trụ ở chỗ khác. Có Đại Dược Xoa tại **A Trạch Ca Phạt Đa Đại Vương Đô Xứ**. Nhóm Chúng như vậy đều nguyện dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này đi đến ủng hộ con…cùng các quyến thuộc sống lâu, không có bệnh.

Lại nói Chú là:

"Đát điệt tha: hát lý, ha lý nễ, chiết lý già lý nễ, bạt lạt mạt nễ, bạt la mạt nễ, mô hán nễ, tất đam bạt nễ, chiêm bạt nễ, tỏa diêm, bộ, sa ha"

(Tadyathā: hari, hāriṇi, cali cālini, prapāṇi prapāṇi, mohani, stambhani, jambhani, svāyaṃ bhrūḥ svāhā)

_Lại nữa A Nan Đà! Ở phương Đông này có vị Đại Thiên Vương tên là **Trì Quốc** (Dhṛta-rāṣṭra) là chúa của hàng **Kiện Đạt Bà** (Gandharva), dùng vô lượng trăm ngàn Kiện Đạt Bà làm quyến thuộc thủ hộ phương Đông. Vị ấy có con, cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tạp sử (tôi tớ). Nhóm Chúng như vậy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** đi đến ủng hộ con…cùng các quyến thuộc để trừ ưu não, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu.

"Đát điệt tha: thụ thụ lỗ thụ thụ lỗ thụ thụ lỗ thụ thụ lỗ, thụ lỗ thụ lỗ thụ lỗ, mê, sa ha"

(Tadyathā: jhe jheru, jhe jheru, jhe jheru, jhe jheru, jheru jheru jheru, bhre svāhā)

_Lại nữa A Nan Đà! Ở phương Nam này có vị Đại Thiên Vương tên là **Tăng Trưởng** (Virūḍhaka) là chúa của hàng **Câu Bàn Trà** (Kuṃbhaṇḍa), dùng vô lượng trăm ngàn Câu Bàn Trà làm quyến thuộc thủ hộ phương Nam. Vị ấy có con, cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tạp sử (tôi tớ). Nhóm Chúng như vậy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** đi đến ủng hộ con…cùng các quyến thuộc để trừ ưu não, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu.

"Đát điệt tha: tỳ lục kê, tỳ lục kê, át mật đát la già đát nễ, bạt lỗ noa bát để, bệ nộ ma lợi nễ, bệ lý nễ, bổ trất lý kê, chu chủ, chất chủ, sa ha"

(Tadyathā: veluke veluke, āmitraghātani, varuṇavati, veṇumālini velini, putrike, colu cilu svāhā)

_Lại nữa A Nan Đà! Ở phương Tây này có vị Đại Thiên Vương tên là **Quảng Mục** (Virūpākṣa) là chúa của hàng **Na Già** (Nāga: Rồng), dùng vô lượng trăm ngàn các vị Rồng làm quyến thuộc thủ hộ phương Tây. Vị ấy có con, cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tạp sử (tôi tớ). Nhóm Chúng như vậy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** đi đến ủng hộ con…cùng các quyến thuộc để trừ ưu não, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu.

"Đát điệt tha: tỳ đỗ lý, tỳ đỗ lý, tỳ đỗ lợi, tỳ đỗ lợi, mạt trí đế, mạt trí đế, cô trí cô trí, bật đỗ mạt để, bật đỗ mạt để, hô hô hô hô hô hô hô hô (8) hồ lỗ hồ lỗ hồ lỗ hồ lỗ hồ lỗ hồ lỗ hồ lỗ hồ lỗ (8) chủ chủ chủ chủ chủ chủ chủ chủ (8) giả giả giả giả giả giả giả giả, thụ, sa ha"

(Tadyathā: Veduri veduri, veduri veduri, maṭṭite maṭṭite, koṭi koṭi, vidyu-mati, vidyu-mati, hu hu hu hu hu hu hu hu, huru huru huru huru huru huru huru huru, cu cu cu cu cu cu cu cu, ca ca ca ca ca ca ca ca, ru svāhā)

_Lại nữa A Nan Đà! Ở phương Bắc này có vị Đại Thiên Vương tên là **Bệ Thất La Mạt Noa** (Vaiśravaṇa; Đa Văn) là chúa của hàng **Dược Xoa** (Yakṣa), dùng vô lượng trăm ngàn các vị Dược Xoa làm quyến thuộc thủ hộ phương Bắc. Vị ấy có con, cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tạp sử (tôi tớ). Nhóm Chúng như vậy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** đi đến ủng hộ con…cùng các quyến thuộc để trừ ưu não, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu.

"Đát điệt tha: tô lý tô lý, thất lý thất lý mạt để, hứ lý hứ lý mạt để, cát lý lý, hứ lý lý, tì lỗ tì lỗ, băng yết lệ, chủ lỗ chủ lỗ, bàn đỗ mạt để, hát diêm tì sam, bàn đỗ mạt để, sa ha"

(Tadyathā: Suri suri, śiri śiri mati, hari hari mati, kariri, hariri, pelu pelu piṅgale, culu culu, dhundhu mati, hataṃ viṣaṃ, dhundhu mati, svāhā)

_Phương Đông **Trì Quốc Thiên**
Phương Nam hiệu **Tăng Trưởng**
Phương Tây tên **Quảng Mục**
Phương Bắc **Đa Văn Thiên**
Bốn Đại Thiên Vương này
Giúp đời có tiếng tăm
Bốn phương thường hộ vệ
Đại Quân đủ uy đức
Oán ngoài đều hàng phục
Chẳng bị nơi khác khinh
Thần Lực có quang minh
Thường không có sợ hãi
Trời với A Tô La
Có lúc cùng chiến đấu
Nhóm này cũng tương trợ
Khiến Trời thắng an ổn
Các Thiên Chúng như vậy
Cũng dùng **Chú Vương** này
Hộ con và quyến thuộc
Không bệnh, sống trăm năm

"Đát điệt tha: Y lệ mê lệ, hứ lệ hứ lệ, để lệ mật lệ, thất lệ, bà thế, đàm bệ, đỗ đàm bệ"

(Tadyathā: Ele mele, hili hili, tili mele, sili, vāśe dumbe, dudumbe)

_Nếu bị hạn hán, lụt lội, không đúng thời, mất độ với các bệnh khổ, binh đao, bệnh dịch…Hết thảy Nguyện Cầu, đọc đến chỗ này đều nên tùy ý xưng nói việc ấy.

"Hứ lý, nhị lý, đam bệ đổ đam bệ, át trí, phạt trí, bát lạt ma đỗ phạt trí
Nguyện cho việc mong cầu được thành
Át trạch ca bạn đa dã, an trệ, nan trệ, đôn trệ, đổ đôn trệ, chúc kế, chủ chúc kế, bộc kế bộc kế, mục kế, nhất lý trĩ, nhĩ lý trĩ, nễ nễ trĩ, nễ tất lý trĩ trĩ, hứ hứ, hứ lý hứ lý, hốt lỗ hốt lỗ, hứ nhĩ lý, để lệ, đát đát lệ, sa ha"

(Hili mili, tumbe tutumbe, aṭṭe vaṭṭe, paramaduvaṭṭe
Nguyện cho việc mong cầu được thành

garugantaya, aṇḍe, naṇḍe, tuṇḍe tutuṇḍe, cukke cucukke, bukke bukke, mukke, iriḍi, miriḍi, niniḍi, nitili, ḍiḍi, hihi, hili hile, hulu hulu, himili, tule tarule svāhā)

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dược xoa
Người nghe Pháp, nên chí Tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng hành **Thế Tôn Giáo**
_ Chư Hữu Thính Đồ đến chốn này
Hoặc ở trên đất, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Tâm **Từ**
Ngày đêm tự thân y Pháp trụ
_ Nguyện các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí, ích quần sinh
Hết thảy nghiệp tội đều tiêu trừ
Xa lìa mọi khổ, quy Viên Tịch
_ Luôn dùng **hương Giới** xoa vóc sáng
Thường khoác **áo Định** để nghiêm thân
Bồ Đề Diệu Hoa trang nghiêm khắp
Tùy nơi đã trụ, thường an lạc.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI KHỔNG TƯỚC CHÚ VƯƠNG
QUYỂN THƯỢNG (Hết)

Mật Tạng Bộ 2_ No.985 (Tr.464_ Tr.471)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI KHỔNG TƯỚC CHÚ VƯƠNG
QUYỂN TRUNG

Hán dịch: Đời Đường_ Tam Tạng Pháp Sư NGHĨA TỊNH phụng chế dịch
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Sưu tập Phạn Chú: HUYỀN THANH

Lại nữa A Nan Đà! Ông nên thọ trì hết thảy tên gọi (danh tự) sai khác của các vị **Đại Dược Xoa Quân** (Mahā-yakṣa-sena). Như vậy nên biết, ấy là:

_ Con trưởng **Câu Tỳ La** (Kuvera, hay Kubera)
Tên là **San Thệ Gia** (Saṃjaya)
Thường sai khiến con người
Trụ nước **Nhĩ Si La** (Mithilā)
Phần lớn các Nhân Chúng
Đi theo xin **Thật Ngữ** (lời chân thật)

Vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này ủng hộ con…., Nói việc mang cầu cùng các quyến thuộc để trừ ưu não, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu.

"Đát điệt tha: Bạt lệ, bạt cát lệ, ma đăng kỳ, chiên trà lý, bổ lỗ sơn nễ, tì chỉ lý nễ, cồ lý, kiện đà lý, chiên trà lý, ma đăng kỳ, ma lý nễ, hứ lý, nhĩ lý, a yết đa yết để, kiện đà lý, cô sắt sỉ ca bạt lý, tì ha nễ, hứ lý hứ lý, kiếm bế, sa ha"

(Tadyathā: Vale, valkale, mātaṅgi, caṇḍali, puruṣaṇi, vicilini, gauri gandhāri, mātaṅgi, caṇḍali, mālini, hili hili, agata gati, gandhāri, koṣṭi kāvari, vihāni, hili hili, kumme svāhā.

_ **Câu Lưu Tôn Đà Thần** (Krakucchanda)
Trụ **Ba Tra Lê Tử** (Pātari-putra)
_ A Bạt La Thị Đa (Aparājita)
Trụ ấp **Tốt Thổ Nô** (Sphurā)
_ **Thế La Dược Xoa Chủ** (Śola)
Trụ ở thành **Hiền Thiện** (Bhadrapura)
_ Đại Thần **Ma Nạp Bà** (Maṇāva)
Thường ngụ ở **bắc Giới** (Uttarā)
_ Đại Thần **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi)
Trụ ở thành **Vương Xá** (Rājagṛha)
Thường ở núi **Thứu Phong** (Gṛdhrakūṭa)
Dùng làm nơi **y chỉ** (nơi nương dựa)
_ Yết Lộ Trà Dược Xoa (Garuḍa)
Trụ tại **Tỳ Phú La** (Vipūla)
_ Chất Đa La Ngật Đa (Citra-gupta)
Ở **Chỉ Để Mục Khư** (Citemukha)
_ Bạc Câu La Dược Xoa (Vakula)
Trụ bên trong **Vương Thành** (Rājagṛha)
_ Ca La (Kāla), **Tiểu Ca La** (Upakāla)
Trụ thành **Kiếp Bỉ La** (Kapila)
Dược Xoa này thủ hộ
Nơi **Mâu Ni** (Muṇi) sanh ra

Là **Thích Ca Đại Sư**
Đầy đủ sức Thần Thông
_ Dược Xoa **Ban Đại Túc** (Kalmāṣapāda)
Trụ tại **Phệ La Da** (Vairāyā)
_ **Đại Tự Tại Dược Xoa** (Maheśvara)
Trụ ở **Tu La Tra** (Virāta)
_ **Bật Lợi Ha Bát Để** (Bṛhaspati)
Trụ tại **Thất La Phạt** (Śrāvastī)
_ Dược Xoa **Sa Yết La** (Sāgara)
Y chỉ **Sa Kê Đổ** (Sāketa)
_ Dược Xoa **Kim Cương Chử** (Vajra-yudha)
Trụ tại **Bệ Xá Ly** (Vaisālī)
_ **Ha Lợi Băng Yết La** (Haripiṅgala)
Trụ tại nước **Lực Sĩ** (Malla)
_ **Đại Hắc Dược Xoa Vương** (Mahā-kāla)
Trụ **Bà La Nhiếp Tư** (Bārānaṣī)
_ Dược Xoa tên **Thiện Hiện** (Sudarśaṇa)
Trụ tại thành **Chiêm Ba** (Campā)
_ Dược Xoa **Bạt Suất Nộ** (Viṣṇu)
Trụ tại **Bà Lạc Ca** (Dhvārakā)
_ **Đà La Ni Dược Xoa** (Dhāraṇī)
Trụ tại nước **Hộ Môn** (Dhvārapāli)
_ **Khả Úy Hình Dược Xoa** (Vibhīgaṇa)
Trụ ở ấp **Xích Đồng** (Tāmraparṇṇī)
_ **Mạt Đạt Na Dược Xoa** (Marddana)
Y chỉ **Ô Lạc Già** (Uragā)
_ **Khoáng Dã Dược Xoa Vương** (Āṭavaka)
Trụ tại nước **Khoáng Dã** (Āṭavaka)
_ **Kiếp Bỉ La Dược Xoa** (Kapila)
Y chỉ nước **Đa Tài** (Bahudhānyaka)
_ **Hộ Thế Đại Dược Xoa** (Vasutrāta)
Trụ nước **Ốt Thệ Ni** (Urjjayanī)
_ **Bạt Tô Bộ Nhĩ Thần** (Vasubhuti)
Nước **Hạt Lạt Mạn Đê** (Aravanti)
_ **Bạt Lạc Ca Dược Xoa** (Bharuka)
Nước **Bà Lô Yết Xa** (Bharukaccha)
_ **Hoan Hỷ Dược Xoa Thần** (Nanda)
Trụ tại nước **Hoan Hỷ** (Nandapura)
_ **Trì Man Dược Xoa Thần** (Mālya-dhara)
Trụ tại nước **Thắng Thủy** (Agrodaka)
_ **A Nan Đà Dược Xoa** (Ānanda)
Mạt La Bát Bát Tri (Maraparvaṭa)
_ **Bạch Nha Xỉ Dược Xoa** (Śukra-daṃṣṭra)
Trụ tại xứ **Thắng Diệu** (Suvāstu)
_ **Kiên Cố Danh Dược Xoa** (Dṛdha-nāma)
Trụ tại **A Lê Để** (?Manasvi)
_ **Đại Sơn Dược Xoa Chủ** (Mahāgiri)
Trụ tại xứ **Sơn Thành** (Girinagara)

_ **Bà Táp Bà Dược Xoa** (Vāsava)
Trụ tại **Tỳ Địa Thế** (Vaidiśa)
_ **Ca Lật Kê Dược Xoa** (Kārttikaya)
Trụ nước **Lỗ Hứ Đắc** (Rohitaka)
_ **Đồng Tử Dược Xoa Thần** (Kumāra)
Trụ tại nước **Danh Xưng** (Yaśa)
_ **Bách Tý Đại Dược Xoa** (Śatabāhu)
Trụ tại núi **Tần Đà** (?Bhinda)
_ **Quảng Xa Dược Xoa Chủ** (Bṛhadratha)
Trụ nước **Yết Lăng Già** (Kaliṅga)
_ **Năng Chinh Chiến Dược Xoa** (Duryodhana)
Nước **Tốt Lộc Cận Na** (Śrughna)
_ **Át Thụ Na Dược Xoa** (Arjuna)
Trụ tại nước **Hùng Mãnh** (?Arjunāvana)
_ **Mạn Đồ Bố Dược Xoa** (Maṇḍapa)
Trụ nước **Mạt Đạt Nê** (Marddana)
_ **Sơn Phong Dược Xoa Thần** (Girikuṭa)
Trụ tại **Ma Liệp Bà** (Mārava)
_ **Hạt Lỗ Đạt La Thần** (Rudra)
Nước **Hạt Lỗ Đạt La** (Rohitaka)
_ **Nhất Thiết Hiền Thiện Thần** (Sarvabhadra)
Trụ tại **Xa Yết Trí** (Śālaka)
_ **Ba Ly Đắc Ca Thần** (Pālitaka)
Trụ **Thiêu Trí Lạc Ca** (Sautīraka)
_ **Thương Chủ** (Sārthavāha) với **Phong Tài** (Dhaneśvara)
Đều ở nước **Nan Thắng** (Ajitaṃjaya)
_ **Phong Nha** (Kūṭa-daṃṣṭra) với **Thế Hiền** (Vasubhadra)
Nước **Bạt Sa Để Da** (Vasanti)
_ **Thi Bà Dược Xoa Chủ** (Śiva)
Trụ thành **Thực Thi Bà** (Śivapura)
_ **Tịch Tĩnh Hiền Dược Xoa** (Śivabhadra)
Trụ tại nước **Khả Úy** (Bhīṣaṇa)
_ **Nhân Đà La Dược Xoa** (Indra)
Trụ nước **Nhân Đà La** (Indrapura)
_ **Hoa Tràng Dược Xoa Chủ** (Puṣpa-ketu)
Trụ tại thành **Tịch Tĩnh** (Silāpura)
_ **Đà Lục Ca Dược Xoa** (Dāruka)
Trụ thành **Đà Lục Ca** (Dārukapura)
_ **Đầu Hoàng Sắc Dược Xoa** (Kapila)
Trụ tại nước **Bạt Nộ** (Valla)
_ **Bảo Hiền** (Maṇibhadra) với **Mãn Hiền** (Pūrṇabhadra)
Trụ **Phạm Ma Phạt Để** (Brahmavatī)
_ **Hàng Phục Tha Dược Xoa** (Pramardana)
Trụ tại **Kiện Đà La** (Gandhāra)
_ **Năng Tồi Tha Dược Xoa** (Prabhañjana)
Trụ **Đắc Xoa Thi La** (Takṣa-śilā)

_ **Khiết La Bô Tốt Đố** (Kharaposta)

Trụ **Xế Đà Thế La** (Daśa-śaila)
_ **Tam Hộ Tam Dược Xoa** (Trigupta)
Bên sông **A Nộ Ba** (Hanumātīra)
_ **Phát Quang Minh Dược Xoa** (Prabhrkara)
Trụ thành **Lô Lộc Ca** (Raurka)
_ **Nan Đề Bạt Đạt Na** (Nandivardana)
Cùng trụ nước **Nan Đề** (Nandi)
_ **Bà Dĩ Lô Dược Xoa** (Vāpīla)
Trụ ở đất **Bà Dĩ** (Vāpibhūmi)
_ **Ái Đấu Tranh Dược Xoa** (Kalahapriya)
Trụ tại nước **Lạm Ba** (Lampāka)
_ **Yết Đạp Bà Dược Xoa** (Gardabhaka)
Trụ nước **Mạt Độ La** (Mathurā)
_ **Bình Phúc Dược Xoa Chủ** (Kalaśodara)
Trụ tại thành **Lăng Ca** (Laṃka)
_ **Nhật Quang Minh Dược Xoa** (Sūrya-prabhā)
Trụ tại nước **Tô Na** (Sūna)
_ **Bình Đầu Sơn Dược Xoa** (Girimuṇḍa)
Trụ tại **Kiêu Tát La** (Kośala)
_ **Thắng** (Vijaya) với **Đại Thắng Thần** (Vaijayanta)
Trụ tại nước **Bát Đà** (Paṇḍamāthura)
_ **Bô Liệt Noa Dược Xoa** (Pūrṇaka)
Trụ núi **Mạt La Da** (Malaya)
_ **Khẩn Na La Dược Xoa** (Kinnara)
Trụ tại nước **Kế La** (Kerala)
_ **Hộ Vân Dược Xoa Chủ** (Meghapāli)
Trụ tại nước **Bát Trà** (Pauṇḍa)
_ **Khiên Đạt Ca Dược Xoa** (Kaṇḍaka)
Trụ **Bát Để Sắt Xá** (Pratiṣṭhana)
_ **Tăng Ca La Dược Xoa** (Saṃkāri)
Trụ **Tất Đăng Yết Lý** (Pitaṅgari)
_ **Năng Dẫn Lạc Dược Xoa** (Sukhāvaha)
Trụ nước **Đại Ba** (Taraṅgavatī)
_ Dược Xoa **Tôn Đà La** (Sundara)
Trụ tại **Na Tư Ca** (Nāsikya)
_ **A Tăng Già Dược Xoa** (Asaṅga)
Trụ **Bà Lô Yết Xa** (Bharukacchaka)
_ **Ti Đa** (Pitā) **Nan Đề Thần** (Nandī)
Trụ tại nước **Nan Đề** (Nandi)
_**Tỳ La Dược Xoa Vương** (Vīra)
Trụ **Cát La Từ Kê** (Karahātaka)
_ **Đại Phục Dược Xoa Thần** (Lambodara)
Trụ nước **Yết Lăng Già** (Kaliṅga)
_ **Đại Tý Dược Xoa Thần** (Mahābhuja)
Trụ tại **Kiêu Tát La** (Kauśalī)
_ **Sa Tất Để Ca Thần** (Svastika)
Nước **Sa Để Yết Tra** (Svastikaṭaka)
_ **Ba Lạc Ca Dược Xoa** (Pāraka)

Thường trụ ngay trong rừng
_ **Hiền Nhĩ Đại Dược Xoa** (Bhadra-karṇa)
Trụ nước **Tắc Kiến Đà** (Taḍiskandha)
_ **Thọ Tài Dược Xoa Thần** (Dhanāpaha)
Trụ tại nước **Thường Mãn**
_ **Hữu Lực Dược Xoa Thần** (Bala)
Nước **Tỳ La Mạc Ca** (Vairāmaka)
_ **Hỷ Kiến Dược Xoa Thần** (Priya-darśana)
Trụ nước **A Nan Để** (Avatī, ?Avantī)
_ **Thi Khiên Trị Dược Xoa** (Śikhaṇḍī)
Trụ tại nước **Ngưu Hỷ** (Gomardana)
_ **Thọ Hợp Chưởng Dược Xoa** (Añjalipriya)
Trụ tại xứ **Phương Duy** (Vaidiśa)
_ **Bệ Sắt Trí Đắc Ca** (Veṣṭhitaka)
Trụ tại nước **Cái Hình** (Chatrākāla)
_ **Mạc Yết Lan Đàm Ma** (Makarandaka)
Trụ tại nước **Tam Tằng** (Tripūri)
_ **Quảng Mục Dược Xoa Thần** (Viśālākṣa)
Trụ tại nước **Nhất Dịch** (Erakakṣa)
_ **Thực An Trà Dược Xoa** (Guḍaka)
Trụ **Ô Đàm Bạt La** (Udumbara)
_ **Vô Tướng Phần Dược Xoa** (Anāgha)
Trụ nước **Kiêu Thiểm Tì** (Kauśāmbi)
_ **Tỳ Lô Chiết Na Thần** (Virocana)
Trụ tại **Tịch Tĩnh Ý** (Śāntivastī)
_ **Tát Lạc Dược Xoa Thần** (Caritaka)
Trụ tại **Xà Cái Bắc** (Ahiccatra)
_ **Hoàng Sắc Dược Xoa Thần** (Kapila)
Trụ **Kiếm Tất Lạc Ca** (Kaṃpilī)
_ **Bạc Câu La Dược Xoa** (Vakkula)
Trụ **Ốt Thệ Ha Na** (Urjjihānā)
_ **Bô Liệt Noa Dược Xoa** (Pūrṇaka)
Trụ tại **Mạn Trạch Tì** (Maṇḍavī)
_ **Nê Ca Mê Sa Thần** (Naigameśa)
Trụ ở **Bát Già La** (Paṃcālī)
_ **Bát Lạt Tát Bồ Thần** (Prasabha)
Trụ nước **Yết Đỗ Sa** (Gajasā)
_ **Kiên Chỉ Dược Xoa Thần** (Dṛdha-dhanu)
Trụ tại **Bà Lâu Noa** (Varuṇā)
_ **Bô Lan Thệ Dã Thần** (Puñjaya)
Trụ tại nước **Diêu Đà** (Yudha)
_ **Đát Lạc Ca Đại Thần** (Taraka)
Với **Củ Đát Lạc Ca** (Kutaraka)
Hai Dược Xoa Vương trụ
Cốt Lộc Sái Đát La (Kurukṣetra)
_ Có hai Dược Xoa Nữ
Đều đủ Đại Danh Xưng
Đại Ô Lô Khư La (Maholūkhala)

Cùng với **Mê Khát La** (Mekhala)
Cũng thường ở chỗ này
Cốt Lộc Sái Đát La (Kurukṣetra)
_ **Tì Để Bá Để Thần** (Vyatipāta)
Với **Thành Tựu Chúng Sự** (Siddhārtha)
Hai Dược Xoa Thần này
Trụ tại **A Duệ Để** (Āyati)
_ **Tất Đà Da Đát La** (Siddhapātra)
Trụ **Tốt Lộc Cận Na** (Śrughna)
_ **Tốt Thổ Na Dược Xoa** (Sthūla)
Trụ nước **Tốt Thổ Na** (Sthūla)
_ **Sư Tử Phương Bưu Lực** (Siṃha-vyaghra-bala)
Câu Tri Bột Lý Thiệp (Koṭivarṣa)
Mạc Ha Tê Na Thần (Mahā-siṃha)
Nước **Bô Lan Thệ Dã** (Parapurañjaya)
_ **Hoa Xỉ Dược Xoa Thần** (Puṣpa-danta)
Trụ tại nước **Chiêm Ba** (Caṃpā)
_ **Ma Khiết Đà Dược Xoa** (Māgada)
Trụ tại xứ **Sơn Hành** (Giribhraja)
_ **Bát Bạt Đa Dược Xoa** (Parvata)
Trụ tại **Cồ Du Già** (Goyoga)
_ **Tô Sư Nô Dược Xoa** (Suṣana)
Trụ ở **Na Yết La** (Nāgara)
_ **Tỳ La Bà Hổ Thần** (Vīra-bāhu)
Trụ tại **Sa Kê Đa** (Sāketa)
_ **Năng Dẫn Lạc Dược Xoa** (Sukhāvaha)
Trụ tại **Ca Yết Để** (Kākandī)
_ **Vô Lao Quyện Dược Xoa**
Trụ tại **Kiều Thiểm Di** (Kauśāmbi)
_ **Hiền Thiện Dược Xoa Thần** (Bhadrika)
Trụ ở nước **Hiền Thiện** (Bhadrikā)
_ **Bộ Đa Diện Dược Xoa** (Bhūta-mukha)
Trụ nước **Ba Tra Ly** (Pāṭaliputra)
_ **Vô Ưu Dược Xoa Thần** (Aśoka)
Trụ tại nước **Ca Thi** (Kāṃli)
_ **Yết Đinh Yết Tra Thần** (Kaṭaṃkaṭa)
Trụ **Am Bà Sắt Xá** (Ambaṣṭha)
_ **Thành Tựu Nghĩa Dược Xoa** (Siddhārtha)
Trụ **Y Ca Yết Xa** (Bharukaccha)
_ **Hoan Hỷ Dược Xoa Thần** (Mandaka)
Trụ tại nước **Nan Thắng** (Ajitaṃjaya)
_ **Mang Phát Dược Xoa Thần** (Muñja-keśa)
Trụ tại nước **Thắng Thủy** (Agrodaka)
_ **Bảo Lâm Dược Xoa Thần** (Maṇi-kānana)
Trụ nước **Tiên Đà Bà** (Saindhava)
_ **Thường Cẩn Hộ Dược Xoa**
Trụ nước **Kiếp Tỳ La** (Kapilavastu)
_ **Đa Hình Tướng Dược Xoa** (Naikṛtika)

Trụ tại nước **Kiện Đà** (Gāndhāra)
_ **Đột Lộ Bà Dược Xoa** (Dvāraka)
Trụ tại **Đỗ Hòa La** (Dvāraka)
_ **Xứ Trung Dược Xoa Thần** (Madhyema)
Trụ tại nước **Hiền Thiện** (Bhadreya)
_**Danh Xưng Dược Xoa** (Mahāyaśa)
Trụ **Bệ Độ Lợi Dã**
_**Tỳ Lạt Tra Dược Xoa** (Vairaṭaka)
Trụ tại thành **Bà La** (Sālapura)
_ **Chiêm Bạc Ca Dược Xoa** (Jambhaka)
Trụ tại đất **Mạt Lỗ** (Marubhūmi)
_ **Tần Lân Đà** (Khyata), **Yết Tra** (Kaṭa)
Cùng với **Tỳ Yết Tra** (Vikaṭa)
Tỳ Ma Ni Ca Thần (Vaimānika)
Trụ tại **Bệ Ma Ni** (Vaimāni)
_**Đề Bà Thiết Ma Thần** (Devaśarma)
Trụ nước **Đạt Thứ Đà** (Darada)
_**Mạn Đà La** (Mandara), **Tác Quang** (Prabhaṃkara)
Nước **Yết Thấp Di La** (Kaṣmīra)
_ **Chiêm Bác Ca Dược Xoa** (Candaka)
Trụ tại thành **Yết Tra** (Jaṭāpūra)
_ Nữ Thần **Bán Chi Ca** (Pāñcika)
Yết Thấp Di La Tế (Kaṣmīra)
Hiện có năm trăm con
Đại quân có đại lực
Con trưởng tên **Kiên Mục** (Skandākṣa)
Trụ nước **Yết Lăng Già** (Kaliṅga)
Với các anh em khác
Trụ tại **Kiêu Thi Ca** (Kauśika)
_ **Nha Túc Dược Xoa Thần** (Daṃṣṭrāpāda)
Trụ nước **Yết Lăng Già** (Kaliṅga)
_ **Mạn Trà La Dược Xoa** (Maṇḍala)
Trụ xứ **Mạn Trà La** (Maṇḍalāsana)
_ **Lăng Ca Tự Tại Thần** (Laṅkeśvara)
Trụ tại **Ca Tất Thí** (Kāpiśī)
_ **Ma Lợi Chi Dược Xoa** (Mārīcī)
Trụ rừng **Mạn La Ma** (Rāmakākṣī)
_ **Đạt Ma Ba La Thần** (Dharmapāla)
Trụ ở chỗ **Sơ Lặc** (Khāsa)
_ **Đại Kiên Dược Xoa Thần** (Mahābhuja)
Trụ nước **Bạc Khát La** (Vahlā)
_ Con vua **Tỳ Sa Môn** (Vaiśravaṇa)
Đủ mọi Đức, tiếng tăm
Thắng Hiệt Lý Sa Bà
Xó một ức Dược Xoa
Dùng để làm quyến thuộc
Trụ tại **Đổ Hỏa La**
_ **Sa Đa Sơn Dược Xoa** (Sātāgiri)

Cùng với **Tuyết Sơn Thần** (Haimavata)
Hai Đại Dược Xoa này
Trụ tại nước **Tín Độ** (Sindhu-sāgara)
_ **Chấp Tam Cổ Xoa Thần** (Triśulapāla)
Trụ tại Điện **Tam Tằng** (Tripura)
_ **Năng Tồi Đại Dược Xoa** (Pramardana)
Cũng trụ **Yết Lăng Già** (Kaliṅga)
_ **Bán Giả La Kiện Trà** (Pañcālagaṇḍa)
Trụ nước **Đạt Di La** (Dramida)
_ **Tài Tự Tại Dược Xoa** (Dhaneśvara)
Trụ tại **Tư Ha La** (Siṃhala)
_ **Anh Vũ Diện Dược Xoa** (Sukāmukha)
Trụ ở xứ hoang vắng
_ **Kinh Yết Sa Dược Xoa** (Kiṅkara)
Trụ tại **Ba Đa La** (Pātala)
_ **Hữu Quang Minh Dược Xoa** (Prabhāsvara)
Trụ tại **Phân Đà Lợi** (Puṇḍarīka)
_ **Thiết Nhĩ La Dược Xoa** (Śamila)
Trụ ở trong **Đại Thành** (Mahāpura)
_ **Năng Phá Tha Dược Xoa** (Prabhajana)
Trụ tại **Đạt La Đà** (Darada)
_ **Băng Già La Đại Thần** (Piṅgala)
Trụ tại **Am Bạt Ly** (Ambulima)
_ **Bạt Bạt Trà Dược Xoa** (Vaccaḍa)
Trụ nước **Bạt Bạt Trà** (Vaccaḍādhāna)
_ **Độ Đát Lý Dược Xoa** (Mātali)
Trụ tại **Ca Mạt Thê** (Kāmada)
_ **Diệu Giác Dược Xoa Thần** (Prabuddha)
Nước **Bố Để Phạt Đê** (Putrīvaṭa)
_ **Nại La Câu Bạt La** (Nalakūvala)
Trụ tại **Ca Tất Thí** (Kamiśi)
_ **Bát La Thiết La Thần** (Pāraśara)
Trụ nước **Bát La Đê** (Pārata)
_ **Thương Yết La Dược Xoa** (Śaṃkara)
Trụ tại xứ **Thước Ca** (Śakasahāna)
_ **Tỳ Ma Chất Đát La** (Vimacitra)
Trụ nước **Bạt Lạp Tỳ** (Vāhlīka)
_ **Mãn Diện Dược Xoa Thần** (Pūrṇa-mukha)
Phần Trà Bạt Đạt Na (Puṇḍavarddhana)
_ **Yết La La Dược Xoa** (Karāḍa)
Trụ tại nước **Ô Trường** (Uḍuyānaka)
_ **Úng Phúc Dược Xoa Thần** (Kumbhodana)
Trụ nước **Cô Ha La** (Kośala)
_ **Ma Kiệt Chiên Dược Xoa** (Makara-dhvaja)
Trụ ở xứ **Sa Thích** (Maru)
_ **Chất Đát La Tây Na** (Citrasena)
Trụ nước **Bộc Ca Na** (Vokkāṇa)
_ **Hạt La Phạt Na Thần** (Rāvaṇa)

Trụ tại **Hạt Mạt Thê** (Ramatha)
_ **Hoàng Xích Sắc Dược Xoa** (Piṅgala-lohita)
Trụ nước **Hạt La Thị** (Rāsīna)
_ **Lạc Kiến Dược Xoa Thần** (Priya-darśana)
Trụ tại **Bát Ni Da** (Patnīya)
_ **Kim Tỳ La Dược Xoa** (Kumbhīra)
Trụ tại thành **Vương Xá** (Rājagṛha)
Thường ở **Tỳ Phú La** (Vipūla)
Đầy đủ Đại Thần Lực
Vạn ức Dược Xoa Thần
Dùng để làm quyến thuộc
_ **Cồ Ba La Dược Xoa** (Gopāla)
Trụ tại nước **Xà Cái** (Ahicchatra)
_ **Át Lạc Ca Dược Xoa** (Alaka)
Trụ thành **Át Lạc Ca** (Alakāpura)
_ **Nan Đề Dược Xoa Thần** (Nandī)
Trụ tại nước **Nan Đề** (Nandi-nagara)
_**Bát Lý Tất Thể Đa**
Trụ tại nước **Thôn Thanh**
_ **Tỳ Sa Môn Dược Xoa** (Vaiśravaṇa)
Theo trụ **Thiên Hạ Xứ**
Thành **Hà Trạch Bạn Đa** (Aḍakavatī)
Ức Thần làm quyến thuộc
_Nhóm Dược Xoa như vậy
Có đại quân đại lực
Hàng phục Oán Địch khác
Không ai có thể thắng
Thần Thông, đủ quang minh
Tiếng vang khắp các phương
Trời với A Tu La
Chiến đấu thời giúp sức

Nhóm chư Thần này đều dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này, thường ủng hộ con, nhiếp thọ nhiêu ích khiến con được an ổn, hết thảy bệnh khổ thảy đều tiêu trừ.

Hoặc bị đao gậy gây tổn thương. Hoặc bị các độc,vua chúa, giặc cướp, nước, lửa… gây não hại . Hoặc bị Trời, Rồng nắm giữ, Thần Chủ Dược Xoa với các nhóm Quỷ cho đến **Tất Lê Sách Ca**, loài hành bệnh ác…khiến con giải thoát.

Nhóm Phước Đức Dược Xoa Thần Chủ này tràn khắp **Thiệm Bộ Châu** (Jambu-dvīpa) hộ trì Phật Pháp, đều khởi **Tâm Từ** (Maitra-citta) vệ hộ cho con

Nay con kết **Giới** kết **Địa**, lìa các tai não, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu.

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: A yết trí, tì yết trí, hát lý nễ, ha lý nễ, đạt lạt nễ, đà lạt nễ, hô kế hô kế, bộc kế bộc kế
Hết thảy bệnh khổ của con… hana, ha na (10 biến)
Hết thảy sự sợ hãi của con…đạc ha, đạc ha (10 biến)
Hết thảy Oan Gia của con…bát giả, bát giả (10 biến)
Hết thảy việc chẳng nhiêu ích của con…đỗ đỗ đỗ đỗ (10 biến)
Hết thảy thuốc độc mà con…. đã gặp. ha ha (10 biến)

Hết thảy việc người khác yếm đảo với con….thị trí, thị trí (10 biến)

Hết thảy Nghiệp Tội của con …. Nguyện đều tiêu diệt

Chủ lỗ chủ lỗ (10 biến) hứ lý hứ lý (10 biến) nhĩ lý nhĩ lý (10 biến) nhĩ hứ nhĩ hứ (10 biến) phổ lỗ phổ lỗ (10 biến) chỉ trí chỉ trí (10 biến)

hứ kế, nhĩ kế, chúc kế, bộc kế, thất lợi bạt điệt lệ, mang yết lệ, tam mạn đa bạt điệt lệ, hứ lan nhạ yết tỳ, tát bà át tha sa đạn nễ, a ma lệ, tì ma lệ, chiên đạt la bát lạt bề, tô lợi da kiến đế, đột tì thận nhĩ đích, đàm tì, đỗ đàm tì, tất lê mê yết lệ

Thường ủng hộ con…cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu.

(Tadyathā: Akaṭṭe, vikaṭṭe, hariṇi, hāriṇi, dhāraṇi dhāraṇi, hukke hukke, vukke vukke.

Hết thảy bệnh khổ của con … Hana hana, hana hana, hana hana, hana hana, hana hana.

Hết thảy sự sợ hãi của con ….Daha daha, daha daha, daha daha, daha daha, daha daha

Hết thảy Oan Gia của con …..Paca paca, paca paca, paca paca, paca paca, paca paca

Hết thảy việc chẳng nhiêu ích của con….Dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu

Hết thảy thuốc độc mà con…. đã gặp. Ha ha ha ha ha ha ha ha ha ha

Hết thảy việc người khác yếm đảo với con…. Jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi

Hết thảy Nghiệp Tội của con (họ tên…) Nguyện đều tiêu diệt. Culu culu, culu culu, culu culu, culu culu, culu culu. Hili hili, hili hili, hili hili, hili hili, hili hili. Mili mili, mili mili, mili mili, mili mili, mili mili. Phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru. Ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi.

Hikke, mikke, cikke, vikke, śrī, bhadre maṃgalye, samanta-bhadre, hiraṇyagarbhe sarvarthā sādhani, amale, vimale, candra-prabhe, sūryakānte, duve, dumbe dodumbe, priyaṅkare.

Thường ủng hộ con…cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu).

_ Đức Phật bảo A Nan Đà: "Ông nên thọ trì 28 vị Dược Xoa Đại Tướng, hết thảy danh hiệu đền nên xưng nói. Nhóm này hay ở mười phương Thế Giới che giúp cho tất cả chúng sinh để trừ bỏ việc suy hoạn, ách nạn.

Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở mặt Đông, ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở phương Đông, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Địa Lật Già** (Dīrgha:Trường Đại), **Tô Nê Đát-La** (Sunetra:Diệu Mục), **Bố Liệt Noa** (Pūrṇaka:Viên Mãn), **Kiếp Tất La** (Kapila:Hoàng Sắc). Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này ủng hộ con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi (Nói việc đã mong cầu).

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở mặt Nam, ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở phương Nam, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Tăng Ha** (Siṃha:Tư Lăng Sư Tử), **Ổ Ba Tăng Ha** (Upasiṃha:Tiểu Sư Tử), **Thương Xí La** (Śaṅkhara:Loa), **Chiên Đạn** (Candana:Chiên Đàn). Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này ủng hộ con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở mặt Tây, ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở phương Tây, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Hát Lý** (Hari:Sư Tử), **Hát Lý Kê Xá** (Harikeśa:Sư Tử Phát), **Bát-La Bộ** (Prabhū: Tự Tại), **Thủy Già La**

(Piṅgala:Thanh Sắc). Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này ủng hộ con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở mặt Bắc, ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở phương Bắc, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Đà Lạt Noa** (Dharaṇa:Năng Trì), **Đạt Lạt Nan Đà** (Dharananda:Trì Hỷ), **Ốt Độc** (đình dụ) **Già** (Dũng Tấn) **Ba La** (Lặc Hộ) [Udyogapāla:Cần Hộ], **Phệ Suất Nộ** (Viṣṇu). Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này ủng hộ con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng đều trụ bốn góc (bốn phương bàng), ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở bốn góc, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Bán Chi Ca** (Pāñcika:Hữu Ngũ), **Bán Già La Kiện Trà** (Pāñcālagaṇḍa:Ngũ Xứ), **Sa Đa Ký Lợi** (Sātāgiri:Bình Sơn), **Hề Ma Bạt Đa** (Haimavata:Tuyết Sơn). Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này ủng hộ con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ trên mặt đất, ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở mặt đất, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Bộ Ma** (Bhūma:Địa), **Tô Bộ Ma** (Subhūma:Diệu Địa), **Ca La** (Kāla: Hắc), **Ổ Ba Ca La** (Upakāla:Tiểu Hắc). Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này ủng hộ con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ tại không trung, ủng hộ cho hết thảy chúng sinh ở hư không, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Tố Lợi Da** (Sūrya:Nhật Thần), **Tô Ma** (Soma:Nguyệt Thần), **Ác Kỳ Ni** (Agni:Hỏa Thần), **Bà Dữu** (Vāyu:Phong Thần). Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này ủng hộ con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi

_A Nan Đà! Ông nên thọ trì Danh Hiệu các anh em, quân tướng của **Bệ Thất La Mạt Noa Thiên Vương** (Vaiśravaṇa-devarāja). Nhóm này thường thủ hộ các loài chúng sinh để trừ tai hoạn, tất cả ưu khổ…du hành Thế Gian làm lợi ích lớn. Các vị ấy tên là: **Nhân Đạt La** (Indra:Đế Thích), **Tô Ma** (Soma:Nguyệt), **Bạt Lâu Noa** (Varuṇa: Long?Thủy Thiên), **Bạt Lạt Xà Bát Để** (Prajāpati:Thế Chủ), **Pha La Đọa Xã** (Bharadvāja:Tính), **Y Xá Na** (Iśaṇa:Tự Tại Thiên), **Chiên Đạn Na** (Candana:Hương), **Ca Ma Thí Sắt Xá** (Kāma-Śreṣtha:Dục Thắng), **Câu Nễ Kiến Sá** (Kunikaṇṭha:Linh Yết), **Ni Kiết Xá Ca** (Nikaṇṭhaka:Thiên Yết), **Bạt Trĩ Mạt Nễ** (adirmmaṇi:Lực Châu), **Ma Ni Chiết La** (Māṇicara:Bảo Hạnh), **Bát La Noa Đả** (Praṇāda:Đại Thanh), **Ổ Ba Bán Chỉ Ca** (Upapañcaka:Tiểu Ngũ), **Bà Đa Kỳ Lợi** (Sātāgiri:Bình Sơn), **Hế Ma Bạt Đa** (Haimavata:Tuyết Sơn), **Bô Liệt Noa** (Pūrṇa:Viên Mãn), **Khát Địa Lạc Ca** (Khadira:Thụ Danh), **Bật Trá Cồ Ba La** (Kovida-Gopāla: Hộ Nhi), **A Trá Bạc Ca** (Āṭavaka:Lâm Dã), **Nại La Hạt La Xà** (Nararāja:Nhân Vương), **Thị Na Hiệt Lý Sa Bà** (Jinārgabha:Nhân Thắng), **Bán Già La Kiện Trà** (Pāñcālagaṇḍa:Ngũ Xứ) **Tô Mục Khả** (Sumukha:Thiện Diện), **Địa Lật Già** (Dīrgha:Trường), **Chất Đát La Tây Na** (Citrasena:Xảo Quân), **Kiện Đạt Bà** (Gandharva:Nhạc Thần), **Trất Lý Phát Lý** (Triphalī:Tam Quả), **Trất Lý Kiện Đinh Sách Ca** (Catrikaṇṭhaka:Tam Thứ), **Địa Lật Già Thước Để** (Dīrgha-śakti:Trường Sóc), **Ma Đát Lý** (Mātali:Mẫu)

Nhóm Dược Xoa này là Đại Quân Chủ thống lĩnh chư Thần, có Đại Thần Lực, đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Anh em của Bệ Thất La Mạt Noa Thiên Vương đấy thường răn bảo (sắc) nhóm Dược Xoa Thần này là: "Dược Xoa kia…khi não loạn thì **Ta, ngươi** đừng có buông tha". Chư Thần nghe xong, y theo lời dạy mà phụng hành.

Các Dược Xoa này cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thủ hộ cho con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Nếu có việc đấu tranh, xúc não hiện ngay trước mặt thời nguyện Dược Xoa Thần thường nhiếp vệ con…khiến lìa lo lắng

Hoặc bị **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **A Tô La** (Asura), **Ma Lâu Đa** (Maruta), **Yết Lộ Trà** (Garuḍa), **Kiện Đạt Bà** (Gandharva), **Khẩn Na La** (Kiṃnara), **Mạc Hô Lạc Già** (Mahoraga), **Dược Xoa** (Yakṣa) nắm giữ. **Hạt Lạc Sát Sa** (Rākṣasa), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Tất Xá Già** (Piśāca), **Bộ Đa** (Bhūta), **Câu Bàn Trà** (Kuṃbhaṇḍa), **Bố Đan Na** (Putana), **Yết Trá Bố Đan Na** (Kaṭaputana), **Tắc Kiến Đà** (Skanda), **Ố Ma Đả** (Unmāda), **Xa Dạ** (Chāya), **A Ba Tam Ma La** (Apasmara), **Ô Tất Đa Lạc Ca** (Ostakara) **Nặc Sát Đát La** (Nakṣatra), **Lê Ba** (Ripu) ….Khi bị nhóm như vậy **Chấp Lục** (đuổi bắt) thời ủng hộ con…cùng các quyến thuộc.

Lại có chư Thần: ăn tinh khí, ăn thai, ăn máu, ăn thịt, ăn Chi Cao (dầu mỡ), ăn tủy, ăn chi tiết, ăn sống, ăn mạng, ăn đồ cúng, ăn khí, ăn hương, ăn tóc, ăn hoa, ăn quả, ăn ngũ cốc, ăn lửa thiêu, ăn mủ, ăn đại tiện, ăn tiểu tiện, ăn nước bọt, ăn nước rãi, ăn nước mũi, ăn thức ăn dư thừa, ăn đồ ói mửa, ăn vật bất tịnh, ăn nước chảy rỉ…Khi bị nhóm các Quỷ Thần ác như vậy gây não loạn thời **Khổng Tước Chú Vương** này đều hộ giúp con… cùng các quyến thuộc khiến lìa lo khổ, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu, thường được an lạc.

Nếu lại có người làm các Cổ Mị, Yếm Đảo, Chú Thuật, bay đi trong hư không, **Cật Lật Để** (Kṛtyā), **Yết Ma Noa** (Karmaṇa), **Ca Cô Ốt Đả** (Kakhordda), **Chỉ Lạt Noa** (Kiraṇa), **Tỳ Đa Trà** (Vetaḍa), **Át Đả Tỳ Đa Trà** (), **Chất Giả** (Cicca), **Tất Lệ Sách Ca** (), uống máu tủy của kẻ khác, biến làm người sai khiến, hô triệu Quỷ Thần làm các nghiệp ác, ác thực biến thổ, ác ảnh, ác thị, làm các thư phù hoặc siêu độ ác. Khi có các nhóm ác như vậy hiện ra thời đều hộ giúp con…khiến lìa lo khổ.

Hoặc lại có các việc kinh sợ: vua, giặc, nước, lửa, binh nước khác đến gây sợ hãi, sợ gặp đói khát, sợ chết không đúng thời, sợ đất chấn động, sợ ác thú đến, sợ tri thức ác, sợ lúc sắp chết. Nhóm sợ hãi như vậy đều hộ giúp con….

Lại nữa, các bệnh: ghẻ lở, bệnh hủi, mụn nhọt, hắc lào, bệnh trĩ, bệnh lậu, ung thư, da thân khô đen, đau đầu, đau nửa đầu, ăn uống chẳng tiêu, mắt, tai, mũi, lưỡi, miệng, môi, răng nanh, răng, cổ họng, ngực, lưng, hông sườn, eo, bụng, tay chân, chi tiết, chỗ ẩn kín, tâm buồn bực, hạch ở bẹn, bệnh hòn trong bụng, bệnh khô đét gầy ốm, khắp thân bệnh khổ thảy đều trừ hết.

Hoặc lại bệnh sốt rét: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, nửa tháng, một tháng, hoặc lại nhiều ngày liên tiếp, hoặc lại phút chốc, hoặc bệnh thường nóng sốt, bệnh **Thiên Tà**, bệnh bứu cổ, Quỷ Thần, nóng sốt, trúng gió, vàng da, **đàm ẩm** (Trong thân thể, nước dịch quá lượng chẳng thâu hóa được, ngưng chảy hoặc chảy rỉ ra ở một bộ phận nào đó gây thành bệnh), hoặc **Tổng tập bệnh**. Hoặc bị Quỷ dựa, hoặc bị các độc, người với Phi Nhân làm cho trúng độc. Khi các bệnh quá ác như vậy sinh ra thời đều hộ giúp con…cùng các quyến thuộc.

Nay con làm kết Giới kết Địa ấy, tụng trì Chú này đều khiến cho an ổn, sa ha".

Kèm nói **Tụng** này

"Khiến ngươi đêm an ổn
Suốt ngày cũng như thế
Ở trong tất cả Thời
Chư Phật thường hộ niệm"

_ Lại nữa A Nan Đà! Lại có 12 vị **Đại Quỷ Thần Nữ** vào lúc Đại Bồ Tát mới nhập vào thai, khi mới sanh ra với sau khi sanh ra xong thời nhóm các vị Thần này

thường làm thủ hộ. Các vị ấy tên là: **Lạm Bà** (Lambā), **Tì Lạm Bà** (Vilambā), **Bát-Lạt Lạm Bà** (Pralambā), **Ổ Lạm Bà** (Olambā), **Ha Lợi Để** (Hārīti), **Ha Lý Kế Thủy** (Harikeśi), **Ha Lợi Băng Yết La** (Haripiṅgala), **Ca Lợi** (Kāli), **Yết La Lợi** (Karalī), **Cam Bộ Cận Lợi Bà** (Kambugrīvā), **Ca Chí** (Kākī), **Cát La Du Đạt Lợi** (Kalaśodakī)

Nhóm Thần Nữ này có Thần Lực lớn, đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thủ hộ con …..cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chú là: (Bên dưới có 9 Chú thảy đều tương tự)

"Đát điệt tha: Hát lệ, khát lệ, khu lệ, mạt lệ, nhĩ lệ, mẫu lệ, mạt đãn để mạt đế, mạn trĩ để kế, hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ, mê trĩ mê trĩ, yết la mê trĩ, tất địa tất địa tất địa tất địa. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

Toan tất để. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

(Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, maṇḍiṭi matte, maṇḍiṭike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, kara miḍi, siddhi siddhi siddhi siddhi. Con…cùng các quyến thuộc, svāhā

Svati Con…cùng các quyến thuộc, svāhā)

_ Lại nữa A Nan Đà! Lại có tám vị **Đại Nữ Quỷ** vào lúc Đại Bồ Tát mới nhập vào thai, khi mới sanh ra với sau khi sanh ra xong thời nhóm các vị Thần này thường làm thủ hộ. Các vị ấy tên là: **Mạt Tha** (Madā), **Mạt Đạt Na** (Madanā), **Mạt Để Ốt Yết Tra** (Madotkaṭā), **Ổ Ba Mạt Tha** (Upamadā), **Biên Lê Để** (Pretī), **Ô Đỗ Ha Lợi Nị** (Ojāhārinī), **A Thiết Nị** (Asanī), **Yết Lạt Tán Nị** (Girasanī)

Nhóm Quỷ Nữ này có Thần Lực lớn, đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thủ hộ con …..cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chú là:

"Đát điệt tha: Hát lệ, khát lệ, khu lệ, mạt lệ, nhĩ lệ, mẫu lệ, mạt đãn để mạt đế, mạn trĩ để kế, hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ, mê trĩ mê trĩ, yết la mê trĩ, tất địa tất địa tất địa tất địa. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

Toan tất để. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

(Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, maṇḍiṭi matte, maṇḍiṭike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, kara miḍi, siddhi siddhi siddhi siddhi. Con…cùng các quyến thuộc, svāhā

Svati Con…cùng các quyến thuộc, svāhā)

_ Lại nữa A Nan Đà! Lại có bảy vị **Đại Nữ Quỷ** vào lúc Đại Bồ Tát mới nhập vào thai, khi mới sanh ra với sau khi sanh ra xong thời nhóm các vị Thần này thường làm thủ hộ. Các vị ấy tên là: **Ác Củ Lộ Địa Ca** (Agroṭikā), **Hạt Lộ Sát Đế Ca** (Rakṣitika), **Chất Đát-La Tất Xá Chỉ Ca** (Citripiśācikā), **Bố Liệt Noa Bạt Điệt Lý Ca** (Pūrṇa-bhadrikā), **Ác Kỳ Nễ Át Lộ Khởi Để Ca** (Agni-rakṣitikā), **Mật Đát-La Ca Lợi Ca** (Mitra-kālikā), **Hiệt Lợi Sử Hạt Lạc Khởi Để** (Ṛṣi-rakṣitikā)

Nhóm Quỷ Nữ này có Thần Lực lớn, đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn, thường ăn máu thịt, não xúc con người. Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thủ hộ con …..cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chú là:

"Đát điệt tha: Hát lệ, khát lệ, khu lệ, mạt lệ, nhĩ lệ, mẫu lệ, mạt đãn để mạt đế, mạn trĩ để kế, hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ, mê trĩ mê trĩ, yết la mê trĩ, tất địa tất địa tất địa tất địa. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

Toan tất để. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

(Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, maṇḍiṭi matte, maṇḍiṭike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, kara miḍi, siddhi siddhi siddhi siddhi. Con…cùng các quyến thuộc, svāhā

Svati Con…cùng các quyến thuộc, svāhā)

_ A Nan Đà! Lại có năm vị **Đại Nữ Quỷ** vào lúc Đại Bồ Tát mới nhập vào thai, khi mới sanh ra với sau khi sanh ra xong thời nhóm các vị Thần này thường làm thủ hộ. Các vị ấy tên là: **Quân Xá** (Kuṇṭhā), **Nễ Quân Xá** (Nikuṇṭhā), **Nan Đà** (Naṃdā), **Tì Suất Nộ La** (Viṣṇulā), **Kiếp Tất La** (Kapilā)

Nhóm Quỷ Nữ này có Thần Lực lớn, đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thủ hộ con …..cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chú là:

"Đát điệt tha: Hát lệ, khát lệ, khu lệ, mạt lệ, nhĩ lệ, mẫu lệ, mạt đãn để mạt đế, mạn trĩ để kế, hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ, mê trĩ mê trĩ, yết la mê trĩ, tất địa tất địa tất địa tất địa. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

Toan tất để. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

(Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, maṇḍiṭi matte, maṇḍiṭike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, kara miḍi, siddhi siddhi siddhi siddhi. Con…cùng các quyến thuộc, svāhā

Svati Con…cùng các quyến thuộc, svāhā)

_ A Nan Đà! Lại có tám vị **Đại La Sát Nữ** vào lúc Đại Bồ Tát mới nhập vào thai, khi mới sanh ra với sau khi sanh ra xong thời nhóm các vị Thần này thường làm vệ hộ. Các vị ấy tên là: **Mô Ha** (Mohā), **Tô Tứ Ma** (Susīmā), **Củ Xá Ác Khí** (Kuśākṣī), **Kê Thí Nị** (Keśanī), **Cam Bồ Thị** (Kambojī), **Tô Mật Đát-La** (Sumītrā), **Lộ Hứ Đa Ác Khí** (Lohitākṣī), **Ca Chiết La** (Kātarā)

Nhóm La Sát Nữ này có Thần Lực lớn, đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Nhóm La Sát Nữ này có Thần Lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Thường lấy máu thịt của Đồng Nam Đồng Nữ để ăn no. Vào nhà mới có người sinh đẻ với nơi nhà trống, tùy theo ánh sáng mà đi, kêu hô tên gọi của con người, hút Tinh Khí của con người…rất là đáng sợ, gây kinh hoàng cho con người, không có Tâm **Từ Nhẫn**. Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thủ hộ con …..cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chú là:

"Đát điệt tha: Hát lệ, khát lệ, khu lệ, mạt lệ, nhĩ lệ, mẫu lệ, mạt đãn để mạt đế, mạn trĩ để kế, hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ, mê trĩ mê trĩ, yết la mê trĩ, tất địa tất địa tất địa tất địa. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

Toan tất để. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

(Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, maṇḍiṭi matte, maṇḍiṭike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, kara miḍi, siddhi siddhi siddhi siddhi. Con…cùng các quyến thuộc, svāhā

Svati Con…cùng các quyến thuộc, svāhā)

_ A Nan Đà! Lại có mười vị **Đại La Sát Nữ** vào lúc Đại Bồ Tát mới nhập vào thai, khi mới sanh ra với sau khi sanh ra xong thời nhóm các vị Thần này thường làm vệ hộ. Các vị ấy tên là: **Hạ Lợi Để La Sát Nữ** (Harītī-rākṣasī), **Nan Đà La Sát Nữ** (Nandā-rākṣasī), **Băng Yết La La Sát Nữ** (Piṅgalā-rākṣasī), **Thương Xí Nễ La Sát Nữ** (Saṃkhinī-rākṣasī), **Ca Di Ca La Sát Nữ** (Kālikā-rākṣasī), **Đề Bà Mật Đát La La Sát Nữ** (Devamitrā-rākṣasī), **Quân Đa La Sát Nữ** (Kuṃbhaṇḍā-rākṣasī), **Sóc Nha Nha La Sát Nữ** (Kunta-daṃṣṭrā-rākṣasī), **Lãm Tì Ca La Sát Nữ** (Lambikā-rākṣasī), **Át Nại La La Sát Nữ** (Analā-rākṣasī)

Nhóm La Sát Nữ này có Thần Lực lớn, đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Nhóm La Sát Nữ này có Thần Lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thủ hộ con …..cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chú là:

"Đát điệt tha: Hát lệ, khát lệ, khu lệ, mạt lệ, nhĩ lệ, mẫu lệ, mạt đãn để mạt đế, mạn trĩ để kế, hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ, mê trĩ mê trĩ, yết la mê trĩ, tất địa tất địa tất địa tất địa. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

Toan tất để. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

(Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, maṇḍiṭi matte, maṇḍiṭike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, kara miḍi, siddhi siddhi siddhi siddhi. Con…cùng các quyến thuộc, svāhā

Svati Con…cùng các quyến thuộc, svāhā)

_ A Nan Đà! Lại có mười hai vị **Đại La Sát Nữ**. Các vị này cũng như lúc trước, vào lúc Đại Bồ Tát hạ sanh thường làm vệ hộ. Các vị ấy tên là: **Vô Chủ La Sát Nữ** (Anāsikā-rākṣasī), **Đại Hải La Sát Nữ** (Samudrā-rākṣasī), **Độc Hại La Sát Nữ** (Raudrā-rākṣasī), **Đoạn Tha Mạng La Sát Nữ** (Prāṇahāriṇī-rākṣasī), **Minh Trí La Sát Nữ** (Vidyādharā-rākṣasī), **Trì Cung La Sát Nữ** (Dhanurdharā-rākṣasī), **Trì Tiễn La Sát Nữ** (Śaradharā-rākṣasī), **Trì Lê La Sát Nữ** (Haladharā-rākṣasī), **Trì Đao La Sát Nữ** (Aśidharā-rākṣasī), **Trì Luân La Sát Nữ** (Cakradharā-rākṣasī), **Vi Luân La Sát Nữ** (Cakravāḍā-rākṣasī), **Khả Úy La Sát Nữ** (Vibhīṣaṇā-rākṣasī)

Nhóm La Sát Nữ này có Thần Lực lớn, đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Nhóm La Sát Nữ này có Thần Lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thủ hộ con …..cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chú là:

"Đát điệt tha: Hát lệ, khát lệ, khu lệ, mạt lệ, nhĩ lệ, mẫu lệ, mạt đãn để mạt đế, mạn trĩ để kế, hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ, mê trĩ mê trĩ, yết la mê trĩ, tất địa tất địa tất địa tất địa. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

Toan tất để. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

(Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, maṇḍiṭi matte, maṇḍiṭike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, kara miḍi, siddhi siddhi siddhi siddhi. Con…cùng các quyến thuộc, svāhā

Svati Con…cùng các quyến thuộc, svāhā)

_ A Nan Đà! Lại có mười hai vị **Quỷ Mẫu** đối với các hữu tình thường gây xúc não, kinh sợ, lừa dối mê hoặc. Các vị này cũng như lúc trước, vào lúc Đại Bồ Tát hạ sanh thường làm vệ hộ. Các vị ấy tên là: **Bạt Lá Mị** (Brāhmī), **Hạt Lâu Điệt Lợi** (Raudrī), **Cao Ma Lợi** (Kaumārī), **Tỳ Sắt Nạp Tỳ** (Vaiṣṇavī), **Yến Niết Lệ** (Aindrī), **Bà La Hứ** (Vārāhī), **Cao Tỳ Lợi** (Kauverī), **Bà Lâu Nị** (Vāruṇī), **Da Di Dã** (Yamyā), **Bà Diệp Tỳ** (Vāyuvyā), **A Kỳ Nị Dị** (Āgneyī), **Mạc Ha Ca Lợi** (Māhā-kālī)

Nhóm Quỷ Mẫu này cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thủ hộ con …..cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chú là:

"Đát điệt tha: Hát lệ, khát lệ, khu lệ, mạt lệ, nhĩ lệ, mẫu lệ, mạt đãn để mạt đế, mạn trĩ để kế, hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ, mê trĩ mê trĩ, yết la mê trĩ, tất địa tất địa tất địa tất địa. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

Toan tất để. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

(Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, maṇḍiti matte, maṇḍitike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, kara miḍi, siddhi siddhi siddhi siddhi. Con…cùng các quyến thuộc, svāhā

Svati Con…cùng các quyến thuộc, svāhā)

_ A Nan Đà! Lại có một vị **Đại Tất Xá Chỉ** tên là **Nhất Kế** (Ekajaṭā). Vị Đại La Sát Phụ này trụ bên bờ biển lớn, ngửi hơi thơm của máu, ở trong một đêm đi được tám vạn Du Thiện Na. Vị này cũng như lúc trước, vào lúc Đại Bồ Tát hạ sanh thường làm vệ hộ. Vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thủ hộ con …..cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chú là:

"Đát điệt tha: Hát lệ, khát lệ, khu lệ, mạt lệ, nhĩ lệ, mẫu lệ, mạt đãn để mạt đế, mạn trĩ để kế, hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ hô lỗ, mê trĩ mê trĩ, yết la mê trĩ, tất địa tất địa tất địa tất địa. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

Toan tất để. Con…cùng các quyến thuộc, sa ha

(Tadyathā: Hare, khare, khure, male, mile, mule, maṇḍiti matte, maṇḍiṭike, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, kara miḍi, siddhi siddhi siddhi siddhi. Con…cùng các quyến thuộc, svāhā

Svati Con…cùng các quyến thuộc, svāhā)

A Nan Đà! Lại có bảy mươi hai vị **Đại La Sát Nữ.** Các vị ấy tên là:

1_ **Kiếp Tất La La Sát Nữ** (Kapilā-rākṣasī)
2_ **Bát Đậu Ma La Sát Nữ** (Padumā-rākṣasī)
3_ **Ma Hứ Sử La Sát Nữ** (Mahiṣī-rākṣasī)
4_ **Mô Lợi Ca La Sát Nữ** (Morikā-rākṣasī)
5_ **Na Lợi Ca La Sát Nữ** (Nāḍikā-rākṣasī)
6_ **Thùy Lạt Nễ La Sát Nữ** (Jvalanī-rākṣasī)
7_ **Yết Lạt Thí La Sát Nữ** (Kalasī-rākṣasī)
8_ **Tỳ Mạt La La Sát Nữ** (Vimalā-rākṣasī)
9_**Đạt Lạt Nễ La Sát Nữ** (Dharaṇī-rākṣasī)
10_**Ha Lợi Chiên Đạt La Sát Nữ** (Hariścandrā-rākṣasī)
11_**Hồ Lô Hứ Nễ La Sát Nữ** (Rohinī-rākṣasī)
12_**Ma Lợi Chi La Sát Nữ** (Mārīcī-rākṣasī)
13_**Hô Đa Phiến Nễ La Sát Nữ** (Hutāśanī-rākṣasī)
14_**Bà Lâu Nễ La Sát Nữ** (Vāruṇī-rākṣasī)

15_**Ca Lợi La Sát Nữ** (Kalī-rākṣasī)
16_**Cao Hồn Chiết La Sát Nữ** (Kuñjā-rākṣasī)
17_**Bạt La La Sát Nữ** (Valā-rākṣasī)
18_**Yết Lạt Tán Nễ La Sát Nữ** (Grasanī-rākṣasī)
19_**Yết La Trí La Sát Nữ** (Karālī-rākṣasī)
20_**Băng Yết La La Sát Nữ** (Piṅgalā-rākṣasī)
21_**Ma Đăng Kỳ La Sát Nữ** (Mataṅgī-rākṣasī)
22_**Tần Độ La La Sát Nữ** (Vidurā-rākṣasī)
23_**Cồ Lợi La Sát Nữ** (Gaurī-rākṣasī)
24_**Kiện Đà Lợi La Sát Nữ** (Gandhārī-rākṣasī)
25_**Câu Bàn Trị La Sát Nữ** (Kumbhaṇḍī-rākṣasī)
26_**Ca Lăng Kỳ La Sát Nữ** (Kāraṅgī-rākṣasī)
27_**Hạt La Mạt La Sát Nữ** (Rāvaṇī-rākṣasī)
28_**Mạt Đạt Nễ La Sát Nữ** (Madanī-rākṣasī)
29_**Át Phiến Nễ La Sát Nữ** (Aśanī-rākṣasī)
30_**Thực Thai La Sát Nữ** (Garbhāhāriṇī-rākṣasī)
31_**Thực Huyết La Sát Nữ** (Rudhirāhāraṇī-rākṣasī)
32_**Đạn Đố La Sát Nữ** (Danturā-rākṣasī)
33_**Kinh Bố La Sát Nữ** (Uttrāsanī-rākṣasī)
34_**Bạt Lạt Mị La Sát Nữ** (Brāhmī-rākṣasī)
35_**Đát Trà Cấp Ba Lợi La Sát Nữ** (Taḍāgapālinī-rākṣasī)
36_**Trì Kim Cang La Sát Nữ** (Vajradharā-rākṣasī)
37_**Kiên Trì La Sát Nữ** (Skandā-rākṣasī)
38_**Đáp Ma La Sát Nữ** (Tapanī-rākṣasī)
39_**Hành Vũ La Sát Nữ** (Varṣaṇī-rākṣasī)
40_**Chấn Lôi La Sát Nữ** (Garjjanī-rākṣasī)
41_**Khai Phát La Sát Nữ** (Sphoṭanī-rākṣasī)
42_ **Kích Điện La Sát Nữ** (Vidyotanī-rākṣasī)
43_**Túc Hành La Sát Nữ** (Jaṅgamā-rākṣasī)
44_**Hưu Lưu Khẩu La Sát Nữ** (Ulkāmukhī-rākṣasī)
45_**Trì Địa La Sát Nữ** (Vasudharā-rākṣasī)
46_**Hắc Dạ La Sát Nữ** (Kālarātrī-rākṣasī)
47_**Quỷ Vương Sứ La Sát Nữ** (Yamadūtī-rākṣasī)
48_**Am Mạt La Sát Nữ** (Amalā-rākṣasī)
49_**Tô Bạt La La Sát Nữ** (Acalā-rākṣasī)
50_**Cao Kế La Sát Nữ** (Urddhajaṭa-rākṣasī)
51_**Bách Đầu La Sát Nữ** (Śataśīrṣā-rākṣasī)
52_**Bách Tý La Sát Nữ** (Śatabāhu-rākṣasī)
53_**Bách Mục La Sát Nữ** (śatanetrā-rākṣasī)
54_**Thường Hại La Sát Nữ** (Ghātanī-rākṣasī)
55_**Tồi Phá La Sát Nữ** (Mardanī-rākṣasī)
56_**Mạt Chiết Lợi La Sát Nữ** (Mārjārī-rākṣasī)
57_**Bạt Chiết La La Sát Nữ** (Vajra-rākṣasī)
58_**Dạ Hành La Sát Nữ** (Niśacarā-rākṣasī)
59_**Trú Hành La Sát Nữ** (Divaśacarā-rākṣasī)
60_**Ái Trang La Sát Nữ** (Maṇḍitikā-rākṣasī)
61_**Yết Lạt Thán Na La Sát Nữ** (Krodhanā-rākṣasī)
62_**Khinh Khi La Sát Nữ** (Viheṭhanī-rākṣasī)

63_**Trì Phủ Việt La Sát Nữ** (Aśimuṣaladharā-rākṣasī)
64_**Trì Tam Xoa La Sát Nữ** (Triśūlapāṇī-rākṣasī)
65_**Nha Xuất La Sát Nữ** (Karāla-dantī-rākṣasī)
66_**Ý Hỷ La Sát Nữ** (Manoramā-rākṣasī)
67_**Tô Ma La Sát Nữ** (Somā-rākṣasī)
68_**Chiên Trà La Sát Nữ** (Caṇḍā-rākṣasī)
69_**Đạn Đa La Sát Nữ** (Vanta-rākṣasī)
70_**Hứ Lâm Bà La Sát Nữ** (Hitimbā-rākṣasī)
71_**Ni La La Sát Nữ** (Nīlā-rākṣasī)
72_**Chất Đát La La Sát Nữ** (Citrā-rākṣasī)

Nhóm 72 các La Sát Nữ này như Thần Lực lúc trước, các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thủ hộ con …..cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chú là:

"Đát điệt tha: hứ lý hứ lý, nhĩ lý nhĩ lý, đát trà đáp phạt trệ, bạc kế bạc kế, hô lệ hô lệ, đạt la đạt la, hiết la hiết la, chiết la chiết la, chủ lỗ chủ lỗ, sa ha

Nam mô tát bà phật đà nam, sa ha
Bát lạc đê ca phật đà nam, sa ha
A la hán ta nam, sa ha
Từ Thị Bồ Tát, sa ha
Tất cả chúng Bồ Tát, sa ha
Bất Hoàn Quả, sa ha
Nhất Lai Quả, sa ha
Dự Lưu Quả, sa ha
Các bậc Chánh Hành, sa ha
Bậc Hướng Chánh Hành, sa ha
Đại Phạm Vương, sa ha
Nhân Đà La, sa ha
Tiểu Nhân Đà La, sa ha
Đại Thế Chủ, sa ha
Y Thương Na Dã, sa ha
Ác Cận Na Dã, sa ha
Bà Diệp Bệ, sa ha
Bạt Lâu Noa Dã, sa ha
Diễm Ma Dã, sa ha
Đa Văn Thiên Vương Dược Xoa Chủ, sa ha
Trì Quốc Thiên Vương Kiện Đạt Bà Chủ, sa ha
Tăng Trưởng Thiên Vương Câu Bàn Trà Chủ, sa ha
Quảng Mục Thiên Vương Long Chủ, sa ha
Đề bà nam, sa ha
Na già nam, sa ha
A Tô La nam, sa ha
Ma Lâu Đa nam, sa ha
Già Lâu Trà nam, sa ha
Kiện Đạt Bà nam, sa ha
Khẩn Nại La nam, sa ha
Mạc Hô Lạc Già nam, sa ha
Dược Xoa nam, sa ha

Át Lạc Sát Sa nam, sa ha
Tất Lệ Đa nam, sa ha
Tất Xá Già nam, sa ha
Bộ Đa nam, sa ha
Câu Bàn Trà nam sa ha
Bố Đan Na nam, sa ha
Yết Tra Bố Đan Na nam, sa ha
Tắc Kiến Đà nam, sa ha
Ốt Ma Đà nam, sa ha
Xa Dạ nam, sa ha
A Ba La Tam Ma La nam, sa ha
Ốt Tất Đa Lạc Ca nam, sa ha
Chiên Đà La, Tô Lý Da nam, sa ha
Nặc Sát Đát La nam, sa ha
Yết Lạt Ha nam, sa ha
Thụ Để Sa nam, sa ha
Hiệt Lợi Sư nam, sa ha
Tất Đà Bạt Đa nam, sa ha
Minh Chú Tựu Thành Giả, sa ha
Kiều Lý duệ, sa ha
Kiện Đà Lý duệ, sa ha
Thượng cụ lý duệ, sa ha
A mật lý đa dã, sa ha
Chiêm bạt ni duệ, sa ha
Ma Đăng Kỳ dã, sa ha
Chiêm Trì Trí duệ, sa ha
Đạt Lạt Tì Trì duệ, sa ha
Xa Bạt Lý duệ, sa ha
A Thát Bà Nị duệ, sa ha
Chiên Trà Lý duệ, sa ha
Ma Đăng Kỳ duệ, sa ha
Na Già hiệt lý đà da dã, sa ha
Yết Lâu Trà hiệt lý đà da dã, sa ha
Ma na tư duệ, sa ha
Ma ha ma na tư duệ, sa ha
Sát trà ác sát lợi duệ, sa ha
Ma Ni Bạt Đà La dã, sa ha
Tam Mạn Đa Bạt Đà La dã, sa ha
Đại Tam Mạn Đa Bạt Đà La dã, sa ha
Đại ba la để tát la dã, sa ha
Ma ha tô ma dã, sa ha
Thi đa bạn na dã, sa ha
Đại thi đa bạn na dã, sa ha
Đạn trà đà la ni duệ, sa ha
Đại đạn trà đà la ni duệ, sa ha
Mục Chân Lân Đà dã, sa ha
Đại Mục Chân Lân Đà dã, sa ha
Thệ diên để duệ, sa ha

Phiến để duệ, sa ha
A thuyết cật lợi trà dã, sa ha
A Bát La Thị Đa dã, sa ha
Đại A Bát La Thị Đa dã, sa ha
Đại Khổng Tước Chú Vương dã, sa ha”

(Tadyathā: Hili hili, mili mili, taḍatavaḍe, vakke vakke, hore hore, dhara dhara, hara hara, cala cala, culu culu, svāhā

Namaḥ sarva buddhānāṃ svāhā
Pratyeka buddhānāṃ svāhā
Arhantānāṃ svāhā
Maitreyasya bodhisatvāsya svāhā
Sarva bodhisatvānāṃ svāhā
Anāgāmināṃ svāhā
Sakṛdāgāmināṃ svāhā
Srotāpannānāṃ svāhā
Samyaggatānāṃ svāhā
Samyakpratipannānāṃ svāhā
Brahmāya svāhā
Indrāya svāhā
Upendrāya svāhā
Mahā-prajāpataye svāhā
Īśānāya svāhā
Agnaye svāhā
Vāyave svāhā
Varuṇāya svāhā
Yamāya svāhā
Vaiśravaṇāya yakṣādhipataye svāhā
Dhṛtarāṣṭrāya gandharvādhipataye svāhā
Virūḍhakāya kumbhaṇḍādhipataye svāhā
Virūpākṣāya nagādhipataye svāhā
Devānāṃ svāhā
Nāgānāṃ svāhā
Asurānāṃ svāhā
Marutānāṃ svāhā
Garuḍānāṃ svāhā
Gandharvānāṃ svāhā
Kinnarānāṃ svāhā
Mahoragānāṃ svāhā
Yakṣānāṃ svāhā
Rākṣasānāṃ svāhā
Pretānāṃ svāhā
Piśācānāṃ svāhā
Bhūtānāṃ svāhā
Kumbhaṇḍānāṃ svāhā
Putatānāṃ svāhā
Kaṭaputanānāṃ svāhā
Skandānāṃ svāhā
Unmādānāṃ svāhā
Cchāyānāṃ svāhā

Apasmārānāṃ svāhā
Ostārakānāṃ svāhā
Candra sūryānāṃ svāhā
Nakṣatrāṇāṃ svāhā
Grahāṇāṃ svāhā
Jyotiṣāṇāṃ svāhā
Ṛṣīṇāṃ svāhā
Siddha-vratānāṃ svāhā
Siddhya-vidyānāṃ svāhā
Gaurīye svāhā
Gandhārīye svāhā
Jaṅgulīye svāhā
Amṛtāyai svāhā
Jambhanīye svāhā
Mātaṅgīya svāhā
Cāpeṭīye svāhā
Drāmiḍīye svāhā
Śavarīye svāhā
Athārvaśavarāye svāhā
Caṇḍālīye svāhā
Mātaṅgīye svāhā
Nāga-hṛdayāya svāhā
Garuḍa-hṛdayāya svāhā
Mānasīye svāhā
Mahā-mānasīye svāhā
Ṣaḍ-akṣarīye svāhā
Maṇi-bhadrāya svāhā
Samanta-bhadrāya svāhā
Mahā-samanta-bhadrāya svāhā
Mahā-pratisarāya svāhā
Mahā-samāya svāhā
Śītavanāya svāhā
Mahā-śītavanāya svāhā
Daṇḍa-dhāraṇīye svāhā
Mahā-daṇḍa-dhāraṇīye svāhā
Mucilindāya svāhā
Mahā- mucilindāya svāhā
Jayantīye svāhā
Śāntīye svāhā
Aśva-kṛtāya svāhā
Aparājitāya, svāhā
Mahā-Aparājitāya, svāhā
Mahā-mayūrya-vidya-rājāya svāhā)

Nhóm Đại Thần Minh Chú, Đại Hạnh, Đại Ủng Hộ Giả như vậy khiến con…cùng các quyến thuộc sống lâu trăm tuổi, tiêu diệt việc khó, trừ mọi nghiệp ác.

Hết thảy tất cả Cổ Mị, Chú Thuật, Khởi Thi, Ác Sứ, các Quỷ Thần ác tìm kiếp dịp thuận tiện hại người, loài hành bệnh ác…đều được giải thoát, không có ưu khổ, sa ha

_Lại nữa, A Nan Đà! Ông nên thọ trì tên gọi của các vị **Long Vương** (Nāgarāja), được lợi ích lớn. Các vị ấy tên là: **Phật Thế Tôn Long Vương** (Buddho-bhagavān-nāgarāja), **Bạt La Ham Ma** Long Vương (Brahmā), **Nhân Đà La** Long Vương (Indra), **Hải** Long Vương (Samudra), **Hải Tử** Long Vương (Samudra-putra), **Sa Yết La** Long Vương (Sāgara), **Sa Yết La Tử** Long Vương (Sāgara-putra), **Ma Kiệt** Long Vương (Makara), **Nan Đà** Long Vương (Nanda), **Tiểu Nan Đà** Long Vương (Upananda), **Na La** Long Vương (Nala), **Tiểu Na La** Long Vương (Upa-nala), **Thiện Kiến** Long Vương (Sudarśana), **Bà Tô Chỉ** Long Vương (Vāsuki), **Đức Xoa Ca** Long Vương (Takṣa), **A Lỗ Noa** Long Vương (Aruṇa), **Bạt Lỗ Noa** Long Vương (Varuṇa), **Sa Lăng Già** Long Vương (?Siṃha), **Hữu Cát Tường** Long Vương (Śrīmā), **Cát Tường Yên** Long Vương (Śrī-kaṇṭha), **Cát Tường Tăng Trưởng** Long Vương (Śrīvarddhana), **Cát Tường Hiền** Long Vương (Śrī-bhadra), **Vô Úy** Long Vương (Abhayaṃ), **Đại Lực** Long Vương (Mahā-bala), **Tạp Sắc** Long Vương (Citra-rūpa), **Thiết Lạp Bà** Long Vương (Śalabha), **Diệu Tý** Long Vương (Sabāhu), **Diệu Cao** Long Vương (Sumeru), **Nhật Quang** Long Vương (Sūrya-prabha), **Nguyệt Quang** Long Vương (Candra-prabha), **Đại Hống** Long Vương, **Chấn Thanh** Long Vương (Gargaja), **Lôi Điện** Long Vương (Vidyotana), **Kích Phát** Long Vương (Sphoṭana), **Giáng Vũ** Long Vương (Varṣana), **Ly Cấu** Long Vương (Vimala), **Vô Cấu Quang** Long Vương (Vimala-prabha), **Át Lạc Ca Đầu** Long Vương (Alaka-śīrṣa), **Bạt Lạc Ca Đầu** Long Vương (Valaka-śirṣa), **Mã Đầu** Long Vương (Aśva-śirṣa), **Ngưu Đầu** Long Vương (Gavaya-śirṣa), **Lộc Đầu** Long Vương (Mṛga-śīrṣa), **Tượng Đầu** Long Vương (Hasti-śīrṣa), **Thấp Lực** Long Vương, **Hoan Hỷ** Long Vương, **Nhân Thanh** Long Vương, **Kỳ Diệu** Long Vương (Citra), **Kỳ Diệu Nhãn** Long Vương (Citrākṣa), **Kỳ Diệu Quân** Long Vương (Citra-sena), **Hồ Lỗ Trà** Long Vương, **Nam Mẫu Chỉ** Long Vương (Namuci), **Mẫu Chỉ** Long Vương (Muci), **Mẫu Chỉ Lân Đà** Long Vương (Mucilinda), **Hạt La Phạt Noa** Long Vương (Rāvaṇa), **Hạt La Ngật Bà** Long Vương (Raghava), **Thất Lý** Long Vương (Giri), **Thất Lý Cô** Long Vương (Girika), **Lạm Bộ Lỗ** Long Vương (Lamburu), **Hữu Cổ** Long Vương (Krimi), **Vô Biên** Long Vương (Ananta), **Yết Nặc Ca** Long Vương (Kataka), **Tượng Dịch** Long Vương (Hasti-kataka), **Hoàng Sắc** Long Vương (Pīta), **Xích Sắc** Long Vương (Lohita), **Bạch Sắc** Long Vương (Śveta), **Y La Diệp** Long Vương (Elapatra), **Loa Mục** Long Vương (Śaṃkha), **A Bát La** Long Vương (Aparāla), **Hắc** Long Vương (Kāla), **Tiểu Hắc** Long Vương (Upakāla), **Thiên Lực** Long Vương (Bala-deva), **Na La Diên** Long Vương (Nārāyaṇa), **Mao Diễm** Long Vương (Kambala), **Khả Úy** Long Vương (), **Thạch Kiên** Long Vương (Śaula-bāhu), **Căng Già** Long Vương (Gaṅga), **Tín Đỗ** Long Vương (Sindhu), **Phộc Sô** Long Vương (Vakṣu), **Tư Đa** Long Vương (Śīlā), **Cát Tường** Long Vương (Maṃgalya), **Vô Nhiệt Não Trì** Long Vương (Anavatapta), **Thiện Trụ** Long Vương (Supratiṣtha), **Y La Bạt Noa** Long Vương (Airāvaṇa), **Trì Địa** Long Vương (Dharaṇīndhara), **Trì Sơn** Long Vương (Nimindhara), **Trì Quang Minh** Long Vương (Yutiṃdhara), **Hiền Thiện** Long Vương (Bhadra), **Cực Hiền Thiện** Long Vương (Subhadra), **Thế Hiền** Long Vương (Vasubhadra), **Lực Hiền** Long Vương (Bala-bhadra), **Bảo Châu** Long Vương (Maṇi), **Châu Yên** Long Vương (Maṇi-kaṇṭha), **Nhị Hắc** Long Vương (Kālaka), **Nhị Thanh** Long Vương (Nīlaka), **Nhị Hoàng** Long Vương (Pītaka), **Nhị Xích Sắc** Long Vương (Lohitaka), **Nhị Bạch Sắc** Long Vương (Śvetaka), **Hoa Man** Long Vương (Māli), **Xích Sắc Man** Long Vương (Rakta-māli), **Độc Tử** Long Vương (Vatsā), **Hiền Cú** Long Vương (Bhadrapada), **Cổ Âm** Long Vương (Duṇḍubhi), **Tiểu Cổ Âm** Long Vương (Upaduṇḍubhi), **Am Mạt La Đạo** Long Vương (Āmratīrthaka), **Bảo Tử** Long Vương

(Maṇisuta), **Trì Quốc** Long Vương (Dhṛtarāṣṭra), **Tăng Trưởng** Long Vương (Virūḍhaka), **Quảng Mục** Long Vương (Virūpakṣa), **Đa Văn** Long Vương (Vaiśravaṇa), **Xa Diện** Long Vương (Śakaṭa-mukha), **Chiêm Tì Dã Ca** Long Vương (Cāmpeyaka), **Kiều Đáp Ma** Long Vương (Gautāma), **Bán Già La** Long Vương (Pañcāla), **Ngũ đảnh** Long Vương (Pañca-cuḍa), **Quang Minh** Long Vương (Pradyunmatama), **Tần Độ** Long Vương (Vindu), **Tiểu Tần Độ** Long Vương (Upavindu), **A Lực Ca** Long Vương (Alika), **Ca Lợi Ca** Long Vương (Kalika), **Bạt Lý Ca** Long Vương (Valika), **Khoáng Dã** Long Vương (Aṭavaka), **Khẩn Chiết Lý** Long Vương (Kincalī), **Khẩn Chiết Nặc Ca** Long Vương (Kincaḍaka), **Kính Diện** Long Vương (ādarśana-mukha), **Thẩm Bác Ca** Long Vương (Kiccaka), **Hắc Kiêu Đáp Di** Long Vương (Kṛṣṇa-gautama), **Thượng Nhân** Long Vương (Uttara-manuṣa), **Nhân** Long Vương (Manuṣa), **Nhân Bổn** Long Vương (Mūla-manuṣa), **Thắng Nhân** Long Vương, **Ma Đăng Già** Long Vương (Mataṅga), **Bàn Trà Lạc Ca** Long Vương, **Phi Nhân** Long Vương (Amanuṣa), **Bát Đầu Ma** Long Vương (Padma), **Thù Thắng** Long Vương (Uttama), **Ốt Đát Lạc Ca** Long Vương (Ostakara), **Bạt La Ca** Long Vương (Valluka), **A Lộc Ca** Long Vương (Alluka), **Y La** Long Vương (Ela), **Y La Bách** Long Vương, **Y La Sắc** Long Vương (Elavarṇa), **Kim Sắc** Long Vương (Suvarṇa-rūpa), **A La Bà La** Long Vương (Aravāla), **Đại Hương** Long Vương (Mahā-gandha), **Mạt La Bà La** Long Vương (Maravāla), **Hương Sắc** Long Vương (Gandha-rūpa), **Ma Na Tư** Long Vương (Manasvi), **Cát Cú Trá Ca** Long Vương (Karkoṭaka), **Kiếp Bỉ La** Long Vương (Kapīla), **Băng Yết La** Long Vương (Piṅgala), **Thanh Hoàng** Long Vương, **Đại Sơn** Long Vương (Mahā-giri), **Tiểu Sơn** Long Vương (Upagiri), **Ốt Bát La** Long Vương (Utpalaka), **Hữu Trảo** Long Vương (Nakkhaka), **Tăng Thịnh** Long Vương (Varddhana), **Giải Thoát** Long Vương (Mokṣaka), **Hữu Ý** Long Vương (Buddhika), **Cực Mộc Xoa** Long Vương (Pramokṣa), **Cam Bạt La** Long Vương (Kambara), **A Thuyết Ca** Long Vương (aśvatara), **Y La Mê La** Long Vương (Ela Mela), **Át Xỉ La** Long Vương (Akṣila), **Đại Thiện Hiện** Long Vương (Mahā-sudarśana), **Ủng Hộ** Long Vương, **Bát Lợi Chỉ Đô** Long Vương, **Hảo Diện** Long Vương (Sumukha), **Xuất Sanh** Long Vương, **Kiện Đà La** Long Vương (Gaṃdhāra), **Sư Tử** Long Vương (Siṃha), **Đạt La Di La** Long Vương (Dramiḍa), **Nhất Thủ** Long Vương (Eka-śīrṣa), **Tam Thủ** Long Vương (Tri-śīrṣa), **Đa Thủ** Long Vương (Bahu-śīrṣa).

Nhóm 180 vị Đại Long Vương như vậy là bậc Thượng Thủ với nhóm Rồng khác ở Đại Địa này. Hoặc khi sét đánh tựa như tiếng vang dội lại (chấn hưởng), hoặc phóng ánh sáng, hoặc tuôn mưa làm cho lúa mạ tươi tốt. Thời đến gặp Đức Phật thọ nhận Tam Quy và thọ nhận **Học Xứ**, trừ bỏ nỗi sợ Kim Sí Điểu, trừ bỏ cát lửa với nỗi sợ các việc của vua chúa, thường giữ gìn Đại Địa, trụ cung điện báu to lớn, thọ mạng lâu dài, có thế lực lớn, giàu có tự tại, Đại Bằng Đại Thuộc hay đập tan oán địch, có Đại Thần Lực, đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời chiến đấu với A Tu La thời hiện đại uy lực.

Hết thảy con cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tôi tớ của các vị Long Vương ấy, đều dùng **Khổng Tước Chú Vương** này thủ hộ cho con … cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi

Con với quyến thuộc: hoặc thân thanh tịnh, hoặc chẳng thanh tịnh, hoặc tiếp chạm chẳng sạch, hoặc mê say, hoặc chẳng mê say. Khi đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, đi, lại…nguyện đều ủng hộ.

Hoặc bị **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **A Tô La** (Asura), **Ma Lâu Đa** (Maruta), **Yết Lộ Trà** (Garuḍa), **Kiện Đạt Bà** (Gandharva), **Khẩn Na La** (Kiṃnara), **Mạc Hô**

Lạc Già (Mahoraga), **Dược Xoa** (Yakṣa) nắm giữ. **Át Lạc Sát Sa** (Rākṣasa), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Tất Xá Già** (Piśāca), **Bộ Đa** (Bhūta), **Câu Bàn Trà** (Kuṃbhaṇḍa), **Bố Đan Na** (Putana), **Yết Trá Bố Đan Na** (Kaṭaputana), **Tắc Kiến Đà** (Skanda), **Ố Ma Đả** (Unmāda), **Xa Dạ** (Chāya), **A Ba Tam Ma La** (Apasmara), **Ô Tất Đa Lạc Ca** (Ostakara) **Nặc Sát Đát La** (Nakṣatra), **Lê Ba** (Ripu). Khi bị nhóm như vậy **Chấp Lục** (đuổi bắt) thời ủng hộ con…cùng các quyến thuộc.

_Lại có chư Thần: ăn tinh khí, ăn thai, ăn máu, ăn thịt, ăn Chi Cao (dầu mỡ), ăn tủy, ăn chi tiết, ăn sống, ăn mạng, ăn đồ cúng, ăn khí, ăn hương, ăn tóc, ăn hoa, ăn quả, ăn ngũ cốc, ăn lửa thiêu, ăn mủ, ăn đại tiện, ăn tiểu tiện, ăn nước bọt, ăn nước rãi, ăn nước mũi, ăn thức ăn dư thừa, ăn đồ ói mửa, ăn vật bất tịnh, ăn nước chảy rỉ…Khi bị nhóm các Quỷ Thần ác như vậy gây não loạn thời **Khổng Tước Chú Vương** này đều hộ giúp con… cùng các quyến thuộc khiến lìa lo khổ, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu, thường được an lạc.

Nếu lại có người làm các Cổ Mị, Yếm Đảo, Chú Thuật, bay đi trong hư không, **Cật Lật Để** (Kṛtyā), **Yết Ma Noa** (Karmaṇa), **Ca Cô Ốt Đả** (Kakhordda), **Chỉ Lạt Noa** (Kiraṇa), **Tỳ Đa Trà** (Vetaḍa), **Át Đả Tỳ Đa Trà** (), **Chất Giả** (Cicca), **Tất Lệ Sách Ca** (), uống máu tủy của kẻ khác, biến làm người sai khiến, hô triệu Quỷ Thần làm các nghiệp ác, ác thực biến thổ, ác ảnh, ác thị, làm các thư phù hoặc siêu độ ác. Khi có các nhóm ác như vậy hiện ra thời đều hộ giúp con…khiến lìa lo khổ.

Hoặc lại có các việc kinh sợ: vua, giặc, nước, lửa, binh nước khác đến gây sợ hãi, sợ gặp đói khát, sợ chết không đúng thời, sợ đất chấn động, sợ ác thú đến, sợ tri thức ác, sợ lúc sắp chết. Nhóm sợ hãi như vậy đều hộ giúp con…

Lại nữa, các bệnh: ghẻ lở, bệnh hủi, mụn nhọt, hắc lào, bệnh trĩ, bệnh lậu, ung thư, da thân khô đen, đau đầu, đau nửa đầu, ăn uống chẳng tiêu, mắt, tai, mũi, lưỡi, miệng, môi, răng nanh, răng, cổ họng, ngực, lưng, hông sườn, eo, bụng, tay chân, chi tiết, chỗ ẩn kín, tâm buồn bực, hạch ở bẹn, bệnh hòn trong bụng, bệnh khô đét gầy ốm, khắp thân bệnh khổ thảy đều trừ hết.

Hoặc lại bệnh sốt rét: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, nửa tháng, một tháng, hoặc lại nhiều ngày liên tiếp, hoặc lại phút chốc, hoặc bệnh thường nóng sốt, bệnh **Thiên Tà**, bệnh bứu cổ, Quỷ Thần, nóng sốt, trúng gió, vàng da, **đàm ẩm** (Trong thân thể, nước dịch quá lượng chẳng thâu hóa được, ngưng chảy hoặc chảy rỉ ra ở một bộ phận nào đó gây thành bệnh), hoặc **Tổng tập bệnh**. Hoặc bị Quỷ dựa, hoặc bị các độc, người với Phi Nhân làm cho trúng độc. Khi các bệnh quá ác như vậy sanh ra thời đều hộ con…cùng các quyến thuộc.

Nay con làm kết Giới kết Địa ấy, tụng trì Chú này đều khiến cho an ổn, sa ha".

Kèm nói **Tụng** là:

"Khiến con đêm an ổn
Suốt ngày cũng như thế
Ở trong tất cả Thời
Chư Phật thường hộ niệm"

"Nam mô tốt đổ phật đà dã
Nam mô tốt đổ bồ đại duệ
Nam mô tốt đổ tỳ mộc đa dã
Nam mô tốt đổ tỳ mộc đái duệ
Nam mô tốt đổ phiến đa dã
Nam mô tốt đổ phiến đái duệ
Nam mô tốt đổ mộc đa dã
Nam mô tốt đổ mộc đái duệ"

(Namostu buddhāya

Namostu bodhāye
Namostu vimuktāya
Namostu vimuktāye
Namostu śāntāya
Namostu śāntāye
Namostu muktāya
Namostu muktāye)

_ Hết thảy Bà La Môn thanh tịnh
Hay trừ tất cả các nghiệp ác
Như vậy chúng con xin quy lễ
Nguyện ủng hộ con với quyến thuộc.

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dược xoa
Người nghe Pháp, nên chí Tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng hành **Thế Tôn Giáo**
_ Chư Hữu Thính Đồ đến chốn này
Hoặc ở trên đất, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Tâm **Từ**
Ngày đêm tự thân y Pháp trụ
_ Nguyện các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí, ích quần sinh
Hết thảy nghiệp tội đều tiêu trừ
Xa lìa mọi khổ, quy Viên Tịch
_ Luôn dùng **hương Giới** xoa vóc sáng
Thường khoác **áo Định** để nghiêm thân
Bồ Đề Diệu Hoa trang nghiêm khắp
Tùy nơi đã trụ, thường an lạc.

KINH ĐẠI KHỔNG TƯỚC CHÚ VƯƠNG
QUYỂN TRUNG (Hết)

Mật Tạng Bộ 2_ No.985 (Tr.471_ Tr.477)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI KHỔNG TƯỚC CHÚ VƯƠNG
QUYỂN HẠ

Hán dịch: Đời Đường_ Tam Tạng Pháp Sư NGHĨA TỊNH phụng chế dịch
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Sưu tập Phạn Chú: HUYỀN THANH

_A Nan Đà! **Khổng Tước Chú Vương** này được Đức **Tỳ Bát Thi Như Lai Chánh Đẳng Giác** (**Vipaśyīn**-tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) tùy vui tuyên nói.

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: Át lạt trệ, yết thúc trệ, mạt thê, mạt đả bạt đạt nê, a phạt lệ, nhiếp phạt lệ, đổ lệ đổ lệ, bộ lệ bộ lệ, nhiếp phạt lệ, bát noa nhiếp phạt lệ, hô chủ hô chủ, hô chỉ hô chỉ, mẫu chỉ mẫu chỉ, sa ha"

(Tadyathā: Araḍe, karaḍe, maḍe, madavardhane, avare, śavare, ture ture, cure cure, śavare, parṇa śavare, huci huci, muci muci, svāhā).

A Nan Đà! **Khổng Tước Chú Vương** này được Đức **Thi Khí Như Lai Chánh Đẳng Giác** (**Śikhīn**-tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) tùy vui tuyên nói.

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: nhất trí, mật trí, khu lệ khu lệ, hứ lý hứ lý, nhĩ lý nhĩ lý, kê đổ mộ lệ, am mạt lệ, am bạt la phạt để, đàm bệ đồ đàm bệ, hứ lý hứ lý, cổ chỉ cổ chỉ, mẫu chỉ mẫu chỉ, sa ha"

(Tadyathā: Iṭṭe miṭṭe, khure khure, hili hili, mili mili, ketu-mule, ambare, ambarāvati, dumbe dodumbe, hili hili, kuci kuci, muci muci, svāhā).

A Nan Đà! **Khổng Tước Chú Vương** này được Đức **Tỳ Xá Phù Như Lai Chánh Đẳng Giác** (**Viśvabhū**-tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) tùy vui tuyên nói.

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: mộ lý mộ lý, kê phạt trí, mạn thê màn trì trí kế, hát lệ hát lệ, yết lệ khiết lệ, phát lệ phát lệ, phát lợi nễ, đạn đế, đạn để, nễ đạn để lệ, xả yết trí, mạc yết trí, nại thê, nại địa nễ, thất lý thất lý thất lý, sa ha"

(Tadyathā: mori mori, kevaṭṭi, maṇḍi maṇḍitike, hare hare, khare, ghare, phale phale, phalini, dānte, dānti nidāntile śakaṭi makaṭi, naḍe, naḍini, śiri śiri śiri, svāhā).

A Nan Đà! **Khổng Tước Chú Vương** này được Đức **Câu Lưu Tôn Như Lai Chánh Đẳng Giác** (**Krakucchanda**-tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) tùy vui tuyên nói.

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: Hứ trĩ hứ trĩ, củ trĩ, đát trĩ, đổ trĩ, át trệ, đạn đế, đạn để lý, thước yết lý, chước yết lý, thác yết lý, can chiết nê, can chiết na phạt để, phạt lệ phạt lệ phạt lệ phạt lệ, chiết lệ chiết lệ, đạn đế tất địa, sa ha"

(Tadyathā: Hiḍi hiḍi, kuḍi duḍi, tuḍi, aḍe dante, dantile, śakari, thagari, tagari, kāṃcane, kāṃcanāvati, vare vare vare vare, dante siddhi, svāhā).

A Nan Đà! **Khổng Tước Chú Vương** này được Đức **Yết Nặc Ca Mâu Ni Như Lai Chánh Đẳng Giác** (**Kanakamunïi**-tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) tùy vui tuyên nói.

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: đát đát lệ, đát đát lệ, đát đát lệ, đát la đô đát lệ, tì lệ tì thệ duệ, tì xã đạt lệ, át lạt thệ át lạt thệ, tì lạt thệ, tì lạt xà mạt lệ, mạt để, ma lợi nễ ma lợi nễ, tất địa, văn thê, thất lý văn thê, thụ lệ thụ lệ thụ lệ thụ lệ, bạt đạt la phạt để, tất địa, sa ha"

(Tadyathā: Tatale, tatale, tatale, tala tutale, vīre vijaye, vijjudhare araje viraje, virajāmale, mati, mālini mālini, siddhe, muṇḍe śiramuṇḍe, jvale jvale jvale jvale, bhadra-vati, siddhi svāhā).

A Nan Đà! **Khổng Tước Chú Vương** này được Đức **Ca Nhiếp Ba Như Lai Chánh Đẳng Giác** (**Kāśyapa**-tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) tùy vui tuyên nói.

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: an đạt lệ, bát đạt lệ, mạn đạt lệ, khiên đạt lệ, thiệm bộ thiệm bộ nại địa, thiệm bộ phạt để, mạt đế , mạn trì để kế, am mạt lệ, tăng kì, hiết la hiết la, hát la hát la, bát thú bát thú bát thú bát thú, bát để, tất địa, sa ha"

(Tadyathā: Aṇḍare, paṇḍare, maṇḍare, khaṇḍare, jaṃbu, jaṃbu-nadi, jaṃbu-vati, matte maṇḍitike, amare siddhe, hara hara hara hara, paśu paśu paśu paśu, pati siddhi svāhā).

A Nan Đà! **Khổng Tước Chú Vương** này được Ta, **Thích Ca Mâu Ni Như Lai Chánh Đẳng Giác** (**Śākya-muṇi**-tathāgatāya-samyaksaṃbuddha) tùy vui tuyên nói, vì muốn lợi ích cho chúng sanh.

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: hứ lý hứ lý, kê lý, nhĩ lý, y lý lệ, yết đát lệ, kê đổ mộ lệ, át đồ bát lý, đạc hề đạt điệp, bễ bộ lộ kê, bộ sách đế, nại lộ kiến thê, ca mạt nễ, cam bộ đạt lộ chỉ, đát lỗ đát lỗ, phạt lạt nễ, bát lạt cật lật để, đãng sắt trất lệ, mật lệ, đát lệ, nhất để ha tế, át chiết lệ, đổ bạt lệ, bạc cát lệ, bạt trí bạt trí kê, phạt trí, bạt trí, chiết trá đam bệ, át trà đam bệ"

(Tadyathā: Hili hili, kili mili, ilile, katale, ketu-mūle, aḍamali, ḍapphe ḍaḍapphe, busarake, busaṭṭe, tarakande, kāmani, kaṃbudarici, taru taru, varaṇi, prakṛti daṃṣṭre, militale, ītihāse, acale, tutale vakile, vaṭṭi vaṭṭitike, vaṭṭitumbe, caṭṭatumbe, aṭṭatumbe)

Khi đọc đến đây thời tùy theo việc đã Nguyện đều nên xưng nói, biết rộng như lúc trước

_Nếu cầu mưa thời nên nguyện Trời tuôn mưa vòng khắp mười phương, thấm nhuần khắp tất cả.

"Nam mô bạc già phạt đa, câu mô đồ, đạc kiếm bạt bạt đổ.

Nam mô bạc già phạt đa, y lý thệ duệ, đỗ cồ hứ ca duệ, bật lăng già lý ca duệ, a lỗ chỉ, na lỗ chỉ, át lạt thệ, mô lạt thị, nại lạt thị, nại trí nại trí nại trí, bạt chiết lệ, nại trá bạt chiết lệ, ô đà diễn na tất lợi duệ, át la đa lệ, câu la đa lệ, na la diễn nễ, ba la diễn nễ, bát phiến, nễ táp bát lý phiến nễ, tất điện đổ, đạt la nhĩ la, mạn đát la bát đả, sa ha"

(Namo bhagavato, kumoḍa dakampa vatu

Namo bhagavato, īri jaye, godohikāye, bhṛṅgārikāye, aruci nāruci, araje, murajit, narajit, naṭṭe naṭṭe, naṭṭe vajre, naṭṭa vajre, udayano priye, aratāle, kulatāle, nārāyaṇi, parayāṇi, paśya, nisparśani, sidhyantu, drāmiḍā mantra-pada svāhā)

A Nan Đà! Như Ta dạy ông thọ trì Chú Pháp cứu nạn rắn độc cho Bí Sô **Sa Để**. Nay **Khổng Tước Chú Vương** này cũng lại như vậy, khiến tất cả chúng sanh, hoặc người đọc tụng, người thọ trì, người viết chép đều được an lạc, toại nguyện điều đã mong cầu như trước rộng nói, cho đến tự thân với các quyến thuộc sống lâu trăm tuổi.

_Lại nữa A Nan Đà! **Đại Khổng Tước Chú Vương** này được **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya-bodhisatva) tùy vui tuyên nói, nhiêu ích cho chúng sanh.

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: thất lý thất lý thất lý bạt điệt lệ, thụ để thụ để thụ để bạt điệt lệ, hát lệ hát lệ hát lệ, hát lợi nễ, đạn để nhiếp phạt lệ, thức khư, du la ba nị nễ, bồ địa bồ địa bồ địa, bồ địa tát đỏa, bồ địa, bát lý già lý ni duệ, sa ha"

(Tadyathā: Śiri śiri, śiri-bhadre, jyoti jyoti, jyoti-bhadre, hare hare hare, hāriṇi, danti śavare, śikhi, śulapāṇini, bodhi bodhi, bodhi, bodhisatve, bodhi paripācaṇīye svāhā).

A Nan Đà! **Đại Khổng Tước Chú Vương** này được **Tác Ha Thế Giới Chủ** (Sāhaṃpati) tùy vui tuyên nói.

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: hứ lý hứ lý, nhĩ lý nhĩ lý, ma lý nễ, bàng cú lợi, chỉ lý chỉ lý chỉ lý chỉ lý chỉ lý chỉ lý, bạt la ham ma duệ, câu lan trạch kế, trạch kế, tỳ ma ha tỳ ma ha phổ tế, đạt la đạt la, ha la ha la ha la ha la, phổ lỗ phổ lỗ phổ lỗ phổ lỗ, sa ha".

(Tadyathā: Hiri hiri, miri miri, mālini vaṅkari, kiri kiri, kiri kiri, kiri kiri, brahmāye, kuraṇḍake, ḍake, viḍoha viḍoha phuse, dhara dhara, hara hara hara hara, phuru phuru phuru phuru, svāhā.

Chú này hay trừ sự độc ác, hay diệt sự độc ác.

Sức của **Phật** trừ độc

Sức của **Độc Giác** trừ độc

Sức của **A La Hán** trừ độc

Sức của **bậc Thánh ba Quả, bốn Hướng** trừ độc

Sức của **bậc nói lời chân thật** trừ độc

Sức **cây gậy** của **Phạm Vương** (Phạm Vương trượng) trừ độc

Sức **cái chày Kim Cương** của **Đế Thích** trừ độc

Sức của **Phệ Suất Nộ Phi Luân** (bánh xe bay của Viṣṇu), sức **thiêu đốt** của **Hỏa Thiên**, Sức **sợi dây** của **Long Vương** trừ độc, sức **Huyễn** của **A Tô La, sức Điện** của **Long Vương**, sức **Tam Cổ Xoa** của **Hồ Lỗ Đạt La** (Rudra) trừ độc, sức **cây giáo dài** của **Tắc Kiến Na** (skanda), sức của **Đại Khổng Tước Chú Vương** hay trừ tất cả độc, khiến độc nhập vào đất, khiến cho con…với các quyến thuộc đều được an ổn.

Lại có chất độc của các **Rồng**, chất độc của **Cổ Mị**, chất độc của **Người** với **Phi Nhân**, chất độc do **răng** cắn, chất độc của **mưa sấm** (lôi vũ). Chất độc của ong, ruồi, rết, cóc nhái. Chất độc của thuốc men, chất độc của **Chú** (Mantra), chất độc của **Người**, chất độc của **Phi Nhân**…Nhóm chất độc của như vậy, nguyện đều trừ diệt. Con …với các quyến thuộc đều trừ được chất độc, nỗi khổ tiêu tan nhập vào trong đất, sa ha"

A Nan Đà! **Đại Khổng Tước Chú Vương** này được **Đế Thích Thiên Vương** (Indra-devarāja) tùy vui tuyên nói.

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: xã la, thiện đố la, ma la thiện đố lệ, già tì để, thiện đố lệ, mạt thán nễ, dà đán nễ, yết lạt tán nễ, ha lý thất lý, độ dụ để thất lý, đát lỗ đát lỗ, đát lỗ nạp phạt để, ha ha ha ha ha, tăng hô, điệt địa để, điệt địa để, củ lỗ củ lỗ, phệ lạt thệ, đô trá đô trá tử, phạt trá phạt trá tử, tử lý tử lý, kiếp tất lệ, kiếp tất la mộ lệ, ha hứ hô, tát bà đột sắt trá, bát lạt đột sắt trá nam, chiêm bạt nam, yết lô nhĩ, hát tất đa ba đả ương già, bát lạt đinh già, nê yết lạt ha, yết lô nhĩ, tác ha thất lý đạt thế, hứ đề tỳ hứ, ốt trưng kì lý, tô la bát để, bạt để, bạt chiết la bạt chiết la bạt chiết la bạt chiết la bát đái duệ, sa ha"

(Tadyathā: Jalā, jantule, mālā jantule, cāpeṭi, jantule, mathāni, ghātani, grasani, hari-śiri, dyuti-śiri, taru taru, taruṇavati, hā hā hā hā hā, siṃhe, dhiti dhiti, kuru kuru, viraja, tuṭa tuṭasi, vaṭa vaṭasi, sili sili, kapile kapilamūle, ha hī hu, sarva duṣṭe, praduṣṭānāṃ, jambhanaṃ karomi, hasta pādāṃga pranyāṃga, nigrahaṃ karomi, sahatradāśe, hide vehi, uṭṭiṅgiṇi, surapati vartti, vajra vajra vajra, vajrapataye svāhā).

A Nan Đà! **Đại Khổng Tước Chú Vương** này được **bốn vị Thiên Vương** (Catvāsraḥ mahā-rājikāḥ) tùy vui tuyên nói.

Liền nói Chú là:

"Thụ la thụ thứ na, đáp bả đáp bả na, đàm ma đàm ma na, tát lạt tát lạt noa, củ trí củ trí, mẫu trí mẫu trí, nhĩ trí nhĩ trí, tát la tát la, ha la ha la, đát la đát lý, đà đà đà đà đà, bà bà bà bà bà, ha la ha la ha la ha la ha la, tất địa tất địa tất địa tất địa tất địa, sa tất để sa tất để sa tất để sa tất để sa tất để"

(Tadyathā: Jvala jvalana, tapa tapana, dhama dhamana, sara saraṇa, kuṭi kuṭi, muṭi muṭi, miṭi miṭi, sara sara, hara hara, tara tara, dā dā dā dā dā, vā vā vā vā vā, hala hala hala hala hala, siddhi siddhi siddhi siddhi siddhi, svasti svasti svasti svasti svasti)

Con tên là….cùng các quyến thuộc

Tất cả Sứ Giả, Diễm Ma Sứ Giả, Xà Dạ Sứ Giả, kẻ cầm sợi dây đen với sự trị phạt của **Tứ Vương** (bốn vị Thiên Vương), sự trị phạt của **Phạm Thiên** (Brahma), sự trị phạt của **Đế Thích** (Indra), sự trị phạt của **Tiên Nhân** (Ṛṣī), sự trị phạt của **chư Thiên**, sự trị phạt của **Long Vương**, sự trị phạt của **A Tô La**, sự trị phạt của **Ma Lâu Đa**, sự trị phạt của **Yết Lộ Trà**, sự trị phạt của **Kiện Đạt Bà**, sự trị phạt của **Khẩn Na La**, sự trị phạt của **Mạc Hô Lạc Già**, sự trị phạt của **Dược Xoa**, sự trị phạt của **La Sát**, sự trị phạt của **Tất Lệ Đa**, sự trị phạt của **Tất Xá Già**, sự trị phạt của **Bộ Đa**, sự trị phạt của **Câu Bàn Trà**, sự trị phạt của **Bố Đan Na**, sự trị phạt của **Yết Tra Bố Đan Na**, sự trị phạt của **Tắc Kiến Đà**, sự trị phạt của **Ốt Ma Đả**, sự trị phạt của **Xa Dạ**, sự trị phạt của **A Ba Tam Ma La**, sự trị phạt của **Ổ Tất Đa Lạca Ca**, sự trị phạt của **Bệ Đa La**, sự trị phạt của **vua chúa giặc cướp**, sự trị phạt của **nước lửa**, ở tất cả nơi chốn có sự trị phạt khiển trách với sự trị phạt nhỏ nhẹ… đều khiến xa lìa nơi con …..cùng các quyến thuộc, thường thấy sự ủng hộ, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm Thu.

_A Nan Đà! Ông nên thọ trì hết thảy tên gọi của 35 các vị **Giang Hà Vương** (Nadī-rājañī). Nếu người nhận biết được ở tất cả nơi chốn có sông lớn, sông nhỏ, sông Hoài, biển….khi muốn vượt qua thời không có các ách nạn. Các vị ấy tên là: **Căng Già** Hà Vương (**Gaṅgā**-nadī-rājñī), **Tín Độ** Hà Vương (**Sindhū**-nadī-rājñī), **Phộc Sô** Hà Vương (**Vasū**-nadī-rājñī), **Tư Đa** Hà Vương (**Śīlā** -nadī-rājñī), **Thiết Đa Lỗ** Hà Vương (**Sarabhū**-nadī-rājñī), **A Thị Đa Phạt Để** Hà Vương (**Ajiravatī**-nadī-rājñī),

Diễm Mẫu Na Hà Vương (**Yamunā**-nadī-rājñī), **Cú Ha** Hà Vương (**Kuhā**-nadī-rājñī), **Tì Đát Bà** Hà Vương (?**Vitastā**-nadī-rājñī), **Thiết Đa Đột Lỗ** Hà Vương (**Śatadrū**-nadī-rājñī), **Tì Ba Xa** Hà Vương (**Vipāśā**-nadī-rājñī), **Y La Phạt Để** Hà Vương (**Airavatī**-nadī-rājñī), **Chiến Đạt La Sa Già** Hà Vương (**Candrabhāgā**-nadī-rājñī), **Tát Phạt Để** Hà Vương (**Sarasvatī**-nadī-rājñī), **Cát Xa Bỉ Nễ** Hà Vương (**Kacchapī**-nadī-rājñī), **Bôi Du Sắt Nễ** Hà Vương (**Payoṣṇī**-nadī-rājñī), **Ca Tỳ Lý** Hà Vương (**Kāverī**-nadī-rājñī), **Xích Đồng Sắc** Hà Vương (**Tāmraparṇī**-nadī-rājñī), **Tát La Dũu** Hà Vương () **Mạt Độ Mạt Để** Hà Vương (**Madhumatī**-nadī-rājñī), **Tỳ Đát La Phạt Để** Hà Vương (**Mitrāvatī**-nadī-rājñī), **Ích Sô Phạt Để** Hà Vương (**Ikşumatī**-nadī-rājñī), **Cồ Mạt Để** Hà Vương (**Gomatī**-nadī-rājñī), **Chiết Ma Nột Để** Hà Vương (), **Nại Mạt Đả** Hà Vương (**Narmadā**-nadī-rājñī), **Tao Mật Đát La** Hà Vương (**Saumitrā**-nadī-rājñī), **Tỳ Du Mật Đát La** Hà Vương (**Viśvamitrā**-nadī-rājñī), **Đa Ma La** Hà Vương (**Tāmarā**-nadī-rājñī), **Bán Già La** Hà Vương (**Pañcālā**-nadī-rājñī), **Tô Bà Tốt Đổ** Hà Vương (**Suvastū**-nadī-rājñī), **Đáp Bố Đả** Hà Vương (**Tapodā**-nadī-rājñī), **Tì Mạt La** Hà Vương (**Vimalā**-nadī-rājñī), **Nê Liên Thiện Na** Hà Vương (**Nairañjanā**-nadī-rājñī), **Hứ Lan Nhã Phạt Để** Hà Vương (**Hiraṅyavatī**-nadī-rājñī), **Cồ Đa Phạt Lý** Hà Vương (**Godāvarī**-nadī-rājñī).

Nhóm như vậy từ ao **Vô Nhiệt Não** (Anavatapta) sanh ra bốn con sông lớn, chảy vào **Thiệm Bộ Châu** (Jambu-dvīpe) cùng các Hà Thần Vương thuộc sông Hoài,Sông Tế với các con sông khác ở Đại Địa này nương dựa mà trụ. Mọi loại hình trạng, mọi loại nhan sắc tùy vui biến thân thành tựu Minh Chú làm việc tốt xấu. Các nhóm Thần này cùng các quyến thuộc đều dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này ủng hộ con…cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi, lìa các ưu não, sa ha"

_ A Nan Đà! Ông nên thọ trì hết thảy tên gọi của 52 các vị **Đại Sơn Vương** (Nadī-rājañī). Nếu người nhận biết, hoặc tại hang núi, nơi hoang vắng sẽ trừ các sự sợ hãi, tùy ý an lạc. Các vị ấy tên là: **Diệu Cao** Sơn Vương (**Sumeru**-parvata-rāja), **Tuyết** Sơn Vương (**Himavān**-parvata-rāja), **Hương Túy** Sơn Vương (**Gandhamādana**-parvata-rāja), **Bách Phong** Sơn Vương (**Śataṣṛṅga** -parvata-rāja), **Khiết Địa Lạc Ca** Sơn Vương (**Khadira**-parvata-rāja), **Kim Hiếp** Sơn Vương (**Svarṇapārśva**-parvata-rāja), **Trì Quang** Sơn Vương (**Dyutin-dhara**-parvata-rāja), **Ni Dân Đạt La** Sơn Vương (**Nimin-dhara**-parvata-rāja), **Luân Vi** Sơn Vương (**Cakra-vāḍa**-parvata-rāja), **Đại Luân Vi** Sơn Vương (**Mahā-cakra-vāḍa**-parvata-rāja), **Nhân Đà La** Sơn Vương (**Indraśaila**-parvata-rāja), **Phạm Trụ** Sơn Vương (**Brahmālaya**-parvata-rāja), **Hữu Cát Tường** Sơn Vương (**Śrīmanta**-parvata-rāja), **Thiện Kiến** Sơn Vương (**Sudarśana**-parvata-rāja), **Quảng Đại** Sơn Vương (**Vipula**-parvata-rāja), **Xuất Bảo** Sơn Vương (**Ratnākara**-parvata-rāja), **Đa Trùng** Sơn Vương (**Krimila**-parvata-rāja), **Bảo Đính** Sơn Vương (**Maṇikūṭa**-parvata-rāja), **Tỳ Ma Diệu Xảo** Sơn Vương (**Vemacitra**-parvata-rāja), **Xuất Kim Cương** Sơn Vương (**Vajrākara**-parvata-rāja), **A Tô La** Sơn Vương (**Asuraprāgbhāra**-parvata-rāja), **Mạc Nộ Diệu Xảo** Sơn Vương (**Manucitra**-parvata-rāja), **Điện Quang** Sơn Vương (**Vidyunprabha**-parvata-rāja), **A Thuyết Tha** Sơn Vương (**Aśvancha**-parvata-rāja), **Nguyệt Quang** Sơn Vương (**Candrakānta**-parvata-rāja), **Nhật Quang** Sơn Vương (**Sūryakānta**-parvata-rāja), **Hiền Thạch** Sơn Vương (**Bhadraśaila**-parvata-rāja), **Đế Bảo** Sơn Vương (**Ratnendra-** parvata-rāja), **Diệu Xảo** Sơn Vương (**Citrakūṭa**-parvata-rāja), **Ma La Gia** Sơn Vương (**Malaya**-parvata-rāja), **Kim Phong** Sơn Vương (**Svarṇaśṛṅga**-parvata-rāja), **Tần Đà** Sơn Vương (**Viṃdhya**-parvata-rāja), **Ba Ly Da Đát La** Sơn Vương (**Parijāta**-parvata-rāja), **Diệu Tý** Sơn Vương (**Subāhu**-parvata-rāja), **Châu**

Anh Sơn Vương (**Maṇimanta**-parvata-rāja), **Đô Ni Đả** Sơn Vương (), **Tô Sư Na** Sơn Vương (**Suṣena**-parvata-rāja), **Phạm Khẩu** Sơn Vương (**Brahmatuṇḍa**-parvata-rāja), **Tri Tịnh** Sơn Vương (), **Khảm Hải** Sơn Vương (), **Diệu Man** Sơn Vương (**Mālyacitra**-parvata-rāja), **Đao Hình** Sơn Vương (**Khaṅga**-parvata-rāja), **Đại Phong** Sơn Vương (**Tāpana**-parvata-rāja), **Dục Lâm** Sơn Vương (), **Minh Dược** Sơn Vương (**Añjena**-parvata-rāja), **Phóng Xả** Sơn Vương (**Muñjena**-parvata-rāja), **Thú Thân** Sơn Vương (**Rurubha**-parvata-rāja), **Đạt Đạt** Sơn Vương (**Dardana**-parvata-rāja), **Kế La Bà** Sơn Vương (**Kailāsa**-parvata-rāja), **Tuyết Phong** Sơn Vương (), **Đại Thiên Chủ** Sơn Vương (**Mahendra**-parvata-rāja), **Bà La Quân** Sơn Vương (**Balasena**-parvata-rāja)

Các chúng Sơn Vương của nhóm như vậy ở Đại Địa này. Ở nhóm núi ấy: hết thảy Trời, Rồng, A Tô La, Ma Lâu Đa, Yết Lỗ Trà, Kiện Đạt Bà, Khẩn Na La, Mạc Hô Lạc Già, Dược Xoa, La Sát, Tất Lệ Đa, Tỳ Xá Già, Bộ Đa, Cưu Bàn Trà, Bố Đan Na, Yết Tra Bố Đan Na, Tắc Kiến Đà, Ốt Ma Đả, Xa Dạ, A Ba Tam Ma La, Ổ Tất Đa Lộ Ca, Thành Tựu Minh Chú cùng các quyến thuộc trụ tại núi ấy, cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này ủng hộ cho con cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi, trừ mọi việc ác, thường thấy cát tường, lìa các ưu não, sa ha".

_A Nan Đà! Ông nên biết trì. Có tên gọi của **Tinh Thần Thiên Thần** (Aṣṭa-viṃśatīnāṃ-nakṣatrānāṃ: 28 Tú) Cái Tinh Tú ấy có uy lực lớn, thường đi trên hư không, hiện tướng tốt xấu. Nếu người nhận biết, lìa các ưu hoạn, cũng nên tùy theo Thời dùng diệu hương hoa để làm cúng dường. Các vị ấy tên là:

Cật Lật Để Ca (Kṛttikā), **Hộ Lô Hứ Nễ** (Rohiṇī), **Miệt Lật Già Thi La** (Mṛgaśirā), **Át Đạt La** (Ārdra), **Bổ Nại Phạt Tô** (Punarvasu), **Bố Sái** (Puṣya), **A Thất Lệ Sa** (Āśleṣā). Bảy vì **Tinh Thần** này trụ ở cửa Đông, thủ hộ phương Đông. Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** thường ủng hộ con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi, lìa các ưu não.

Mạc Già (Maghā), **Tiền Phát Lỗ Cũ Noa** (Pūrva-phalgunī), **Hậu Phát Lỗ Cũ Noa** (Uttara-phalgunī), **Ha Tất Đa** (Hastā), **Chất Đa La** (Citrā), **Sa Phạ Để** (Svātī), **Tì Thích Kha** (Viśākhā).

Bảy vì **Tinh Thần** này trụ ở cửa Nam, thủ hộ phương Nam. Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** thường ủng hộ con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi, lìa các ưu não.

A Nô La Tha (Anurādhā), **Thị Sắt Xá** (Jyeṣṭhā), **Mộ La** (Mūla), **Tiền A Sa Trà** (Pūrvāṣādhā), **Hậu A Sa Trà** (Uttarāṣādhā), **A Bật Lý** (Abhijit), **Xã Thất La Mạt Noa** (Śravaṇā).

Bảy vì **Tinh Thần** này trụ ở cửa Tây, thủ hộ phương Tây. Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** thường ủng hộ con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi, lìa các ưu não.

Đãn Nễ Sắt Xá (Dhaniṣṭhā), **Thiết Đa Tì Sái** (Śatabhiṣā), **Tiền Bạt Đạt La Bát Địa** (Pūrva-bhādrapadā), **Hậu Bạt Đạt La Bát Đả** (Uttara-bhādrapadā), **Hiệt Lâu Ly Phạt Để** (Revatī), **A Thuyết Nễ** (Aśvinī), **Bạt Lại Nễ** (Bharaṇī).

Bảy vì **Tinh Thần** này trụ ở cửa Bắc, thủ hộ phương Bắc. Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** thường ủng hộ con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi, lìa các ưu não.

_A Nan Đà! Ông nên nhớ biết có tên gọi của chín loại **Chấp Trì Thiên Thần** (Nava-grahā: chín loại Chấp Diệu). Các Thiên Thần này vào lúc 28 Tú tuần hành thời hay khiến cho ngày đêm có thêm bớt, cũng khiến cho Thế Gian giàu có, nghèo khó, khổ, vui…dự biểu cho tướng ấy. Các vị ấy tên là: **A Điệt Để** (Āditya), **Sô Ma** (Soma), **Bật Lật Ha Tát Bát Để** (Vṛhaspati), **Thúc Yết La** (Śukra), **San Ni Chiết La** (Śanaiścara), **Ương Ca La** (Aṅgāraka), **Bộ Đà** (Budha), **Yết La Hổ** (Rāhu), **Kê Đổ** (Ketu)

Chín vị **Chấp Trì Tinh Thần** này có uy lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** thường ủng hộ con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

"**Tinh** (Nakṣatra:**Tú)** có hai mươi tám
Bốn phương đều có bảy
Chấp Tinh (Grahā: Chấp Diệu) lại có bảy
Thêm **Nhật, Nguyệt** thành chín
Tổng có ba mươi bảy
Dũng mãnh, đại uy thần
Hiện, ẩn chiếu Thế Gian
Bày tướng thiện ác ấy
Cho đời làm thêm bớt
Có Thế, ánh sáng lớn
Đều dùng Tâm thanh tịnh
Nơi **Chú** này, tùy vui"

Nhóm **Tinh Tú** ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** thường ủng hộ con….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

_A Nan Đà! Ông nên nhớ trì hết thảy tên gọi của 68 các vị Đại Tiên. Các Tiên Nhân này đều trì Cấm Giới, thường tu Khổ Hạnh, có ánh sáng lớn. Hoặc trụ ở sông nhỏ, sông lớn, núi, rừng, ao, hồ…muốn làm thiện ác, chú nguyện tốt xấu tùy theo lời nói thành tựu, đủ uy lực lớn, năm Thông tự tại, bay đi trong hư không không có chướng ngại. Nay Ta nói tên gọi ấy.

Các vị ấy tên là: **A Sắt Tra Ca** Đại Tiên (**Aṣṭamaka**-mahāṛṣī), **Bà Mạc Ca** Đại Tiên (**Vāmaka**-mahāṛṣī), **Bà Ma Đề Bà** Đại Tiên (**Vāmadeva**-mahāṛṣī), **Ma Lợi Chi** Đại Tiên (**Mārici**-mahāṛṣī), **Bát Lợi Noa Ma** Đại Tiên (Pariṇāma-mahāṛṣī), **Mạt Kiến Đề Dã** Đại Tiên (**Mārkaṇḍeya**-mahāṛṣī), **An Ổn Tri Thức** Đại Tiên (**Viśvāmitra**-mahāṛṣī), **Bà Tư Sắt Sá** Đại Tiên (**Vasiṣṭha**-mahāṛṣī), **Bạt Di Ca** Đại Tiên (**Vālmīka**-mahāṛṣī), **Ca Nhiếp Ba** Đại Tiên (**Kāśyapa**-mahāṛṣī), **Lão Ca Nhiếp Ba** Đại Tiên (**Vṛddha-kāśyapa**-mahāṛṣī), **Tì Lật Cữu** Đại Tiên (**Bhṛgu**-mahāṛṣī), **Ương Kỳ La** Đại Tiên (**Aṅgira**-mahāṛṣī), **Ương Kỳ Lạc Ca** Đại Tiên (**Aṅgiraka**-mahāṛṣī), **Ương Kỳ Thứ Tứ** Đại Tiên (**Bhagiratha**-mahāṛṣī), **Hữu Tướng Phần** Đại Tiên (), **Hữu Từ** Đại Tiên (), **Hữu Thứ Tu** Đại Tiên (), **Lộc Đảnh** Đại Tiên (**Mṛga-śirṣai**-mahāṛṣī), **Diễm Ma Hỏa** Đại Tiên (**Yamāgni**-mahāṛṣī), **Châu Chử** Đại Tiên (**Vaisaṃpāya**-mahāṛṣī), **Hắc Châu Chử** Đại Tiên (**Kṛṣṇa-vaisaṃpāya**-mahāṛṣī), **Ha Lợi Đế** Đại Tiên (**Hārīta**-mahāṛṣī), **Ha Lợi Đa Dã Na** Đại Tiên (**Hārītāya**-mahāṛṣī), **Thậm Thâm** Đại Tiên (**Gaṃbhīra**-mahāṛṣī), **Tam Mang Kỳ La** Đại Tiên (**Samaṅgira**-mahāṛṣī), **Ốt Yết Đa** Đại Tiên (**Ungata**-mahāṛṣī), **Tam Một Yết Đa** Đại Tiên (**Samuṅgata**-mahāṛṣī), **Thuyết Nhẫn** Đại Tiên (**Kṣāntivādi**-mahāṛṣī), **Danh Xưng** Đại Tiên (**Kīrtti**-mahāṛṣī), **Thiện Danh Xưng** Đại Tiên (**Sukīrtti**-mahāṛṣī), **Tôn Trọng** Đại

Tiên (**Guru**-mahāṛṣī), **A Thuyết La Dã Na** Đại Tiên (**Aśvalāya**-mahāṛṣī), **Kiếp Bố Đắc Ca** Đại Tiên (), **Hương Sơn** Đại Tiên (**Gandhagiri**-mahāṛṣī), **Trụ Tuyết Sơn** Đại Tiên (**Himavān**-mahāṛṣī), **Hộ Tướng** Đại Tiên (), **Nan Trụ** Đại Tiên (**Durvāsa**-mahāṛṣī), **Mạt Đạt Na** Đại Tiên (), **Thiết Lạp Bà** Đại Tiên (), **Điều Phục** Đại Tiên (), **Tôn Giả** Đại Tiên (), **Anh Vũ** Đại Tiên (**Sukā**-mahāṛṣī), **Tì Ha Bát Để** Đại Tiên (**Vyūhapati**-mahāṛṣī), **Võng Luân** Đại Tiên (), **San Ni Chiết La** Đại Tiên (**Śanaiśvara**-mahāṛṣī), **Giác Ngộ** Đại Tiên (**Budha**-mahāṛṣī), **Thượng Cụ Lý** Đại Tiên (**Jaṅguli**-mahāṛṣī), **Kiện Đà La** Đại Tiên (**Gandhāra**-mahāṛṣī), **Độc Giác** Đại Tiên (**Ekaśṛṅga**-mahāṛṣī), **Tiên Giác** Đại Tiên (**Ṛṣyaśṛṅga**-mahāṛṣī), **Yết Già** Đại Tiên (**Garga**-mahāṛṣī), **Đan Trà Dã Na** Đại Tiên (**Daṇḍayāna**-mahāṛṣī), **Can Đà Dã Na** Đại Tiên (**Caṇḍayāna**-mahāṛṣī), **Ma Đăng Già** Đại Tiên (**Mataṅga**-mahāṛṣī), **Khả Úy Ma Đăng Già** Đại Tiên (**Bhīṣaṇa-mataṅga**-mahāṛṣī), **Kiều Đáp Ma** Đại Tiên (**Gotama**-mahāṛṣī), **Hoàng Sắc** Đại Tiên (**Pīta**-mahāṛṣī), **Bạch Sắc** Đại Tiên (**Śvetā**-mahāṛṣī), **Xích Mã** Đại Tiên (**Lohitāśva**-mahāṛṣī), **Bạch Mã** Đại Tiên (**Śvetāśva**-mahāṛṣī), **Trì Mã** Đại Tiên (**Aśvadhara**-mahāṛṣī), **Diệu Nhãn** Đại Tiên (**Sunetra**-mahāṛṣī), **Chu Mục** Đại Tiên (**Citrākṣa**-mahāṛṣī), **Bà La Khí La** Đại Tiên (), **Na Thứ Tha** Đại Tiên (**Nārāyaṇa**-mahāṛṣī), **Sơn Cư** Đại Tiên (**Parvata**-mahāṛṣī), **Cật Lật Di La** Đại Tiên (**Krimilā**-mahāṛṣī)

Nhóm các vị Tiên như vậy đều là bậc Đại Tiên cổ xưa, làm **Tứ Minh Luận, Thiện Nhàn, Chú Thuật**, mọi Hạnh chuẩn bị thành, ta người đều lợi ích. Các vị ấy cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thường ủng hộ con ….cùng các quyến thuộc sống lâu trăm tuổi, lìa các ưu não.

Liền nói Chú là:

"Đát điệt tha: ha lý ha lý ha lý, yết lý, ba lý, hô lý, nhĩ lý, tốt lý, hát lý, hứ lý, nhĩ lý, đạp phổ đạp phổ đạt đạp phổ, yết lạt tán nễ, mạt thán nễ, đạc mạc nễ, già đán nễ, ba chiết nễ ba chiết nễ, ba đát nễ ba đát nễ, mạc nại nễ mạc nại nễ, đạc ha đạc ha đạc ha, đạt la đạt la, đà thứ nễ, ba trá nễ, mô hán nễ, tất đam bạt nễ, chiêm bạt nễ, sa ha"

(Tadyathā: Hiri hiri hiri, khari, mari huri, miri suri hari, hiri miri, ḍapphu ḍapphu, ḍaḍapphu, grasani, mathani dahani, ghātani, pacani, pācani, pātani, pāpani, hanani hanani, daha daha daha, dala dala, dalani, pāṭani, mohani, stambhani, jambhani, svāhā).

_A Nan Đà! Ông nên nhớ trì. Trong Đại Địa này có tên gọi của **Đại Độc Dược**, nếu có người biết thì chẳng bị trúng độc. Tên ấy là: **An Đạt La** (Aṇḍarā), **Bát Đạt La** (Paṇḍarā), **Yết La Trà** (Karalā), **Kê Du La** (Keyūra), **Bộ Đăng Cấp Ma** (Bhūtaṅgamā), **Bộ Đa Bát Để** (Bhūtapati), **Tần Độ Bát Để** (Viṃdupati), **Thất Lợi Bát Để** (Śiripati), **Đế Xã Bát Để** (Tejapati), **Đế Xã Ác Yết La Bát Để** (Tejogra-pati), **Da Xá Bát Để** (Yaśopati), **Da Xá Ác Yết La Bát Để** (Yaśograpati), **A La La** (Araḍā), **Đá La La** (Taraḍā), **Đát La Đột** (?Tarāṇāṃ), **Đát-La** (Taraḍā), **Đạt Đa** (Dantā), **Đặc Ha** (Dahā), **Thệ La** (Jelā), **Bà La** (Phalā), **Cồ Lỗ** (Gula), **Chí La Đát Đố La** (Cirādantulā), **Y Lý Chỉ Lý** (Irikicikā), **Thiết Đảm Đồ La** (Śatanturā), **Tì Bố Lý Lý** (Vipuli), **Nặc Cú Lý** (Nakuli), **Kê Lật Bỉ** (Kirimi), **Đát Na Già Hiệt Lật Sắt-Tra** (Taraṅgātiṣṭha), **A Một La Ma Đế** (Āmramati), **Thiệm Bộ Mạt Để** (Jambumati), **Ma Xã Mạt Để** (Madhumati), **A Mạt Lệ** (Amale), **Tì Mạt Lệ** (Vimale), **Quân Trà Lệ** (Kuṇḍale), **Át Trĩ Nại Trĩ** (Aṭṭe naṭṭe), **Bạc Kế** (Vakke), **Bạc Đa Bộ Đế** (Vakkadūṭṭe), **Phạt Sai Na Bệ** (Vastanābhe), **Mạc Ha Yết Lệ** (Mahāgale), **Lạm Bệ** (Lambe), **Đồ Lạm Bệ** (Turambe), **svāhā**

A Nan Đà! Tên của **Đại Độc Dược** này với **Dược Thần** (Bhaiṣaijya-devatā) cũng dùng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này thường ủng hộ con ….cùng các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi

_Lại nữa, A Nan Đà! **Đại Khổng Tước Chú Vương** này là điều mà bảy Đức Phật Chính Biến Tri đã tuyên nói. Ấy là : **Tỳ Bát Thi Chánh Biến Tri** (Vipa'syìn-samyaksaṃbuddha), **Thi Khí** (Śikhìn), **Tỳ Xá Phù** (Vi'svabhū), **Câu Lưu Tôn** (Krakucchanda), **Yết Nặc Ca Mâu Ni** (Kanakamunïi), **Ca Nhiếp Ba** (Kaøśyapa). Nay Ta, **Thích Ca Mâu Ni Chính Biến Tri** (Śākya-muṇi-samyaksaṃbuddha) cũng lại tùy vui nói.

Đại Khổng Tước Chú Vương này, Bồ Tát **Từ Thị** (Maitreya) cũng lại tuyên nói.

Tác Ha Thế Giới Chủ Đại Phạm Thiên Vương, Thiên Đế Thích, Trì Quốc Thiên Vương cùng Kiện Đạt Bà Chủ, 28 Tướng. Tăng Trưởng Thiên Vương cùng Câu Bàn Trà Chủ, 28 Tướng. Quảng Mục Thiên Vương cùng Long Chủ, 28 Tướng. Đa Văn Thiên Vương cùng Dược Xoa Chủ, 28 Tướng đều nói. **Đại Khổng Tước Chú Vương** này.

Bát Chi Ca Đại Dược Xoa Chủ, Ha Lợi Đế với 500 người con cùng các quyến thuộc thảy đều tùy vui, cũng lại nói tuyên nói **Đại Khổng Tước Chú Vương** này.

A Nan Đà! **Đại Khổng Tước Chú Vương** này chẳng thể trái vượt, chẳng nên khinh mạn.

Nếu có **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **A Tô La** (Asura), **Ma Lâu Đa** (Maruta), **Yết Lộ Trà** (Garuḍa), **Kiện Đạt Bà** (Gandharva), **Khẩn Na La** (Kiṃnara), **Mạc Hô Lạc Già** (Mahoraga), **Dược Xoa** (Yakṣa) nắm giữ. **Át Lạc Sát Sa** (Rākṣasa), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Tất Xá Già** (Piśāca), **Bộ Đa** (Bhūta), **Câu Bàn Trà** (Kuṃbhaṇḍa), **Bố Đan Na** (Putana), **Yết Trá Bố Đan Na** (Kaṭaputana), **Tắc Kiến Đà** (Skanda), **Ố Ma Đả** (Unmāda), **Xa Dạ** (Chāya), **A Ba Tam Ma La** (Apasmara), **Ô Tất Đa Lạc Ca** (Ostakara) **Nặc Sát Đát La** (Nakṣatra), **Lê Ba** (Ripu) ….Nhóm Thiên Thần này chẳng thể trái vượt **Khổng Tước Chú Vương** này.

Lại nữa, hết thảy các Quỷ Thần ác: ăn tinh khí, ăn thai, ăn máu, ăn thịt, ăn Chi Cao (dầu mỡ), ăn tủy, ăn chi tiết, ăn sống, ăn mạng, ăn đồ cúng, ăn khí, ăn hương, ăn tóc, ăn hoa, ăn quả, ăn ngũ cốc, ăn lửa thiêu, ăn mủ, ăn đại tiện, ăn tiểu tiện, ăn nước bọt, ăn nước rãi, ăn nước mũi, ăn thức ăn dư thừa, ăn đồ ói mửa, ăn vật bất tịnh, ăn nước chảy rỉ… Có các loài ăn ác của nhóm như vậy cũng chẳng thể trái vượt **Khổng Tước Chú Vương** này.

Lại nữa, có người làm các Cổ Mị, Yếm Đảo, Chú Thuật, bay đi trong hư không, **Cật Lật Để** (Kṛtyā), **Yết Ma Noa** (Karmaṇa), **Ca Cô Ốt Đả** (Kakhordda), **Chỉ Lạt Noa** (Kiraṇa), **Tỳ Đa Trà** (Vetaḍa), **Át Đả Tỳ Đa Trà** (), **Chất Giả** (Cicca), **Tất Lệ Sách Ca** (), uống máu tủy của kẻ khác, biến làm người sai khiến, hô triệu Quỷ Thần làm các nghiệp ác, ác thực biến thổ, ác ảnh, ác thị, làm các thư phù ác hoặc siêu độ ác. Khi có các nhóm ác như vậy hiện ra thời đều hộ giúp con…khiến lìa lo khổ.

Lại nữa, hết thảy các việc kinh sợ: vua, giặc, nước, lửa, binh nước khác đến gây sợ hãi, sợ gặp đói khát, sợ chết không đúng thời, sợ đất chấn động, sợ ác thú đến, sợ tri thức ác, sợ lúc sắp chết. Nhóm sợ hãi như vậy đều hộ giúp con….

Lại nữa, các bệnh: ghẻ lở, bệnh hủi, mụn nhọt, hắc lào, bệnh trĩ, bệnh lậu, ung thư, da thân khô đen, đau đầu, đau nửa đầu, ăn uống chẳng tiêu, mắt, tai, mũi, lưỡi, miệng, môi, răng nanh, răng, cổ họng, ngực, lưng, hông sườn, eo, bụng, tay chân, chi tiết, chỗ ẩn kín, tâm buồn bực, hạch ở bẹn, bệnh hòn trong bụng, bệnh khô đét gầy ốm, khắp thân bệnh khổ thảy đều trừ hết.

Hoặc lại bệnh sốt rét: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, nửa tháng, một tháng, hoặc lại nhiều ngày liên tiếp, hoặc lại phút chốc, hoặc bệnh thường nóng sốt, bệnh **Thiên Tà**, bệnh bứu cổ, Quỷ Thần, nóng sốt, trúng gió, vàng da, **đàm ẩm** (Trong thân thể, nước dịch quá lượng chẳng thâu hóa được, ngưng chảy hoặc chảy rỉ ra ở một bộ phận nào đó gây thành bệnh), hoặc **Tổng tập bệnh**. Hoặc bị Quỷ dựa, hoặc bị các độc, người với Phi Nhân làm cho trúng độc. Khi các bệnh quá ác như vậy sinh ra thời nếu có đọc tụng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này, chẳng thể trái vượt, mong cầu tùy nguyện, đều hộ cho con…cùng các quyến thuộc.

Nay con làm kết Giới kết Địa ấy, tụng trì Chú này đều khiến cho an ổn, sa ha".

Kèm nói **Tụng** này:
"Khiến con đêm an ổn
Suốt ngày cũng như thế
Ở trong tất cả Thời
Chư Phật thường hộ niệm"

_ Lại nữa A Nan Đà! Nếu có người xưng niệm tên gọi của **Đại Khổng Tước Chú Vương** này ủng hộ thân người khác hoặc lại tự ủng hộ mình. Hoặc kết sợi dây đeo giữ trên thân. Như người này đáng bị tội chết thì chỉ bị phạt đồ vật mà được thoát, đáng bị phạt thì bị gậy đánh nhẹ mà được thoát, đáng bị gậy đánh nhẹ thì chỉ bị chửi mắng mà được thoát, đáng bị chửi mắng thì chỉ bị la rầy mà được thoát, đáng bị la rầy thì tự nhiên được thoát, tất cả bệnh khổ thảy đều tiêu tan, không dám trái vượt. Người này cũng không bị vua chúa, giặc cướp, nước, lửa, chất độc ác, dao, gậy…xâm hại. Ngủ thức an ổn, thường thấy mộng lành, đi đứng ngồi nằm không có việc gây hại, được kéo dài thọ mạng, trừ nghiệp gây đoản mạng trong đời trước với hợp thọ **Chánh Báo**.

A Nan Đà! Nếu khi mưa lụt lội hoặc khi đại hạn. Nếu đọc tụng **Khổng Tước Chú Vương** này thì các vị Rồng vui vẻ. Hoặc mưa dầm liền quang tạnh, hoặc hạn hán liền tuôn mưa.

Nếu có kẻ nam, người nữ tùy theo sở nguyện, mau được thành tựu.

A Nan Đà! **Đại Khổng Tước Chú Vương** này khi chỉ nhớ niệm thời liền hay trừ diệt tất cả khủng bố, bệnh tật, ưu não…huống chi là đọc tụng thọ trì đầy đủ. Ông nên thọ trì **Đại Khổng Tước Chú Vương** này vì muốn nhiêu ích thủ hộ cho **bốn chúng** (catasraḥ parṣadaḥ): **Bí Sô** (Bhikṣu), **Bí Sô Ni** (Bhikṣuṇi), **Ô Ba Sách Ca** (Upāsaka), **Ô Ba Tư Ca** (Upāsikā) lìa các sự đáng sợ.

Lại nói Chú là:
"Đát điệt tha: diệp bàn để, đà để, đạc cát lý, đổ lỗ đổ lỗ, sa ha"
(Tadyathā: Yavati, dhani, dhakari, turu turu svāhā)

_ **Tham Dục** (Rāga), **giận dữ** (Dveṣa), **Si** (moha)
Là ba độc Thế Gian
Chư Phật đều chặt đứt
Lời thật, độc tiêu trừ

_ Tham Dục, giận dữ , Si
Là ba độc Thế Gian
Đạt Ma (Dharma) đều chặt đứt
Lời thật, độc tiêu trừ

_ Tham Dục, giận dữ , Si
Là ba độc Thế Gian
Tăng Già (Saṃgha) đều chặt đứt
Lời thật, độc tiêu trừ

_ Tất cả các **Thế Tôn** (Bhagavaṃ)
Có sức Uy Thần lớn
La Hán (Arhat) đủ danh tiếng
Trừ độc khiến an ổn

_Khi ấy Cụ Thọ **A Nan Đà** nghe Đức Phật nói xong, lễ hai bàn chân của Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi từ giã Đức Phật đi đến chỗ của Bí Sô **Sa Để** (Svati). Đến xong, liền dùng **Khổng Tước Chú Vương này** vì vị Bí Sô ấy mà làm ủng hộ, kết **Giới** kết **Địa** nhiếp thọ nhiêu ích, trừ sự khổ não cho vị ấy. Bí Sô **Sa Để** thân được an ổn, khổ độc tiêu tan, từ dưới đất đứng dậy, cùng với Cụ Thọ **A Nan Đà** đi đến chỗ của Đức Phật, lễ hai bàn chân của Đức Phật xong, đem đủ việc bên trên thưa bạch cho Đức Thế Tôn biết, rồi đứng tại một bên.

Đức Phật bảo A Nan Đà: "Do Nhân Duyên này, ông có thể đem **Đại Khổng Tước Chú Vương** này báo cho bảy Chúng : Bí Sô, Bí Sô Ni, Chánh Học Nữ, Cầu Tịch Nam, Cầu Tịch Nữ, Ô Ba Sách Ca, Ô Ba Tư Ca, quốc vương, đại thần…khuyên một lòng thọ trì đọc tụng, khiến cho thông lợi. Vì người khác giải nói, hiểu rõ việc ấy, viết chép Kinh Quyển lưu thông tại chỗ ở. Đem hương, hoa, thức ăn uống tùy theo phần cúng dường…khiến cho tất cả chúng sanh đều lìa ưu khổ, thường được an lạc, được Phước vô lượng, khó thể nghĩ bàn"

Nói lời ấy xong thời A Nan Đà với các Đại Chúng, Trời, Rồng, Dược Xoa, Kiện Đạt Bà, A Tô La, Ma Lâu Đa, Yết Lộ Trà, Khẩn Na La, Mạc Hô Lạc Già, người, Phi Nhân…nghe điều Đức Phật đã nói, đều rất vui vẻ, tin nhận, phụng hành.

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dược xoa
Người nghe Pháp, nên chí Tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng hành **Thế Tôn Giáo**

_ Chư Hữu Thính Đồ đến chốn này
Hoặc ở trên đất, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Tâm **Từ**
Ngày đêm tự thân y Pháp trụ

_ Nguyện các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí, ích quần sinh
Hết thảy nghiệp tội đều tiêu trừ
Xa lìa mọi khổ, quy Viên Tịch

_ Luôn dùng **hương Giới** xoa vóc sáng
Thường khoác **áo Định** để nghiêm thân
Bồ Đề Diệu Hoa trang nghiêm khắp
Tùy nơi đã trụ, thường an lạc.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI KHỔNG TƯỚC CHÚ VƯƠNG
QUYỂN HẠ (Hết)

Tiếp theo nói rõ Pháp Thức **Đàn Tràng, vẽ tượng.**

Đức Phật bảo A Nan Đà: "Nếu có nam tử, nữ nhân có việc cầu nguyện, hoặc vì lũ lụt lớn, hoặc vì đại hạn, tai hoạnh, binh đao, mọi bệnh dịch, sốt rét. Phàm là tất cả việc chẳng như ý, muốn dọc tụng **Đại Khổng Tước Chú Vương** này cầu xin tiêu diệt thì nên làm Pháp như vầy: Có thể ở chỗ sạch sẽ, đắp đất bằng phẳng xong, làm một Đàn Tràng nhỏ, có thể cao bốn năm ngón tay, vuông vức ba bốn khuỷu tay hoặc lớn hơn. Nên lấy phân con bò vàng chưa rơi xuống đất, trong sạch xoa tô trên Đàn.

Ở trong Đàn này, an hình tượng Phật hướng mặt về phương Tây. Ở bên trái tượng, để tượng **Đại Khổng Tước Vương,** hoặc đắp hoặc vẽ, trang sức như Pháp. Hoặc dùng ba bốn cọng lông đuôi của chim công (khổng tước) cắm vào cái bình gạch nung sạch, cũng dùng phân bò xoa lau. Ba việc này có một việc đều được

Dùng hoa **Bạch Át Ca** (Phương này không có, nên có thể dùng hoa **Lê Nại** thay thế), hoặc hoa **Bạch Yết La Tỳ La** (Lĩnh Nam có, vùng đất phía Bắc không có, nên có thể dùng hoa **Bạch Hạnh Nại** hoặc hoa **Thục Quỳ** thay thế) hoặc dùng hoa **Thi Lợi Sa** (tức là cây **Dạ Hợp**) hoặc lá cây **Tần Lễ** (Phương này cũng không có, nên có thể dùng lá táo, lá dâu, lá sen thay thế) rải bày trên Đàn.

Trước tiên ở trước mặt Phật tùy theo cái mình có, bày các thức ăn uống, mọi loại cúng dường

Tiếp theo, ở trước mặt **Khổng Tước Vương Bồ Tát** để một bàn: nước mật, nước đường cát, sữa bò với Lạc, bánh, cơm…tận Tâm phụng hiến xong, tay bưng lư hương, đốt An Tất Hương, ở mặt Đông cúng dường, như lúc trước Khải Thỉnh: "Phật với chúng Thánh, chúng của bốn vị Thiên Vương…mỗi mỗi xưng tên, chí Tâm triệu thỉnh, đi đến ủng hộ con…cùng các quyến thuộc đều được an ổn, sống lâu trăm tuổi"

_Tiếp theo, ở mặt Đông của Đàn để một bàn: đường cát, bánh với cháo sữa, nước đường cát, bánh, cơm…cúng dường Trì Quốc Thiên Vương, nhóm Thần Kiện Đạt Bà.

_Tiếp theo, ở mặt Nam của Đàn để một bàn: Dầu, mè, cháo, một bình nước Tư Đỗ, bánh, cơm…cúng dường Tăng Trưởng Thiên Vương, nhóm Thần Câu Bàn Trà.

_Tiếp theo, ở mặt Tây của Đàn để một bàn: cháo sữa, một bình sữa, bánh, cơm…cúng dường Quảng Mục Thiên Vương, nhóm Thần Rồng.

_Tiếp theo, ở mặt Bắc của Đàn để một bàn: Lạc trộn với cơm, một bình nước Tư Đỗ, bánh, cơm…cúng dường Tỳ Sa Môn Thiên Vương, nhóm Thần Dược Xoa.

Sau đó tùy theo Thời, bày các hoa quả, đốt Trầm Thủy Hương, Tô Hợp Hương, Huân Lục Hương cúng dường khắp cả.

Để người bị bệnh dịch ấy ngồi tại mặt Tây, bên phải Đức Phật. Chú Sư ở mặt Đông có thể đem một, hai cọng lông đuôi chim công hoặc dùng cỏ tranh phủi trên thân người bệnh, tụng **Tâm Chú** lúc trước 21 biến, xưng tên người bệnh. Một ngày ba Thời riêng, làm cúng dường xong, bỏ hết thảy thức cúng vào trong nước, hoặc chôn xuống đất, không được ăn, cũng không được dẫm đạp lên.

Hết thảy Đàn Tràng dùng bùn xoa lau một lớp mỏng, hoặc dùng phân bò xoa tô mặt đất.

Đây là Pháp thức cúng dường tầm thường của **Khổng Tước Vương Chú**

Phàm có sự mong cầu đều có thể y theo Pháp làm Đàn Tràng này. Nếu nghèo túng không có đủ thì tùy theo thứ hiện có mà làm cúng dường.

_Tiếp theo nói rõ Pháp **vẽ tượng**

Lấy lụa trắng mới, dùng chất keo của cây hòa màu sắc, chẳng dùng keo của da sinh vật, để trong cái chén mới. Người vẽ tượng vào lúc sáng sớm, tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới, thọ tám Giới, sau đó mới làm

Tượng Phật nên làm màu vàng ròng, mặc áo Ca Sa màu hoa đào, ngồi trên tòa Sư Tử vàng

Bên trái vẽ **Ma Ha Du Lợi Thiên Thần** màu trắng đỏ, mặc quần màu trắng, áo choàng vai, sợi dây trắng quấn quang bắp tay. Thân có bốn cánh tay, các vật trang nghiêm đều dùng vàng mà làm, đứng ở trên hoa sen hoặc đứng ở trên tòa vàng. Bên phải: một tay cầm **Dữu Tử** (quả nho), một tay cầm hoa sen. Bên trái: một tay cầm quả Cát Tường (lớn như Cô Lâu màu đỏ vàng, phương này không có), một tay cầm ba cọng lông đuôi chim công)

Ở giữa Phật, Bồ Tát vẽ tượng **Kim Sắc Khổng Tước Vương** đứng ở trên hoa sen trang nghiêm vật báu, trước ngực dùng Ngưu Hoàng vẽ làm **chữ Vạn** (卍)

Ở bên cạnh Phật, vẽ Thánh Giả **A Nan** quỳ gối, chắp tay

Ở khoảng giữa này, vẽ **Kim Cương Thủ Thần Vương**, tay phải cầm cây phất trắng, tay trái cầm **Kim Cương Xoa**

Ở bốn bên của Đức Phật, vẽ mọi loại hoa quả cúng dường

Bên phía Đông, vẽ châu **Tỳ Đề Ha** (Videha: Thắng Thân Châu) hình như nửa vành trăng, ở bên trong vẽ **Trì Quốc Kiện Đạt Bà Thiên Vương** với chúng Kiện Đạt Bà Thần vây quanh.

Ở bên phía Nam của Đức Phật, vẽ châu **Thiệm Bộ** (Jambu-dvīpa) hình như cái xe, phía Bắc rộng, phía Nam hẹp, ở bên trong vẽ **Câu Bàn Trà Tăng TrưởngThiên Vương** với chúng Câu Bàn Trà Thần vây quanh.

Ở bên phía Tây của Đức Phật, vẽ châu **Cồ Đà Ni** (Aparagodānīya:Ngưu Hóa Châu) hình như mặt trăng đầy, ở bên trong vẽ **Quảng Mục Long Thiên Vương** với các chúng Rồng vây quanh.

Ở bên phía Bắc của Đức Phật, vẽ châu **Bắc Câu Lô** (Uttara-kuru) hình vuông vức bằng phẳng, ở bên trong vẽ **Đa Văn Dược Xoa Thiên Vương** với các Dược Xoa Thần vây quanh.

Đã vẽ tượng xong, ở trong Đàn an trí, đồng mặt lúc trước, hướng ra phía Tây.

Có thể chọn ngày mồng một của kỳ Bạch Nguyệt, ở trước tượng vẽ, rộng bày cúng dường. Nên tụng **Tâm Chú** hoặc tụng Chú khác ở trong Kinh.

_Tiếp theo khiến Đồng Nữ trong sạch, se sợi dây. Ở trước tượng vẽ, tụng Chú thắt gút, làm 108 gút. Chú Nhân ấy, tự cột buộc sau khủy tay của mình. Đây là Pháp Hộ Thân, đối với người **Trợ Bạn** cũng đồng với Pháp **Hộ** này.

Nếu khi muốn làm Pháp thời nên tu tập Phương Tiện chuẩn bị lúc trước. Nên tụng Chú này đủ một vạn biến hoặc mười vạn biến

"Nam mô bạc già phạt đế, a ma lệ, tỳ ma lệ, tất địa. Con…cùng các quyến thuộc"

(Namo bhagavate amale vimale siddhya_ Con…cùng các quyến thuộc)

Đến ngày 15, ở trước tượng vẽ, lấy phân bò vàng làm cái Đàn vuông vức bốn khuỷu tay. Ở trên Đàn ấy dùng gạo tẻ trắng bày làm hình thế của bốn Châu, đều ở chỗ ấy bày biện cúng dường như lúc trước.

Lại ở Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương, đốt Bạch Giao Hương

Phương Nam đốt **Tử Chấp Giới Tử** cùng hòa với muối

Phương Tây đốt bơ hòa với An Tất Hương

Phương Bắc đốt Huân Lục Hương

Như lúc trước cúng dường Đức Phật với Ma Ha Ma Du Lợi Thiên Thần. Trước tiên đốt các hương thơm với đem mọi loại thức ăn uống, mọi loại hoa quả rộng bày cúng dường

_Lại dùng vàng, bạc, đồng, chì, sắt…làm thành năm viên như **Toan Tảo Hạch** (hạt táo chua) để ngay trên bảy lớp lá Bồ Đề (nếu không có thì dùng lá dâu thay thế) an ngay trước mặt tượng.

Tiếp theo, ở trước Đàn, đào đất làm lò lửa vuông một khuỷu tay, sâu **một thước** (1/3 m) ở bên trong nhóm lửa

Tiếp theo dùng cây **Ô Đàm Bạt La**, cây **Bát La Xa** (Phương này không có thì dùng cây dâu, cây táo thay thế cũng được) với cọng cỏ **Ngưu Tất…**trong ba thứ tùy chôn một thứ, chặt dài **năm Thốn** (5/3 dm) phá phần thô, như khoảng một ngón tay, nên lấy tám trăm miếng, mỗi khi tụng Chú thì chú một biến rồi ném vào trong lửa, kèm với bơ, Giới Tử (hạt cải)

Nếu ở phương ấy có **Thi Bà** kêu hú (là **Dã Can** kêu hú). Như lúc trước đã nói, tùy theo vật cúng dường của phương mà xếp bày, với các Đồng Bạn thảy đều nên chẳng sợ hãi. Đây tức là tướng thành tựu của Chú ấy.

Nếu không có tướng tốt thì việc chẳng thành. Lấy năm viên trên lá, chú vào 108 biến, liền được tùy theo việc Nguyện đều thành tựu. Tự lấy viên vàng để ở trong miệng, người Đồng Bạn tùy ý lấy một viên, đều chẳng nên nuốt xuống, tùy theo chỗ nêu ra

Nếu có người khác có thể ở trong tức ăn cúng dường, lấy ra như trái táo chua khiến được ăn vào, trừ tất cả bệnh, chỗ mong cầu đều tùy theo Nguyện.

_Lại có Biệt Pháp, nên đến chỗ để thây người chết, hoặc hướng trong ngã tư đường, làm Đàn Pháp lúc trước, đừng để tượng vẽ, chỉ để Thiên Thần ở bốn phương cùng chung ủng hộ. Thức ăn uống cúng dường, vật của nhóm hương hoa và lửa đốt lò với dùng **Chú Diên Pháp** (Pháp se dây Chú). Nếu được thành thì chỗ làm đều tùy theo ý.

Ban đêm thấy mộng tốt. Mộng thấy cỗ xe tốt với ngựa, voi thượng diệu. Hoặc thấy cây quả ở núi cao. Hoặc thân bay lên trên với Đường Điện thù thắng kèm thấy cha mẹ với Quý Nhân khác, tự mặc **thượng Y**, gặp Thiện Tri Thức. Hoặc thấy thiếu nữ với Đồng Nam, Đồng Nữ đủ Diệu Trang Nghiêm, được cái đệm trên giường, mọi loại hoa quả, việc cát tường. Hoặc thấy Thiên Thần báo lời chân thật. Hoặc thấy sữa, Lạc, mọi loại lúa mạ, thịt sống, cá tươi…Hoặc thấy ngựa tốt với chim công….

Đây đều là tướng cát tường. Nếu khác điều này tức là điềm chẳng tốt.

_Nếu thấy lừa, la, lạc đà, vượn, khỉ, heo, chó, rắn, bò cạp, mèo, chuột, chim cú, chim cắt, kên kên, cởi trần không có áo với vật khí ác, củi khô, nhà trống, rừng **Đình Thi**…đầm, sông nhỏ, sông lớn bị khô cạn. **Tỳ Na Dạ Ca** (Vinayāka: Đây là Chướng Ngại Thần, đầu như đầu voi, thân như thân người, người thế tục ở phương Tây (ấn Độ) phần lớn đều cúng dường). Nhóm này đều là tướng chẳng cát lợi.

Phàm mỗi mỗi ở tất cả, khi làm Chú Pháp thời nên làm Pháp ủng hộ như trước.

Nếu ở tất cả nơi chốn đáng sợ, hoặc bị tất cả bệnh khổ thời như trước làm Pháp, ắt hết thảy bệnh dịch, tai ách, chết oan uổng đều được tiêu tan.

Nếu con nít bị bệnh hoặc bị Quỷ dựa. Dùng cái đuôi chim công phủi phẩy rồi Chú vào, liền được lìa khổ. Hoặc dùng sợi dây Chú cột giữ đều được trừ khỏi.

Nếu làm Chú Pháp, Đàn Tràng khác mà việc chưa thành tựu. Do làm Pháp **Khổng Tước Vương** như vậy thì các việc khác cũng đều thành tựu.

Như Đức Thế Tôn nói: "Giả sử khiến người gây tạo tội năng năm Nghịch. Nếu có thể bảy lần làm Đàn Pháp này thì việc cũng được thành. Hoặc khiến cho Tâm định, hay trừ mọi bệnh"

Đây căn cứ vào Bổn Ý, có Tâm tin trong sạch thì việc đều được thành, trừ người chẳng tin.

_A Nan Đà! Lại có **Tâm Chú**, ông nên thọ trì.

Chú là:

"Nam mô phật đà dã
Nam mô đạt ma dã
Nam mô tăng già dã
Nam mô Kim Quang Minh Khổng Tước Vương
Nam mô Ma Ha Ma Du Lợi Minh Chú Vương

Đát điệt tha: Át trí, phạt trí sá kế, thát lạc sá kế, ác yết tử, mạc yết tử, nhất lý, nhĩ lệ, kỳ lệ, hộ lô lạp bệ, mạc ha hộ lô lạp bệ, bộ đăng cấp mê, để minh, kì tây, mạc ha ương yết tây, sa ha"

A Nan Đà! **Ma Ha Ma Du Lợi Tâm Chú** này là điều mà tất cả chư Phật đã tuyên nói. Đây là Pháp lược. Nếu muốn thọ trì, đọc tụng đều làm Pháp Thức của Đàn Tràng như lúc trước, có ước nguyện đều được thành tựu.

Nếu việc chẳng vừa lòng thì tụng **Tâm Chú** nhiều hơn làm Thượng Cúng Dường, ở trước tượng vẽ tụng Chú, ngồi, ngủ. Như mộng thấy bậc Trượng Phu đi đến, tức là tụng Chú có hiệu nghiệm. Nếu thấy người nữ đi đến, tức là điều mong cầu được Thiên Thần thương xót cảm ứng. Có sai biệt này

Nếu người có Tín Tâm, muốn thường thọ trì cầu xin ủng hộ, cần phải vẽ **Ma Ha Ma Du Lợi Bồ Tát Thiên Thần** này, Như ku1c trước, ở trước hình tượng để con chim công (khổng tước) ở chỗ trong sạch bên trong cái Thất, thường làm cúng dường thì tất cả sự sợ hãi, tất cả bệnh khổ, việc chẳng như ý thảy đều tiêu diệt hết.

Nếu người muốn thọ trì cầu thành tựu thì nên vào ngày mồng một của kỳ Bạch Nguyệt, bắt đầu làm Đàn Pháp, chẳng được làm Pháp trong mùa Hạ tức sẽ không thành

Phàm lúc tụng Chú thời có thể vào đầu đêm, tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới sạch, ở khắp mười phương đốt hương xông ướp, tụng Chú trong Kinh lúc trước, hoặc tụng **Tâm Chú** đủ bảy biến xong, nói lời như vầy: "Nguyện xin Đức **Bạc Già Phạt Đế** (Bhagavate: Thế Tôn) thương xót con, đi đến nhận hương hoa với thức ăn uống, giúp cho con hoàn thành việc đã cầu nguyện"

Như trước đã nói hết thảy tám Bộ Trời Rồng với chư Thần có thể giới hạn xưng tên. Cũng nguyện đi đến chốn này nhận hương hoa, hết thảy thức ăn uống của con, hoàn thành sự nghiệp của con.

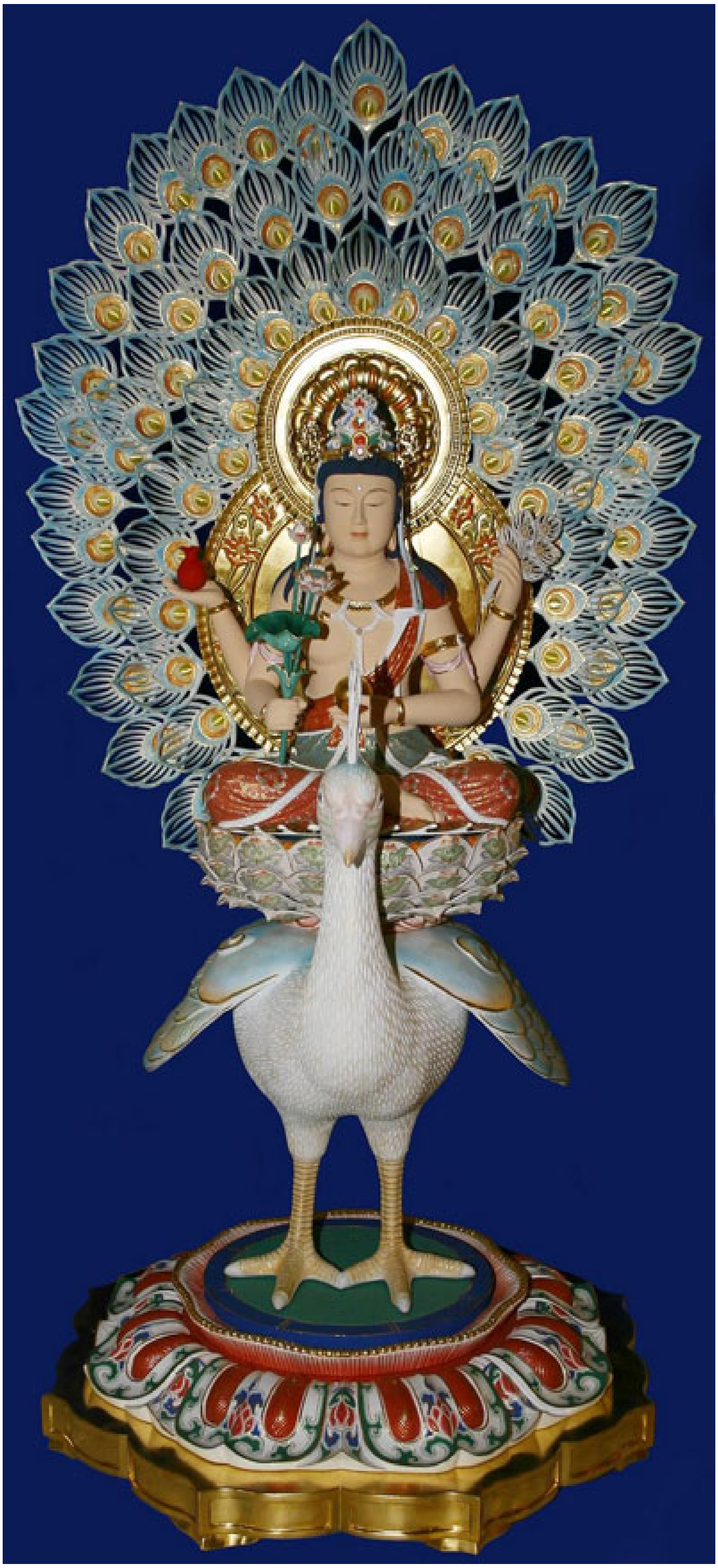
Khi cúng dường xong thời đốt hương Chú Nguyện: "Các Thiên Thần và quyến thuộc đã đến, đều nguyện hoan hỷ quay về chốn cũ (bổn xứ)"

Vật cúng dường đồng với cái bình, vật khí lúc trước. Tại Tâm thường niệm, thành tựu không có nghi ngờ.

Thời Tôn Giả **A Nan Đà** chắp tay đảnh thọ.

PHÁP ĐÀN TRÀNG
Hết

Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm ba Quyển vào ngày 08/12/2012



KINH ĐẠI KIM SẮC KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ
MỘT QUYỂN

Hán dịch: Mất tên người dịch. Nay phụ bản sao chép thuộc đời Tần
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

Đức Phật bảo A Nan :"Khi xưa ở phía Nam của núi Tuyết (Tuyết Sơn Vương) có một Kim Sắc Khổng Tước Vương (con công màu vàng ròng). Đức Phật trụ trong đó. Chim công ấy dùng Kinh **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, sáng sớm nói ***tư hộ ban ngày*** tức được bình an, chiều tối nói ***tự hộ ban đêm*** tức được an ổn

Liền nói Chú là:

"Hống hống hống hống hống hống hống hống hống hống, lê lê lê lê, đàm bà lê lê lê, tỳ ma lê lê , huy dạ huy dạ, tỳ đồ tỳ đồ, du tẩu cầu lậu, y la di la, y lợi di la, tri lê di la, y lê di đế lê, hề lợi tri lợi di đế lê, đàm đức tu đàm đức, đố tu đố, cù la chi la, già sa la, tỳ la già, y tri lê, tỳ tri lê, tri lê"

[[illegible]

Hu hu hu hu hu hu hu hu hu hu, le le le le, dumba, le le le, vimale, le, huya huya, vija vija, dhusu, guru, elā melā, ili melā, tiri melā, ili mitle, hili, tili mitle, dumbe, sudumbe, tesute, golā velā, capalā, viraja, iṭṭiri, bhiṭṭiri, riṭṭiri].

_ Này A Nan ! Nay Ta vì ông nói **Đại Khổng Tước Vương Chú Vương Tâm**

Liền nói Chú là:

"Y trí, tri lợi, tất lợi, di lợi di lợi, tri nhĩ, tẩu đàm bính, đam bính, chi lợi cát chi lợi, cát tứ dạ, tỳ la na di trĩ.

Nam mô nhất thiết chư Phật chỉ cát tứ

Ba đa mưu lê, y trí, ha la, lô hề đái, mưu la đái, mưu la đâu sa, am bà cưu trí, cưu na trí, cưu cưu na tri, la cưu đồ na tri, a trà bà đa dạ, na bà ma sa, đà xa ma tứ đế, y lợi, di lợi, cát lợi, di lợi, xí la la di, li xí đẩu mâu lệ, đầu đầu ma, tát đầu di trí, tha li di, tát đẩu bà đế, mâu tát đế, phù tát la phù tát la, phù tát la phù tát la, y na bà tất đa bà xí, na la la, na la ma lâm di, hạt la, khư la ma cật lệ, y đế, tát xà lệ, đam ức, a na đế, bà na đế, a na na na đế".

[[illegible]

[illegible]

[illegible]

Itti mitti, tili, mili mili, timi, sutumbā tumbā, cili kacili, kisiya, bhinnameḍi

Namo buddhānāṃ cihnāsi

Prānta mūle, iti hāro, lohita mūle, tumbā ambā, kuṭṭi, kukunaṭṭi, kunaṭṭi, tilakuṃjanaṭṭi, aḍavātāya, nava māsā, daśa-māsati, iti mili, kili mili, kila mili, ketu mūle dudumbe sudumeḍe, dalime, saṃtu vaṭṭe, vusa vaṭṭe, vusara vusara vusara vusara, dhanavastarake, narkalā, narkalime, hara, khara mara khile, iti sarjjale, tumbe, anaṭṭa, pranaṭṭa aṇanaṭṭa]

_ Trời mau tuôn mưa. Kết Giới chung quanh, đọc tụng bảy biến.

Liền nói Chú là:

"Na la diên, ba na diên, a lê đa lợi, cưu đa lợi, y lợi di tất đế, cát đế lợi di tất đế, di tất , y lợi di

Chú rằng: **Thành tựu tốt đẹp"**

[[illegible]

Nārāyaṇi, pārāyaṇe, haritālikuntāli, ili misti, kitili misti, miti, ilime. Chuù raèng: **Thaønh töïu toát ñeïp]**

_ A Nan ! Đại Khổng Tước Chú Vương này là điều mà Di Lặc Bồ Tát đã tùy thuận nói ra.

Liền nói Chú là:

"Thi lợi, thi lợi, thi lợi, thi lợi, bà đà thọ thọ, tri bà đế lệ, ha lệ ha lệ, ha lợi nị đàn đế, xa bà lệ thi đức, thu la bà nị, thu la bà nị, bồ đề bồ đề bồ đề bồ đề bồ đề,tất đầu bà, bồ đề, bà lợi, già la ni duệ, tất bà ha".

[[illegible]

Tadyathā: Śiri śiri, śiri-bhadre, jyoti jyoti, jyoti-bhadre, hare hare, hāriṇi, danti śavare, śive, śulapāṇini, bodhi bodhi, bodhi bodhi, bodhisatve, bodhi paripācaṇīye svāhā].

_ A Nan ! Đại Khổng Tước Chú Vương này là điều mà Ta Bà Thế Giới Chủ Phạm Thiên Vương đã tùy thuận nói ra.

Liền nói Chú là:

"Hề lệ hề lệ, ha lệ, di lợi, ma lợi nị, ba cư lợi, cát lợi cát lợi cát lợi, cát lợi để, phạm ma duệ, cưu lan trà xí, tỳ đồ ha, phù tứ, phù số phù số phù số phù số phù số, tất ba ha".

[[illegible]

Tadyathā: Hiri hiri, miri miri, mālini vaṅkari, kiri kiri kiri, kiri kiriti, brahmāye, kuraṇḍake, viḍoha phuse, phuru phuru phuru, phuru phuru, svāhā]

_ A Nan ! Đại Khổng Tước Chú Vương đó là điều mà Thiên Đế Thích đã tùy thuận nói ra.

Liền nói Chú là:

"Đà la, thiền đầu lệ, ma la thiền đâu lệ, già tỉ trí thiền đầy đâu lệ, ma tha nị, ca đa nị, già bà nị, hề lợi, thi lợi trù để, thi lợi đa liễu, na tứ, ha ha ha ha ha ha, tư hề chi để, tỳ hy đế, cưu liễu bà la thệ, đâu tra đâu tra tứ, ba tra ba tra tứ, tư lợi tư lợi, kiếp ti lệ, kiếp ti la chí lệ, ha hề hống

Khiến tất cả hung ác thảy đều hàng phục, cột bắt chân tay chi tiết, không cho động đậy, cho đến ba mươi ba cõi Trời.

Ưu trí giả lợi, tu la ba đế, ba đế, ba thị la, ba thị la, ba thị la, ba thị la, ba thị la, ba thị la, ba đế, tất bà ha".

[[illegible]

Jalā, jantule, mālā jantule, cāpeṭi, jantule, mathāni, ghātani, grasani, hari-śiri, dyuti-śiri, taru taruṇavati, hā hā hā hā hā, siṃhe, dhiti dhiti, kuru kuru, viraja, tuṭa tuṭasi, vaṭa vaṭasi, sili sili, kapile kapilamūle, ha hī hu, sarva duṣṭe, praduṣṭānāṃ, jambhanaṃ karomi, hasta pādāṃga pranyāṃga, nigrahaṃ karomi, sahatradāśe, hide vehi, uṭṭiṅgiṇi, surapati vartti, vajra vajra, vajra vajra vajra, vajrapataye svāhā]

Này A Nan ! Ông nên nhận lấy danh hiệu của Thần Tiên xuất hiện trước tiên, cuối cùng thành tựu tốt lành, thành tựu chí niệm, thành tựu Chú Thuật, thường tu khổ hạnh, ở trong núi rừng, thế lực tự tại, cảm biến mau chóng Ngũ Thông như ý, bay đi trong hư không.

Nay Ta nói danh hiệu ấy là: Bát Thoát Đại Tiên, Danh Tả Đại Tiên, Tả Thiên Đại Tiên, Ba Lê Đại Tiên, Nhật Thí Đại Tiên, Thiện Cập Đại Tiên, Phước Trụ Đại Tiên, Ca Diếp Đại Tiên, Lão Ca Diếp Đại Tiên, Trứu My Đại Tiên, Chi Sơn Đại Tiên, Phân Lạc Đại Tiên, Danh Thị Đại Tiên, Danh Tiền Đại Tiên, Lộc Đầu Đại Tiên, Xà La Đại Tiên, Nhị Thục Đại Tiên, Hắc Nhị Thục Đại Tiên, Thải Thanh Đại Tiên, Hồ Sơn Đại Tiên, Nhẫn Nhục Đại Tiên, Danh Xưng Đại Tiên, Danh Sư Tử Đại Tiên, Danh Hạng Đại Tiên, Danh Cáp Đại Tiên, Danh Mã Đại Tiên, Danh Tuyết Đại Tiên, Xích Mục Đại Tiên, Nan Sự Đại Tiên, Tỳ Nhược Ba Gia Đại Tiên, Danh Khải Đại Tiên, Danh Thu Đại Tiên, Thái Bạch Đại Tiên, Danh Tuế Đại Tiên, Vô Tranh Đại Tiên, Tránh Dạ Bộ Đại Tiên, Danh Giác Đại Tiên, Phược Chỉ Hỏa Đại Tiên, Trì Hương Đại Tiên, Nhất Giác Đại Tiên, Tiên Giác Đại Tiên, Yết Cù Đại Tiên, Đan Tra Gia Na Đại Tiên, Danh Đầu Đại Tiên, Phân Giới Đại Tiên, Kiếp Tất La Đại Tiên, Cù Đàm Đại Tiên, Xích Mã Đại Tiên, Mao Tụ Đại Tiên, Vô Lạc Đại Tiên, Cát Nị Lô Đại Tiên.

A Nan! Nhóm này là Đại Tiên xuất hiện trước tiên, tạo bốn **Vi Đà** (Veda), chỗ làm như ý, khổ hạnh nghiêm tấn có uy thế lớn, hoàn thành điều đã làm. Nhóm này cũng dùng Kinh **Đại Khổng Tước Vương Chú** ủng hộ cho con (họ tên…) khiến sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm mùa thu.

Liền nói Chú là:

"Ha lợi ha lợi ha lợi, hi lợi, di lợi, tu lợi tu lợi, hề lợi hề lợi, di lợi di lợi, đà phước đà trà phước, già bà nị, ma tha nị, tha ha nị, đà ha nị, bá già nị, bá già nị, bá đa nị, a na nị, tha la, già la già la nị, bá tra nị, mạc ha nị, đảm bà nị, diêm bà nị, tất ba ha".

[[illegible]

Hari hari hari, hiri, miri, suri suri, hiri hiri, miri miri, ḍapphu, ḍaḍapphu, grasani, mathani, ghātani, dahani, pacani, pācani, pātani, dahani, dala, gala galani, pāṭani, mohani, jambhani, stambhani svāhā]

_ Bốn vị Thiên Vương với các Đại Quỷ Thần Vương cũng dùng **Khổng Tước Chú Vương** ủng hộ cho con (họ tên….) khiến được sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm mùa thu.

Liền nói Chú là:

"Hà ca đế, tỳ ca đế, ngân la nị, ngân la nị, a la ni, hống xí hống xí, phụ xí phụ xí, ha nại, ha nại, ha nại, ha nại, ha nại, ha nại, ha nại, ha nại, ha nại.

Trừ oan gia ấy

Đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha.

Kẻ ấy có hướng về con , sanh niệm ác, thảy đều trừng trị

Bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá.

Nếu có kẻ hướng về con, tìm cầu dịp thuận tiện thì đều trừng trị.

Đậu, đậu, đậu, đậu, đậu, đậu, đậu.

Diệt oán ác của con

Ha, ha, ha, ha, ha, ha, ha, ha, xá đế, xá đế, xá đế, xá đế, xá đế, xá đế, xá đế, xá đế, xá đế

Diệt oán ác ấy

Chu lâu, chu lâu, chu lâu, chu lâu, chu lâu, chu lâu, chu lâu, chu lâu, chu lâu, chu lâu

Hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi.

Di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi.

Hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu

Chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí

Hế xí hề xí, chi xí ma xí"

[

Akaṭṭe, vikaṭṭe, hariṇi, hāriṇi, dhāraṇi, hukke hukke, vukke vukke, hana hana, hana hana, hana hana, hana hana, hana.

Trừ oan gia ấy

daha daha, daha daha, daha daha, daha daha, daha daha.

Kẻ ấy có hướng về con , sanh niệm ác, thảy đều trừng trị

paca paca, paca paca, paca paca, paca paca, paca paca.

Nếu có kẻ hướng về con, tìm cầu dịp thuận tiện thì đều trừng trị.

dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu

Diệt oán ác của con

ha ha ha ha ha ha ha ha, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi

Diệt oán ác ấy

culu culu, culu culu, culu culu, culu culu, culu culu.

𑖮𑖰𑖩𑖰 𑖮𑖰𑖩𑖰 𑖮𑖰𑖩𑖰 𑖮𑖰𑖩𑖰 𑖮𑖰𑖩𑖰 𑖮𑖰𑖩𑖰 𑖮𑖰𑖩𑖰 𑖮𑖰𑖩𑖰 𑖮𑖰𑖩𑖰 𑖮𑖰𑖩𑖰

Hili hili, hili hili, hili hili, hili hili, hili hili.

𑖦𑖰𑖩𑖰 𑖦𑖰𑖩𑖰 𑖦𑖰𑖩𑖰 𑖦𑖰𑖩𑖰 𑖦𑖰𑖩𑖰 𑖦𑖰𑖩𑖰 𑖦𑖰𑖩𑖰 𑖦𑖰𑖩𑖰 𑖦𑖰𑖩𑖰 𑖦𑖰𑖩𑖰

Mili mili, mili mili, mili mili, mili mili, mili mili.

𑖣𑖲𑖨𑖲 𑖣𑖲𑖨𑖲 𑖣𑖲𑖨𑖲 𑖣𑖲𑖨𑖲 𑖣𑖲𑖨𑖲 𑖣𑖲𑖨𑖲 𑖣𑖲𑖨𑖲 𑖣𑖲𑖨𑖲 𑖣𑖲𑖨𑖲 𑖣𑖲𑖨𑖲

Phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru.

𑖓𑖰𑖘𑖰 𑖓𑖰𑖘𑖰 𑖓𑖰𑖘𑖰 𑖓𑖰𑖘𑖰 𑖓𑖰𑖘𑖰 𑖓𑖰𑖘𑖰 𑖓𑖰𑖘𑖰 𑖓𑖰𑖘𑖰 𑖓𑖰𑖘𑖰 𑖓𑖰𑖘𑖰

Ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi.

𑖮𑖰𑖎𑖿𑖎𑖸 𑖦𑖰𑖎𑖿𑖎𑖸 𑖓𑖰𑖎𑖿𑖎𑖸 𑖪𑖰𑖎𑖿𑖎𑖸

Hikke, mikke, cikke, vikke]

Được Hiền Cát Tường, Phổ Hiền thành tất cả việc, vô cấu tịnh diệu, Nguyệt Hiền, Nhật Ái, Đàm Đức Đổ Đàm Đức, Tỳ Giăng Gia Lệ.

ủng hộ cho con (...) được sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm mùa Thu.

_ Ma Ni La Đản Kinh, Ma Ha Càn Đà Tỳ Kheo cứu bệnh khổ ách Khổng Tước Vương Chú trừ oan gia ấy.

KINH ĐẠI KIM SẮC KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ
MỘT QUYỂN (Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 28/10/2012

Mật Tạng Bộ 2_ No.987 (Tr.479_ Tr.481)

PHẬT NÓI KINH
ĐẠI KIM SẮC KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ
MỘT QUYỂN

Hán dịch: Mất tên người dịch. Nay phụ bản ghi chép của đời Tần
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Sưu tập Phạn Chú: HUYỀN THANH

Nam mô Phật
Nam mô Pháp
Nam mô Tỳ Kheo Tăng
Nam mô bảy Phật Đẳng Chánh Giác
Nam mô Bích Chi Phật
Nam mô chư A La Hán
Nam mô tất cả Bồ Tát của hàng **Di Lặc**
Nam mô chư A Na Hàm
Nam mô Tư Đà Hàm
Nam mô Tu Đà Hoàn
Nam mô Thế Gian Chánh Tín Hướng Giả

Con lễ Thánh Chúng ấy xong, muốn nói Kinh **Đại Khổng Tước Vương Chú**. Nguyện như ý thành tựu tốt lành

_Các hàng Quỷ Thần hãy nghe cho rõ. Hoặc ở hư không, trên bờ dưới nước. Trời, Rồng, A Tu La, Ma Lâu Đa, Ca Lâu La, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Dạ Xoa, La Sát, Ngạ Quỷ, Tỳ Xá Già, Phù Đà, Cưu Bàn Trà, Phú Đan Na, Yết Tra Phú Đan Na, Càn Đà, Ôn Ma Đà, Xa Gia, A Bát Ma La, Uất Đa La Già…. hãy nghe Ta nói

_Quỷ Thần ăn các thứ, Hấp Khí Quỷ, Thực Thạch Mật Quỷ, Thực Huyết Quỷ, Thực Tủy Quỷ, Thực Nhục Quỷ, Thực Chi Quỷ, Thực Thai Quỷ, Thực Mạng Quỷ, Thực Lực Quỷ, Thực Phát Quỷ, Thực Hoa Quỷ, Thực Thanh Quỷ, Thực Khí Quỷ, Thực Ác Tâm Quỷ, Thực Âm Mưu Tâm Quỷ, Hại Tâm Quỷ, Hảo Đoạt Tha Mạng chư Quỷ Thần…. hãy nghe Ta nói Kinh **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nay ban cho hương, hoa, đồ ăn uống… Các ngươi hãy nhận lấy.

Hại tâm ác của ngươi, hại tâm âm mưu… đi đến ăn hơi thơm. Loài có tâm Từ, tâm Thiện, tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ Kheo Tăng…. hãy nghe Ta nói.

_Mười bốn nữ La Sát: Một là **Hắc Ám**, hai là **Tác Hắc Ám**, ba là **Cưu Bàn Trà**, bốn là **Bạch Cụ**, năm là **Hoa Nhãn**, sáu là **Thủ Tử**, bảy là **Thủ Phát**, tám là **Tác Hoàng**, chín là **Thuỳ Hạ**, mười là **Cực Thuỳ Hạ**, mười một là **Tý Tiện**, mười hai là **Diêm La Sứ**, mười ba là **Diêm La La Sát** , mười bốn là **Khám Quỷ** . Các ngươi nhận hương, hoa, đồ ăn uống của Ta, thời hãy ủng hộ cho Ta (họ tên…) với các quyến thuộc, khiến cho câu Chú của Ta như ý thành tựu tốt lành

Tôi nghe như vậy. Một thời Đức Phật trụ ở nước Xá Vệ, rừng cây Kỳ Đà, vườn Cấp Cô Độc. Khi ấy, trong vườn có một Tỳ Kheo nhỏ tuổi tên là **Cát Tường** xuất gia chưa lâu, vì Tăng mà nấu nước, chẻ củi. Thời có một cái cây lạ, bên dưới có một con rắn đen bò đến, cắn ngón chân của Tỳ Kheo, khiến bị mê man té xuống đất, mắt trợn ngược, sùi bọt mép

Lúc đó, Trưởng Lão **A Nan** thấy tỳ kheo Cát Tường bị đau đớn nên rất hoảng sợ, liền đến chỗ Đức Phật, cúi đầu mặt sát đất, làm lễ xong rồi bạch Phật rằng:"Thế Tôn ! Trong nước Xá Vệ, rừng cây Kỳ Đà, vườn Cấp Cô Độc có vị tân học tỳ kheo tên là Cát Tường vì Tăng mà chẻ củi, nấu nước. Dưới gốc cây lạ có một con rắn đen bò ra cắn ngón chân phải của tỳ kheo, khiến bị mê man man té xuống đất, mắt trợn ngược, sùi bọt mép… Làm sao mà trị khỏi?"

Bấy giờ Đức Phật bảo A Nan:"Ông trì **Như Lai Đại Khổng Tước Vương Chú Kinh** ủng hộ Tỳ Kheo Cát Tường và kết Giới kết Chú , khiến cho chất độc chẳng thể gây hại, dao gậy chẳng thể chạm đến, mọi Hoạn đều trừ

Hoặc Trời làm, hoặc Rồng làm, hoặc Ma Lâu Đa La làm, hoặc Ca Lâu La làm, hoặc Càn Thát Bà làm, hoặc Khẩn Na La làm, hoặc Ma Hầu La Già làm, hoặc Dạ Xoa làm, hoặc La Sát làm, hoặc Ngạ Quỷ làm, hoặc Tỳ Xá Già làm, hoặc Phù Đà làm, hoặc Cưu Bàn Trà làm, hoặc Phú Đan Na làm, hoặc Hắc Phú Đan Na làm, hoặc Càn Đà làm, hoặc Ôn Ma La làm, hoặc Vi Xa Gia làm, hoặc A Bát Ma La làm, hoặc Uất Đa Già làm, hoặc Cát Già làm, hoặc Yết Ma Na làm, hoặc Khư Khu Đà làm, hoặc Xí Lan Na làm, hoặc Tỳ Đa Tra làm, hoặc Chi Ma làm, hoặc Tỳ Sa Ca làm…

Hoặc ăn Phi Pháp, nôn mửa Phi Pháp, ảnh Phi Pháp, nhìn Phi Pháp, cử động Phi Pháp, vượt Phi Pháp, tiếp chạm Phi Pháp

Hoặc có bệnh nóng sốt: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, nửa tháng, một tháng… một ngày, một khoảng thời gian phát bệnh một lần.

Hoặc Quỷ Thần gây bệnh nóng sốt, bệnh phong, bệnh lửa, bệnh nước, Hoắc Loạn nhiệt.

Hoặc đau nửa thân, đau đầu, đau mắt, đau mặt, đau cằm, đau cổ họng, đau gáy, đau tai, đau răng, đau miệng, đau tim, đau lưng, đau bụng, đau eo lưng, đau trán, đau vùng kín, đau bắp đùi, đau bắp tay, đau bàn tay, đau bàn chân, đau chi tiết … tất cả các bệnh đau nhức đều khiến trừ khỏi. Ủng hộ cho tôi (họ tên…)

Liền nói Kệ Chú là:

Ngày an đêm an
Khoảng giữa thường an
Ngày đêm an ổn
Chư Phật gia hộ.

Liền nói Chú là:

"Y trĩ, bỉ trĩ, cát trĩ, hất trĩ, bà trĩ, ni trĩ, a trĩ, già trĩ, đậu gia trĩ, a trĩ, bàn cầu trĩ , bà tu ti, xá chi nị, a lâu ha nị, bà lâu ha nị, ô lâu ha nị
Y lệ, di lệ, đế lệ, đế lệ, di lệ, đế lệ, đầu lệ, đầu đầu lệ
Y trí, di trí, tỳ liệp địa, tỳ ma lợi, hưu lâu, hưu lâu
A xá bà khế già trĩ, ma-ha già trĩ, bà chỉ, na chỉ chỉ
Cú lâu, cú lâu, đa phá lậu, cứ lâu, cứ lâu
Độ sa đàm bà, độ đàm bà, đậu ma đàm bà, cồ na gia, bỉ la gia
Hề du, hề du, hề lợi, hề lợi, di lợi, di lợi, để lợi, để lợi
Châu lậu, châu lậu
Mậu hống, mậu hống, mậu hống, mậu hống
Mậu lậu, mậu lậu, mậu lậu, mậu lậu, mậu lậu
Hống hống hống hống hống hống hống hống hống, bà hống
Bà bà bà bà bà bà bà bà bà, xà bà
Xà la, xà xà la, xà xà la
Ma đà, ma đà nỉ, đá bà, đá bà nỉ, tọa bà, tọa bà la la nỉ

Tiễn đầu, tỳ già xà nỉ bạt, sa nỉ, bố tra nỉ, bà già nỉ, kiếm bà nỉ, ma đà nỉ
Mạn trì, trí ca ma, ca lợi, xá lợi ca gia lợi, xá ca, tọa lợi bà la nỉ
Đầu ma, đầu ma lợi, bà nhĩ di, cụ la dạ bà, lợi tỳ-la dạ
Bạt sa đầu đề bà, sa mãn đầu đề bà, sa mãn đề na, y chỉ lợi tử, tất ba ha"

[Iḍi, viḍi, kiḍi, hiḍi, maḍi, niḍi, meḍi, dodumbā, āḍe, ghāḍe, dugghāte, hariṇi, catuni, harivogāḍi, vaguḍi, pānsu piśācini, ārohini, ḍorohini, elā melā, ele mele, kele, tili, mele mele, time time, dume dume, dudume, iṭṭi miṭṭi, viṣṭaddhe, capale, vimale, huru huru, aśvamukhi, kāli kāli, mahākāli, karāli, prakīrnakeśi, kulu kulu, vappgulu vapphulu, kolu kolu, huru huru, vahuru vahuru, vāsādumbā, dodumbā, dumadumbā, gorāyā, velāyā, parivelāyā, piśu piśu, hili hili hili hili hili hili hili hili hili hili, mili mili mili mili mili mili mili mili mili mili, tili tili tili tili tili tili tili tili tili tili, culu culu culu culu culu culu culu culu culu culu, muhu muhu muhu muhu muhu muhu muhu muhu muhu muhu, mulu mulu mulu mulu mulu mulu mulu mulu mulu mulu, hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu, hu hu hu hu hu hu hu hu hu hu, vā vā vā vā vā vā vā vā vā vā, pā pā pā pā pā pā pā pā pā pā, jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla, dama damani, tapani tapani, jvala jvalani, paca pacani, duṃbubi, garjani, varṣaṇi, sphoṭani, tapani tāpani pacani, hāriṇi kāriṇi, kampani, marddanī, maṇḍitike, kṣemaṃkari, makari śakari, sarkari, karkari, śavari, śaṃkari, jvalani, duma, dumbani, sukusame, golāyā, velāyā, parivalāya, varṣatu devaḥ samantena, irikisi svāhā]

_Kinh **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, sáng sớm nói thời tự hộ, ban ngày liền an ổn. Chiều tối nói thời tự hộ, ban đêm liền an ổn.

Liền nói Chú là:

"Hống hống hống hống hống hống
Na già lợi ly, đàm bà lê lê ly , tỳ ma lê lê ly
Huy dạ, huy dạ, tỳ xà, tỳ xà, đâu bị, cầu bị
Y la di la, y già la di, y lợi di la, y lợi di đế lợi, tri lợi di lợi
Y tri lợi, hề lợi, đế lợi di đế lợi, tu lợi di đế lợi
Đố tu đố cù la chi la già bà la, tỳ-la già, y tri lợi, tỳ tri lợi, tri lợi
Nam mô A-la-ha đà, a la đà la, bạt sa đầu đề ba, tam mãn đề na"

[Hu hu hu hu hu hu, nāga le le le, dumba le le le, na le le le, huya huya, vija vija, dhusu dhusu, guru guru, hucejini hucejini, agaru, elā melā ilimalā, tilimalā, ili tili melā, ili mitle tili mitle, ili tili mitle, dumbe, sudumbetosu sudumbetosu, golā velā capalā, vimalā iṭṭiri. Bhiṭṭiri, riṭṭiri

Namo buddhānāṃ cirikisi godohikā

Namo arhatānāṃ hāradāla varṣatu devaḥ samamtena daśasudiśaśu. Namo buddhānāṃ svāhā]

_A Nan ! Nay Ta vì ông nói **Đại Khổng Tước Vương Tâm Chú**. Liền nói Chú là:

"Y trí, di trí, đế lợi, tỳ lợi, di trí, di lợi, đế di tẩu, đàm bà, đâu bà, tu bà chí lợi cát, tỳ dạ, tỳ na di trĩ

Nam mô Phật-đà nam, chí lợi cát tử, bà đa mưu lê, y trí ha la, lô hề đa mưu la đâu bà am bà, cưu trí, cưu cưu na trí, cưu na trí, tri la, cưu xà na trí, a trà bạt đa dạ na bà ma, sa đà xá ma tứ đế

Y lợi, di lợi, cát lợi, di lợi, xí la di la, xí đẩu mưu lệ, đầu đầu ma tát đầu, di lợi, đà lợi di

Tát phù bà đế, phù tát đế, phù tát đế, y la bà tất đá, bà xí na ca la, na la ma cát lợi, di la cát la, ma kết lệ , y đế tát xà lệ, đâu bị, đâu bị

A đế, bà la na đế, A na na na đế, bạt sa đầu, đề bà gia, thiện đà, xí na na la hất trĩ, bà la hất trĩ, ha lợi, đa lợi, cưu đa lợi

Y lợi, di lợi, cát đế lợi di đế, y lợi di, tất đàm đậu đà-la tỳ đà, sa ba ha". Câu Chú thành tựu tốt lành

[Itti mitti, tili, vilimitti, tili mitti, sutumbā tumbā, suvacā, cilikisi, prabhinnameḍi.

Namo buddhānāṃ cilikisi prānta mūle, itihārā lohita mūle, tumbā, ambā, kuṭṭi, kūnaṭṭi, kukunaṭṭi, tilakuñjanaṭṭi, aḍakavatyāyāṃ, varṣatu devaḥ samantena navamāsān daśamāsān

Ili mili kili mili kelimeli, ketu mūle, dudumbe sudumoḍe suḍumeḍi, dalime santuvaṭṭe, vusavaṭṭe, vusare vusare, dhanavastarake, narkalā narkalime narkalike narmalike narakkharima ghoṣe iti sarjjale tumbe tutumbe anaṭṭe ṇaṭṭe paraṇaṭṭe aṇaṇaṭṭe aṇamāle varṣatu devonavodakena sarvataḥ samantena

Narāyaṇi pārāyaṇi haritāli kūntāli ili misti, kili tili misti, ilime, siddhyantu me drāmiḍā mantrapadāḥ svāhā]

Này A Nan ! Đây gọi là **Đại Khổng Tước Vương Chú Tâm**

_ A Nan ! Đại Khổng Tước Vương Chú này, Di Lặc Bồ Tát tuỳ thuận đã nói.

Liền nói Chú là:

"Thi-lợi lê, thi-lợi, thi-lợi, bà địa địa thụ thụ tri bà đế, lệ ha lệ ha, lệ lệ, a lợi nị đàm đế, xa bà lệ, thi bị , xoa la xoa la, ba nị ba nị, bồ-đề bồ-đề, bồ-đề bồ-đề, tát đẩu bà, bồ đề bà lợi già la thi duệ, tất bà ha"

[Śiri śiri, śiri-bhadre, jyoti jyoti, jyoti-bhadre, hare hare, hāriṇi, danti śavare, śive, śulapāṇini, bodhi bodhi, bodhi bodhi, bodhisatve, bodhi paripācaṇīye svāhā].

_A Nan ! Đại Khổng Tước Vương Chú này, Sa Bà Thế Giới Chủ Phạm Thiên Vương tuỳ thuận đã nói.

Liền nói Chú là:

"Hề lệ, hề lệ, ha lệ lệ di, ma lợi nị, bà cư lợi, cát lợi cát lợi, cát lợi cát lợi, cát lợi để phạm ma duệ, cưu lan trà, xí tỳ đồ ha, phù lâu phù lâu, phù lâu phù lâu, tất ba ha"

[Hiri hiri, miri miri, mālini vaṅkari, kiri kiri kiri, kiri kiriti, brahmāye, kuraṇḍake, viḍoha phuse, phuru phuru phuru, phuru phuru, svāhā]

_ A Nan ! Đại Khổng Tước Vương Chú đó, Thiên Đế Thích tuỳ thuận đã nói.

Liền nói Chú là:

"Đà-la thiền đâu lệ, ma la thiền đâu lệ, già côn trí thiền đâu lệ, ma ha nị, già bà nị, già đa nị, hề lợi, thi-lợi trù đế, thi-lợi, đa liễu đa liễu, na tứ

Hề, ha ha ha ha ha, tư hề chi đế, tỳ lượcđế, cưu liễu cưu liễu, bà la thệ, đâu tra đâu tra tứ, bà tra bà tra tứ, tư lợi tư lợi, kiếp ti lệ kiếp ti la, mưu lệ, ha hề hống

Khiến cho tất cả hung ác thảy đều hàng phục, nhiếp lấy tay chân chi tiết của kẻ ấy đừng cho động đậy…Cho đến 33 cõi Trời

Ưu trí giả lợi, tu la bà đế, bà thị la, bà thị la, bà thị la, bà thị la, ba đế, tất ba ha"

[Jalā, jantule, mālā jantule, cāpeṭi, jantule, mathāni, ghātani, grasani, hari-śiri, dyuti-śiri, taru taruṇavati, hā hā hā hā hā, siṃhe, dhiti dhiti, kuru kuru, viraja, tuṭa tuṭasi, vaṭa vaṭasi, sili sili, kapile kapilamūle, ha hī hu, sarva duṣṭe, praduṣṭānāṃ, jambhanaṃ karomi, hasta pādāṃga pranyāṃga, nigrahaṃ karomi, sahatradāśe, hide vehi, uṭṭiṅgiṇi, surapati vartti, vajra vajra, vajra vajra vajra, vajrapataye svāhā]

Này A Nan ! Ông nên thọ nhận danh hiệu Thần Tiên xuất ra trước tiên đó, cuối cùng thành tựu tốt lành, thành tựu chí niệm, thành tựu Chú Thuật, thường tu khổ hạnh, chỉ trụ ở núi rừng, thế lực tự tại, cảm biến mau chóng , năm Thông như ý, dạo trong hư không.

Nay Ta nói danh hiệu của các vị ấy là: Danh Bát Thoát Đại Tiên, Danh Tả Đại Tiên, Tả Thiên Đại Tiên, Ba Lợi Đại Tiên, Bạch Thí Đại Tiên, Thiện Cập Đại Tiên, Phước Trụ Đại Tiên, Ca-Diếp Đại Tiên, Lão Ca-Diếp Đại Tiên, Trứu My Đại Tiên, Chi Sơn Đại Tiên, Nhĩ Lạc Đại Tiên, Danh Thị Đại Tiên, Danh Tiền Đại Tiên, Lộc Đầu Đại Tiên, Xà La Đại Tiên, Nhị Thục Đại Tiên, Hắc Nhị Thục Đại Tiên, Thải Thanh Đại Tiên, Nhẫn Nhục Đại Tiên, Danh Xưng Đại Tiên, Danh Hang Đại Tiên, Danh Cáp Đại Tiên, Danh Mã Đại Tiên, Danh Tuyết Đại Tiên, Xích Mục Đại Tiên, Nan Sự Đại Tiên, Tỳ Nhược Sa Gia Đại Tiên, Danh Khải Đại Tiên, Danh Thu Đại Tiên, Thái Bạch Đại Tiên, Danh Tuế Đại Tiên, Vô Tránh Đại Tiên, Dạ Bộ Đại Tiên, Danh Giác Đại Tiên, Phạ Chỉ Đại Tiên, Trì Hương Đại Tiên, Nhất Giác Đại Tiên, Tiên Giác Đại Tiên, Yết Cồ Đại Tiên, Đan Trà Gia Na Đại Tiên, Danh Đầu Đại Tiên, Phần Giới Đại Tiên, Kiếp-Tất-La Đại Tiên, Cồ Đàm Đại Tiên, Xích Mã Đại Tiên, Mao Tụ Đại Tiên, Vô Lạc Đại Tiên, Cát Nị Lô Đại Tiên.

Này A Nan ! Nhóm này là Đại Tiên xuất ra trước tiên, tạo bốn bộ Vi Đà (Veda) làm chỗ như ý, khéo hành nghiêm tấn, có oai thế lớn, chỗ làm đều xong.

Nhóm này cũng dùng Kinh **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, ủng hộ cho tôi (họ tên….) khiến sống thọ trăm tuổi, được thấy trăm mùa Thu.

Liền nói Chú là:

"Ha lợi, ha lợi, ha lợi, hi lợi, di lợi, tu lợi, tu lợi, hề lợi, hề lợi, di lợi, di lợi, đà phúc, đà trà phúc, già ba nị, ma đà nị, đà ha nị, già đa nị, ba già nị, ba đa nị, ha na nị, la già, la già, la nị, ba tra nị, ma-ha nị, đảm ba nị, xà bà nị, tất ba ha"

[Hari hari hari, hiri, miri, suri suri, hiri hiri, miri miri, ḍapphu, ḍaḍapphu, grasani, mathani, ghātani, dahani, pacani, pācani, pātani, dahani, dala, gala galani, pāṭani, mohani, jambhani, stambhani svāhā]

_Tứ Thiên Vương với các Đại Quỷ Thần Vương cũng dùng **Khổng Tước Vương Chú** ủng hộ cho tôi (họ tên…) khiến thọ trăm tuổi, được thấy trăm mùa Thu

Liền nói Chú là:

A ca đế, A ca đế, văn la nị, văn la nị, a la ni, hống xí, hống xí, phụ xí, phụ xí, ha trà, ha trà, ha trà, ha trà, ha trà, ha trà, ha trà, ha trà, ha trà, ha trà, ha trà

Trừ oan gia ấy

Đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha

Nếu có kẻ hướng đến tôi (họ tên…) sanh tâm ác, thời thảy đều trừng trị hết

Bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá

Nếu có kẻ hướng đên tôi (họ tên…) tìm cầu dịp thuận tiện gây hãm hại, thời thảy đều trừng trị hết

Đậu đậu đậu đậu đậu đậu đậu đậu đậu đậu

Diệt oán ác ấy

Ha ha ha ha ha ha ha ha ha ha_ xà đế, xà đế, xà đế, xà đế, xà đế, xà đế, xà đế, xà đế, xà đế, xà đế

Diệt oan gia ấy

Châu lâu, châu lâu, châu lâu, châu lâu, châu lâu, châu lâu, châu lâu, châu lâu, châu lâu, châu lâu

Hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi

Di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi

Hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu

Chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí

Trí chi, hề xí, di xí, chi xí, ma xí

Được Hiền Cát Lợi, Thiện Hiền, thành tất cả việc, Vô Cấu Tịnh Diệu Nguyệt Hiền, Nhật Ái, Đàm Bị Xã Đàm Bị Tỳ Dăng Gia Lệ. Ủng hộ cho tôi (họ tên…) khiến thọ trăm tuổi, được thấy trăm mùa Thu.

[Akaṭṭe, vikaṭṭe, hariṇi, hāriṇi, dhāraṇi, hukke hukke, vukke vukke, hana hana, hana hana, hana hana, hana hana, hana.

Trừ Oan Gia ấy

daha daha, daha daha, daha daha, daha daha, daha daha.

Nếu có kẻ hướng đên tôi (họ tên…) tìm cầu dịp thuận tiện gây hãm hại, thời thảy đều trừng trị hết

paca paca, paca paca, paca paca, paca paca, paca paca.

Nếu có kẻ hướng về con, tìm cầu dịp thuận tiện thì đều trừng trị

dhu dhu dhu dhu dhu dhu dhu

Diệt oán ác ấy

ha ha ha ha ha ha ha ha, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi jiṭi, jiṭi

Diệt Oán Gia ấy

culu culu, culu culu, culu culu, culu culu, culu culu.

Hili hili, hili hili, hili hili, hili hili, hili hili.

Mili mili, mili mili, mili mili, mili mili, mili mili.

Phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru, phuru phuru.

Ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi.

Hikke, mikke, cikke, vikke]

Được Hiền Cát Lợi, Thiện Hiền, thành tất cả việc, Vô Cấu Tịnh Diệu Nguyệt Hiền, Nhật Ái, Đàm Bị Xã Đàm Bị Tỳ Dăng Gia Lệ. Ủng hộ cho tôi (họ tên…) khiến thọ trăm tuổi, được thấy trăm mùa Thu]

_Liền nói Chú là:

Giải nói Kinh, bên dưới kết Chú Ngữ

A ca loa, a lỗ nan luật đầu, a ni nan đàn lâu như thử sa, đàm ca sa, ni trì lâu loa, a ni ha, a ni ha, châu lưu sở thuộc y đề vô tứ trì đông ba đầu đông ba, a đề hy, hòa trì bỉ bỉ na, vô vô trì

Nam mô tát đàn tam gia phật đà nam, hy trì giả trì hy kim ma đa mưu la ưu đầu ma, sa ma đầu ma, a lợi cưu lê đề đa cưu kỳ na ba lê

Kẻ chẳng thọ Giới , quấy nhiễu người thời mười cõi Trời khởi nước lớn khiến cho ngươi chẳng được chỗ trú ngụ. Tôi (họ tên…) **Ha lê ca**

Nam mô tát đan tam gia tam phật đà na hy lý lê bỉ lý lê câu đà hy

Nam mô tát đan tam gia tam phật phù đà

Nam mô phù đà tư

Nam mô đàn ma tư

Nam mô tăng già tư

Nam mô A-lê-da Bà lô cát tri, thi hỉ lợi lợi di, bồ-đề tát-đỏa, ma-ha tát-đỏa đa đà đề ca lợi già la lợi già bỉ lợi, tân già la xoa tát phục đậu tra lợi lập lê xà lê-da lê bàn

Nam mô chất đề tất ba ha, cát tri ni cát tri tú lâu na giả điện vãn, tất ba ha

Nam mô phù đà tư

Nam mô đàn ma tư

Nam mô tăng già tư

Nhân địa kì tát phục xà Tỳ-kheo, tất ba ha

Phật nói Chú Tặc Kinh

Nam mô Phật

Nam mô Pháp

Nam mô Tỳ-Kheo tăng

Nam mô chư quá khứ thất Phật

Nam mô chư Phật đệ tử 。

Nam mô **Lợi Bế Lợi** Quỷ Thần Vương

Tác lễ xong, nói Kinh này liền theo như Nguyện

Phương Bắc có ngọn núi tên là **Kiền Đà Ma-Ha Diễn,** có Quỷ Thần tên là **Lợi Bế Lợi** cư ngụ. Ở núi đó có bốn sư đệ tử.

An Đà Ni, Bế Ma-Ni, Toàn Ha Ni khiến cho giặc bị lãng quên

Bế Ni khiến cho giặc mau ngồi yên

Sao Đa Ma-Ni khiến cho giặc mau đứng yên

Toàn Ha Ni khiến cho giặc ngu si

Như vậy **Ô Bất La Lợi Đà Đề Ma Bế Ca Lợi** sẽ làm cho răng miệng của giặc bị lẫn lộn… đến khi cởi bỏ sợi dây tơ thì liền giải.

Ủng hộ cho tôi (họ tên…), tịch trừ giặc hại hung ác, đều tiêu diệt khiến cho ẩn mất

Lúc mới nói **Chú Tặc Kinh** này thời nên dùng 29 ngày, vì **Ha Lợi Đề Gia** thắp đèn, đốt Giao Hương làm Y Bố, thắp 7 ngọn đèn, rải hoa. Vì **Quỷ Tử Mẫu** thắp 7 ngọn đèn, ở trước mặt Quỷ Tử Mẫu đọc Kinh đó 7 lần tức tốt lành, hợp **Hiệu Lợi Ly Quỷ Tử Vương** được phước đức… Nên thắp 7 ngọn đèn , đốt hương, rải hoa.

PHÁP HOA THẦN CHÚ KINH.

(Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH)

An nhĩ, mạn nhĩ, ma nỉ ma nỉ, chỉ lệ chỉ lệ, già lê đệ, xa mê, xa lý đa, vi thiện đế, mục đế, mục đa mục đa lý, sa lý, a vi sa lý, tang lý sa lý, xoa duệ, a a xà nị, thiện đế, a xoa duệ, xa lý đà-la-ni, a lô già bà bá già, tỳ xoa nị nỉ tỳ thế, a tiện hống la nỉ lợi thế, a lô đá, bà lệ du đà, ẩu cứu lệ, a la lệ, bà la lê, thủ ca sái, a tam ma tam lý, phật-đà cát, tỳ lợi cầu đế, đạt-ma ba lợi sái đế, tăng già niết cồ sa nỉ, bà xá bà xá, du đà, mạn đa-la xoa, mạn đa-la xoa, dịch đa, na lâu đa, na lâu đa, kiêu xá lược, ác xoa la, ác xoa dã, đa dã, A bà lô, A ma na đa dịch

(ND: Đây là Dược Vương Bồ Tát Chú)

Anye manye, mane mamane citte carite, same samitā viśānte, mukte muktatame, same aviṣame samasame, jaye kṣaye akṣaye, akṣiṇe śānte samite dhāraṇi, ālokabhāṣe pratyavekṣiṇi, nidhiru abhyantara niviṣṭe, abhyantara pāriśuddhi, utkule mutkule, araḍe paraḍe sukaṅkṣi asamasame, buddha vilokite, dharma parīkṣite, saṃgha nirghoṣaṇi, bhayābhaya viśodhani, mantre mantrākṣaye, rute ruta kauśalya akṣaye, akṣaya vanitāye vak-kule baloḍra amanyanatāye svāhā

Thế Tôn ! Đà La Ni Chú này do 62 hằng hà sa chư Phật đã nói. Nếu có kẻ xâm huỷ Pháp Sư, tức là xâm huỷ chư Phật ấy vậy.

Dũng Thí nói Chú:

Tọa lệ, ma ha tọa lệ, úc chỉ, mục chỉ, a la lệ, a la bà đệ, niết lệ đệ, niết lệ đa-la đệ, y trí nê, vi trí nê, niết lệ trệ, niết lệ át bà để.

Jvale mahā-jvale ukke tukke mukke aḍe aḍāvati nṛtye nṛtyāvati iṭṭini viṭṭini ciṭṭini nṛtyani nṛtyāvati svāhā

Thế Tôn ! Đà La Ni Chú này do hằng hà sa chư Phật đã nói

Tỳ Sa Môn Thiên Vương nói Chú:

A lợi, na lợi, vãn na lợi, A na lô, na lý, câu na lý

Aṭṭe taṭṭe naṭṭe vanaṭṭe anaḍe nāḍi kunaḍi svāhā

Trì Quốc Thiên Vương nói Chú:

A ca nỉ, già nỉ, cồ lợi, càn-đà lợi, chiên đà lợi, ma trừng kỳ, thường cầu lợi, phù lâu sa nê, át để

Agaṇe gaṇe gauri gandhāri caṇḍāli mātaṅgi pukkasi saṃkule vrūsali sisi svāhā

Thế Tôn ! Chú này do hai mươi bốn ức chư Phật đã nói.

La Sát Nữ nói Chú:

Y đề lý, y đề mẫn, y đề lý, a đề lý, y đề lý, mẫn lý, mẫn lý, mẫn lý, mẫn lý, mẫn lý, lâu hề, lâu hề, lâu hề, lâu hề, đa hề, đa hề, đâu hề, vãn hề ninh

Itime itime itime itime itime _ nime nime nime nime nime _ ruhe ruhe ruhe ruhe ruhe _ stuhe stuhe stuhe stuhe stuhe _ svāhā

Chẳng thà đứng trên đầu của con, chứ đừng gây não loạn vị Pháp Sư này, ắt đầu bị phá vỡ thành bảy phần như cành cây A Lê.

Đại Bát Niết Bàn Kinh Chú.

Đệ Lục Thiên **Ma Vương Ba Tuần** nói Chú:
Trác chỉ, trá trá la trác chỉ, lô ha lệ, ma-ha lô ha lợi, a la, già la, đa-la, sa ha
Khi ấy, Đức Thế Tôn nhận Thần Chú ấy, chứ chẳng nhận sự cúng dường.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI KIM SẮC KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ (Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 27/10/2012



Mật Tạng Bộ 2_ No.988 (Tr.481_ Tr.484)

KINH KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ

MỘT QUYỂN

(KINH DIỆU TÍCH ẤN TRÀNG ĐÀ LA NI)

Hán dịch: Đời Diêu Tần _Quy Tư Tam Tạng CƯU MA LA THẬP
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

_ Đông phương Đại Thần Long Vương, bảy dặm kết Giới làm nhà Kim Cang (thất lý kết giới Kim Cang Trạch

Nam phương Đại Thần Long Vương, bảy dặm kết Giới làm nhà Kim Cang

Tây phương Đại Thần Long Vương, bảy dặm kết Giới làm nhà Kim Cang

Bắc phương Đại Thần Long Vương, bảy dặm kết Giới làm nhà Kim Cang

Trung ương Đại Thần Long Vương, bảy dặm kết Giới làm nhà Kim Cang

Như vậy nói ba lần

_ Đông phương Thanh Đế Đại Thần Long Vương thống lãnh tám vạn bốn ngàn Quỷ gìn giữ phương Đông

Nam phương Xích Đế Đại Thần Long Vương thống lãnh tám vạn bốn ngàn Quỷ gìn giữ phương Nam

Tây phương Bạch Đế Đại Thần Long Vương thống lãnh tám vạn bốn ngàn Quỷ gìn giữ phương Tây

Bắc phương Hắc Đế Đại Thần Long Vương thống lãnh tám vạn bốn ngàn Quỷ gìn giữ phương Bắc

Trung ương Hoàng Đế Đại Thần Long Vương thống lãnh tám vạn bốn ngàn Quỷ gìn giữ phương chính giữa

_ Đông phương Đàn Điện Quân Đầu, miệng rộng trăm bước, mở ra hang núi mười mười năm năm, ngậm lại y như ăn nuốt

Nam phương Đàn Điện Quân Đầu, miệng rộng trăm bước, mở ra hang núi mười mười năm năm, ngậm lại y như ăn nuốt

Tây phương Đàn Điện Quân Đầu, miệng rộng trăm bước, mở ra hang núi mười mười năm năm, ngậm lại y như ăn nuốt

Bắc phương Đàn Điện Quân Đầu, miệng rộng trăm bước, mở ra hang núi mười mười năm năm, ngậm lại y như ăn nuốt

Trung ương Đàn Điện Quân Đầu, miệng rộng trăm bước, mở ra hang núi mười mười năm năm, ngậm lại y như ăn nuốt

_Đông phương Bạc Cưu Thâm Sơn Sa-La Khư bắt giam trăm Quỷ của ngươi đeo gông vào cổ.

Nam phương Bạc Cưu Thâm Sơn Sa-La Khư bắt giam trăm Quỷ của ngươi đeo gông vào cổ.

Tây phương Bạc Cưu Thâm Sơn Sa-La Khư bắt giam trăm Quỷ của ngươi đeo gông vào cổ.

Bắc phương Bạc Cưu Thâm Sơn Sa-La Khư bắt giam trăm Quỷ của ngươi đeo gông vào cổ.

Trung ương Bạc Cưu Thâm Sơn Sa-La Khư bắt giam trăm Quỷ của ngươi đeo gông vào cổ.

_ Đông phương Đại Thần Long Vương, Kim Cang Mật Tích Sĩ, Phổ Hiền Bồ Tát, Dược-Vương, Dược Thượng, Cứu Thoát Bồ Tát nhập vào.

Nam phương Đại Thần Long Vương, Kim Cang Mật Tích Sĩ, Phổ Hiền Bồ Tát, Dược-Vương, Dược Thượng, Cứu Thoát Bồ Tát nhập vào.

Tây phương Đại Thần Long Vương, Kim Cang Mật Tích Sĩ, Phổ Hiền Bồ Tát, Dược-Vương, Dược Thượng, Cứu Thoát Bồ Tát nhập vào.

Bắc phương Đại Thần Long Vương, Kim Cang Mật Tích Sĩ, Phổ Hiền Bồ Tát, Dược-Vương, Dược Thượng, Cứu Thoát Bồ Tát nhập vào.

Trung ương Đại Thần Long Vương, Kim Cang Mật Tích Sĩ, Phổ Hiền Bồ Tát, Dược-Vương, Dược Thượng, Cứu Thoát Bồ Tát nhập vào.

_ Đông phương Đại Thần Long Vương tên **Ha Đầu Ha** ở Đại Hội của Đức Phật, tự nói là*:"Ta sẽ hộ giúp ngươi"* Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật Thần Chú.

Nam phương Đại Thần Long Vương, tên **Ha Lâu Lặc Xoa Đề** ở Đại Hội của Đức Phật, tự nói là*:"Ta sẽ hộ giúp ngươi"* Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật Thần Chú.

Tây phương Đại Thần Long Vương tên **Na Đầu Hoa** ở Đại Hội của Đức Phật, tự nói là*:"Ta sẽ hộ giúp ngươi"* Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật Thần Chú.

Bắc phương Đại Thần Long Vương tên **Ha Lê Lặc Xoa Đề** ở Đại Hội của Đức Phật, tự nói là*:"Ta sẽ hộ giúp ngươi"* Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật Thần Chú.

_Thanh Tu Bồ Tát nhập vào thân cầu Ma.
Tịnh Tạng Bồ Tát chiết tủy cầu Ma.
Hỏa Quang Bồ Tát cầm lửa cầu Ma.
Nguyệt Quang Bồ Tát phóng ánh sáng cầu Ma.
Trì Địa Bồ-tát đào đất cầu Ma.
Phổ Hiền Bồ Tát nghênh đón tinh thần ấy.
Quán Thế Âm Bồ Tát tìm âm thanh đến cứu.

_ Có tám vị Long Vương: Nan-Đà Long Vương, Bạt-Nan-Đà Long Vương, Sa Già La Long Vương, Hòa Tu Cát Long Vương, Đức Xoa Ca Long Vương, A Na Bà Đạt Đa Long Vương, Ma Na Tư Long Vương, Ưu Bát La Long Vương cùng với trăm ngàn quyến thuộc của mình đều đi đến, vào trong cái Thất này, khiến cho câu Chú của Ta thành tựu như ý.

_ Có bốn vị Khẩn-Na-La Vương: Pháp Khẩn-Na-La Vương, Diệu Pháp Khẩn-Na-La Vương, Đại Pháp Khẩn Na La Vương, Trì Pháp Khẩn La La Vương cùng với trăm ngàn quyến thuộc của mình đều đi đến, vào trong cái Thất này, khiến cho câu Chú của Ta thành tựu như ý.

_ Có bốn vị Càn Thát Bà Vương: Nhạc Càn Thát Bà Vương, Nhạc Âm Càn Thát Bà Vương, Mỹ Càn Thát Bà Vương, Mỹ Âm Càn Thát Bà Vương cùng với trăm ngàn quyến thuộc của mình đều đi đến, vào trong cái Thất này, khiến cho câu Chú của Ta thành tựu như ý.

_ Có bốn vị A-Tu-La Vương: Bà Trĩ A-Tu-La Vương, Khư-La Khiên-Đà A-Tu-La Vương, Tỳ Ma Chất Đa La A-Tu-La Vương, La-Hầu-La A-Tu-La Vương cùng với trăm ngàn quyến thuộc của mình đều đi đến, vào trong cái Thất này, khiến cho câu Chú của Ta thành tựu như ý.

_ Có bốn vị Ca Lâu La Vương: Đại Oai Đức Ca Lâu La Vương, Đại Mãn Ca Lâu La Vương, Đại Thân Ca Lâu La Vương, Như Ý Ca Lâu La Vương cùng với trăm ngàn quyến thuộc của mình đều đi đến, vào trong cái Thất này, khiến cho câu Chú của Ta thành tựu như ý.

Phương Nam Định Quang Phật, phương Bắc Thất Bảo Đường, phương Tây Vô-Lượng-Thọ, phương Đông Dược Sư Lưu Ly Quang, bên trên có tám vị Bồ Tát, bên dưới có bốn vị Thiên Vương. Phương Nam Đại Tự Tại Thiên với các Quyến Thuộc. Hàng Dạ Xoa Đại Tướng, Quỷ Thần Vương… hãy nghe ! Nay Ta muốn nói chương cú của Chú này. Hãy khiến cho câu Chú của Ta thành tựu như ý.

Bảo tất cả Quỷ Thần phương trên, phương dưới, Đông, Tây, Nam Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới thảy đều đi đến tập hội, tuỳ theo Ta sai khiến

_ Nam mô Đại Kim Sắc Khổng Tước Vương Thần Chú. Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật Thần Chú. Quán Thế Âm Bồ Tát Đà-La-Ni Thần Chú。

Bên trên đến chư Thiên của cõi Vô Sắc giới, Thủ Đà Hội Thiên, Biến Tịnh Thiên, Quang Âm Thiên, Hoá Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, Bất Kiêu Lạc Thiên, Đâu-Suất-Đà Thiên, Diệm Ma Thiên, Đao Lợi Thiên, Thích-Đề-Hoàn-Nhân Thiên, Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương, Tỳ-Lâu Lặc Xoa Thiên Vương, Tỳ Lâu Bác Xoa Thiên Vương, Tỳ Sa Môn Thiên Vương với khắp sáu Vương, mặt trời, mặt trăng, năm vì sao, hai mươi tám Tú, Quỷ Tử Mẫu, Ngũ La Quan Thuộc, Tán Chi Quỷ Thần Đại Tướng Quân, Ma Hê Thủ La, hai mươi tám Bộ, các Đại Long Vương … ủng hộ cho thân của tôi (tên họ là….).

Đại Phạm Thiên Vương, Tam Thập Tam Thiên, Hộ Thế Tứ Thiên Vương, Ta Bà Thế Giới Chủ Phạm Thiên Vương, Thi-Khí Đại Phạm, Quang Minh Đại Phạm….Kim Cang Mật Tích, Ma Hê Thủ La, Đại Kim Sắc Khổng Tước Vương, Cưu Bàn Trà Vương, Đại Biện Thần Vương, Na-La-Diên Vương, Vua A-Xà-Thế con của Vi Đề Hy, Sơn Thần Vương, Thọ Thần Vương, Hà Thần Vương, Hải Thần Vương, Địa Thần Vương, Thủy Thần Vương, Hỏa Thần Vương, Phong Thần Vương, Dạ Xoa Đại Tướng, La-Sát Vương, Mãn Thiện, Bảo Thiện, Xa Già La Bát La Đàm Ma La, Bát La Đàn Tra La, tám vị Đại Thần Vương của hàng A Già Lễ, bảy vị Đại Thần Vương của hàng Tra Xí, các vị Đại Thần Vương của hàng Khư Khư Lô Đà , sáu vị Đại Thần Vương của hàng Đồ La, mười vị Đại Thần Vương của hàng Thức Xoa Ca La, Tiên Nhân, Quỷ, Đại Huyễn Trì Chú Vương ….. đều nên ủng hộ cho thân của tôi (họ tên là…)

Liền nói Chú là: (***Phần trên, ba tờ giấy bảy hàng Kinh Âm chỉ là Kinh nguỵ tạo***)

_ Nam mô Phật
Nam mô Pháp
Nam mô Tăng
Nam mô quá khứ thất Phật Đẳng Chánh Giác
Nam mô Bích Chi Phật
Nam mô chư Phật
Nam mô chư A-La-Hán
Nam mô Di Lặc đẳng nhất thiết Bồ Tát
Nam mô chư A-Na-Hàm
Nam mô Tư Đà Hàm
Nam mô Tu Đà Hoàn
Nam mô Thế Gian Chánh Pháp Giả, Chánh Hướng Giả。

Con lễ các Thánh Chúng xong, muốn hành **Đại Kim Sắc Khổng Tước Vương Chú Kinh.** Nguyện như ý thành tựu tốt lành.

Báo các hàng Quỷ Thần lắng nghe.

Loài ở hư không, trên bờ, dưới nước. Trời, Rồng, A Tu La, Ca Lâu La, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Dạ Xoa, La Sát, Ngạ Quỷ, Tỳ Xá Già, Phù Đà, Cưu Bàn Trà, Phú Đan Na, Càn Đà, Ôn Ma Đà, Xa Gia, A Bát Ma La, Uất Đa Già La…. hãy lắng nghe Ta nói

_ Quỷ Thần ăn các thứ, Hấp Khí Quỷ, Thực Thạch Mật Quỷ, Thực Huyết Quỷ, Thực Vị Quỷ, Thực Nhục Quỷ, Thực Chi Quỷ, Thực Mạng Quỷ, Thực Lực Quỷ, Thực Man Quỷ, Thực Hoa Quỷ, Thực Quả Quỷ, Thực Cốc Quỷ, Thực Khí Quỷ, Thực Ác Tâm Quỷ, Thực Âm Mưu Tâm Quỷ, Hại Tâm Quỷ, Hảo Đoạt Tha Mạng Quỷ. Các hàng Quỷ Thần…. hãy nghe Ta nói Kinh **Đại Khổng Tước Vương Chú**. Nay ban cho hương, hoa, đồ ăn uống… Các ngươi hãy nhận lấy.

Hoặc loài có tâm ác, tâm âm mưu, tâm hại đi đến ăn hơi thơm (hương khí). Hoặc loài có tâm Từ, tâm hiền lành, tâm tin Phật tin Pháp tin Tỳ Kheo Tăng … hãy lắng nghe Ta nói

_ Mười bốn nữ La Sát: Một là **Hắc Ám**, hai là **Tác Hắc Ám**, ba là **Cưu Bàn Trà**, bốn là **Bạch Cư**, năm là **Hoa Nhãn**, sáu là **Thủ Tử**, bảy là **Thủ Phát**, tám là **Tác Hoàng**, chín là **Thuỳ Hạ**, mười là **Cực Thuỳ Hạ**, mười một là **Tý Tiện**, mười hai là **Xà La Sứ**, mười ba là **Xà La Sát**, mười bốn là **Đạm Quỷ**. Các ngươi nhận hương, hoa, đồ ăn uống của Ta thời hãy ủng hộ cho Ta (họ tên…) với các quyến thuộc, khiến cho câu Chú của Ta như ý thành tựu tốt lành

Bấy giờ Đức Phật bảo A Nan: "Ông trì **Như Lai Đại Khổng Tước Vương Chú** ủng hộ cho tôi (họ tên…) Tỳ kheo **Cát Tường** cùng với Kết Giới Chú khiến cho chất độc chẳng thể gây hại, dao gậy chẳng thể chạm đến, mọi ác thảy đều từ hết.

Hoặc Trời làm, hoặc Rồng làm, hoặc Ma Lâu Đa La làm, hoặc Gia Lâu La làm, hoặc Càn Thát Bà làm, hoặc Khẩn Na La làm, hoặc Ma Hầu La Già làm, hoặc Dạ Xoa La Sát làm, hoặc Ngạ Quỷ làm, hoặc Tỳ Xá Già làm, hoặc Phù Đà làm, hoặc Cưu Bàn Trà làm, hoặc Phú Đan Na làm, hoặc Hắc Phú Đan Na làm, hoặc Càn Đà làm, hoặc Ôn Ma La làm, hoặc Xà Gia làm, hoặc A Bát Ma La làm, hoặc Uất Đa La Già làm, hoặc Cát Già làm, hoặc Yết Ma Na làm, hoặc Khư Khu Đà làm, hoặc Xí Lan Na làm, hoặc Tỳ Đa Tra làm, hoặc Chi Ma làm, hoặc Tỳ Sa Ca làm…

Hoặc ăn Phi Pháp, ngồi Phi Pháp, ảnh Phi Pháp, nhìn Phi Pháp, cử động Phi Pháp, vượt Phi Pháp, tiếp chạm Phi Pháp

Hoặc có bệnh nóng sốt: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, nửa tháng, một tháng… phát bệnh một lần.

Hoặc có Quỷ Thần gây bệnh nóng sốt, bệnh phong, bệnh lửa, bệnh nước, gây hoắc loạn phiền nhiệt.

Hoặc đau nhức nửa thân bên ngoài, khí ngược ngực ho đau nhức, đau cổ họng, đau đầu tai, đau răng, đau tim, đau hông sườn, đau lưng, đau bụng, đau eo lưng, đau trán, đau vùng kín, đau dạ dày, đau gan, đau bàn tay, đau bàn chân, tất cả chi tiết đều đau nhức.

Nay thảy đều trừ khỏi, ủng hộ cho thân của tôi (họ tên là….)

Liền nói Chú là:

Ngày an đêm an

Khoảng giữa thường an

Ngày Đêm an ổn

Chư Phật gia hộ.

Y trí, tỳ trí, a trí, gia trí, đậu gia trí

A lê, ha-lê, bà cầu trí, bà tu tỳ, xá chi nị, a lâu ha nị, ô lâu ha nị
Y trí di lệ, đế lệ, di tri lệ, di lệ, di tri lệ, đầu di lệ
Y trí di trí, tỳ lạp địa, tỳ ma lê
Hưu lâu, hưu lâu
A xá mục lăng ca trí, ma-ha ca trí, bà chỉ na chỉ chỉ, cú lâu hấp phá lậu
Độ sa đàm bà, ma đàm bà, y vệ la gia, tỳ-la gia
Hề du hề lệ, di lệ, di để lệ
Châu lậu, châu lậu, châu lậu
Độ tinh, sái hống, sái hống, sái lậu
Hống hống hống hống hống hống hống hống hống hống hống hống
Bà bà bà bà bà bà bà bà bà bà bà bà
Xà la, xà la, xà la, xà la, xà la, xà la, xà la, xà la, xà la, xà la, xà la, xà la
Ma đà, ma đà, ma đà, ma đà, ma đà, ma đà, ma đà, ma đà, ma đà, ma đà, ma đà, ma đà
Di đa bá ba đa di, phệ La di, phệ la di, độn đầu tỳ yết xà nỉ, bà nỉ
Sa di, hy tra nỉ, đa bà nỉ, bà già nỉ, trí bà nỉ
Ma đàm chúc, trì trí ca, ma ca nỉ, xá ca nỉ, ca ca nỉ
Tăng ca lê, phệ la nỉ, đầu mạt nỉ, bà cứu nỉ
Cầu la gia, tỳ-la gia, tỳ-la gia, toa ha

_Bốn vị Thiên Vương với các Đại Quỷ Thần Vương cũng dùng **Khổng Tước Vương Chú** ủng hộ cho thân của tôi (họ tên….)
Liền nói Chú là:
A ca đế, tỳ ca đế, xà la nị, xà la nị
Đà-la-ni, Đà-la-ni, Đà-la-ni, Đà-la-ni, Đà-la-ni, Đà-la-ni, Đà-la-ni, Đà-la-ni, Đà-la-ni, Đà-la-ni
Hống xí, hống xí, hống xí
A hàng, a hàng, a hàng
A trà, a trà, a trà, a trà, a trà, a trà, a trà, a trà, a trà, a trà
Trừ oan gia của tôi (họ tên…)
A chư, a chư, a chư, a chư, a chư, a chư, a chư
Đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha, đà ha
Đà đà đà đà đà đà đà đà đà đà
Nếu có người hướng niệm ác đến tôi (họ tên…) thảy đều trừng trị hết
Bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá, bát chá
Nếu có người hướng đến tôi (họ tên…) muốn chặt đứt, thời thảy đều trừng trị hết
Đậu đậu đậu đậu đậu đậu đậu đậu đậu đậu đậu đậu đậu đậu đậu
Diệt oan gia của tôi (họ tên là….)
Ha ha ha ha ha ha ha ha ha ha ha ha
Xà đế, xà đế, xà đế, xà đế, xà đế, xà đế, xà đế, xà đế, xà đế, xà đế, xà đế
Châu lậu, châu lậu, châu lậu, châu lậu, châu lậu, châu lậu, châu lậu, châu lậu, châu lậu, châu lậu, châu lậu
Hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi, hề lợi
Di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi, di lợi

Hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu, hầu lậu
Chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí, chi trí
Hề xí, hề xí, hề xí, hề xí, hề xí, hề xí, hề xí, hề xí, hề xí
Di xí, di xí, di xí, di xí, di xí, di xí
Ma xí, ma xí, ma xí, ma xí

Được Phổ Hiền Cát Tường, Phổ Hiền Thành Nhất Thiết Sự, Vô Cấu Tịnh Diệu Nguyệt Hiền, Nhật Ái, Đàm Bị Xã Đàm Bị, Tỳ Dăng Ca Lệ... ủng hộ cho con (họ tên...) được sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm mùa Thu.

Liền nói Chú là:

Đại Kim Sắc Khổng Tước Vương Chú Kinh

_ Bấy giờ Tứ Thiên Vương bạch Phật rằng:"Thế Tôn ! Miệng con sẽ nói Đà La Ni này, dùng trị tật bệnh, các ác của tất cả chúng sinh" Rồi nói Chú là:

Tam mê, tam ma, tam mê, a bạt địa, tỳ thủ đề bạt địa, ni tát lệ

_ Phật nói Kinh **Khoáng Dã Quỷ Thần A Tra Bà Câu Chú** trừ khổ hoạn, các bệnh tật của chúng sinh.

Bấy giờ Quỷ Thần liền nói Chú là:

Đầu lưu di, đầu lưu di, đà mê, đa đà mê, đầu lưu mê, đầu lưu mê lịnh
Ni lợi, ni lợi, na la, na la, ni lợi, ni lợi, ni lợi, ni lợi, na la vãn, phú ni lợi
Đậu trà nính, đậu trà nính, ma-ha đậu trà nính, đậu trà nính
Cứu tra nính, ma-ha cứu tra nính, đa tra nính, ma-ha đa trá nính, đa tra nính
Ninh ninh ninh ninh ninh ninh ninh ninh ninh ninh
Ma-ha tra tra
A tỳ lợi, A-tỳ lợi, ma-ha A-tỳ lợi, A-tỳ lợi, A tỳ lợi, ma-ha A-tỳ lợi
A bà, A bà, A-tỳ, A tỳ, A bà, A bà, A-tỳ, A-tỳ
Đà tỉ, đà tỉ, đà tỉ, đà tỉ, đà tỉ, đà tỉ, đà tỉ, đà tỉ, đà tỉ
Ni lợi, ni lợi, ma-ha lợi ni, lợi ni, lợi ni, lợi ni, lợi ni, lợi ni, lợi ni, lợi ni, lợi ni, lợi ni
Thủ lâu, thủ lâu, thủ lâu, thủ lâu, thủ lâu, thủ lâu, thủ lâu, thủ lâu, thủ lâu, thủ lâu, ma-ha thủ lưu
Cừu lâu, cừu lâu, ma-ha cừu lâu, cừu lâu, cừu lâu, cừu lâu, cừu lâu, cừu lâu, cừu lâu, cừu lâu, cừu lâu, mậu lưu
Cừu mưu ưu cừu mưu, lâu cừu mưu
Cừu ma, cừu ma, cừu ma, cừu ma
Hy lợi, hy lợi, hy lợi, hy lợi, hy lợi, hy lợi, hy lợi, hy lợi, hy lợi, hy lợi
Y trì, y trì, y trì, y trì, y trì, y trì, y trì, y trì, y trì, y trì, y trì, y trì
Bỉ trì, bỉ trì, bỉ trì, bỉ trì, bỉ trì, bỉ trì, bỉ trì, bỉ trì, bỉ trì, bỉ trì, bỉ trì, bỉ trì
Ha la, ha la, ha la, ha la, ha la, ha la, ha la, ha la, ha la, ha la
Hy ni, hy ni, hy ni, hy ni, hy ni, hy ni, hy ni, hy ni, hy ni, hy ni
Hưu ni, hưu ni, hưu ni, hưu ni, hưu ni, hưu ni, hưu ni, hưu ni, hưu ni, hưu ni
Ha na, ha na, ha na, ha na, ha na, ha na, ha na, ha na, ha na, ha na
Mâu ni, mâu ni, mâu ni, mâu ni, mâu ni, mâu ni, mâu ni, mâu ni, mâu ni, mâu ni, ma-ha mâu ni, mâu ni
Bà la bà lan ni sư tri lộ ca già lợi Thần

Thời na, thời na, thời na, thời na, thời na, thời na, thời na, thời na, thời na, thời na, lại sa bà

Thời na, thời na, thời na, thời na, thời na, thời na, thời na, thời na, thời na, thời na, lại sa bà

Thời mộ tu kiệt, đa mâu ni, na mộ xà tu kiệt đa mưu ni, ca la ma xà kiệt đề, đa xà xá ma đà ma

Xá ma tha ma mục đa mê đề na bỉ thời đa di la lưu sư đa di, mưu ni, na bỉ xà na di tu kiệt đô đa ma mâu ni na bỉ xà na di

Thế Tôn ! Câu Đà La Ni này vì bốn Bộ Chúng khiến được an ổn, lìa các não hoạn, chúng Ma, Quỷ ác, trộm cướp, nước, lửa, Toàn Lam Ác Phong, La Sát, Quỷ ác, bệnh nóng sốt, bệnh rét lạnh, bệnh Phong, các phần, các bệnh, gia nghiệp suy hao, các hướng chẳng lợi, thú ác hung bạo…. mau tụng Chú này liền được giải thoát tất cả

_ Nay lại nói Đà La Ni Chú:

Sa ly, sa ly, tỳ lâm bà, sa ha mau đi, mau đi, mau chóng quay về chốn xưa cũ của ngươi

Đạo Tràng **Khổng Tước Vương Chú**. Lấy phân bò xoa tô mặt đất, rải hoa bảy màu, treo 49 cành phan, bốn cây đao, bốn cái gương, một trăm mũi tên, một cây cung, bảy chén đựng nước, dây bằng lông dê đen dài 60 tầm, 25 miếng bánh mỏng, thắp 7 chén đèn dầu, một vật khí đựng Lạc, một chén bánh khô, một vật khí đựng cơm, một vật khí chứa bánh mỏng, an một vật khí đựng Thạch Lựu, một vật khí đựng hoa.

KINH KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ (Hết)

15/01/2009

MỤC LỤC

